

CỎ THƠM

TAM CÁ NGUYỆT SAN



VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
SỐ 54 - MÙA XUÂN 2011



CỎ THƠM

BAN BIÊN TẬP

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG

ĐỒNG CHỦ BÚT

TRẦN BÍCH SAN

NGÔ TĂNG GIAO

PHẠM VĂN TUẤN

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRÀNG MỸ HẠNH

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÁ

THỦY SENSER

www.cothommagazine.com

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194, USA

TEL. (571) 926-8962

FAX: (571) 926-8962

Email: dsenser@yahoo.com

THÁNG 3, NĂM 2011

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.
HẢI BÀNG H.D.B. ĐỖ BÌNH.
NGUYỄN NGỌC BÍCH. ĐÌNH CƯỜNG.
HOÀNG DUNG. PHAN ANH DŨNG.
VŨ HỐI. VŨ THÁI HÒA. VI KHUÊ.
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG. HUY LÂM.
PHAN KHÂM. NGUYỄN LÂN. VŨ NAM.
PHẠM TRỌNG LỆ. NGUYỄN PHÚ LONG.
CAO MỸ NHÂN. PHẠM THỊ NHUNG.
ĐẶNG NGUYỄN. TRẦN BÍCH SAN.
NGUYỄN SƠN. ĐỖ PHÚ. DIỆU TẦN.
TIỂU THU. MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.
PHONG THU. NGUYỄN VĂN THÀNH.
HỒNG THỦY. LÊ THƯƠNG. KIM VŨ.
TRƯƠNG ANH THỤY. BÙI THANH TIÊN.
THANH TRANG. PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA

HẢI BÀNG HDB: Chandler, AZ

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦY: Charlotte, NC.

VŨ LANG: Anaheim, CA.

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



MỤC LỤC

VĂN	Trang
Nguyễn T.N. Dung: Lá Thư Mùa Anh Đào	5
Trần Bích San: Nguồn gốc Văn Học Việt Nam	1
Nguyễn Phú Long: Buổi Sinh Hoạt Chuyện Cổ Tích	15
Đỗ Bình: Hương Ngát Tình Thơ	21
Nguyễn Thuỳ: Đôi Mẩu Chuyện Về Bùi Giáng	27
Hồ Trường An: Phỏng Vấn Nhà Thơ Việt Bằng	32
Văn Ba: Mèo Hay Thỏ	43
Nguyễn Văn Nhiệm: Con Đường Văn Hoá VN	46
Cung Thị Lan: Mùi Cơm Sỏi Cạn Nước	54
Lê Văn Khoa: Có Những Màu Đỏ	61
Song Nhị: Làm Thơ Trong Tủ	69
Nguyễn Ngọc Bích:	73
Độc “Nửa Thế Kỷ Việt Nam” của Song Nhị.	
Tôn Nữ Mặc Giao: Sáu Bà “Giặc Cái”	78
Trần Hoài Thư: Những Bài Thơ Một Thời Của Phạm Cao Hoàng.	94
Phạm Văn Tuấn: Pearl S. Buck	98
Nguyễn Quý Đại: Mùa Xuân Nói Chuyện Trà	104
Đình Cường: Mèo Trong Tranh Foujita	114
Thanh Trang: Đôi Giọng về bài “Khúc Hát Ly Hương”	122
Phan Anh Dũng: Phạm Dương Hiến và Buổi Hoà Nhạc Thánh Phòng...	124
Phạm Thị Nhung: Rong Chơi Trên Núi Tuyết	128
Trương Anh Thụy: Cộng Đồng VN ở Mỹ Trước 75	136
Nguyễn Lân: Tạp Truyện	145
Minh Châu: Một Ngày Phép	152
Nguyễn Mây Thu: Tiếng Gọi	157
Phong Thu: Ai Về Quê Cũ Cho Tôi Nhấn	163
Tiểu Thu: Cổ Nhân	168
Võ Thị Trúc Giang: Không Có Thì Giờ ...	176
Phạm Thảo Nguyên: Đọc Thơ Nguyễn Trãi	179
Đỗ Phú: Lời Cuối Gửi Gió Mây	181
Phạm Trọng Lệ: Vì Em sống Mãi ...	186

Mỹ Phước Nguyễn Thanh: Hà Nội Buổi Đầu Thời Pháp Thuộc	190
Trần Văn Lượng: Đọc Thơ Uyên Phương Minh Nguyệt	196
THƠ	
Xuân Bích: Xuân Về	26
Tâm Minh Ngô Tăng Giao: Xuân Tha Hương	26
Nguyễn Thị Ngọc Dung: Xuân Xa Đời	26
Đoàn Đình Nam: Chiều Xuân	42
Hồ Công Tâm: Tháng Tư Đen	42
Vương Hồng Ngọc: Xuân Cõi Lặng	42
Đoàn Ngọc Kiều Nga: Một Góc Xuân	42
Phượng Du Nguyễn Bá Hậu: Gửi Bạn Cao Niên	45
Vũ Lang: Vô Thường	53
Cao Nguyên: Khi Nhà Thơ Cầm Buá	63
Đào Đức Chương: Trang Sử Giữ Nước...	64
Lam Điền Nguyễn Thử: Trái Xuân	84
Thiên Đức: Tình Và Thơ	84
Bạch Cúc NTN & Hải Bằng HDB: Lá Thăm Đề Thơ Bưu Trạm Ngày Xưa	85
Việt Bằng: Đêm Xuân Trần Thế	123
Uyên Phương Minh Nguyệt: Nếu Em Là	131
Bùi Thanh Tiên: Dòng Sông Định Mệnh	144
Đặng Nguyên: Xuân Này Xuân Nữa	147
Hoàng Dung: Madelein	156
Hồng Thủ: Hoa Vàng Năm Ấy	156
Thanh-Thanh: Lệ Châu	162
Vũ Đức Nghiêm: 51 Tự Trào	167
Lê Mai Linh: Bài Thơ Thứ Mười	189
Hoàng Song Liêm: Nhớ Bắc	195
GIAO ĐIỂM	
Kim Vũ: Hơi Rượu Mùa Xuân A Taste of Martell in Spring	68
Dư Thị Diễm Buồn: Tôi Đã Khóc	77
Thanh thanh: I Have Cried	
Đỗ Phú: Xuân Dạ Hỉ Vũ	97
Tâm Minh Ngô Tăng Giao: Đêm Xuân Mừng Mưa	97
Jacques Prévert: Ce N'est Pas Moi qui Chante	112

Tâm Minh Ngô Tằng Giao:: Không Phải Anh Hát	112	Bán Sách Chợ Tết Tân Mão	202
		Phan Anh Dũng thăm viếng San Jose	203
NHẠC			
Thanh Trang: Rừng Thu Thay Lá	93	GIỚI THIỆU	
Phan Khâm & Vinh Điện: Hoa Và Xuân	113	Hà Nguyễn & Associates	02
Thanh Trang: Khúc Hạ Ly Hương	120	CD Như Là Kỷ Niệm: Nguyễn Phú Long	17
Huy Lâm: Cùng Em	150	Hoàng Song Liêm: CD Bông Hoa Vườn Dị Thảo	17
		Sovereign Realty, Inc.	33
NHIẾP ẢNH		Phòng Mạch Bác sĩ Nguyễn Quốc Quân	60
Sonny Senser: Mùa Xuân Hoa Đô	Bìa trước	Đặc San Ái Hữu Ngoại Giao	92
Nguyễn Sơn: Hoa Xuân Bên Thềm Cũ	Bìa sau	Duyên Thơ Xương Hoa: Hồ Công Tâm	96
Phan Anh Dũng: Đạo Chơi Mùa Xuân	“	Việt Sử Đại Cương: Tô Vũ Phạm Ngọc Huyền	103
Minh Châu: Nắng xuân	“	Tạp Chí Nguồn	123
Song Hà: Hoa Đào Năm Ngoái	“	Phòng Mạch Bác Sĩ võ Đạm:	155
		Phòng Mạch Bác Sĩ Nguyễn Thị Kim Dung	184
HÌNH ẢNH SINH HOẠT		Nhà Hàng Harvest Moon	204
Hình ảnh trong buổi ra mắt sách Nửa Thế Kỷ	76	Danh Sách Mạnh Thường Quân	205
Việt Nam của Nhà văn Song Nhị.		Phiếu Mua Báo	206
Hình Ảnh Buổi Hoà Nhạc Thánh Phông	125	Văn Phòng Luật Sư Ivan M. Waldman	207
Thanksgiving			

LÁ THƯ MÙA ANH ĐÀO

Thưa quý vị,
 Vừa thoát nhìn bìa báo Cổ Thơm số 54 này, quý vị sẽ biết ngay đây là số báo mùa Xuân Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn. Người chụp bức ảnh này không ai xa lạ hơn là Sonny Senser, thứ nam của Nguyễn Thị Ngọc Dung. Thế theo lời yêu cầu của bà mẹ, một sáng mùa Xuân năm ngoái, Sonny đã dậy từ 5 giờ sáng để lái xe đến bên bờ Sông Potomac và thâu được một cảnh vừa có Washington Monument vừa có Thomas Jefferson Memorial xuyên qua những vòm hoa anh đào hồng tươi rực rỡ khi bình minh vừa ló dạng. Những nhiếp ảnh gia muốn chụp được những tấm ảnh nghệ thuật ứng ý đều phải vất vả đón bắt thiên thời địa lợi như vậy.

Tạp Chí Cổ Thơm, ngoài những cây bút văn, thơ, họa, nhạc, còn có những tay chụp ảnh nghề nghiệp hay tài tử như Nguyễn Sơn, Phan Anh Dũng, Minh Châu và Song Hà với những bức ảnh không kém phần nghệ thuật trên bìa sau. Mấy năm gần đây nhờ sự ủng hộ của các vị mạnh thường quân, Cổ Thơm có đủ tài chánh in bìa sau bốn màu mà không lấy quảng cáo.

Số Mùa Xuân Cỏ Thơm bắt đầu từ mùa hoa anh đào Hoa Thịnh Đốn 22 tháng 3 đến 21 tháng 6, qua một tháng tư đen nên quý vị lại tìm thấy những nỗi đau của người Việt lưu vong tị nạn Cộng Sản trong các vần thơ chưa quên niềm uất hận. Quý vị cũng tìm thấy những câu văn đầy tình người, xoa dịu những vết thương lòng ấy, những bài biên khảo giá trị thoả mãn sự tìm hiểu của quý vị. Xin cảm ơn quý tác giả đã đóng góp những áng văn thơ giá trị vinh thăng Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm.

Như thường lệ, Cỏ Thơm được gửi gắm rất nhiều bài vở, nhưng trang báo có hạn, chúng tôi không thể đăng hết, phải để lại cho số báo sau. Thành thật xin lỗi quý tác giả. Chúng tôi cũng rất tiếc đã không đăng được những bài viết không hợp với chủ trương của Cỏ Thơm hay những bài viết đã gửi đăng trên các báo khác trong vùng. Mong quý tác giả thông cảm cho.

Số báo Cỏ Thơm 54 sẽ phát hành vào thời điểm chúng tôi tổ chức **Sweet Sixteen Birthday** cho Cỏ Thơm vào ngày 27 tháng 3. Nhân dịp này, Nhà thơ Uyên Phương Minh Nguyệt sẽ từ Texas cùng phu quân Minh Khoa lên tham dự và trình làng tập thơ *Xin Giữ Giùm Anh*. Xin quý vị đọc bài giới thiệu của Giáo sư Trần Văn Lương ở trang 194. Đồng Chủ bút, Biên Khảo Gia Trần Bích San cũng sẽ về chung vui và là diễn giả chính trong buổi **Sinh Nhật Thứ 16 Của Cỏ Thơm**.

Chúng tôi sẽ có một chương trình văn nghệ hào hứng giới thiệu một các sáng tác thơ, nhạc của người Cỏ Thơm. Cặp nghệ sĩ Uyên Phương Minh Nguyệt và Minh Khoa sẽ trình diễn một màn hoạt cảnh thi nhạc giao duyên ngoạn mục.

Chỉ một tuần sau đó bên Kinh Đô Ánh Sáng, Câu Lạc Bộ Văn Hóa Paris sẽ tổ chức một **Chiều Sinh Hoạt Văn Học Nghệ Thuật vào Ngày Chủ Nhật 3 tháng 4 năm 2011**, từ 14h30 đến 18h00 30 tại Ave de la République 92120 Montrouge. Chủ đề: **HẠNH PHÚC & ĐAU KHỔ trong Âm Nhạc và Văn Chương VN và giới thiệu CD nhạc Tình Khúc Tha Hương** của các tác giả: Lê Mộng Nguyên, Phạm Đình Liên, Đỗ Bình. Xin hoan nghênh việc làm văn học của Câu Lạc Bộ Văn Hoá Paris và chúc văn thi nhạc sĩ thân hữu thành công mỹ mãn.

Chúng tôi cũng xin dùng lá thư này để cảm ơn Nhà văn Song Nhị (San Jose) Ông Bà Trương Hữu Lương (Paris), Nhà thơ Nguyễn Phú Long (Virginia), Biên Khảo Gia Tô Vũ Phạm Ngọc Huyền, Nhạc Sĩ Từ Công Phụng, Nhà thơ Hoàng Song Liêm, đã gửi tặng tập báo Nguồn Xuân Tân Mão, Đặc San Ái Hữu Ngoại Giao, CD Như Là Kỷ Niệm, CD Tuổi Xa Người, CD Trên Tháng Ngày Đã Qua, CD Bông Hoa Vườn Dị Thảo... Chúc Nhạc sĩ Từ Công Phụng chóng phục hồi sức khỏe và mong anh chị sẽ trở lại thăm Hoa Thịnh Đốn. Chúng tôi cũng rất mừng được tin sức khỏe của Nhà thơ Ánh Bích đã khả quan hơn. Nhà thơ “Bà Già Trầu” Hồ Trường An cũng thường xuyên điện thoại tâm tình với chúng tôi.

Để kết thúc lá thư mùa Hoa Anh Đào, xin chúc quý vị một mùa Xuân tươi đẹp, hạnh phúc. Cầu mong thế giới sớm hết nạn Cộng Sản, Việt Nam theo gót dân chúng Egypt, Tunisia, Libya vùng lên đòi lại tự do, dân chủ.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

NGUỒN GỐC VĂN HỌC VIỆT NAM

Trần Bích San

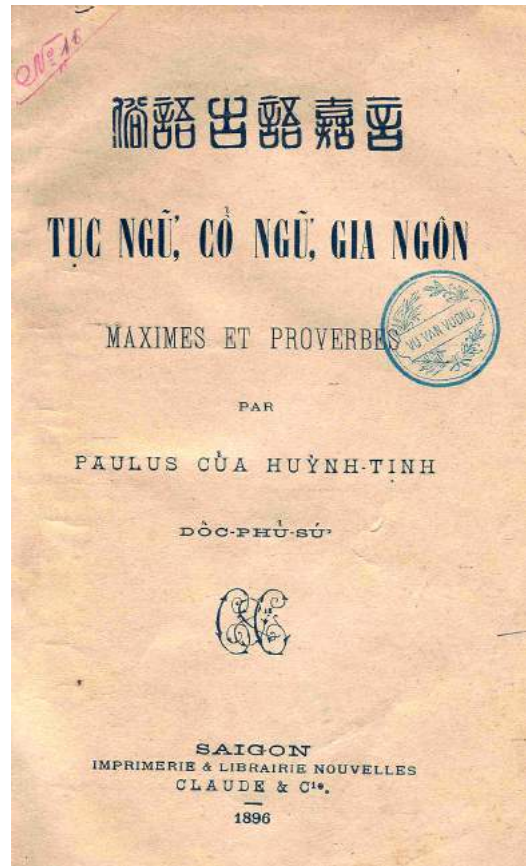
Ác giả, ác báo
Cồng rắn cắn gà nhà
Ở trong chẵn mới biết chẵn có rận
Áo rách khéo vá, hơn lành vụng may

Việt Nam có hơn 4000 năm văn hiến (01), nền văn học của chúng ta cũng có chiều dài tương xứng. Trước khi có dòng văn học chữ viết, người bình dân ta đã biết diễn tả tình tình và tư tưởng dưới dạng truyền khẩu. Văn chương bình dân tuy không có qui luật, phép tắc nhất định, nhưng rất hay và phong phú, biểu lộ tính tình, phong tục của ta một cách phóng khoáng, chất phác và chân thực. Văn chương chữ viết chỉ là một phần của văn học Việt Nam, văn chương truyền khẩu gồm tục ngữ, ca dao và truyện cổ tích mới chính là nguồn gốc của nền văn học nước ta.

Di sản văn hóa đẹp thì nhìn dưới nhãn quan nào cũng đẹp, đó là những vẻ đẹp khác nhau. Tuy nhiên, nghiên cứu và tìm hiểu nền văn học Việt mà thiếu cái nhìn nhất quán về nguồn gốc của nó thì sẽ dễ làm lẫn giữa phương tiện và cứu cánh, đưa đến hậu quả tai hại là chỉ nhìn từng mảng, từng phần mà không thấy được bức tranh tổng thể tinh thần của nền văn học Việt Nam.

TỤC NGỮ

Tục ngữ (tục: thông thường, thói quen lâu đời, ngữ: lời nói) là những câu nói ngắn, gọn, có nghĩa lý và được dân gian sử dụng từ lâu đời (02). Những câu ngắn này thường đưa ra nhận xét xác đáng hoặc lời khuyên răn chí lý, nhiều người nghe thấy hay và đúng nên ghi nhớ rồi truyền khẩu, lâu dần trở thành phổ cập, thông tục. Thí dụ:



Tục ngữ còn được gọi là ngôn ngữ hay phương ngôn. **Ngạn ngữ** (ngạn: lời) là lời nói

của người xưa truyền lại. **Phương ngôn** (phương: địa phương) là những câu tục ngữ chỉ quen dùng ở một vùng nào đó mà thôi. Những câu tục ngữ mang ý nghĩa về luân lý được gọi là châm ngôn hay cách ngôn. **Cách ngôn** (cách: phương thức) là câu nói đưa ra một phép tắc cho người đời noi theo. Thí dụ:
*Đường đi ở miệng
Trăm hay không bằng tay quen*

Châm ngôn (châm: răn bảo) là lời khuyên bảo hay ngăn ngừa. Thí dụ:
*Kính lão đắc thọ
Anh em như thể tay chân
Cái nết đánh chết cái đẹp
Biết thì thua thốt, không biết dựa cột mà nghe*

Đa số các câu tục ngữ là do người nào đó nghĩ ra rồi người khác nghe thấy hay và xác đáng nên được nhắc đi nhắc lại mà truyền khẩu tới ngày nay. Tuy nhiên cũng có một số câu lấy ra từ bài thơ, bài hát, hoặc trong truyện thơ mà người ta thấy lời hay, ý đúng nên truyền tụng, lâu dần thành tục ngữ, chẳng hạn như câu “*Thương người như thể thương thân*” (03), hay câu “*Có trời mà cũng có ta*” (04). Ngoài ra còn có những câu lấy từ cách ngôn, ngôn ngữ của Tàu như “*Múa rìu qua mắt thợ*” (05), “*Ở hiền gặp lành*” (06), “*Có công mài sắt, có ngày nên kim*” (07).

Tục ngữ gồm những câu có vần và không vần. Các câu không vần thường là hai vế đối nhau, thí dụ như:
*Đục nước, béo cò
Ăn một bát cháo, chạy ba quãng đồng
Miệng khôn, tròn đại
Tiền bạc đi trước, mực thước đi sau*

Không vần nhưng có hai vế cân bằng, cân xứng:
Nồi nát chẳng khỏi tay thợ hàn

*Mười voi không được bát nước sáo
Hong hóng như l... chực cười
Hững hờ như hàng tổng đánh kẻ cướp
Cước vận* (08) rất ít dùng trong các câu tục ngữ có vần, nhưng **yêu vận** (09) thì lại được sử dụng rất nhiều. Thí dụ:
*Ăn cây nào, rào cây ấy
Mắt tiền mua **mâm thì đâm** cho thùng
Tiền vào nhà **khó** như **gió** vào nhà **trông***

Giàu chủ kho, no nhà bép, chóng chết quản voi

Sở dĩ tục ngữ lưu truyền trong dân gian từ đời nọ đến đời kia là vì chỉ bằng vài câu ngắn gọn mà lại diễn tả được đầy đủ một ý nghĩa sâu sắc, xác đáng. Điều làm người ta dễ ghi nhớ là nhờ tục ngữ có âm điệu đặc sắc và thường có hai vế cân bằng hoặc đối nhau. Tục ngữ bao gồm đủ mọi khía cạnh của kiếp nhân sinh, có những câu thuộc về luân lý như:
*Giấy rách phải giữ lấy lề
Tốt danh hơn lành áo
Ăn quả nhớ kẻ trồng cây
Một câu nhin là chín câu lành*

Về tâm lý con người:
*Yêu nên tốt, ghét nên xấu
Của người bỏ tát, của mình lạt buộc
Bụng miệng vò miệng lọ, ai bụng được miệng thiên hạ
Đánh bạc quen tay, ngủ ngày quen mắt*

Về phong tục xã hội:
*Vô vọng bắt thành quan
Phép vua thua lệ làng
Sống về mỏ mỏ, không sống về cả bát com
Một miếng giữa làng, bằng một sàng xó bép*

Về thời tiết:
*Mây xanh thì nắng, mây trắng thì mưa
Tháng bảy heo may, chuồn chuồn bay thì bão
Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa*

*Móng bên đông, cầu vòng bên tây, chẳng
mưa dây cũng bão giạt*

Về thổ sản:

*Nước mắm Vạn Vân, cá rô Đầm Sét (10)
Dưa La, cà Láng, nem Báng, tương Bần (11)
Gà Tò, lợn Tó, vó Vạn Đôn, l...Cổ Loa, cu
Hành Thiện (12)*

Về nghề nông:

*Cấy thưa hơn bừa kỹ
Trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa
Tháng hai trồng cà, tháng ba trồng đỗ
Lúa giỗ ngã mạ, vàng rạ thì mạ xuống đồng*

Về các nghề nghiệp khác:

- Buôn bán: *đắt hàng tôi mới trôi hàng chị*
- Thợ xây: *thượng thu, hạ thêch (13)*
- Thợ mộc: *Già dọc thì sang, già ngang đổ
vào (14)*
- Nghề thủy: *thuận buồm xuôi gió*
- Xem tướng: *quân tử lông chân, tiểu nhân
lông bụng*

Những câu ví von:

*Tan như xác pháo
Nát như tương bần
Thẳng như ruột ngựa
Đẳng như bò hòn
Nói như tép nhảy
Dám dẫn như chó cắn ma
Nói như đóng đinh vào cột
Đen như mồm chó
Da trắng như trứng gà bóc*

Tục ngữ là một kho tài liệu ngôn ngữ người dân dùng để phát biểu ý tưởng một cách rõ ràng, đơn giản, cụ thể, giàu hình ảnh mà còn đậm đà tình ý. Chẳng hạn muốn tỏ lòng khát khao mong đợi thì chỉ cần nói một câu ngắn

gọn “*Mong như mong mẹ về chợ*” là đủ diễn tả tình ý của người đang chờ mong.

Tục ngữ còn là một kho tàng kinh nghiệm và hiểu biết về thiên nhiên và về cuộc đời được dân gian sử dụng trong cuộc sống, trong phép cư xử và trau dồi phẩm cách. Cha mẹ răn đe con cái, vợ chồng, anh em đối xử, khuyên bảo nhau thường dùng những câu tục ngữ. Tục ngữ có thể coi như túi khôn, một cảm nang cho người dân dùng để ứng xử trong đời sống hàng ngày vậy.

CA DAO

Ca dao (ca: hát, dao: hát xuống, không có nhạc đệm) là những câu hát tự nhiên diễn tả tình cảm và tư tưởng của người bình dân được lưu hành trong dân gian. Ca dao còn được gọi là **phong dao** (phong: gió) bài hát lan đi như gió. Phong còn có nghĩa là phong tục.

Ca dao khác tục ngữ. Tục ngữ là nhận xét của lý trí, ca dao là tiếng nói của tình cảm. Tục ngữ là những câu ngắn, gọn, ca dao có vần điệu, âm hưởng êm ái có thể hát lên được. Ca dao lời lẽ thanh nhã và dài hơn tục ngữ, đa số các bài ca dao gồm nhiều câu giống như một bài thơ, điển hình như bài *đêm buồn dưới đây*:

*Đêm qua ra đứng bờ ao
Trông cá cá lặn, trông sao sao mờ
Buồn trông con nhện giăng tơ
Nhện ơi nhện hỡi, nhện chờ mối ai
Buồn trông chênh chéch sao Mai
Sao ơi sao hỡi nhớ ai sao mờ?
Đêm đêm trông giải Ngân hà
Chuôi sao tinh đầu đã ba năm tròn
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn
Tào Khê nước chảy vẫn còn tro tro*

Nội dung những bài ca dao rất phong phú
diễn tả tâm tình của dân gian với xã hội và
thiên nhiên về nhiều phương diện (15). Ca
dao có những bài về luân lý:

Cha mẹ dạy con:

*Con ơi muốn nên thân người
Lắng tai nghe lấy những lời mẹ cha
Gái thì giữ việc trong nhà
Khi vào canh cửi, khi ra thêu thùa
Trai thì đọc sách ngâm thơ
Dùi mài kinh sử để chờ kịp khoa
Mai sau nói được nghiệp nhà
Trước là đẹp mặt, sau là ấm thân*

Vợ khuyên chồng:

*Anh ơi có chí canh nông
Chín phần ta cũng giữ trong tám phần
Can gi để ruộng mà ngăn
Làm ruộng lấy lúa, chăn tằm lấy tơ
Tằm có lứa, ruộng có mùa
Chăm làm trời cũng đền bù có khi*

Chồng khuyên vợ:

*Nhà anh chỉ có một gian
Nửa thì làm bếp, nửa toan làm buồng
Anh cấy em coi sóc trăm đường
Để anh buôn bán trầy thương thông hành
Còn chút mẹ già nuôi lấy cho anh
Để anh buôn bán thông hành đường xa
Liệu mà thờ kính mẹ già
Đừng tiếng nặng nhẹ người ta chê cười
Dù no dù đói cho tươi
Khoan ăn bớt ngủ liệu bài lo toan
Cho anh đành dạ bán buôn*

Về tâm lý, thể thái nhân tình:

*Cá trong lò đỏ lò con mắt
Cá ngoài lò ngúc ngoắc muốn vô*

*

*Cái vòng danh lợi cong cong
Kê hòng ra khỏi, kê mong bước vào
Sự đời nghĩ cũng nực cười*

Một con cá lội, mấy người buông câu

*

*Ở sao cho vừa lòng người
Ở rộng người cười, ở hẹp người chê
Cao chê ngồng, thấp chê lùn
Béo chê béo trọc, béo tròn
Gầy chê xương sống, xương sườn phơi ra*

Về tình yêu nam nữ, vợ chồng:

*Ai về đường ấy hôm mai
Gửi dăm điều nhớ, gửi vài điều thương
Gửi cho đến chiếu đến giường
Gửi cho đến chốn buồng hương em nằm*

*

*Anh đi đường ấy xa xa
Để em ôm bóng trăng tà năm canh
Nước non một gánh chung tình
Nhớ ai, ai có nhớ mình hay không?*

*

*Vú em chum chúm nũm cau
Cho anh bóp cái có đau anh đền
Vú em chỉ đáng một tiền
Cho anh bóp cái anh đền năm quan*

*

*Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay
Thoạt vào anh nắm cổ tay
Sao trước em trắng mà rày em đen
Hay là lấy phải chồng hèn
Cơm sống, canh mặn nó đen mắt người
- Ba đồng một mớ trâu cay
Sao anh không hỏi những ngày còn không
Bây giờ em đã có chồng
Như chim vào lồng như cá cắn câu
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra*

Những bài mang tính xã hội, tình cảnh gia
đình, hoàn cảnh cá nhân:
Chồng em nó chẳng ra gì

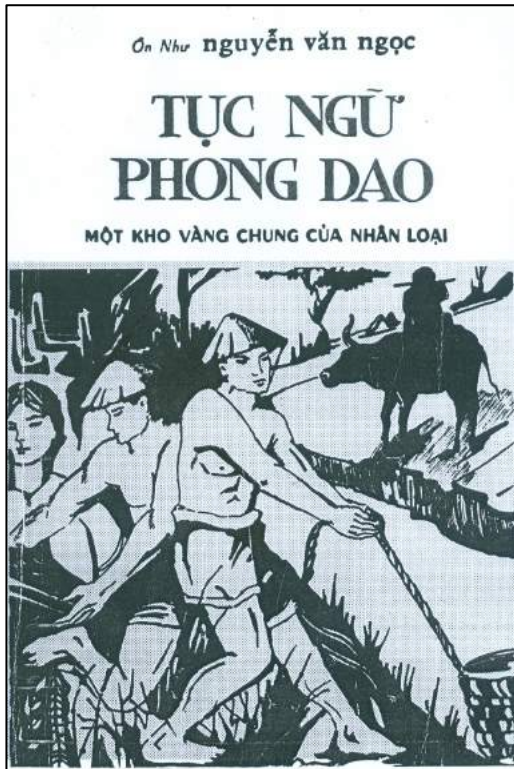
Tổ tôm xúc đĩa nó thì chơi hoang
Nói ra xấu thiếp hổ chàng
Nó giận nó phá tan hoang cửa nhà

*

Có oản anh tình phụ xôi
Có cam phụ quít có người phụ ta
Có quán tình phụ cây đa
Ba năm quán đổ cây đa hãy còn
Có mực anh tình phụ sơn
Có kẻ đẹp tròn anh phụ nhân duyên
Có bạc anh tình phụ tiền
Có nhân ngãi mới anh quên em rồi

*

Sáng trăng em tưởng tôi trời
Em ngồi em để cái sự đời em ra
Sự đời như cái lá đa
Đen như mõm chó, chém cha cái sự đời



Về thời tiết:
Thâm đông, hồng tây, dựng may
Ai ơi ở lại ba ngày hẵng đi (16)

*

Tháng giêng rét dài
Tháng hai rét lộc
Tháng ba rét nằng Bân
Nằng Bân may áo cho chồng
May ba tháng ròng mới được cửa tay

Về nghề nông:
Người ta đi cấy lấy công
Tôi đây đi cấy còn trông nhiều bề
Trông trời trông đất trông mây
Trông mưa trông gió trông ngày trông đêm
Trông cho chân cứng đá mềm
Trời trong biển lặng mới yên tấm lòng

Có tính chất hài hước:
Đàn ông quan tấ thì chày
Đàn bà quan tấ nửa ngày nên quan

*

Ra đường vồng giá ghênh ngang
Về nhà hỏi vợ cảm rang đầu mày
- Cảm rang tôi để cối xay
- Hễ chó ăn mất thì mày với ông

*

Bà già đi chợ Cầu Đông
Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng
Ông thầy xem quẻ nói rằng:
Lợi thì có lợi nhưng răng không còn

Ca dao cũng có, tuy không nhiều, những bài liên quan đến biển cổ lịch sử:
Nghĩ ra nông nổi thêm râu
Ở giữa Đông Khánh, hai đầu Hàm Nghi (17)

*

Nhớ em anh cũng muốn vô
Sợ chuông nhà Hồ, sợ phá Tam giang
Phá Tam giang ngày rày đã cạn
Truong nhà Hồ nội tán cảm nghiêm (18)

*Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về* (19)

Ca dao còn có một số khá nhiều các câu đố, trong đó một số câu tuy đố tục nhưng giảng thanh (20):

*Từ khi thiếp tới cửa chàng
Cớ sao chàng để nằm ngang chàng dùi
Buông ra chò thiếp kêu trời
Kéo rồi lại có kẻ cười người chê*
(Lời giải: cái điều)

*

*Xưa kia em trắng như ngà
Bơi chum ngủ lãm nên đà em thâm
Lúc bán chàng đánh chàng dâm
Đến khi rửa sạch chàng nằm lên trên*
(Lời giải: cái chiếu)

*

*Chấm chấm mút mút
Đút vào lỗ tròn
Hai cái lông l...
Cái dài cái ngắn*
(Lời giải: xô kim)

Riêng những bài về sấm ký thì tuy có nhưng không nhiều:

*Nguyễn đi rồi Nguyễn lại về
Giặc đến bỏ để thời giặc lại tan
Đầu cha lấy làm chân con
Mười bốn năm tròn hết số thì thôi* (21)

Một hình thức khác của ca dao là vè. Các bài vè thường châm biếm một nhân vật hay sự việc xảy ra làm xôn xao dư luận ở địa phương. Thí dụ:

*Làng ta mở hội vui mừng
Chuông kêu trống đánh vang lừng đôi bên
Long ngai thánh ngự ở trên
Tả vắn hữu vũ bốn bên rồng châu
Sinh ra nam tử công hầu
Sinh ra con gái vào châu thánh quân*

*Làng ta lắm chuyện nực cười
Có ông nhiều Thục mặt thời đồ gay
Được cô con gái gớm thay
Mười chín tuổi rày tính đã trắng hoa
Làng Thượng cho chí làng Nha...*

*

*Em là con gái đồng trinh
Em đi bán rượu qua đình ông nghề
Ông nghề cho lính ra ve
Trăm lạy ông nghề tôi đã có con
Cô con thì mặc có con
Thất lung cho tròn mà lấy chồng quan*

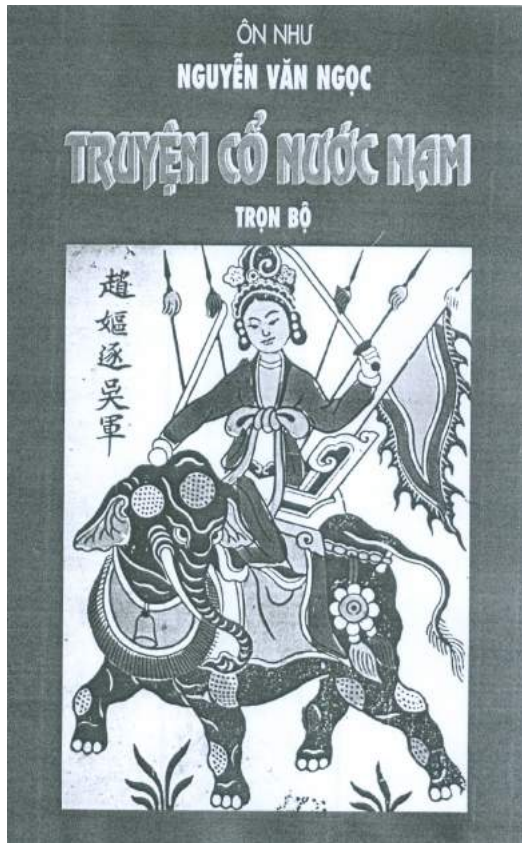
Đồng dao là những bài hát của trẻ con. Những bài này dùng để hát trong các trò chơi của chúng. Nội dung của các bài đồng dao không có ý nghĩa rõ ràng, chỉ là tập hợp những chữ có vần để trẻ con hát làm nhịp cho cử động hoặc để bắt đầu một trò chơi. Tuy nhiên linh hồn lời ca của đồng dao luôn luôn chứa đựng sự ngây thơ, vui vẻ hồn nhiên của trẻ thơ:

*Thả đĩa ba ba
Chớ bắt đàn bà
Phải tội đàn ông
Cơm trắng như bông
Gạo thuyền như nước
Đổ mắm đổ muối
Đổ chuối hạt tiêu
Đổ phải nhà nào
Nhà ấy phải chịu*

*

*Nhà nào nhà này, còn đèn còn lửa
Mở cửa cho anh em chúng tôi vào
Bước lên giường cao thấy đôi rồng áp
Bước xuống giường thấp thấy đôi rồng châu
Bước ra đằng sau thấy nhà ngói lợp
Voi ông còn buộc, ngựa ông còn cầm
Ông sống một trăm thêm năm tuổi lẻ
Vợ ông sinh đẻ những con tốt lành
Những con như tranh, những con như rối* (22)

Nước ta là một nước nông nghiệp định cư ở trung du và vùng đồng bằng sông Nhĩ Hà và sông Mã. Trong suốt thời gian tối cổ (gần 3000 năm từ 2789 tới 258 TTL) không có chiến tranh, dân chúng sống với những gia súc hiền lành như gà lợn trâu bò, giữa cây cối êm đềm như cây cau, cây dâu, lữ tre, hòa mình vào thiên nhiên hiền dịu có gió mát, trăng thanh, với ngọn lúa, cây đa, giếng làng. Đời sống đơn giản nên những câu ca dao thời cổ hẳn phải hết sức đơn sơ, mộc mạc. Những bài huê tình, nói xa xôi, bóng gió, bóng quơ, châm biếm chắc phải được sáng tác sau này khi đời sống con người được phát triển từ thời nước ta đã có chữ viết.



Việt Nam và Trung Hoa là hai nước duy nhất trên thế giới có ca dao. Ca dao của Tàu có tên là Kinh Thi do Khổng Tử (551-479? TTL) thu thập và san định lại những bài ca dao nơi thôn quê và những bài hát khi có yến tiệc, tế lễ nơi triều miếu. Kinh Thi gồm bốn phần là quốc phong, tiểu nhã, đại nhã, và tụng, nhưng chỉ riêng có phần quốc phong là gồm những bài ca dao, còn những phần khác là các bài hát trong triều đình (tiểu nhã), bài hát trong miếu đường (đại nhã), bài hát ngợi khen các vua đời trước (tụng). Kinh Thi của Tàu chỉ có một phần là ca dao mà lại là những câu ca dao cổ từ thời nhà Chu trở về trước, trong khi ca dao Việt Nam tồn tại và phát triển liên tục từ thời thượng cổ tới hiện đại. Kinh Thi của Tàu nghèo nàn vì hạn chế và bất biến còn ca dao Việt Nam có đời sống phong phú và sống động theo thời gian quả là một kho tàng văn học độc đáo có một không hai trên thế giới vậy.

TRUYỆN CỔ TÍCH

Truyện cổ tích (cổ: xưa, tích: việc cũ) là những câu chuyện đã xảy ra từ đời xưa do dân gian ghi nhớ và kể lại cho nhau nghe để mua vui, giải buồn (23). Truyện cổ tích phát sinh từ một nhu cầu đặc biệt của con người trong giai đoạn cổ sơ. Đó là nhu cầu sự huyền diệu (besoin du merveilleux). Truyện cổ tích là những câu chuyện được truyền khẩu nên chưa được coi là một tác phẩm văn học vì mới chỉ có phần nội dung mà chưa có phần hình thức. Một khi chuyện đó được biên chép lại thì lúc đó mới được coi là một tác phẩm văn học. Truyện cổ tích của ta tuy là sản phẩm của tưởng tượng nhưng phần lớn bắt nguồn từ một sự vật trong thiên nhiên, một tục lệ có thật hay một sự kiện lịch sử. Từ khi chữ Hán du nhập vào nước ta một số ít truyện cổ tích có thể bắt nguồn từ sách sử của Tàu

hoặc kinh Phật (24) Truyện cổ tích của ta có nhiều loại:

- Truyện Thần Tiên: loại truyện này gồm những truyện có tính cách thần tiên như truyện *Sơn Tinh Thủy Tinh* (tranh nhau người con gái vua Hùng Vương), *Chử Đồng Tử* (nghèo mà lấy được công chúa Tiên Dung, sau hai vợ chồng cùng lên trời), truyện *Thần Kim Quy* (rùa thần giúp Thục An Dương Vương xây thành Cổ Loa), truyện *Phù Đổng Thiên Vương* (ba tuổi cầm guom sắt, cưỡi ngựa sắt phá tan giặc Ân), truyện *Từ Thức Nhập Thiên Thai* (lên tiên kết duyên với nàng Giáng Hương, sau nhớ nhà về trần, không trở lại thiên thai được nữa).
- Truyện Luân Lý: nhằm mục đích đưa ra một bài học luân lý như truyện *Tám Cám* (ca ngợi người thật thà, chê trách kẻ độc ác, nham hiểm), truyện *Ăn Quả Trả Vàng* (ca ngợi người ăn ngay ở thẳng), truyện *Lưu Bình Dương Lễ* (bài học về tình bằng hữu), truyện *Nguyễn Áng Đánh Cọp* (trả thù cho cha, đề cao đạo hiếu).
- Truyện Phong Tục: liên quan đến phong tục và tín ngưỡng của ta như truyện về tục lệ *ăn trâu*, truyện về *bánh chưng bánh dày*, truyện về *Táo Quân*, *Vua Bếp*...
- Truyện Loài Vật: loại truyện này có nhân vật chính là con vật nhưng hành vi hoặc ngôn ngữ như loài người, có quyền lực siêu nhiên như truyện *Rắn Báo Oán* (Thị Lộ là rắn hiện thành người báo oán Nguyễn Trãi), truyện *Hồ Đền Ôn*, truyện *Con Chó Đá và Người Học Trò*, v.v.
- Truyện Ma Quỷ: là loại truyện ma quỷ có khả năng biến hóa siêu nhiên nhưng ác độc

thường trà trộn với người để tác ác, đó là các loại ma rừng, ma núi, ma xó, ma mường, ma rặng nhân, ma cầu ao, v.v.

- Truyện Tình Yêu: kể lại những mối tình, nhân duyên oan trái hay dị thường có kết cục bi thảm như truyện *Trương Chi Mỹ Nương* (Trương Chi chèo đò hát hay nhưng xấu, yêu Mỹ Nương con quan thừa tướng, nàng mê tiếng hát nhưng khi thấy mặt thì chê, Trương Chi thất vọng nhảy xuống sông tự vận, mối tình mang xuống tuyền đài chưa tan), truyện nàng *Tô Thị Đổng Đăng* (bồng con lên núi trông chồng, đợi mãi hóa đá), v.v.

Nghiên cứu truyện cổ tích của ta có thể tìm ra phản ảnh của phong tục xã hội thời cổ, hình ảnh người Việt Nam xưa, con người giàu tưởng tượng, chất phác, đôn hậu nhưng cũng giàu óc thực tế, hài hước, hóm hỉnh. Mặc dầu phải sống trong những điều kiện ngặt nghèo để sinh tồn, người Việt ta vẫn là những con người hiền lành, thủy chung, nhân hậu. Qua các truyện cổ ta thấy được hình ảnh dân tộc, xã hội nước ta trải qua những bước thăng trầm lịch sử nhưng vẫn giữ vững nề nếp trọng nông quý sĩ, bảo tồn được tín ngưỡng và các nguyên tắc đạo lý.

(Còn tiếp)



Trần Bích San
(New Orleans)

BUỔI SINH HOẠT KỂ CHUYỆN CỔ TÍCH

Nguyễn-Phú-Long.

1.- Mở Đầu.

Một giả thuyết kê-cứu của người Pháp được ghi nhớ khi họ đưa ra nhận xét:

“Nguyên thủy, dân tộc Việt-Nam từ miền rừng núi Tây Tạng, lần lần men theo hướng Đông Nam dọc Sông Hồng-Hà tiến xuống vùng đồng bằng...”

Vì ở miền núi, cũng thêm ý kiến giải thích rằng chúng ta trước kia đặc biệt có hai ngón chân cái giao chụm gần với nhau là để mặt chân-để nơi gan bàn chân xòe rộng hơn, để những lúc đi chuyển bước đi bám vào đất cho vững chắc hơn. Người Tàu thời đó thấy vậy mới gọi mình là dân Giao-Chi. Mặc dù, theo Đào-Duy-Anh, trong “Lịch Sử Cổ Đại Việt-Nam” vì chữ “chi” còn là đất nên Giao Chi lại có nghĩa: đất của người Giao. Giao hay Dao không biết nghĩa là gì, đó là tên gọi giống người hiện có khoảng nửa triệu sống trên vùng rừng núi Việt-Nam.

Trần-Trọng-Kim viết: “Người Việt-Nam thuộc về loại da vàng, nhưng mà người nào phải đi làm lụng dầm mưa dãi nắng lấm, thì nước da ngăm ngăm đen, người nào nhân hạ, phong lưu ở trong nhà luôn, thì nước da trắng trắng như màu ngà cũ...”

Thực sự “Những ý kiến ấy là theo lý mà suy ra đó thôi, chứ cũng chưa có cái gì làm chứng cho đích xác.” Tuy nhiên, ít nhiều chúng cũng phần nào đưa đến ý tưởng, gọi cho ta nổi hoài nghi rằng, từ thuở khai thiên lập địa đến hiện tại, vì nhu cầu, vì sử dụng các bộ phận nhiều hay ít, vì môi trường... hình dạng con người tùy nơi, tùy thời, rất có thể, đã thích ứng, thay đổi dần dần chăng?

Trong chiều hướng hội nhập, “Ồ bầu thì tròn ở ống thì dài” đó, có nhóm người vừa già vừa trẻ đang quây quần yên lặng nghe kể câu chuyện cổ tích khả ngộ nghĩnh, diễn giả là một thiếu nữ trẻ với giọng nói thuộc âm vực thanh cao, trong trẻo giống hệt các “liền chị” hát quan

họ Bắc-Ninh, mở đầu bằng hai chữ rất ngọt ngào và rất thân quen: “ngày xưa “...

2.- Chuyện Kể Rằng.

Ngày xưa hình dáng, vị trí cái mũi chẳng như bây giờ, mà nó được tạo hóa thực hiện như hai cái ống trúc tròn ghép lại, nổi lên ngay giữa đỉnh đầu từ gốc tới ngọn cao khoảng ngón tay, cặp lỗ mũi chổng ngược lên trời giống cái ống khói lò sưởi trên nóc nhà. Việc hít thở từ đây nhắm thẳng vào vùng khí quyển trong lành, cao tít mù, tránh ô nhiễm, không sợ lây lan H1N1, khỏi đeo khẩu trang, bận bịu, rắc rối.

Hồi đó chưa ai cắt nghĩa cho người ta hiểu, mũi là cửa ngõ tiếp nhận không khí để lấy oxy biến máu đen thành máu đỏ nuôi cơ thể rồi thải phần cặn bã còn lại ra ngoài, nó là một trong ngũ giác, gọi là khứu giác. Cũng như trái tim, nhiệm vụ của khứu giác liên tục “từng phút từng giây”, hết đợt này qua đợt khác, không thể ngừng nghỉ được. Nó phản ứng từ chối khi tiếp nhận mấy chất độc hại hòa lẫn trong không khí bằng cử chỉ “hắt-xì-hơi”; chảy nước mũi... đó là hiện tượng dị-ứng.

Trường hợp thờ hít những chất độc hại này hoài sẽ nhiễm phải căn bệnh mà đám bình dân quen gọi nôm na là thối mũi, nếu không thầy-thợ-thuốc-thang chữa trị ngay, càng để lâu càng nặng, càng nguy kịch. Lại nữa, nó còn khả năng phân biệt mùi lạ hương quen, rất dễ thương:

“Chim quỳên ăn trái nhãn lồng,

Thìa thìa quen chậu vợ chồng quen hơi.”

Thưa xa xôi ấy, mỗi bận rời hang ổ, ra ngoài săn bắn, trông trời mưa sinh, gặp lúc mưa rào rào, “Chạy trời không khỏi...mưa”, nước chút xuống đám lá rừng và từ đám lá rừng nước lại thi nhau đổ vào mũi, bịt đường hô hấp ngột thở, bối rối như người không biết bơi bị rớt xuống sông, xuống biển, chẳng lẽ chốc chốc lại chòng cạy chuối, hoặc cúi gập người như hình cầu vồng để xả nước đọng tránh hiểm nghèo. Lúc

đó người ta chưa rõ không khí là cái gì. Mắt chẳng nhìn thấy không khí, nhưng họ biết chắc chắn nước lọt vào mũi là chịu không được.

Nước rất quan trọng cho muôn loài cả động vật và thực vật. Cơ quan Nasa không tìm thấy nước trên mặt trăng nên chẳng thể gửi người lên sống cùng chị Hằng và chú Cuội được, đây chỉ là niềm mơ ước từ trước đến nay của nhiều người trong đó có cả Tản-Đà:

“Cung quế đã ai ngồi đó chưa?

Cành đa xin chị nhắc lên chơi.”

Cô điều cần nói ngay là, cơ-thể chỉ tiếp nhận nước bằng miệng, chẳng bằng mũi. Ấy thế mà nhà nghiên cứu Nguyễn-Duy-Hình đã viết trong một trang Điện-Tử, ngày 29 Nov. 2009 với đề tài: Uống Bằng Mũi (Tì âm) dẫn chứng cả bằng nhơn Lê Quý Đôn, cả tập sách Kiến Văn Tiểu Lục, kể “Giống người Xá-Tụ, người La-Quả thích uống nước bằng mũi... họ còn già ớt, nghiền hồ tiêu hòa với nước rồi dốc vào mũi cho khoái.” Khiến ông Thu-Tử “Phân vân quá, lẽ nào thế được.”

3.- Chuyện Bền Lề.

Cử tọa đang hào hứng, say xua theo giới câu chuyện qua giọng nữ dễ thương, hấp dẫn thì trong đám, có cậu nhỏ hỏi:

-Thưa chị, Lê Quý Đôn là ai vậy?

Cô gái ngưng kể, bình tĩnh xã-giao:

-Cảm ơn em, em hỏi về lịch sử là điều rất quý, vì chúng ta ai ai cũng cần biết để hãnh diện về nguồn gốc của mình...

Một ông lão nghe diễn giả dài dòng, trả lời theo nguyên tắc lung khởi, sốt ruột, đã nhanh nhẩu ngắt lời:

-Lê Quý Đôn là con Ông nghề Lê Trọng Thứ, ngài đậu Bảng Nhãn năm Nhâm Thân 1752, làm quan, đi sứ sang Tàu, đã tới Trấn-Ninh của Nước Lào, đã ra tận bờ biển phía đông quan sát, ghi chép địa dư, phong tục, tập quán để viết sách.

Thấy đám trẻ im lặng suy tư như thán phục tổ tiên, không bỏ lỡ cơ hội giới thiệu thêm về tiền nhân, một ông già khác đứng dậy, đỡ lời, tiếp:

-Tiện đây xin kể thêm mẩu giai thoại còn ghi trong cuốn Danh Nhân Đất-Việt do Văn Lang viết cho các cô, các cậu cùng nghe...

“Thuở ấy, có vị đường quan mới đến trị nhậm, bệ vệ trên chiếc cồng đôi, mấy chú lính huyện vác roi đi trước, mấy tên khác mang traps theo sau, tiền hô hậu ủng, ngựa mất thầy Lê Quý Đôn, đang rong chơi khơi khơi trên lộ không biết quan là ai, như đi vào chỗ không người, bèn chỉ tay, hét:” Bay đâu! Bắt thẳng kia vào khiêng cồng thay cho tên phu ôm đôi này để quan đi nhanh hơn một chút!”.

“Lê Quý Đôn giả bộ què mùa, ngo ngác, sớ sệt, rồi khúm núm cúi đầu tuân lệnh. Nhưng được vài bước, đến trước một quán lụp xụp quen, bên bờ hồ, ông hát quan xuống nước cho bõ ghét. Quan quân lóp ngóp lên bờ, gọi nhau hốt hơ, hốt hải:

-Thằng nào lớn gan vậy cả!

-Đừng cho nó chạy thoát!

-Trời nó lại để quan dây việc...”

“Chủ nhân và đám khách trong quán nghe lao xao, bèn bỏ dờ vãn cờ, đặt ly rượu xuống chiếu, chạy ủa ra, thấy tình hình, biết là quan huyện đang vượt râu hùm, bèn truyền tai, phủ nhĩ cho hay... làm tình-thế xoay chuyển khác hẳn ngay lập tức. Quan đang oai vệ như thần đôi sang...tần mẫn như ma. Đám lính khí thế ngùn ngụt bỗng xẹp xuống như cái bong bóng lặn hết hơi. Lê-Quý- Đôn ung dung sửa lại áo quần bỏ đi sau khi nghiêm sắc mặt đồng dặc bảo: ”Làm quan thì phải thương dân, đừng có hống hách.”

Đến đây, bà lão góp chuyện ngồi xuống, mọi người, cả diễn giả nữa, ai nấy đều lịch sự, im lặng, họ chẳng phải giới nhi đồng còn ngày thơ tin là vào những ngày cuối năm ông già Noel vẫn chui qua ống khói lò sưởi lúc nửa đêm đến tặng quà cho trẻ nít, người nghe phần lớn đang ngày ngày bận rộn ra vô qua công đại học, tương đối có trình độ.

Người kể cũng có vẻ như là sinh viên, cô đang đứng trên cái bục gỗ phía trước, đeo một túi vải nhỏ, đựng mấy cuốn sách vở sau lưng, mặc áo sợi mịn màng, nhã nhặn, chân đi giầy ba-ta còn mới, nhanh nhẹn. Lúc đó không viết lách gì, nhưng tay phải vẫn cầm cây bút bi, tay

trái chưa đeo nhãn cười, ôm khư khư chai Spring Water trong vắt uống dở dang, mười ngón búp măng “trắng trắng giống màu ngà cũ”, chẳng sơn đỏ, sơn xanh như phần đông các thiếu nữ khác. Ngoài ra còn cả mấy vị cao niên tham dự ngồi ở hàng ghế đầu, làm buổi sinh hoạt tăng phần nghiêm trang quan trọng. Thoạt tiên, mấy lão, người trước kẻ sau lúc đến nơi thì tiện đâu ngồi đó, nhưng bọn trẻ không chịu, thấy vậy, kéo các cụ lên, vừa cười vừa nói đại khái “Kính lão đắc thọ, kính lão đắc thọ!” Các cụ cũng cười, đi theo, vui vẻ, chấp nhận.

Họ tụ tập, hện hò hình như đây là một sinh hoạt lành mạnh, định kỳ của nhóm người nhất định trong một căn phòng bài trí chỉ toàn ghế ngồi, không lớn lắm nên cũng chẳng cần dùng hệ thống khuếch âm và diễn giả hình như cũng được luân phiên... Nếu đúng là hò hện, luân phiên, học tập thì sự việc một cô gái trẻ chứ chẳng phải ông già đang chủ động buổi kể chuyện cô tích thì cũng giải thích được, mặc dù, thông thường, vẫn biết là “Tuổi già hay kể chuyện xưa...” đúng như nhà nghiên cứu Nguyễn-Khắc-Viên đã viết.

Câu chuyện cô tích lại tiếp tục, cô gái mỉm cười, nhìn cử tọa, dơ cây bút bi lên cao lưu ý mọi người rồi kể...

4.- Chuyện Như Vầy...

Ngày xưa... cuộc mưu sinh của thời đồ-đá chật vật hơn bây giờ, chưa có phát minh kia nọ, trước những sức mạnh, những biến đổi của thiên nhiên, mọi chuyện đều là huyền bí, người ta chỉ một lòng, tin và thờ phụng các vị thần như thần mặt trời, thần núi, thần sông, thần rắn, ông cò... gặp những trở ngại mưa nắng họ cũng chẳng có khả năng khắc phục, chỉ biết van vái cầu xin, trong tai nạn nước đổ vào mũi, họ ước ao, giả người ta có thêm cái go để thờ dưới nước như loài cá thì đỡ khổ biết bao. Lan man, đám dân lâm than lại thắc mắc, nếu thời vua Hùng-Vương thứ 18, Thủy Tinh đánh thắng được Sơn-Tinh nơi chân núi Ba-Vi ở Sơn-Tây, đám quân binh sò, ngao, ốc, hến, tôm, tép ca khúc khải hoàn, rước công chúa My-Nương về thủy cung thì nàng sẽ sống ra sao nhỉ, phải có cách nào để “đệ nhất phu nhân” khỏi bị chết ngập chứ!

Hồi ấy, mấy bô lão chẳng còn lao động được nữa, sáng chiều nhàn nhã, thơ thẩn ra vào, không phải mó tay vào việc mưu sinh, với điều thuốc rê thường trực bập trên môi, cứ ngồi nhìn thời gian trôi, ăn uống là chuyện nhỏ, đâu có gì quan trọng, khát thì vọc cái gạo vò hũ nước mưa ở góc cau trước sân, đói thì bới củ khoai, khúc sắn vùi dưới đám than hồng vậy là xong. Với kinh nghiệm qua cuộc sống dài dằng dặc, có sẵn sàng rất nhiều câu trả lời, rất muốn trả lời, song thường ít được ai hỏi tới, thấy vậy, đã nhanh nhẩu nhào vô bầy vẽ, gặp trường hợp trời mưa thì hít hơi vào bụng, thỉnh thoảng xì một cái để chút xíu nước đọng trong mũi có sức đẩy bắn ngược lên ra ngoài.

Các cụ lại lưu ý thêm là khi làm như thế, phải cẩn thận, đừng dùng sức mạnh quá đáng mà đứt giải rút quần, hơn nữa, đôi khi áp dụng không khéo, kéo theo giọt nước còn cả cục đờm bầy nhầy, thông thường vẫn thấy ở bọn trẻ thò lò mũi xanh, cục “thò-lò-mũi-xanh” bắn tung lên, lúc rơi xuống trúng mái tóc, y hết vô tình bị lũ chim bồ nông, hoặc đám vịt trời đang bay thả bãi phân giữa đình đầu cũng phiền và cũng ớn!

Suy nghĩ hoài, có lúc bẽ mấy tàu lá to bần che đầu cũng chả được, vì vướng cái mũi. Thử mãi, chẳng thấy phương pháp nào hoàn toàn, vô phương cứu nạn nên cuối cùng mọi người mới kéo nhau lên Thiên Đình làm lễ đúng thủ tục, tung hồ vạn-vạn tuế rồi chổng mông xuống đất, trình bày khóc lóc, xin cứu giúp để “cái nước nó đừng đi vào cái mũi, giống như lấy cục đất thò bịt kín lại, chịu không nổi.”

Ông Trời nghe trình bày thì hiểu ngay, nhưng, muốn thăm dò xem sự cản trở nặng nhẹ cỡ nào, bèn ngó qua ngó lại tính kiếm cục đất thò, mà xung quanh đây làm gì có đất thò! Cung điện toàn pha lê, cẩm thạch, ngọc ngà, vàng bạc... Bèn lấy tay thử bịt mũi mình thì quả nhiên cũng chỉ một hai phút là da bụng căng cứng dần, mắt mờ, tai lùm bùm, thân thể lão đảo như nhẹ, như nặng, nhiệt độ tăng lên, muốn vỡ tung ra.

Liên ngưng cuộc thử nghiệm, tự nhận sơ sót nghiên cứu không kỹ khi tạo dựng nên hình dạng con người, bèn bắt tay vào việc, hóa phép cho cái mũi quay ngang 90 độ, như hai nòng

khẩu súng săn Calibe 16 hướng thẳng vào kẻ thù, chuyên cái mũi xuống vị trí nằm ngay mặt, cân đối giữa miệng và cặp mắt, để sự hô hấp không khí từ phía trước, chừa còn sợ nước xối vào mũi làm nghẹt thở, nguy hiểm, gọi emergency không kịp, có thể đưa đến tử vong.

Đám người lay tạ trở về, vui vẻ sử dụng cái tiện nghi mới được tân trang, để từ đó vẫn làm việc khơi khơi giữa ruộng nương, rừng rậm, thỏ thối, hân hoan. “Trời mưa thì mặc trời mưa.”

Thế rồi không nói ra mà ai cũng biết, dồng đời dù chưa phức tạp với mấy móc, tiện nghi linh kinh, nó cũng luôn sậy đến những vấn đề cần giải quyết. Hết chuyện nọ tới việc kia, và tiếp nối, chỉ ít lâu sau thôi, giữa cuộc nhân sinh lại phát hiện ra một nỗi phiền phức khác, cũng vì cái mũi, nghiêm trọng, vô cùng trở ngại, cần phải điều chỉnh chứ để vậy cuộc sống chung sẽ rất khó khăn có thể dẫn đến hiểu lầm, mất hạnh phúc, tan vỡ:

“Anh đường anh, tôi đường tôi,
Tình nghĩa đôi ta có thể thôi!”

Diễn hình là có hai vợ chồng kia, từ tỉnh mơ đến tối mịt, làm việc quần quật, đêm về, và vội miếng com, uống lung ngum nước, phui chân mau mau cùng leo lên giường nghỉ ngơi, đang gà gà giặc điệp thì người chồng bỗng đập vào vai vợ tức tối, căn nhắc: “Chơi kỳ vậy! Cứ thờ vào mặt người ta thì làm sao ngủ được!”

Người vợ chối bai bai, giọng nũng nịu “Tui đâu có muốn làm gì! Tui cũng đang mệt thấy mồ chứ bộ!”. Rồi vợ chồng “Chín bỏ làm mười” mọi chuyện nhanh chóng trở lại bình thường, hai bên tiếp tục thì nhau kéo gối pho pho.

Được một lát, lạ thay, bà vợ cũng nổi nóng cùng đức lang quân tương tự với lý do như thế. Đang mơ mơ màng màng thì một làn gió cứ mơn man nhẹ từng chập vào mặt, buồn buồn như con ruồi bò qua bò lại bên má, bên môi, như cọng cỏ rả rụi rả tới trên mắt, dưới cổ nhột nhạt, đê mê tỉnh ngủ...Đang ngủ ngon chưa đã giấc, mà tỉnh ngủ thì chả bực gì bằng, bèn nổi tam bành lên, đâm vào lưng chồng thùm thụp, “Kỳ quá hà! Hồng giỡn đâu nha!”... làm bố thẳng cu mờ mắt, mặt cứ nghẹt ra, chả hiểu mô tê răng rứa!

Về sau, mãi, họ mới khám phá ra thủ phạm là tại cái mũi khi nằm quay mặt vào nhau vô tình kẻ nọ cứ thổi vào người kia thật khó chịu để nổi nóng, chứ lớn rồi, vợ chồng muốn chi thì nói, có ai chơi kỳ cục vậy đâu!

Để giải quyết, một lần nữa, trước hết, thì, “vuốt mặt phải nể mũi” họ dất nhau tới các bộ lão trong bản xin vấn kế. Các bộ lão là những người từng trải đầy mình, thiện chí đầy mình, với năm tháng dài sấp gần đất xa trời, mở “kiến thức” còn ập e trong bụng giữ làm chi. “Nhân sinh tự cổ thùy vô tử” và khi hai tay buông xuôi đâu có mang đi được gì, nên không chủ trương Chinese secret, đã truyền dạy cho đám trẻ nhiều điều hữu ích như phá đất thành nương trồng trọt, bẫy thú rừng, kỹ thuật dùng lá khô làm lều tranh che mưa nắng, kiếm các loại dược thảo phòng khi trái gió trở trời...

Song đó là về phương diện vật chất, còn đứng trên mặt tinh thần mấy bố cổ hủ chậm chạp thấy mờ! Mấy bố mù tịt về “rô-măng-tít”, chẳng biết rằng cuộc sống trước sau dù chưa qua hai thế hệ nó cũng biến chuyển đến ngỡ ngàng... Mấy bố còn ngây thơ cứ tưởng, “ờ đời chi có thể mà thôi” khó gì chuyện ấy đến nỗi không giải quyết được. Chợt mấy bố nhớ câu ca dao:

“Chuột kêu rúc rích trong rương,

Anh đi cho khéo đừng giương má hay!”

Bèn phán: “Thì tụi bay mỗi đứa kiếm một xó mà nằm, cần thì ráp vô, xong chuyện thì xích ra, tiếp tục kéo bễ tự do thoải mái, đâu có chết thẳng Tây nào.”

Nhưng đám trẻ lập tức không đồng ý, nhao nhao: Các cụ ơi! Sao lại nói thế, mới đây mà đã quên tiết, các cụ chớ nhớ cái gì sắt cá, cuộc đời nào chỉ có cái vô đưa nhau lên đỉnh Vu-Son. Xin hỏi các cụ chứ, nếu mỗi đứa một xó thì “tay đây ai sẽ tựa đầu? Em sẽ tựa đầu tay đâu?” để còn bàn tính tương lai, chuyện trò năm canh thao thức ni non! Tụi tui làm sao ngủ riêng mỗi đứa một xó được. No way, ngủ riêng như thế thà chết sướng hơn...

“Mới đây mà đã quên tiết!”

Ờ!...ờ!... Bọn trẻ nói đúng! Hồi tưởng lại, cái thời quần quýt, riu rít, tâm tình suốt ngày chưa đã. Suốt đêm keo sơn, miệt mài như hình

với bóng đầu thể chia xa, biết mấy cho vừa... như mới hôm qua!

Kế tiếp, dần dần mọi sự thay đổi bao giờ chẳng rõ. Cảnh xum vầy đông đủ ban đầu cứ thưa dần. Chim đủ lông đủ cánh đã bay. Đến nay thì nhìn trước nhìn sau hộ khẩu gia đình chỉ còn hai kẻ già nua, mà cuộc sống gắn bó hùng hực bận rộn trước đã lùi vào dĩ vãng, thực tế đôi khi đối diện không biết nói gì, mỗi người ngồi một đống,

“Rúc rích thầy cha con chuột nhắt,

Vo ve mặc mẹ cái ong lam...”

Còn đâu những gối tựa, vai kề, thủ thi, bù khú, xun xoe, tham lam...

“Cho đi cũng muốn thật nhiều,

Nhận về nào biết bao nhiêu mới vừa.”

Hiện tại thật phũ phàng kéo đến từ đâu, chẳng biết lúc nào, hai cái bóng lạng lẽ, dật dờ, dửng dưng, hình như vẫn sống chết có nhau, người nọ là hình ảnh của người kia và ngược lại. “Đề hôn đất mất hôn vàng.” Nhưng:

“Tâm tư bày giải đầu còn chuyện,

Lòng dạ phơi ra đã đủ điều.”

Bao nhiêu là sướng khổ vui buồn kể từ “cái thở ban đầu lưu luyến...” Và, lạ thay, như cái ô-tô hết điện, thực tế chỉ còn trơ ra đồng sắt vụn, vô dụng, con tim giờ như đã không còn chung một nhịp, hơi thở đâu có đồng bộ nhịp nhàng hồi hộp như xưa, những sự cần thiết tưởng sẽ mãi mãi cần thiết đã hết cần thiết tự lúc nào! Mỗi người lại đề ra nhiều tiện nghi mới, phát sinh hàng lô nhu cầu khác biệt, nên ăn cũng chẳng buồn rủ nhau, nằm thì sớm muộn riêng rẽ, phận ai nấy lo, khỏi bức mình vì ngáy, vì ho, vì lục đục “đêm dài” Ôi! Thời gian!

Các vị bô lão đành im lặng. Kết quả là không có cách nào khác, dù xa xôi diệu vợi, đám người lại phải mượn mấy con cá chép của vua bệch để di chuyển, kéo một lũ nướm nượp như đi biểu tình, lên trời van xin giúp đỡ lần nữa, và khi nghe đám dân đen kể khổ, ông trời cũng thương, thờ dài, mũi lòng, ngậm ngùi: sao kiếp người “tụi nó” nhiều nỗi lầm than, khó khăn thế, bèn tận tình cứu độ thêm một phen.

Đám người đứng thành hàng dài, Con Tạo làm việc theo nguyên tắc y như phương pháp gây chuyên của Taylor sau này, lướt đi từ đầu

chí cuối đã thoãn thoắt nấn bóp từng người, chẳng cần dao kéo mổ xẻ gì cả, mỗi “bệnh nhân” thời gian mất đầu khoảng hơn một sét-na, nhưng chưa tới thời lượng bóng-câu-qua-cửa-sổ và chỉ một thoáng, đã điều chỉnh làm cho hình dáng cặp lỗ mũi của loài người chúc xuống đất, lại cân thận ẩn vô trông ít “râu rỗng “ ngấn bụi bậm, tiện lợi, khiến bà nọ nhìn ông kia cười ngất nghẹo, ngạc nhiên, thích thú, hài lòng với mấy kiểu đặc thù, ngộ ngộ chẳng ai giống ai, đây chất sáng tạo: mũi lõ, mũi dọc dừa, mũi khoằm, mũi tẹt, mũi phồng, mũi hin...mỗi người mỗi vẻ to nhỏ khác nhau.

Theo cuốn “Đặc Điểm Nhân Chủng” của Nguyễn-Lân-Cường (NXB Khoa-Học Xã-Hội, VN, 1996) trích dẫn trong tuần báo Góc Nhìn số 33 thì “Chỉ số mũi “ của Việt-Nam rất giống mũi người Koryak, người Chukchi ở Nga Viễn Đông, đều thuộc giống mũi tẹt.

Hình như đó là do ông trời ưu ái đặc biệt ban cho đám người này, để mỗi lần nam nữ tỏ bày thương mến, hôn nhau, hai đối tượng chẳng phải “xoay bản lề” mắt công ngoẹo đầu ngoẹo cổ tìm tư thế thuận lợi.

Thí dụ, lúc vắng vẻ, thoải mái, trời trong gió mát, đôi uyên ương “Tình trong như đã mặt ngoài còn e”, đang ở bên nhau, gió Xuân phơi phới, chỉ cần nhẹ nhàng nghiêng bên nọ bên kia đi chút xíu theo đường chân trời là đã có thể nhìn nhau đắm đuối, cặp mắt lim dim, say sưa, ngọng nghịu “Gua khương em!”, tiếng thàn thì nhẹ như hơi thở, thẹn thùng đáp lại “I love you!” rồi tiếp theo tới cái màn ôm nhau, hôn nhau mũi mũi, mải miệt, mê man...

Cái thời văn sĩ Nhất Linh viết truyện ngắn “Mối Tình Chân” cứ chỉ hôn nhau ở Việt-Nam còn hiếm hoi. Ông mô tả cặp trai gái quê mùa cùng ngồi trên chiếc thuyền nan chòng chành, cảm sào bên bờ con lạch vắng, cô gái bị đau mắt, anh con trai ra cái điều dù chẳng phải hậu duệ Hoa-Đà, nhưng muốn tỏ là kẻ rành về y học. Trong lúc họ đang chơi “bác-sĩ “ đang xem mắt cho nhau, họ chẳng biết hôn nhau, hoặc chưa dám hôn nhau, chỉ cố ý lợi dụng đụng nhẹ hai bàn chân vào nhau thôi, lúc ấy ở nhà quê thường đi chân trần, lấy đầu ra giày guốc, thế mà cả hai

đương sự đã khám phá ra cái cảm giác ngây ngất, tuyệt vời... vô cùng bức xúc.

Nay những cảm giác ấy, nói chung, đã lớn, đã chai đá, tầm thường. Thì cứ thử tưởng tượng coi, hiện tại, đung vào chân đầu tác động gì. Muỗi đốt gỗ! Nó đâu có nhằm nhò chi, so với hành động hôn nhau quay cuồng, trời đất mịt mờ mà đám chơi chơi đang lợi dụng khai thác phương tiện này hơi nhiều! Hay đúng ra phải nói là nhiều so với các lứa tuổi khác!

Nhưng tất cả những lứa tuổi khác, già, trẻ, trai, gái... cũng đều sử dụng chứ chẳng phải không! Điều nhận xét này đúng thôi, ai mà chả đã hơn một lần dùng tới, ban ngày, ban đêm, chỗ kín đáo hay nơi công cộng dĩ mục quan chiêm!

Rồi đến một thời gian “t” nào đó, hôn môi có bị coi là nhảm chán, chẳng thậm thía gì không nhỉ? Thân thể con người cũng giống thiên nhiên, khi thời gian khai thác một vùng dù lâu hay mau, tới lúc cạn kiệt chẳng còn mầu mỡ, muốn gặt hái kết quả tốt, muốn “đã” hơn, có lẽ, lại phải nghĩ tới đi rời như kiếp sống du mục của người Bô-Ê-Miêng đi tìm đất sống mới chẳng hạn... Mà thôi! Kể chuyện về cái mũi sao cứ lan man xuống tới đôi môi, dù mũi và môi thật gần, tạm ngưng ở đây nhé, kéo lạc-đề bây giờ.

Bây giờ thì mọi sự êm ả, tốt đẹp. Chả biết sau này cái mũi còn trực trặc gì không! Hy vọng là không. Mà nếu còn trực trặc thì lại... lên trời. Ông trời toàn năng với tấm lòng “trời bể” có lẽ sẽ giúp giải quyết nếu thấy chính đáng. Nhân tiện đây, lần nữa, cảm ơn trời đã sửa cái mũi cho ta, hơn thế, còn cho ta cuộc sống, cho ta tấm thân thể với những bộ phận nọ kia, tiện nghi, đặc dụng, quyền rũ, hấp dẫn, để yêu đời, vui vẻ, quây quần, thoải mái, và để nhiệt tình gắn bó thương mến nhau, thi hành, bảo vệ, tiếp nối thiên-chức sinh tồn... trong cõi trăm năm.

Buổi sinh hoạt tới đây là chấm dứt. Xin cảm ơn các cô, bác, các anh, chị, em đã bỏ thời gian nghe kể câu chuyện vui vui hoang đường.

5.- Lời Kết.

Truyện cổ tích phần nhiều là hoang đường. Nhưng không phải truyện cổ tích nào cũng

hoang đường. Và quan trọng là dù hoang đường nhiều truyện cổ tích vẫn lưu truyền mãi mãi.

Một điều hơi ngạc nhiên là tuy bề ngoài có vẻ ngây thơ, hiện đại, trẻ trung, mà lời kể chuyện của thiếu nữ thì “.một tay cũng già”, chừng chạc, kinh nghiệm, thu hút, lôi cuốn, lịch sự, không ngại trình bày thẳng thắn nhiều vấn đề một cách nghiêm túc, khéo léo, nhưng vẫn dễ thương, thân thiện, nhã nhặn.

Hồi xưa lợi dụng lúc buổi tối sáng trăng, hay những chiều mưa, nơi xô bếp lữ cháu nhỏ thường cùng ông bà rù rì rù rì với câu chuyện cổ tích. Nay đám trẻ tối ngày bận xem TV, chơi game trên máy vi tính khiến các hình ảnh ấy trở thành xa lạ. Buổi sinh hoạt về truyện cổ tích như thế này cũng xa lạ, hay đúng hơn phải nói là mới mẻ. Ước mong sự mới mẻ dù không hữu ích bao nhiêu, nó cũng nhắc nhở đôi điều lịch sử, thể hiện chút thái độ về nguồn...

Trước khi chấm dứt, thiếu nữ đã nói cảm ơn cử tọa như là cô, bác, anh, chị, em của mình. Họ thuộc cùng một gia đình thân tộc ư? Chắc không phải. Nhưng diễn giả xưng hô thế nói riêng và tất cả mọi người Việt-Nam nói chung cũng xưng hô tương tự thế. Ra đường gặp người đáng tuổi cha chú thì chào bác, chào chú. Nơi công cộng thấy lũ nhỏ như em cháu mình thì gọi các cháu, các em. Vậy phải chăng chúng ta đã cùng chấp nhận sự tích thân thoại Bà Âu Cơ lấy Lạc-Long-Quân sinh ra trăm trứng trăm con từ trước đời Hồng-Bàng!

Mọi người như bưng tỉnh, từ giã thế giới cổ tích hư hư thực thực. Trở về với cái ngột ngạt, ồn ào của thế kỷ 21, đối diện những vấn đề điên đảo: cướp biên, không tặc, bom tự sát... với nỗi lo âu về lời tiên đoán của NASA là mặt trời sẽ nổ lớn vào năm 2013; Về quả địa cầu đang bị hâm nóng dần dần, viễn ảnh là từ từ đẩy nhân loại xuống hố, chết thiêu cả lũ. Nguy hiểm, rất nguy hiểm, mà vì quyền lợi riêng tư, thiên cận, chưa biết bảo nhau giải quyết làm sao. Đây toàn là chuyện do chính mình làm ra, chẳng thể cầu xin ông trời giúp đỡ gì được.

Nguyễn-Phú-Long.

(Virginia)

HƯƠNG NGÁT TÌNH THƠ

Đỗ Bình

Từ ngàn xưa những lời tỏ tình của trai gái gặp nhau rất lãng mạn, đã để lại trong Thi ca Việt Nam nhiều giai thoại hay. Sau được các thi nhân ẩn danh minh họa ra câu thơ và đã tặng cho đời một bài thơ tình tuyệt vời còn lưu truyền mãi trong văn học đến nay:

*“Hôm qua tát nước đầu đình,
Bỏ quên chiếc áo trên cành hoa sen.
Em được thì cho anh xin,
Hay là em để làm tin trong nhà.”*

(Ca Dao)

Thơ là thông điệp của tình yêu, là kho tàng cất giữ lời hẹn ước trăm năm của hai kẻ yêu nhau chứa đầy hương thơm mật ngọt lẫn trái đắng của những cuộc tình. Thi sĩ Xuân Diệu một trong những người mở đầu cho trường phái lãng mạn trong thi ca Việt nam đầu thế kỷ trước. Có thể nói Xuân Diệu là thi sĩ tiêu biểu cho Thơ Tình lãng mạn thời kỳ ấy. Nhà thơ đã cảm nhận tình yêu qua câu thơ tuyệt vời:

*« Yêu là chết ở trong lòng một ít
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu.
Cho rất nhiều song nhận chẳng bao nhiêu;
Người ta phụ, hoặc thờ ơ, chẳng biết ...
Phút gần gũi cũng như giờ chia biệt.
Tương trắng tàn, hoa tạ với hồn tiêu,
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu!
-- Yêu, là chết ở trong lòng một ít ... »*

(Yêu) (1935)

Vào cõi thơ là lạc cõi bồng bênh vô tận, nơi ẩn chứa của những tâm hồn đa sầu đa cảm thi nhân về những mối tình thiêng liêng sâu kín nhất. Nhà thơ đi giữa cõi mộng và thực, hòa lẫn mộng thực cho đời thêm sắc màu. Thơ là bạn đồng hành của những tâm hồn đau khổ, thơ sẽ làm vui đi nỗi buồn, vỗ về những niềm đau, thi vị hóa những cuộc tình dang dở biến thành một “thú đau thương” tặng cho đời. Nói đến thơ

tình thời kỳ lãng mạn ở thế kỷ trước không thể quên người thi sĩ tài hoa tự nhận mình là “chân quê” đó là thi sĩ Nguyễn Bính. Có lẽ ngôn ngữ thơ ông bị ảnh hưởng nhiều từ ca dao nên mới tự nhận mình là chân quê. Nhưng “chân quê” ở đây là “chất Việt Nam”, cái hiền hòa “trong sáng” chứa trong tâm hồn người dân quê bình dị. Bút pháp tài tình, sử dụng điêu luyện ngôn ngữ chân phương, có thể xem thi sĩ Nguyễn Bính là một trong những nhà thơ có nhiều bài thơ tình hay và độc đáo ở thời kỳ đó. Thơ tình lục bát một thể thơ độc đáo của Việt Nam, dễ bắt chước hình thức nhưng khi thực hành lại khó hay! . Thông thường những vần thơ lục bát dễ trùng nhau về thanh, cách gieo vần điệu, nhưng lại khó cách ngắt câu kếp tạo nhịp. Rất khó dùng đảo ngữ, ngắt nhịp để hình ảnh câu thơ không rơi vào lối sáo mòn, ý thơ xếp nếp cũ rích, ngôn ngữ trở nên nhạt nhẽo. Dòng thơ tình lục bát của thi sĩ Nguyễn Bính đã thuộc về dân gian:

*« Hôm nay dưới bến xuôi đò
Thương nhau qua cửa tò vò nhìn nhau.
Anh đi đây, anh về đâu?
Cánh buồm nâu, cánh buồm nâu, cánh buồm... »*

(Không Đẻ)

Thi nhân nặng nợ với tình thơ nào khác chi kiếp tầm nhả tơ. Hồn thơ tựa làn khói, mùi hương; mà hương thì vô ảnh người đời chỉ cảm nhận chứ không thấy được hình tướng. Nhưng ngay cả lúc hữu hình, hồn thơ hóa thể thành sợi khói, văng mây chúng ta đều nhìn thấy nhưng nào ai nắm bắt được? Chỉ có con tim thi nhân mới biết hóa thể theo sự rung cảm, nhập vào ngoại cảnh thành những bông hoa đời.

Trong tiến trình của dòng lịch sử thi ca kể từ thời thơ cổ đại đến dòng thơ tạo sinh hôm nay về hình thức, cấu trúc của thơ có nhiều thay đổi, Nhưng hồn thi nhân vẫn thế, vẫn là một cõi riêng như giọt sương mai mong manh dưới nắng hồng, vẫn long lanh tỏa ra muôn sắc, dù chỉ một

thoảng sẽ tan vỡ mang theo màu diễm ảo về một cõi vô cùng. Nhập vào cõi thơ là sống trong cõi phiêu bồng. Có những hình ảnh chỉ thoáng trong giấc mộng, hay trong tâm tưởng rất đẹp và mộng như những bài thơ không lời nên không chép được nhưng vẫn làm say đắm lòng người đa cảm.

Từ ngàn xưa gió trăng vẫn thế, không mang cảm tính, nhưng kể từ khi có nhà thơ xuất hiện đã mang tâm cảnh hòa với ngoại cảnh để gió trăng kê cận, giao duyên với nhau. Gió tuy gần nhưng lại vô hình bóng, thế mà gió cũng biết là loi đùa trên làn tóc rối..Trăng tuy xa vời vợi nhưng trăng bỗng hóa gần để ngậm ngùi, chia sẻ những đau thương của những mảnh đời vỡ vụn. Thi sĩ Hàn Mặc Tử, người nghệ sĩ tài hoa nhưng lại mắc một chứng bệnh nan y, nhà thơ thích ngắm trăng, đùa với gió, nhưng mỗi độ trăng tròn là cảm thấy đau đớn. Cái đau ở đây không phải là đau thể xác vì chứng nan y đã làm tê liệt các tế bào làm ông không còn cảm giác. Nhưng niềm đau trong tâm hồn là một khối sầu vẫn chất ngất. Thi sĩ hòa với gió trăng để vợi niềm đau. Những cảm xúc ấy đã họa lên một bức tranh qua câu thơ tuyệt vời:

*“Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả lơi.
Hoa lá ngây rình không muốn động,
Lòng em hồi hộp chị Hằng ơi.”*

(Bên Lề)

Hoặc :

*«Trăng, trăng, trăng, là trăng, trăng,
trăng !
Ai mua trăng tôi bán trăng cho
Không bán đoàn viên ước hẹn hò... »*

(Trăng Vàng Trăng Ngọc)

Thơ tình “lừa đời” là những trái mộng đầu đời ai cũng có thể hái, chất chiu kỷ niệm, gom nhặt cảm xúc trang trải lên trang giấy học trò thành nhiều bài thơ tình có bài hay, có bài dở, nhưng với thời gian những bài thơ ấy bay theo gió về một cõi mơ! Để thành một bài thơ tình xuất sắc, độc đáo rất khó ! Cái khó ở đây cả nội dung lẫn

hình thức. Ở tuổi mới lớn những tâm hồn mơ mộng có thể làm được nhiều thơ tình đầy cảm xúc, nhưng nặng chất học trò. Người làm thơ chưa đủ ngôn ngữ chất lọc, hiểu biết sâu rộng về cấu trúc thơ để có thể diễn đạt được những cái hay cái đẹp của thi ca vào trong cõi tình. Có người cất xén những ca từ của những nhạc phẩm hoặc cốp nhặt những mẫu chuyện tình trong các tiểu thuyết Âu Á rồi cắt dán, vá vúi gọi là sáng tạo?! Trong muôn vạn bài thơ tình thuở học trò cũng chỉ có một số ít bài hay đến với giới thường ngoạn, và số ít người làm thơ đó chính là thi sĩ với những bài thơ tình mang tính độc đáo. Thi sĩ Nguyễn Tất Nhiên là một trong số người làm thơ nổi tiếng khi còn rất trẻ năm xưa. Thơ ông không cầu kỳ nhưng có tính độc đáo, và cái hay là ở điểm này. Nhà thơ không e ngại cảm kỹ, vượt thoát khỏi khuôn khổ nhà trường, mang tình yêu lứa đôi vào giáo đường, những nơi thờ tự nhưng vẫn giữ tính tôn nghiêm. Nhà thơ giàu tưởng tượng, hư cấu cái thực làm phong phú hình ảnh, ý thơ:

*...“vì tôi là linh mục
không mặc áo nhà giòng
nên suốt đời hiu quạnh
nên suốt đời lang thang ! ..
tín đồ là người tình
người tình là ác quỷ... »*

(Linh Mục) (1970)

Nhà thơ còn ví người tình của mình như vị nữ tu:

*« ..Em hiền như ma soeur
Vết thương ta bốn mùa
Trái tim ta làm mù
Ma soeur này ma soeur .. »*

Ma Sœur (1971)

Nguyễn Tất Nhiên đã cảm nhận sự bề bàng tột cùng của tình yêu nên hướng tâm hồn về đức tin Tôn giáo:

*« Hai năm tình lận đận
Hai đứa cùng xanh xao.....
Em không còn thất bính
Nuôi dưỡng thời ngây thơ
Anh không còn lịnh quỳnh
Giữa sân trường trao thư.....*

*Em bây giờ có lẽ
Toan tính chuyện lọc lừa
Anh bây giờ có lẽ
Xin làm người tình thua...
Chuông nhà thờ đổ mệt
Tượng Chúa gãy hơn xưa..
Anh bây giờ có lẽ
Thiết tha hơn tin đồ ...»*

Hai năm tình lận đận(1972)

Ở thời đại khoa học tiến bộ vượt bậc, đời sống vật chất cao đã ảnh hưởng đến đời sống con người. Chất lãng mạn bị dần khô héo, mặc dù ngoại cảnh nơi xứ người vẫn bốn mùa thay đổi. Phải nặng tình thơ lắm thi nhân mới dám ôm cái nghiệp dĩ vào than, lắng hồn mình hòa với ngoại cảnh để thấy hoa cười trong nắng mai, sợi buồn giăng cô úa, và gom ngoại cảnh nhập thành tâm cảnh nghe nỗi buồn rả rích bò trong xương tủy, len qua tiếng thở dài. Trên bước đường tha hương thơ là bạn đồng hành của người xa xứ. Thơ đã chia sẻ niềm đau, nỗi nhớ và sự cô đơn. Ở tuổi quá đôi mươi, người làm thơ bị đời cuốn hút, cuộc sống bị thực tế cọ sát, chất thơ học trò mơ mộng bị hòa với cuộc sống nhập theo từng hoàn cảnh, đời và thơ quyện nhau tạo thành những dòng chảy muôn hướng. Có những nhà thơ thích làm mới thi ca, muốn tìm tòi đổi mới ngôn ngữ, thể nghiệm một bút pháp lạ, một hình thức diễn đạt mới, làng thơ trong nước cũng hải ngoại bị dao động, xôn xao !. Thơ tình tạm lắng xuống nhường cho những nguồn thơ khác như: Quê Hương, Thân phận, Chiến Tranh, Ngục Tù, Tâm Linh... Thi sĩ cũng từ đó mà bước ra dệt gấm hoa cho đời. Ở tuổi trung niên và cao hơn... Thơ "lừa đời" lại càng xa vời, khó diễn đạt hơn những thể loại khác...khó về cảm hứng, sự rung động, lòng đắm say... để dệt bài thơ hay? Chỉ có thi sĩ mới rung cảm được với cái buồn tha nhân mà hóa thân nhập vai để diễn tả nỗi đau, sự bế bạng, giọt nước mắt của tha nhân, đồng điệu buồn tiếng thở dài, hay vút cao lời hân hoan ca ngợi.

Thơ tình chứa đầy chất lãng mạn, là lời ru tiếng nấc của con tim như dòng suối mát hương

thơm, nâng niu tình yêu, nên đôi khi ý thơ vượt trước thời đại, chối bỏ những ràng buộc luân lý xã hội đương thời còn khép kín. Con người từ khi xuất hiện thi tình lãng mạn cũng phát sinh. Nhà thơ đã thả hồn mình theo trăng sao để gọi về nơi xa xăm ấy một chút tình. Chỉ có nhà thơ mới dám bộc lộ lòng mình. Thi sĩ TTKH để lại bài thơ tình còn lưu trong văn học mà một thời đã gây xôn xao đây bao giấy mực:

*" Từ đây thu rồi thu lại thu
Lòng tôi còn giá đến bao giờ.
Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ
"Người ấy cho nên vẫn hững hờ".
Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời,
Ái ân lạt lẽo của chồng tôi.
Mà từng thu chết, từng thu chết
Vẫn dấu trong tâm bóng một người..."*

Hai Sắc Hoa Tigôn)

Dòng lãng mạn hòa với tâm linh khiến hồn thơ chấp cánh bay vào cõi bông phiêu, nơi chỉ còn lại chấm sang của tình yêu. Nương theo Mê Hồn Ca của thi sĩ Đinh Hùng để vào cõi huyền hoặc bằng con tim nồng cháy, như ánh lửa hơ ấm những tâm hồn ở bên kia bờ xa thẳm qua lối thơ Tượng Trưng được trau chuốt, gọt dũa, có nhiều ý hay lạ, nhiều hình ảnh và ngôn từ quái dị, yêu ma :

*"Cười lên em, khóc lên em
Đâu trăng tình sử nét trần duyên
Gót sen tố nữ xôn xao đêm huyền.
Ta đi lạc xứ thần tiên
Hồn trùng dương hiển bong thuyền u minh
Ta gởi bài thơ anh linh
Hỡi người trong mộ có rung mình
Nắm xương khô lạnh còn ăn í
Bộ ngực bi thương vẫn rợn tình.
hỡi người tuyết trinh, hỡi người tuyết trinh
Mê em ta thoát than hình
Nhập hồn cây cỏ đa tình mỗi đêm...."*

(Gởi Người Dưới Mộ)

Ở thuở ban đầu đường tình mới chớm nở nhà thơ xem thơ và người tình đều tri kỷ. Thơ đã giúp cho tình yêu thăng hoa. Nếu hội họa khởi đi từ óc tưởng tượng và do bàn tay khéo léo biết kết hợp

đường nét, màu sắc, ánh sáng và bóng tối để tạo nên bức tranh ấn tượng thì thơ cũng cần có sự tương tượng để tạo nên hình ảnh linh động, trong bài thơ Tương Tư của thi sĩ Nguyễn Sa là một bức tranh ấn tượng mà họa sĩ muốn họa lại nét thơ chắc phải ngừng cọ rất lâu để tìm chất liệu tạo hình:

*“Tôi đã gặp em tự bao giờ
Kể từ nguyệt bạch xuống đêm khuya.
Kể từ gió thổi trong vòm tóc,
Hay lúc thu về cánh nhạn kia.
Có phải em mang trên áo bay,
Một phần gió thổi một phần mây.
Hay là em gói mây trong áo?
Rồi thử cho làn áo trắng bay...”*

(Tương Tư)

Thi sĩ Thái can qua bài Em Biết Anh Đi:

*“Em biết anh đi chẳng trở về
Dặm ngàn liễu khuất với sương che.
Em đừng quay lại nhìn anh nữa:
Anh biết em đi chẳng trở về.”*

(Anh Biết Em Đi)

Thi sĩ Vũ Hoàng Chương:

*Bài thơ hạnh ngộ đã trao tay,
Ôi mộng nào hơn giấc mộng này?
Mùi phấn em thơm mùi hạ cũ,
Nửa như hoài vọng, nửa như say.
Em đến như mây, chẳng đợi kỳ,
Hương ngàn gió núi động hàng mi.
Tâm tư khép mở đôi tà áo,
Hò hẹn lâu rồi - Em nói đi ...”*

(Bài ca hạnh ngộ)

Thi sĩ Huy Cận:

*“...Sợ buồn con nhện giăng mau;
Em ơi! Hãy ngủ... anh hầu quạt đây.
Lòng anh mở với quạt này;
Trăm con chim mộng về bay đầu giường.
Ngủ đi em, mộng bình thường!
Ru em sẵn tiếng thùy dương mấy bờ...”*

(Ngâm ngủ)

Ở trên đời, nếu chỉ có một loài hoa thì nghệ sĩ sẽ không còn cảm hứng sáng tác về sự nhiệm màu của thiên nhiên? Thơ cũng như hoa muôn màu muôn sắc, tùy theo nhịp đập rung cảm của thi

nhân. Nhà thơ không làm công việc của nhà lý luận, nhà khoa học, nhà thần học hay triết gia... để tìm cái mới lạ trong thế giới hiện hữu, cái huyền bí của vũ trụ...vv..nhưng thi nhân có thể sống với với tôn giáo, luân lý qua tâm linh để phát hiện thêm lẽ đạo của cuộc đời, và sống triết qua thơ. Hồn thơ tựa ánh sao băng, thoáng trên bầu trời từ một hành tinh xa xăm nào đó trong vũ trụ, lạc xuống trần, đọng trên kẽ lá thành những hạt sương mai. Bông ngọn gió vô tình lướt qua lay động cành cây, làm vỡ những viên ngọc trời thành muôn mảnh. Trước khi tan biến nó vẫn đọng được màu sắc rực rỡ của bình minh.

Đỗ Bình (Paris 11-01-2011)

Vài Nét Về Nhà Thơ Đỗ Bình

Sáng lập viên Hiệp Hội Văn Hóa và Thư Viện Cergy
Nhóm chủ trương tạp chí Văn học nghệ Thuật:
Việt Điển

Nhóm chủ trương tạp chí Văn học nghệ
Thuật:Nguồn

Nhóm chủ trương tạp chí văn học nghệ thuật:
Hương Xa

Nhóm chủ trương tập tthi tuyển: Một phần Tư
Thế Kỳ Thi Ca Hải Ngoại.

Chủ nhiệm Câu Lạc Bộ Văn Hóa VN Paris

Thành Viên Hội Ba Lê Thi Xà

Thành Viên Cơ Sở Thi Văn Cội Nguồn.

Thành Viên Hội nhà Thơ Pháp.

Ban tổ chức:

Ngày Quốc Tế Văn Hóa Symbiose 86.

Ngày Thi Sĩ và Nước Pháp 2000.

triển lãm: Khung Trời VN tại Viện Bảo Tàng
Nhiếp Ảnh Versailles 87.

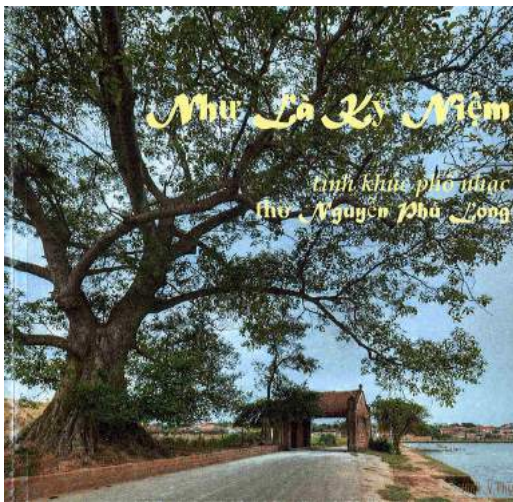
Ngày Triển Lãm: Hội Họa Và Điêu Khắc VN,
tại Paris 2000.

• Những tác Phẩm Đã Xuất Bản:

- Buồn Viễn Xứ thơ
- Bóng Quê thơ
- Mùa Xưa Vỗ Cánh thơ
- Bạn Tôi Truyện Ngắn
- Đỉnh Sương Mù Truyện Ngắn
- Chuột Nhà Truyện Ngắn
- Cảnh Đời Hư Ảo Truyện Ngắn

- Chặng Đồi Khó Quên Truyện Ngắn
 - Những Mảnh Đồi Truyện Ngắn
 - Vạt Nắng Bên Trời Truyện Ngắn
 - Bướm Hoa Truyện Ngắn
 - Cô Đơn Truyện Ngắn
 - * Góp Mặt Các Tuyển Tập:
 - Esquisses de L'Âme (La Bibliothèque Internationale de Poésie)
 - Les Poètes Du Dimanche 1,2,3,4
 - La Plume de L'Écriture 1...10
 - The Silence of Yesterday (Cội Nguồn)
- Có Thơ Trung bày trong cuộc triển lãm do Bộ Văn Hóa Pháp tại Paris 1999.
 Những Cánh Hoa Nở Muộn (Người Việt Lưu Vong)

Một Phía Trời Thơ (Hội Văn Học Nghệ Thuật Thi Đàn Lạc Việt)
 Thơ Việt Hải Ngoại (Hội Văn Học Nghệ Thuật Thi Đàn Lạc Việt)
 Vườn Thơ Hải Ngoại (Tủ Sách Phụ Nữ Thời Nay)
 Một Phần Tư Thế Kỳ Thi Ca VN Hải Ngoại (Văn Hóa Pháp Việt)
 Bút Luận 25 năm Thơ Hải Ngoại (Cơ Sở Thi Văn Cội Nguồn)
 Thi Văn Viên Xứ (Tình Thơ)
 Ngoài ra còn có những: Biên Khảo, Tiểu Luận và Bình Thơ, sáng tác nhiều ca khúc.
 Cộng Tác với nhiều Tạp chí Văn Học Nghệ thuật Hải Ngoại.

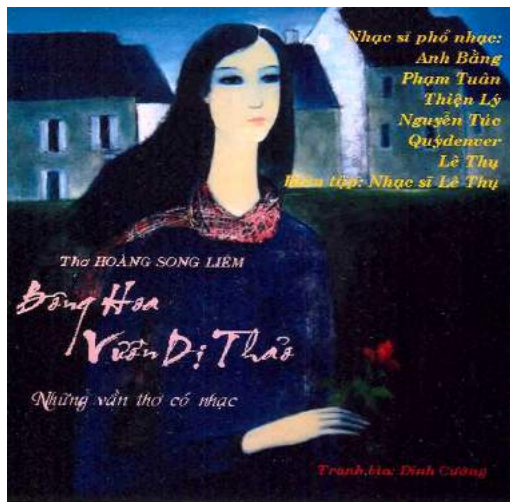


CD Thơ phổ nhạc
NHƯ LÀ KỶ NIỆM

Thi sĩ **NGUYỄN PHÚ LONG**

Nhạc sĩ: Nguyễn Ngọc Phương, Nguyễn Anh Minh, Dương Quang Cát, Phạm Vĩnh Sơn.

Ca sĩ: Diệu Hiền, Thụy Long, Tuyết Mai, Phi Hải, Hương Giang, Bảo Yến, Quang Minh, Hồng Mơ, Phi Hải, Quỳnh Lan.



CD Thơ diễn ngâm và phổ nhạc
BÔNG HOA VƯỜN DỊ THẢO

Thi sĩ **HOÀNG SONG LIÊM**

Nhạc sĩ: Anh Bằng, Phạm Tuấn, Lê Thụy, Thiện Lý, Nguyễn Túc, Quý Denver. Piano: Irina Bùi, Ca sĩ: Đông Quân, Thăng Long, Thụy Vân, Kim Tuyết, Thành Nguyên, Diễm Phúc, Đông Quân. Diễn ngâm: Đoàn Yên Linh, Hồng Vân, Ngọc Quang,

XUÂN VỀ

xuân về
em có hay chưa
riêng ta
vẫn cần hạt dưa ơ hồ

xuân về
em có nghe thơ
hay là vẫn thế
vẫn chờ ý xuân

quê hương thì vẫn ngút ngàn
tình yêu thì vẫn như gần như xa

mỗi năm
một nhớ người ta
hai thương quê bụi
ba là nhớ xưa

xuân về
lại nhớ bụi mưa
bay trên mái tóc ngày chưa biết buồn

xuân về
em nhớ gì hơn
riêng ta
vẫn nhớ môi hôn em cong

xuân này
em nói gì không
cho ta khóa cửa mùa đông không lời.

XUÂN BÍCH

Xương

XUÂN THA HƯƠNG

Nhìn cánh chim bay khuất cuối trời
Khiến lòng ly khách thấy chơi vơi
Mơ về quê cũ thêm nhung nhớ
Nghĩ đến người xưa luống ngậm ngùi,
Đào thăm mừng Xuân nay vắng bóng
Pháo vui đón Tết đã xa khơi
Chập chùng đất lạ mờ nhân ảnh
Tuyết lạnh bên song lặng lẽ rơi!

Tâm Minh Ngô Tằng Giao

(Xuân Tân Mão)

XUÂN XA ĐỜI

Họa
Khói sương man mác một phương trời
Nỗi nhớ quê hương chẳng lảng vơi
Mai nở bên tường vàng luyến tiếc
Đào khoe ngoài ngõ lạnh bụi ngùi
Còn đâu tà áo bay đường nắng
Vẫn đó lời ca vọng biển khơi
Nghe bước Xuân xa đời mãi mãi
Lầu khuya buông thả tiếng thơ rơi.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

(Virginia, Xuân 2011)

ĐÔI MẪU CHUYỆN VỀ BÙI GIÁNG

Nguyễn Thùy

Ai đã gần Bùi Giáng ít lâu cũng đều có thể ghi lại đôi sự việc khác thường dần dần được xem như là ‘giai thoại’ trong cuộc sống của ông... Bùi Giáng và tôi quen thân nhau trước tiên do cùng đồng hương xứ Quảng, tiếp theo do thời gian thuê nhà ở sát bên nhau vào những năm 1960-1962 tại một hẻm đường Trương Tấn Bửu, sau này Bùi Giáng thường đến nhà tôi ở Chung cư Minh Mạng Đường Sự Vạn Hạnh, đi đi về về có lúc gần cả hai ba tháng. Có nhiều sự việc lạ kỳ nơi anh nhưng tôi

không nhớ hết, chỉ xin kể đôi việc do chính tôi chứng kiến.

Những người nữ Việt Nam mà anh hay nhắc đến là : Ni cô Trí Hải, Nam Phương Hoàng Hậu và Kim Cương (thỉnh thoảng có Hà Thanh và Thu Trang). Với Nam Phương Hoàng Hậu, anh không có lời nào bông đùa, vô lễ, có lẽ anh quý trọng nét phúc đức hiền hậu, nét thiên hương quốc sắc mà cũng có thể do anh nhớ lời Jésus qua câu nói bí hiểm: ‘*Trong cuộc xét đoán Nữ vương Nam Phương sẽ đứng lên với dòng dõi này mà định tội nó...*’ (Ma :12-42). Thử nghe một đoạn anh nói về Hoàng Hậu Nam Phương : ‘...*Nhưng tại sao từ Cô chỉ Kim, chỉ riêng nhịp bước khoan thai của Nam Phương Hoàng Hậu là nhu mì, kiều diễm mà thôi ? Thậm chí đôi phen Nam Phương Hoàng Hậu vội vàng chạy cuống cuống hấp tấp, thiên hạ nhìn vào vận cứ thấy là rất mực kiều diễm du dương? Thế thì? Nếu như Quốc Sắc Thiên Hương có riêng thể lệ ẩn mật của thiên tài thiên hương quốc sắc thì Thiên Tài Thi Nhiên kinh thiên động địa há chẳng chẳng thể nào có riêng thể lệ thiên tài của nó dựng lập lên từ bờm xờm ngón ngang gò đống dâu biển hay sao?*



Bùi Giáng
Tranh Đinh Cường

Với Ni Cô Trí Hải, thường anh gọi là Mẫu thân và cũng không lời nào xúc phạm vì là một nữ tu và anh xem như là hình ảnh một nhân vật võ hiệp trong tiểu thuyết ‘Tiểu ngạo giang hồ’ của Kim Dung (hình như là Ni cô Nghi Tâm, thì phải).

Riêng với Kim Cương, anh thường gọi là mẫu thân, kỳ nữ, tiên nương, nương tử và hay đùa cợt. Một lần tôi theo anh đi ngang qua nhà Kim Cương nơi Đường Trương Minh Ký, anh đi qua đi lại và la lớn : ‘*Cô Kim Cương có mấy cái... Cô Kim Cương có ba cái...*’; (xin lỗi Cô Kim Cương, có thể Cô quên sự việc này, nhưng tôi thì nhớ). Kim Cương trong nhà bỗng mở cửa gọi lớn: ‘*Anh Giáng, anh lại*

đây..’. Anh đang do dự, Kim Cương lại gọi: ‘*Anh đến đây, Kim nói điều này cho nghe..*’.

Anh vừa bước đến, Kim lôi cả anh và tôi vào nhà rồi năn nỉ : ‘*Anh Giáng, Kim van anh, anh đừng nói thể nữa. Anh cứ oang oang như thế, bọn trẻ thấy Kim nơi đâu cũng réo như vậy, Kim chịu sao nổi..*’. Anh xin lỗi, hứa không nói nữa, rồi uống xong hai chén trà, lại ra đi, Kim Cương giữ lại ăn tối, nhất định không chịu. Có lẽ chỉ với Kim Cương, Bùi Giáng mới thượng mến nhất, gần gũi nhất để rồi bông đùa nhiều lúc sảm sỡ. Kim Cương không hề giận anh mà luôn tỏ ra quý mến anh.

Thấy anh nhiều cảm tình và thương mến Kim Cương, một hôm tôi đề nghị: ‘*Cô Kim, hay là cô lấy anh Giáng làm chồng đi. Biết đâu Cô sẽ giúp anh ta bớt khùng và sẽ viết lách đường hoàng, chỉnh chạc, dễ hiểu hơn..*’. Kim Cương bảo: ‘*Không chịu nổi anh đâu, anh Thùy ơ ! Anh sống kỳ cục lắm. Với lại, anh có yêu Kim đâu. Anh chỉ thương mến thôi. Anh xem, anh chỉ ngồi nói chuyện nhiều lắm là 5, 10 phút rồi lại chạy ra đường mua may một hồi rồi mới trở lại, rồi lại tiếp tục như thế. Anh ta không bao giờ ngồi với Kim hay với cô gái nào được lâu*

đâu. Kim cũng muốn giúp anh Giáng nhiều thứ nhưng anh có nhận đâu. Anh vẫn chừng nào tạt này, thích đi lòng bông, nháy mắt ngoài đường, la hét, chọc lỗ nhỏ...'

Tôi không rõ, anh để ý Kim Cương có do từ Cô là người nghệ sĩ chịu đựng được thời bồng đùa dai dẳng và nhìn anh với con mắt có khác với bao người. Có thể nói Bùi Giáng dành cho Kim Cương nhiều cảm tình nhất và Kim Cương đối với anh cũng thế. Điều Kim Cương nói có thể đúng, Giáng chỉ thương người chứ không yêu ai cả, theo nghĩa mới tình nam nữ. (Kim Cương, lúc nói chuyện, chỉ xưng là Kim không thôi).

Tôi và Kim Cương cũng có nhiều chuyện có thể được xem là 'giai thoại'. Kim Cương là bạn thân của vợ tôi (vợ tôi tên Hạnh). Tôi lạ lùng không hiểu sao Kim Cương lại có thể là cán bộ Công sản được mà lại là cán bộ ngành Công An nữa. Buồn!). Dù sao, suốt cuộc sống tình cảm của Kim Cương, qua bao trắc trở đau thương về tình ái (như Kim có kể tôi nghe những lần cô chửi tôi chui vào đồng rác nơi Đường Nguyễn Huỳnh Đức hay tại bờ sông Bến Bạch Đằng) thì Cô cũng vui mừng được một nhà thơ tài hoa Bùi Giáng dành cho rất nhiều kính yêu, đã đem tên cô vào thơ của mình và cô cũng đã đáp lại bằng những tình cảm chân thật, thương mến vô ngần. Cuộc tình - nếu có thể gọi như thế - giữa một tài hoa thơ văn, một 'đười ươi thi sĩ' với một 'kỳ nữ' (người ta hay gọi Kim như thế, đối lại với 'quái kiệt' Trần Văn Trạch) quả cũng là một 'giai thoại văn chương' thú vị.

Ngày anh Giáng và vợ chồng tôi thuê nhà ở sát cạnh nhau, anh còn 'chính chặc' lắm, đi dạy ở các trường Tân Thịnh, Tân Thanh (do Phan Thuyết và Phan Út, người Quảng Nam, có bà con xa gần với anh, làm Hiệu trưởng), anh nuôi cô em đi học. Lúc này, anh viết khảo luận văn học, vẽ tranh và làm thơ. Tranh anh vẽ, chẳng ai hiểu gì, chẳng thuộc một trường phái nào cả, nội dung, theo anh là minh họa các huyền thoại, thần thoại Hy Lạp. Thơ anh lúc này chưa 'kỳ cục' như sau này. Anh thường kéo tôi theo anh vào những lùm cây đường Nguyễn Huỳnh Đức, ngồi hết gốc cây này đến gốc cây khác và anh làm thơ đủ nhiều lúc trời tối mịt, anh vẫn cứ viết trên một cuốn tập nhỏ. Một lần kiến cắn anh, anh phủi tùm lùm cả người, rồi la lên: '*Kiến cắn thơ tao*'.

Một buổi chiều, Nguyễn Đức Quỳnh đến chơi, vợ tôi mời anh qua ăn cơm. Tôi phải đi dạy

tôi, lúc về, vợ tôi thuật lại là anh và Nguyễn Đức Quỳnh cãi nhau thế nào đó, anh quơ tay hất hết cả thức ăn, chén đĩa xuống đất. Hầu như, từ lâu, anh không mấy thiện cảm với các nhà Học giả, các Giáo sư Đại học, các nhà phê bình. Trong '*Con đường Ngã Ba*' (An Tiêm xuất bản, Saigon 1972), Bùi Giáng cho đây là « *những 'đạo thỉnh đồ thuyết' (nghe ngoài đường và nói ngoài đường) là hoạt tinh thể của con người mặt hậu. Nó thông minh một cách thô thiển, nó vênh tai ở ngoài đường và bi bô ăn nói ở ngoài đường để tàn phá mọi ngã ba đường của bước chân đi từ nội tâm nội mật. Nguyễn Bách Khoa là lãnh tụ bọn chùn., Phó lãnh tụ là Đặng Thái Mai. Tổng Thư Ký là Vũ Ngọc Phan.* ». Cũng thế, Bùi Giáng công kích Jean Wahl, giáo sư Đại học Sorbonne, Jean Paul Sartre khi nhà văn, nhà triết học này viết '*Giảng luận về 'Kẻ xa lạ'*' (explication de l'Étranger) của Albert Camus, công kích Giáo sư Trần Thái Đình, học giả Phùng Hữu Lan, Thiên sư Daisets Teltars Suzuki,...

Với một số người VN, anh không phẩm bình gì, chẳng nói gì về các nhân vật chính trị Miền Nam cũng như Miền Bắc. Có lần, tôi hỏi anh về Phạm Công Thiệp, về Sự Nhất Hạnh, anh chỉ trả lời thoáng qua, đại để: '*Giỏi, thông minh, và... cũng ..mưu đồ*'.

Cái 'điên' của Bùi Giáng thật khó lòng phân tích. Đọc hết các tập thơ, các sách anh viết, nhất là các tác 'Tur Tưởng Hiện Đại' rồi kết hợp với lối sống kỳ cục của anh, tôi có nhìn ra lý do khiến anh 'điên' nhưng xin không nói nơi đây vì thực ra, tôi cũng chưa quả quyết là đúng. Điều rõ ràng nơi anh là tấm lòng thương người của anh, nhất là lớp người già và trẻ nhỏ. Anh là người rất 'căm thù' bạo lực, căm thù thói giả hình, man trá, lật lừng của những kẻ 'trí thức' hương nguyện, trường giả. Tôi có cảm tưởng « *Anh là một Bồ Tát thị hiện giữa 'mặt thế ma cung' nhưng là một 'Bồ Tát bị đọa' vì chưa đoạn diệt được bốn tướng 'Ngã tướng, Nhân tướng, Chúng sanh tướng, Thọ già tướng'* ». Không dễ gì hiểu thơ và các sách của Bùi Giáng. Nội anh tư tưởng Phật, Chúa, Không, Lão, Nguyễn Du, Heidegger, Nietzsche cùng của các nhà văn, nhà triết : St Exupéry, André Gide, Gérard de Nerval, René Char, Albert Camus, Simone Weil, Wall Whitman, ... cả thơ Huy Cận thường đi chung với nhau. Anh rất yêu nước, yêu người nhưng hình như anh chưa tìm ra cách thế nào diễn giải thật rõ ràng. Có thể

trích đoạn anh viết bằng Pháp ngữ trong ‘*Lettre à René Char*’ nơi tập Dialogue của Phật Giáo VN Thống Nhất năm 1965 đề thấy được điều này: ‘*Pour nous, la Grèce antique, la Chine ancienne, ... c’est-à-dire le VietNam de toujours, lieu essentiel du dévoilement de l’être à travers le sommeil éthéré de la terre*’ (tôi xin tạm dịch sang tiếng Việt: ‘*Vời chúng tôi, Hy Lạp cổ, Trung Hoa xưa, ... nghĩa là xứ Việt Nam miên viễn, nơi thiết yếu cho Đạo Thể mở phôi, thị hiện qua giấc ngủ mộng mị khinh thanh của địa cầu*’). Theo anh cho biết, nhà thơ Pháp có trả lời và tôi chỉ nhớ loáng thoáng có đoạn là ‘*L’horloge du Vietnam sonne le Calvaire*’ (Đồng hồ Việt Nam đang điểm giờ lên đỉnh Calvaire). Có lẽ, René Char mượn cái Chết của Chúa Jésus trên Thập Tự giá để ba ngày sau ‘sống lại’, báo biểu cho Bùi Giáng đừng bi quan vì ‘VN sẽ phải trải qua cái thảm họa vô cùng và sẽ ‘sống lại’, sẽ ‘hồi sinh sau cơn thảm họa tuyệt trừ’. Theo Bùi Giáng, thảm họa của đất nước và dân tộc VN nằm chung trong cái ‘*thế nạn nhân hoàn*’ (l’obscurissement du monde) mà M. Heidegger thường nói. Người đương thời khó hiểu được ‘cơn điên’ và lối sống kỳ cục của anh. Các Văn Nghệ sĩ Miền Nam lúc bấy giờ không hiểu được và cũng ít chịu khó tìm hiểu nên xem anh là một ‘hiện tượng’ và không mấy thiện cảm với thơ văn của anh. Chỉ sau khi anh qua đời, người ta mới nhận ra ít nhiều và viết khá nhiều về anh. Hầu như anh cố đi tìm những ẩn ngữ nào đó trong lời Chúa, lời Phật. Bài thơ ‘*Tử Tuyệt bất cú*’ sau đây nói lên những khó khăn, lúng túng của anh khi đi vào những ẩn ngữ đó (bài thơ tôi không nhớ nhan đề):

Người nằm đó tựa nghìn thu thấp thoáng (Người là đức Phật)

*Tôi bước qua từ ngữ rụng hai lần
Tờ sa mạc như bồi phong tây địa
Trút linh hồn từng như thể nhu thân.*

Anh từng nói với tôi là ông Chúa là kẻ ‘*chịu chơi*’ nhất thế gian. Ông ‘*thi mạng cùi*’ đi vào hiểm họa thế gian để thế gian này ‘sống lại’ nhưng thế gian vẫn chưa chịu sống lại. Lúc bấy giờ, tôi chẳng biết gì về Kinh Thánh Ki-Tô giáo cùng Kinh điển Phật giáo nên chỉ biết nghe anh nói thôi.

Đọc thơ Bùi Giáng, nhất là những bài thơ ‘tếu’, thơ ‘ngông’, thơ ‘đùa’, thơ ‘giỡn’, ta buồn cười nhưng trong đó vẫn ẩn chứa một ‘tình thương vô hạn’ đối với những điều tầm thường,

những lớp người hăm hiu trong xã hội. Ngày tôi qua Úc (năm 2006), gặp cô Bác sĩ Lâm Kim Loan tại nhà người bạn, Ông Trần Thiện Hiếu vốn là nhà thơ có hạng (tôi đã viết bài nhận định về thơ ông bạn này).. Cô Bác sĩ Loan có viết sau tấm ảnh tặng tôi, hai câu: ‘*Nhớ ai bởi cái ‘lạ lùng’, Thương ai ở chỗ ‘không cùng’ người ta*’, ông bạn Trần Thiện Hiếu nói câu trên của Cô Bác sĩ do ông đã đọc cho cô nghe từ hai câu của Bùi Giáng: ‘*Yêu em yêu quá chừng chừng, Bồi em có cái lạ lùng bên trong*’ (tôi chưa đọc được hai câu thơ này nơi tập thơ nào của Bùi Giáng). Bác sĩ Lâm Kim Loan làm thơ ít thội nhưng thơ khá hay, khá sâu sắc. Cô cũng viết đôi truyện ngắn, đôi ‘tạp văn’ cũng khá hấp dẫn, lúc nào cũng đầy ắp yêu thương, yêu thương người, yêu thương vạn vật.

Ngày tôi về ở Chung cư Minh Mạng, sau này, Việt Cộng đổi tên là Ngô Gia Tự), anh thường đến tôi, có lúc ở liền hai tháng, ban ngày ‘thiền hành’ với bộ quần áo ‘cái bang’, đêm về lăn kên ra sàn xi măng ngủ hoặc đọc thơ, nói oang oang những gì khiến người các nhà kế bên không ngủ được. Một lần, anh xách về một con mèo chết, cẩn thận treo nơi sợi giây thép phía sau nhà, tôi dùng để phơi áo quần. Hai ba ngày sau, mùi hôi thối không chịu nổi, tôi nản nỉ mảy, anh cũng không chịu xách quăng đi. Cuối cùng hàng xóm la ó quá, tôi nhân lúc anh đi vắng, xách ném vào đồng rạch; lúc anh về biết rõ sự việc, chỉ lắc đầu nhưng rồi lại bảo: ‘*chú mày làm được lắm*’. Sau 1975, anh không còn làm thơ cũng như không viết lách gì; thường ngồi nơi chân cầu thang chung cư tôi ở, anh có làm ít câu nhưng rồi không tiếp tục và thường trùng với những câu trong các tác phẩm trước. Anh đi vào cuộc điên, nhiều hơn. Những lần ‘*được điên*’, anh vui lắm như được sống trong một thế giới nào khác thường, thật hạnh phúc. Những lần không đi được vào cuộc điên, anh đã dượt, tê liệt, năm suốt cả mấy ngày hay hàng tuần liên tiếp như một lần ở Chùa Long Vân Gò Vấp; mấy thầy trọng Chùa và tôi đến lay anh dậy ăn cơm, anh đều nằm lý, bất động. Lúc đó, đọc thơ hay nói chuyện tư tưởng nào Phật, Chúa, Heidegger, Nietzsche, Nguyễn Du, ..., anh đều khoát tay không nghe và không cho nói. Lúc vào cơn điên, anh chạy không, múa may, chọc ghẹo đủ mọi hạng người từ trẻ con đến ông già, các bà bán hàng, các cô bán thuốc lá. Tôi khổ nhất là phải theo anh, nghe anh ‘chửi bới lung

tung, mượn tôi làm đòn kê để chửi thiên hạ, rồi nói tục hết sức tục, bắt tôi phải cúi lạy các cô bán thuốc lá lẹ, bảo đây là thánh nữ, tiên nương, là Quán Thế Âm Bồ Tát,... Anh cứ bảo tôi là bỏ dạy, bỏ hết mọi thứ, theo anh, điên như anh mới thấy vui, mới cứ được đời. Phải nói rằng anh ‘làm khổ’ tôi rất nhiều nhưng không hiểu sao, cứ có anh là tôi lại thấy vui ra, một cái vui không thể phân tích được, một cái vui kín nhiệm, bàng bạc lạ kỳ; vì thế mà tôi chịu khó với anh. Có tôi đi bên anh, anh càng dễ điện hơn, vui hơn và thấy yên ổn hơn. Anh bảo rằng tôi là thầy giáo, hiền lành nên nếu có ai ‘trận thượng’ với anh, tôi can thiệp, người ta sẽ bỏ qua. Nhiều khi, có một cô gái nào đó, mền anh, đi theo anh ‘thiền hành’ dọc đường, anh thấy vui và yên tâm lắm. Cô bồ tôi là HHTV, sinh viên Đại học Sư phạm ban Anh Văn thường theo anh và uống cà phê với anh, quàng vai anh trông giống như một nhân tình, anh thấy vui và thú vị lắm. Năm 1976, lúc cô phải tiếp tục năm học sau cùng, anh thường đến Đại học Vạn Hạnh (Việt Cộng chuyên Đại học Sư phạm về đó), đứng dưới réo to lên: ‘*Cô Thanh Vân ơi! Bộ Tát Thanh Vân ơi! Xuống đây, đưa tôi đi uống cà phê, học làm gì nữa, bọn dốt đó biết gì mà dạy cô. Cô phải dạy chúng nó chứ...*’. Một buổi tối, tôi đi vắng, ở nhà, anh đưa mấy bài thơ tiếng Anh cho cô dịch, anh khen cô thông minh, rồi bảo cô hãy đặt chân lên đầu anh. Cô không dám, anh liền nâng chân cô đặt lên đầu mình rồi lăm nhăm những gì đó.. Sau này, vào các năm 1982, 1983, cô Đ.N.L.H., một giáo viên cấp 3, hình như là cháu Bà Tôn Nữ Hỷ Khương cùng một cô nữa (tôi quên tên) hình như là cháu của Nhà văn Cung Giữ Nguyễn (theo cô bảo) bỗng xách đồ đạc đến ở nhà tôi, một tháng sau cô này bỏ đi, cô Hà còn ở lại những mấy tháng nữa. Bùi Giáng đến, hai cô hoảng quá, nhưng sau đây, thấy Bùi Giáng «*đường hoàng*» nên lại cảm mến. Cô Hà lại chịu khó theo anh ‘thiền hành’ qua các ngã đường’, vào quán cà phê, quàng tay, ôm Bùi Giáng khiến mọi người rất ngạc nhiên. Trong thời gian, Cô Hà ở nhà tôi, Nhà họa kiêm Điêu khắc Phạm Văn Hạng cũng thường đến gặp Bùi Giáng. Có cả Giáo sư Nguyễn Văn Trung đến, nghe cô Hà ngâm thơ nhưng ông Trung không gặp Bùi Giáng. Lại có cả Nhà thơ Trần Đới và sau này thêm Nhà thơ Lê Nhược Thủy. Có một cô gái trẻ mà anh không biết, không quen, theo anh suốt một tuần trong

các cuộc điên của anh, anh thấy lạ, hỏi tôi: ‘*có phải chúng nó cho cô ta theo dõi tao không?*’.

Còn nhớ trước 1975, Bùi Giáng quen với Huệ Nhật giúp việc cho Hội ‘Đất Lành’ (Terre des hommes) của Đức. Một bà Tiên sĩ người Đức thuộc cơ sở này đến ở ngay nơi nhà Huệ Nhật nơi dưới phía Cầu Tân Thuận. Bùi Giáng rủ tôi cùng đến nhà Huệ Nhật gặp bà đó. Nghĩ rằng Bà này chắc biết nhiều về Triết, về tư tưởng, Bùi Giáng nói huyền thuyên về thơ văn, về Nietzsche, về Heidegger, về Holderlin,... Nhưng Bà ta nào có biết gì về tư tưởng, lại thêm giọng Đức, giọng Anh của Bùi Giáng chẳng ‘ra hồn’ gì mà Bà lại không biết tiếng Pháp nên mặc cho Bùi Giáng nói, Bà chỉ nghe thôi. Nhưng tỏ ra rất chăm chú, rất thích, có lẽ Bà lặng yên nghe để tư Tiềm thức, Vô thức dậy lên những ý tình cao xa nào đó. Nhưng Bà rất kính trọng Bùi Giáng, mỗi lần anh và tôi đến, không có Huệ Nhật thì chính Bà nấu trà và đem bánh ra đãi.

Sau 1975, vào những năm 1982, 1983 gì đó, Huệ Nhật ở chung với Cô Nguyễn Thị Muộn. Hai người lập một quán cơm Xã hội ở một đường vùng Chợ Lớn. Bùi Giáng thường đến. Chính tại quán cơm xã hội này, một buổi chiều mưa, anh Giáng ngồi, mượn tôi chửi đồng thiên hạ cho đến tối mịt. Vừa hết mưa, tôi giục anh về; đến Nhà thờ Ngã Sáu, lại mưa, cả hai chui vào căn lều bằng tấm bạt của một ông già (hình như trốn vùng Kinh tế mới về). Anh lại la to và nói tục, khiến ông già đuổi đi. Cả hai lại đi trong mưa, về đến Chung cư, tôi thay đồ, bật đèn ngồi viết còn anh thì cứ để nguyên áo quần cái bang ướt át, lăn kền ra sàn nhà, ngủ. Một ít lâu sau, do Huệ Nhật nói sao không biết, thêm đưa học trò cũ của tôi là Phạm Đình Thành, nhà ở Chung cư Ân Quang rủ rê thế nào, giới thiệu anh tiếp xúc với đôi mục sư Tin Lành từ Quận 8 sang nhà Huệ Nhật, anh Giáng lại ngã theo Tin Lành. Các vị Mục sư cũng vui lắm, nhưng Bùi Giáng theo đạo thật vô cùng quí. Nhưng chỉ chừng hơn nửa tháng sau, anh đến tôi với quần áo cái bang như cũ. Tôi hỏi: ‘*Sao, Chứa bỏ anh hay anh bỏ Chúa?*’. Anh trả lời: ‘*Ông Chúa, ông Phật có bỏ ai đâu; tao bỏ các ông. Mà lạ quá, tao khoái các ông, mà theo thì... khó chịu quá. Các ông điên khác tao. Cũng giống như Tô Đông Pha không chịu làm Thiên sư để chỉ làm thơ thôi*’. Anh tiếp xúc nhiều với các tu sĩ Phật giáo, nhờ anh mà tôi được biết các Ngai Huyền Quang (tại Chùa Kim Cương Đường

Trương Tấn Bửu), Thích Minh Châu ở Đại học Vạn Hạnh, Thích Đức Nhuận (tại Đường Phan Thanh Giảng), Sư Viên Minh (chùa Thereveda đường Phan Đình Phùng), các thầy ở Chùa Long Vân Gò Vấp. Anh cũng gặp và nói chuyện với đôi Linh mục, Mục sư. Anh luôn luôn thiện cảm, ca tụng và đề cao nữa nhưng không thể theo một Giáo hội nào. Đối với các Linh Mục, Mục Sư, anh ít đùa nhưng với đôi nhà Sư thì anh thường rất tếu.

Đi với tôi, anh chỉ đọc thơ, nói oang oang những gì đầu đầu, chẳng bao giờ giảng tôi nghe về Phật, Chúa, Không, Trang cũng chẳng giảng gì về Nguyễn Du, Heidegger,... Tôi bảo anh phải nói sao chứ cứ lồi điên điên, khùng khùng ấy, làm sao tôi hiểu. Anh bảo là: '*Chủ mày chỉ nghe, không cần hiểu*'. Anh nói là tôi có cái Tâm tốt, có chút thông minh, và thường nhìn tôi lúc tôi thiu thiu ngủ như muốn tìm xem nơi tôi có nét gì đó mà chưa hiện ra. Sau này, từ 1979, tôi bỗng nhiên làm thơ, viết sách, những gì anh nói lồi phiêu bỗng phiêu hốt đó bỗng nhiên mờ hồ đến với tôi và tôi hình dung ra là anh đã gián tiếp 'giáo dục' tôi theo lối « giáo ngoại biệt truyền », hay 'tâm truyền tâm'.

Một nửa tháng, trước khi quyết định vượt biên (cuối năm 1988), tôi ngỡ ý rủ anh. Anh trầm ngâm, không nói gì. Ít hôm sau, anh bảo: « *Tao không đi được. Ở bên này còn có các bà già, bọn trẻ con với bạn bè như chú mày cho tao ăn, chứ qua bên đó, người ta nhốt tao vào nhà thương điên đến rục xương, tao sống sao được* ». Ít hôm sau nữa, anh bảo: '*Hay là mày đừng đi, ở lại vào cuộc điên với tao. Mày đi, tao buồn đến chết thôi*'. Sau ít ngày, anh lại bảo: « *Mà mày đi cũng được lắm. Mày ở lại chẳng làm được gì. Mày có cái Tâm tốt, bây giờ đã vào đại hải rồi, qua bên đó biết đâu sẽ làm được cái gì* ». Trước ngày tôi đi, tôi gởi tặng anh một bài thơ, anh xem xong, chỉ trầm ngâm, gật gật đầu, không nói lời gì nhưng xem ra anh buồn lắm.

Bùi Giáng là người đức độ lớn. Anh thương tất cả mọi người. Anh nhìn ai cũng như thấy cái tâm hồn thánh nhân và anh muốn khơi động tâm lòng nhân thánh đó qua lối điên khùng của anh. Anh lại rất tin người. Có một kẻ bảo với anh: 'Anh không biết, chứ bác Hồ trước đây đọc thơ và sách anh, khen anh lắm'. Anh tin ngay và hí hửng nói với tôi, tôi chỉ cười. Một lần, một người bạn bên Pháp về, bảo anh: « *Brigitte Bardot đi tắm biển, nằm trên ghế xích đu đọc*

sách anh, thích thú lắm'. Anh hỏi lại: '*Cô có biết tiếng Việt đâu mà đọc sách tôi?*'. Người bạn đáp: '*Cô ta đọc quyển Dialogue trong đó có bài anh viết cho René Char ấy*'. Thế là anh tin và kể với tôi. Đề anh vui, tôi bảo: '*Có thể lắm*'. Một lần, anh kể với tôi và sau này, hình như anh viết lại trong « *Ngày tháng ngao du* » chuyện sau đây:

« *Một hôm, Brigitte Bardot chạy tới ôm chầm Bùi Giáng rồi bảo:*

- *Anh yêu ơi! Hôm nay em mới rõ là anh yêu em, nhiều, thật nhiều, hơn cả chị Monroe.*

- *Sao cô biết?*

- *Thì đây này. Thư anh viết cho em dở ẹt, còn anh viết cho chị Monroe thì văn hoa, bay bướm không thể tả.*

- *Thư tôi viết cho cô dở ẹt, sao cô bảo tôi yêu cô hơn Monroe?*

- *Anh còn giả vờ nữa. Thư viết dở ẹt thì tình mới thật, mới chân; còn thư viết bay bướm thì chỉ là tán tỉnh chứ tình đâu có thật* ».

Một chuyện giữa anh và tôi. Một hôm vừa chạng vạng, trời mưa lâm râm, anh đến tìm tôi nơi nhà anh Lê Đình Duyên nơi tôi trọ (Lê Đình Duyên lúc này dạy học ở trường Tân Thạnh, sau này làm Đồng lý Văn phòng Bộ Thông Tin, bộ trưởng là Phạm Thái thời Nguyễn Khánh, sau đó làm Dân biểu), đọc mấy câu thơ của Nguyễn Sa:

- Anh sẽ cầm lấy đôi bàn tay

Tóc em anh sẽ bảo là mây

Ngày mai hai đứa mình xa cách

Anh vẫn được nhìn mây trắng bay.

(Không rõ tôi nhớ đúng nguyên văn không)

rồi hỏi tôi: '*Mây thấy hay không?*'. Tôi đáp: '*Kể ra thơ tình tuổi Sinh viên, học sinh, như thế cũng có thể xem là hay*'. Anh hỏi tiếp: '*Thế, theo mày, Truyện Kiều có hay không?*'. Tôi bảo: '*Hay là cái cãng rồi*'. Anh bỗng nổi sùng, mắng tôi: '*Mày bảo Truyện Kiều hay? Mày phải nói « Truyện Kiều dở như cứt; Truyện Kiều đáng đem chùi đít; như thế Ông Nguyễn Du sẽ cười ha hả, cho rằng trên thế gian có kẻ hậu sinh hiểu ông. Mày mà khen Truyện Kiều là mày làm nhục Ông Nguyễn Du, dưới suối vàng ông không nhắm mắt được đâu*'. Nói xong, anh bỏ đi ngay. Bực mình nhưng tôi nín thinh. Trước nay, đi dạy, tôi giảng Truyện Kiều cũng chỉ theo các sách giáo khoa đã có, chứ chưa đề ý đào sâu. Có lẽ, theo anh, tôi không đủ khả năng hiểu Truyện Kiều. Câu mắng của anh ám

ảnh tôi mãi cho đến năm 1883, tôi bắt đầu viết cuốn ‘*Đoạn trường tân thanh: Tiếng vui trong lời buồn*’ mới phát hiện được những độc đáo thâm sâu của Nguyễn Du và nhận ra rằng ‘*Đoạn trường tân thanh*» là một tác phẩm tư tưởng không riêng của dân tộc ta mà chung cho cả nhân loại.

Có hai ‘giai thoại’ thường được mọi người kể và đã đăng nơi một số báo :

Chuyện thứ nhất như sau: « Một hôm , nơi quán café Huy Tường (một nhà thơ) ở một đường đâm ra đường Hai Bà Trưng Tân Định, anh ngồi uống café ở một góc quán, không mấy ai để ý. Bên trong quán, có nhà thơ Thu Bồn (người Quảng Nam, văn nghệ sĩ Cộng sản) đang nghe cô Thu Ba (có lẽ là cán bộ bạ mươi) tán tụng: ‘*Anh là nhà thơ lớn, tất cả đều hâm mộ. Anh vào Nam, tôi nghĩ anh có thể dạy cho người Miền Nam biết làm thơ, chứ lâu nay, thơ ca Miền Nam chẳng ra gì. Có Bùi Giáng chút ít nào đó, nhưng xem ra cũng chẳng đáng giá gì mấy*’. Hình như Bùi Giáng nghe được, lát sau, đứng dậy, khúm núm đến trước hai người, tự giới thiệu và nói: ‘*Thưa Anh, thưa Cô, tôi là Bùi Giáng. Xin lỗi, lúc này, tôi có nghe Cô nói anh là nhà thơ lớn Miền Bắc, không ai sánh kịp. Có có báo là Miền Nam, thơ ca chẳng ra gì. Đùng vậy, tôi cũng thấy như thế. Nếu anh dạy cho người Miền Nam biết làm thơ thì thật là quý hóa. Lúc này, cô có nhã ý nhắc đến thơ tôi, thú thật thơ tôi cũng chẳng đáng gọi là thơ. Nhưng thói quen cứ muốn học đòi làm thơ nên lúc này, ngồi nhâm nhi chút café, có làm được hai câu mà không rõ có phải là thơ không vì đọc lại chẳng có vần có điệu gì cả. Xin Anh và Cô cho phép tôi đọc hai câu đó và xin anh là nhà thơ lớn sửa hộ . Hai câu thơ của tôi thế này :*

Thu Bạ ca ngợi Thu Bồn
Thu Bồn khoái chí sờ...vai Thu Ba

Hai câu nghe chẳng ra sao cả. Xin Anh và Cô vui lòng sửa hộ cho ăn vần. Cảm tạ, cảm tạ...”

Tôi thuật lại chuyện này cho Bùi Giáng tại nhà tôi. Anh chỉ cười. Đây chỉ là câu chuyện tiêu lâm, ai

đó đặt ra chứ sự việc không phải do Bùi Giáng.

Câu chuyện thứ hai là chuyện thật do Bùi Giáng kể lại cho tôi: “Một hôm, trong bộ đồ Cái Bang, gánh hai túi vải đựng lung tung đủ thứ, Giáng đặt gánh nơi góc đường Catinat và Nguyễn Huệ, bên này nhà hàng Đồng Khởi. Thấy một cặp người Liên Xô đang đứng chỉ chỗ gì không biết, Giáng chạy ào tới đưa hai tay như muốn vỗ lấy cặp nhũ hoa người nữ Liên Xô. Cô ta hoảng kinh bỏ chạy; chàng nam Liên Xô, ý hẳn là chồng cô kia, lạ lùng nhưng nhìn lại Giáng, chắc nghĩ Giáng khùng nên không nói gì. Giáng đi lại gánh gánh của mình. Bỗng hai công an đến nắm tay Giáng, bảo: ‘*Ông làm gì kỳ cục vậy? Ông không biết đây là hai bạn Liên Xô hữu nghị của nước ta. Ông làm thế thì người nước ngoài khinh dễ người Việt Nam không lịch sự...*’. Giáng hỏi: ‘*Tôi có làm gì đâu! – Anh chạy xộc tới chụp ngực nữ đồng chí Liên Xô mà còn bảo là không làm gì à?*’. Giáng đáp: ‘*Tôi chỉ muốn xem bình sữa Liên Xô nuôi dân ta được bao lâu thôi mà!*’.

Trên đây là những điều có thật về Bùi Giáng mà tôi được chứng kiến. Tôi kể lại trung thực, không hoa hòe, thêm bớt. Còn một số chuyện nữa nhưng đã quá dài. Có thể phần nào, tôi tự xem là kể ‘chơi chơi’ với con diên của Bùi Giáng nhiều, chịu khổ với con diên của anh cũng nhiều (tôi lãnh anh ra khỏi nhà thương Chợ Quán hai lần và một lần tại

Phường 1 Cảnh Sát Quận 10 ngày 29 tháng 4 năm 1975), chịu nghe anh mắng chửi nhiều nhất và cũng nhận được nơi anh nguồn vui tin lạ kỳ mỗi khi được ở bên anh. Tôi muốn viết một tác phẩm về ‘*Tư tưởng Bùi Giáng*» nhưng chưa có thì giờ và hiện chẳng có một tác phẩm nào của anh. Bài thơ đặc sắc, tiêu biểu và làm cơ sở cho khuynh hướng tư tưởng của anh, theo tôi là bài ‘*Chào Nguyễn Xuân*’, bài thơ đầu trong tập ‘*Mưa Nguồn*’.

(*Còn tiếp*)

Nguyễn Thủy (France)



VĂN THI SĨ HỒ TRƯỜNG AN

Phỏng Vấn

NHÀ THƠ VIỆT BẰNG

(Tiếp theo Cỏ Thơm số 53)

15.

HỒ TRƯỜNG AN: Cũng xin nói qua Tỉnh Kiến Hòa và Trường Trung Học Tổng Hợp Kiến Hòa và kỷ niệm của anh ở nơi tỉnh ấy.

VIỆT BẰNG: Kiến Hòa là một thành phố đẹp, nếu không, chưa chắc gì tôi đi, về thành phố đó gần sáu năm trời. Trong biến cố Mậu Thân 1969, quá nửa thành phố trở thành bình địa, chỉ còn lại Dinh Tỉnh Trưởng, Trường Trung học Tổng Hợp Kiến Hòa, một số trường tiểu học và doanh trại của cửa Sư đoàn 7. Từ đó Kiến Hòa không còn đẹp như xưa, nhưng với tôi những đêm trăng, dưới bóng đèn, cảnh vật Kiến Hòa thật huyền ảo và thơ mộng như Sài Gòn, Paris vậy.

Trường Trung Học Tổng Hợp Kiến Hòa, trông như hai chữ U dính liền nhau, một chữ U dành cho các lớp Đề nhị cấp từ lớp 10 đến lớp 12, tầng trệt có Phòng Hiệu Trưởng, Giám Học, Phòng Hành Chánh và Phòng Giáo Sư. Kiến trúc chữ U kế bên gồm những lớp Đề Nhất Cấp từ lớp 6 đến lớp 9. Trước cửa trường có Hồ Chung Thủy, nước trong xanh, quanh hồ còn sót lại vài cây liễu

khiến tôi nhớ đến Hồ Hoàn Kiếm Hà Nội với những cây liễu rủ ven hồ tạo nên một thắng cảnh của Thủ Đô.

Tôi giảng dạy tại Trường Trung Học Tổng Hợp Kiến Hòa từ tháng 9-1965 đến tháng 5-1970, một thời gian đủ dài để có thể làm dân địa phương Kiến Hòa. Nhưng tôi lại là người *Bohémien*, nên chuyện này không thành sự thật.

Với tôi, kỷ niệm đáng nhớ nhất là một lần thoát chết trong đường tơ kẽ tóc. Một buổi trưa hạ tuần tháng 4-1966, vào lớp 11B2 cho học sinh làm bài kiểm, tôi ngồi trên bục giảng phê học bạ cho

các em. Bất chợt hai nam sinh trong lớp xé bài của nhau,

giận quá tôi xuống cuối lớp bạt tai hai em. Một tiếng nổ chất chứa bên ngoài cửa lớp, bụi bay mù mịt. Những miếng gang sắc cạnh của đạn bích kích pháo 82 ly ghim đầy bàn giáo sư và đàn sập cửa sổ gần đó. Hai em nam sinh vừa bị bạt tai, bật tung lên như lo so và cùng nói “Chúng em đã cứu mạng thầy rồi”. Tôi mỉm cười từ tốn và cảm ơn các em.

16.

HỒ TRƯỜNG AN: Hồi còn ở trong nước, hoạt động văn chương và báo chí của anh ra



Nhà Thơ Việt Bằng

sao? Tạp san hay nhật báo nào mà anh cộng tác. Xin nói qua những kỷ niệm của anh trong thời gian anh cộng tác với các tờ báo ấy.

VIỆT BẰNG: Khi còn là sinh viên thuần túy tôi cộng tác với đặc san *Văn Khoa* của sinh viên Trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn và nội san của một số phân khoa khác như Luật Khoa và Khoa Học, tôi cũng thường đăng thơ trong Tạp Chí Văn Nghệ Tiền Phong. Khi vào ngành giáo dục, thỉnh thoảng tôi gửi một bài biên khảo về giáo dục cho nguyệt san Giáo Dục của Bộ Giáo Dục.

Những kỷ niệm về viết báo, làm thơ cũng khá nhiều, nhưng với thời gian chúng trở nên mờ nhạt dần tuy nhiên có một kỷ niệm vẫn còn rõ nét trong trí nhớ tôi. Khi đăng bài thơ "Con Trâu" trên tạp chí *Xây Dựng*, trực thuộc Phủ Tổng Thống, tôi nhận được thư của Cô Hoàng Minh Châu, con gái Chủ nhiệm và là thư ký tòa soạn. Trong thư cô cho rằng hai câu thơ:

Người ơi! mạnh sức cày sâu nhé!

Ta vẫn thừa hơi kéo trọt ngày...

(Việt Bằng)

tuy "nhân cách hóa" con trâu bằng chữ ta nhưng thực ra có ý nói bóng nói gió Hoàng Minh Châu, rõ ràng là một ẩn dụ thâm độc". Cô yêu cầu tôi đến tòa soạn *Xây Dựng* để gặp cô càng sớm càng tốt, nếu tôi là người lịch sự. Trong thư trả lời tôi nhấn mạnh không có thì giờ gặp tại tòa soạn, tuy nhiên có thể gặp cô tại thư viện Văn Khoa tại bàn kế bên cửa sổ thứ nhất, vào mỗi ngày thứ hai từ 10 tới 12 giờ, tôi sẽ mang theo cuốn *L'Homme révolté* của Albert Camus và cô sẽ cầm ở tay khăn đỏ để dễ nhận ra nhau. Thứ hai, đúng giờ hẹn, tôi ngồi đọc sách tại Thư Viện Văn Khoa, có ý chờ cô gái cầm khăn đỏ. Sau một giờ chờ đợi, tôi bỏ cuốn sách sang bên cạnh làm như không phải của mình. Ngay khi ấy, Bích Liên, người

bạn cùng lớp, cầm khăn xanh đi qua đi lại hai, ba lần. Thứ hai những tuần kế tiếp, tôi không cầm sách và ngồi đúng chỗ hẹn nữa. Từ ấy, tôi đã quên đi chuyện Cô Hoàng Minh Châu.

Trong buổi ra mắt Ban Điều Hành Hội Ái Hữu Thái Bình tại San Jose, ngày 08-06-2005, nhà văn kiêm MC Hoàng Minh Châu cầm giấy, giới thiệu từng quan khách tham dự, đọc đến tên Việt Bằng, tôi đứng dậy chào mọi người, MC Hoàng Minh Châu khựng lại một chút và tiếp tục giới thiệu những quan khách khác. Trong buổi tiệc, cô MC đến ngồi bên tôi và nói: "Phải mất hơn 50 năm, anh và em mới biết bút hiệu của nhau. Nếu ngày ấy Bích Liên cầm khăn đỏ thay vì xanh để gặp anh, có lẽ Bích Liên và anh đã ở trong một tương quan thân thiết hơn nhiều".

17.

HỒ TRƯỜNG AN: Anh biết làm thơ hồi mấy tuổi? Động cơ nào thúc đẩy anh vào lãnh vực văn chương? Ai đã hướng dẫn và khuyến khích anh?

VIỆT BẰNG: Trước năm 14, tôi hoàn toàn không chú ý đến văn chương mà chỉ mê đá bóng ở sân trường. Mẹ tôi than phiền tôi không chịu học sinh ngữ. Mùa Hè năm 1950 chị Hoàng Thi, 20 tuổi, sinh viên Y Khoa Đại học Hà Nội, đến thăm thăm gia đình và nhận kèm Anh, Pháp cho tôi trong dịp hè năm ấy. Một căn phòng trên lầu được dọn dẹp sạch sẽ để làm phòng dạy học cho cô giáo mới. Những lúc tạm nghỉ, chị hát những bản nhạc Pháp thời danh và ngâm thơ Xuân Diệu, Vũ Hoàng Chương cho tôi nghe. Khi tôi đã quen với không khí văn nghệ, chị dạy tôi luật thơ mới từ luật thơ Pháp. Chỉ sau hai tuần, dường như chị đã thân với tôi lắm. Mỗi tuần chị viết và trao tay cho tôi một thư bằng tiếng Pháp, ngoài phong bì đề: *A Viet Bang, mon gentil élève,*

mon cher petit amour... Mỗi tuần tôi cũng phải viết những cảm nghĩ của tôi về chị. Có những tuần mãi chơi với bạn bè, trong thư tôi chỉ viết vài chữ: *Je vous aime*. Xem xong chị đến bên tôi hôn môi khá lâu và gọi nụ hôn đó là *French kiss*. Buổi học cuối cùng chị đưa tôi về nhà chị ở 28 Đường Cầu Gỗ, Hà Nội và hẹn Thứ Bảy, Chủ Nhật tôi phải đến thăm, dùng cơm với chị và ở lại cả buổi nếu là thứ bảy và cả ngày Chủ Nhật. Từ đó, những ngày cuối tuần tôi đến với chị, chị đưa tôi về Quảng Bá, Nghi Tàm, nơi chị sinh trưởng, phía bên kia Hồ Tây hay dẫn tôi vào các tiệm vải Phố Hàng Đào chọn màu áo dài cho chị. Mỗi khi đi phố, tôi rất vui khi chị mặc những màu áo tôi đã chọn. Một hôm, chị Hiền, bạn cùng lớp của chị nói với tôi: “Viết Bằng quê thế, chọn cho Thi màu đỏ boọc-đỏ, màu vàng bệnh hoạn và màu xanh công nhân, chọn màu áo kiểu ấy làm giảm đi nét đẹp của Thi”. Qua lời chê của chị Hiền, tôi mới biết mình còn là trẻ con, chưa biết chọn màu.

Chỉ sau một năm gần chị, từ một học sinh giỏi Toán và Khoa học, tôi trở thành một học sinh khá sinh ngữ có khuynh hướng văn chương. Từ tuổi 15, tôi được bầu Trưởng Ban Báo Chí của lớp 8, Trường Trung Học Nguyễn Trãi và bắt đầu viết truyện ngắn và thơ cho mục Văn Nghệ các nhật báo Tia Sáng và Giang Sơn ở Hà Nội năm đó.

18.

HỒ TRƯỜNG AN: Anh làm thơ tình yêu, nhưng dưới những câu thơ âu yếm đó, anh có nêu ra một vài vấn đề thâm thúy và to tát hơn. Anh nghĩ gì về ẩn dụ (*parabole/métaphore*) trong thi ca nói riêng, trong văn chương nói chung?

VIỆT BẰNG: Ẩn dụ là một trong những kỹ thuật dùng trong thi ca và truyện ngắn nói riêng, trong văn chương nói chung. Nói đơn

giản, ẩn dụ là cách dùng từ để ám chỉ một ý nghĩa nào đó khác với nghĩa đen của từ mà vẫn có tương quan với chữ nó thay thế. Thay vì nói đêm qua tôi đọc một cuốn sách, tôi lại nói đêm qua tôi cày một cuốn sách. Chữ cày có nghĩa ẩn dụ nói lên một nghĩa khác hơn (đọc vất vả với nhiều nỗ lực hơn). Như trong câu thơ: *Một giọt nước đã xô nghiêng một đời con gái*. (Việt Bằng, *Giã từ Huyền Thoại*). Giọt nước là ẩn dụ khi đã được dục tính hóa.

Qua truyện ngắn “Bức Tường”, (*Le Mur*) của J.P. Sartre, ta có thể tìm ra một ẩn dụ sâu sắc: Bức tường là một cấu trúc do xã hội tạo ra. Trước bức tường, các tù nhân xếp hàng và đợi xử bắn. Bức tường không những là một công trình xây cất mà còn là một ẩn dụ (*métaphore*) về một nơi mà sự sống con người bị hủy diệt.

Trong thơ cổ điển, Hồ Xuân Hương, nhà thơ ẩn dụ đã viết:

*Vành ra ba góc da còn thiếu
Khếp lại đôi bên thịt vẫn thừa.
Chơi xuân có biết Xuân chẳng tá*

Cọc nhỏ đi rồi lỗ bỏ không.

(*Vịnh Cái Quạt, Đánh Đu*)

Những chữ: ba góc, lỗ, và cọc có nghĩa ẩn dụ ám chỉ cơ quan sinh dục nữ và nam.

19.

HỒ TRƯỜNG AN: Khi sáng tác một bài thơ anh có dàn dựng ý tưởng trước hay anh để cho cảm hứng đưa đẩy dòng thơ anh?

VIỆT BẰNG: Trước khi sáng tác một bài thơ hay truyện ngắn tôi thường phác thảo những ý tưởng trên một tờ giấy, tìm những tương quan thích hợp với chủ đề qua những yếu tố thời gian, không gian, nơi chốn, với thơ quan trọng nhất là hình ảnh. Qua phác thảo, tôi đọc kỹ lại bài thơ vừa viết, sau đó dùng một

số kỹ thuật thơ như điệp ngữ, nhân cách hóa và ẩn dụ ở từ nào, câu nào thích hợp để câu thơ trở nên óng mượt hơn.

Điệp Ngữ:

*Sương nơi ấy như triển mây trắng đặc,
Tôi vẫn chờ em trắng một bến sương.*

(Việt Bằng, “Nơi Một Thủa Mùa Xuân Còn Ở Đó”, trong thi tập *Hình Ảnh Trôi Đi*)

Câu thơ này có hai điệp ngữ - chữ *Sương* và chữ *Trắng* được lặp lại hai lần.

Nhân Cách Hóa:

Tôi về bến cũ,

Nghe sóng gọi thuyền nhân

(Việt Bằng, “Tháng Sáu”, trong thi tập *Những Mảnh Tình Trong Khuôn Viên Đại Học*)

Chủ từ *Sóng* được nhân cách hóa bằng động từ "gọi".

Em đi, dãy núi nhìn ngậy ngát

Đá cũng tình si nhớ gót son.

(Đình Hùng)

Trong câu này, chủ từ *Núi* và *Đá* được nhân cách hóa bằng động từ *nhìn* và *tình si*

Ẩn Dụ:

Mùa Xuân tràn vào khung cửa hẹp

Em dục tôi,

lên đỉnh ngọn đồi.

(Việt Bằng, “Giã Từ Huyền Thoại” trong thi tập *Những Mảnh Tình Trong Khuôn Viên Đại Học*)

Đỉnh ngọn đồi là một ẩn dụ gợi lên một hình tượng khác mà tác giả muốn gợi ý hay ám chỉ.

20.

HỒ TRƯỜNG AN: Những bóng hồng trong thi ca anh có bao nhiêu thực chất, có bao nhiêu giả tưởng?

VIỆT BẰNG: Theo xu hướng hiện thực, phải có "đối tượng" bằng xương bằng thịt, tôi mới viết được dù là thơ hay truyện ngắn. Thi dụ mô tả một cô gái Miền Bắc, khác với cô gái Miền Trung, Miền Nam., một cô gái nông thôn khác với cô gái thành thị và càng khác với cô gái sống ở hải ngoại.

Qua phác thảo thơ, tôi phân tích từng đặc điểm của thân xác, từng nét đẹp tinh thần và tìm chi tiết liên quan tới nơi chốn, thời gian, không gian và tình huống đặc biệt mà một đối tượng này không thể giống với đối tượng khác. Chỉ khi đã hoàn tất bản Phác thảo, tôi mới chọn thể loại thơ thích hợp để viết. Với thơ tự do, hình ảnh, từ khúc và kỹ thuật thơ đóng vai trò quan trọng trong một bài thơ.

Trong thơ, không phải mỗi tình nào cũng đẹp, ngang trái có nét đẹp của ngang trái, muốn đưa một bài thơ lên đỉnh cao đôi khi tôi dùng "hư cấu" / "giả tưởng" để điều mô tả thêm mùi mẫn và lâm ly. Trong mỗi bài thơ đạt tiêu chuẩn, tôi thường viết 75% hiện thực và 25% hư cấu.

21.

HỒ TRƯỜNG AN: Anh nghĩ gì về văn học dịch thuật Miền Nam từ 1955-1975?

VIỆT BẰNG: Thời tôi còn là sinh viên thuần túy (1957-1961), có nhiều thì giờ đọc sách, số đầu sách dịch thuật những năm ấy lại rất hiếm hoi. Hầu hết những sách, truyện viết bằng tiếng Pháp mà tôi đọc đều liên quan đến giảng khóa, ở Đại Học Văn Khoa Sài Gòn.

Nếu tôi không lầm, năm 1958 chỉ có Nguyễn Vũ dịch cuốn *Bonjour tristesse* của Françoise Sagan dưới nhan đề tiếng Việt: *Buồn Ôi Xin Chào*.

Sau năm 1961, tôi đi vào ngành giáo dục, rất bận công tác giảng dạy, 32 giờ một tuần

gồm 16 giờ trường công và 16 giờ trường tư. Vì vậy không còn bao nhiêu thì giờ đọc sách để có một cái nhìn chính xác về văn học dịch thuật Miền Nam.

Sau năm 1970, Phạm Công Thiện dịch *Triết Lý Là Gì* của Heidegger và *Tự Do Đầu Tiên Và Cuối Cùng – The First and Last Freedom* của Krishnamurti; Trần Phong Giao dịch *Guồng Máy – L'Engrenage* và *Sự đã rồi – Les jeux sont faits* của J.P.Sartre; Thích Nhất Hạnh dịch và phổ biến *Triết Học Thiền – The Philosophy of Zen* của Dr. Suzuki, Viện Triết Học Tokyo.

Tháng 6 năm 1972, tham dự buổi dạ tiệc của Hội Ái Hữu Viện Quốc Gia Hành Chánh, cô Lê Thị Thục, sinh viên mới tốt nghiệp giới thiệu tôi với Tôn Nữ Phùng Khánh, một dịch giả nổi tiếng thời đó và cũng là giảng sư Viện Quốc Gia Hành Chánh, mới từ Mỹ về nước năm ấy. Lần khác tôi thăm cô tại phòng làm việc, người cho tôi hai cuốn *Đôi Bạn Chân Tình* và *Câu Chuyện của Dòng Sông* dịch từ bản tiếng Anh của Hermann Hesse. Theo tôi biết, cô là tác giả của mười truyện dịch, trong đó có những cuốn: *Bắt Trẻ Đồng Xanh*, bản tiếng Anh của Salinger - *Tặng Thư Sống Chết*, dịch từ cuốn Tibetan Book *Of Living And Dying* của Soyal Rin Poche ...

Từ 1974, Tôn Nữ Phùng Khánh trở thành Thích Nữ Trí Hải. Năm 2002, tôi đến Già Lam thăm cô, người rất bình an và rất Đại Thừa nhưng chỉ một năm sau, người đã qua đời trong một tai nạn xe hơi ở Sài Gòn.

Ngoài ra, truyện dịch từ những tác phẩm Trung Quốc của Hàn Giang Nhạn, Liêu Quốc Nhĩ, Kim Dung và Quỳnh Dao, nhiều vô kể đến nỗi tôi không nhớ hết.

Tóm lại trong 20 năm từ 1955-1975, văn học dịch thuật Miền Nam đã có những đóng góp

đáng kể nhưng không đồng bộ. Có những trào lưu tư tưởng không được giới thiệu hay giới thiệu rất ít trong khi những truyện của các tác giả Trung Quốc được xuất bản với số lượng lớn với mục đích thương mại.

22.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin cho biết nhận xét của anh về thi ca ở Miền Nam Việt Nam từ thuở di cư cho tới ngày chung cuộc của phân nửa đất nước còn lại của chúng ta, tức là từ Bến Hải cho tới Mũi Cà Mau?

VIỆT BẮNG: Thi ca ở Miền Nam Việt Nam thời này rất phong phú, Ngoài những nhà thơ nổi tiếng như Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, còn những nhà thơ mới nhập cuộc như Nguyễn Sa, Quách Thoại, Cung Trầm Tưởng, Du Tử Lê, Tô Thùy Yên, Hà Huyền Chi.

Thi ca ở Miền Nam từ 1955-1975 đã đạt được những tiến bộ khác hẳn với thời trước đó. Điều này chứng tỏ sự có mặt của các nhà thơ sau 1955 đã đẩy các nhà thơ cũ vào bóng tối. Từ đó, những Đông Hồ, Tương Phố, Quách Tấn, không còn được mấy ai nhắc đến.

23.

HỒ TRƯỜNG AN: Trong thi ca tự cổ chí kim, từ Nam chí Bắc, những nhà thơ Việt Nam nào mà anh thích nhất? Lý do. Những nhà văn nào mà anh thích nhất? Lý do.

VIỆT BẮNG: Có lẽ tôi chịu ảnh hưởng của thi văn lãng mạn Pháp Thế Kỷ XIX với Alphonse de Lamartine, Alfred de Musset, François René de Chateaubriand, Arthur Rimbaud và Paul Verlaine... Tôi rất thích thi văn lãng mạn nói chung và thi ca lãng mạn Việt Nam thời tiền chiến, nói riêng. Theo tôi, chỉ có thơ lãng mạn trữ tình mới là một tổng hợp tuyệt đỉnh của thơ mà thơ lại là tuyệt đỉnh

của ngôn ngữ loài người và chỉ trong Tình yêu, con người mới mang tính nhân bản.

Cho dù đã hơn 50 năm, tôi không thể nào quên những vần thơ lãng mạn, trữ tình này:

*Cái thừa ban đầu lưu luyến ấy,
Ngàn năm chưa dễ đã ai quên.*
(Thế Lữ)

*Mắt em là một dòng sông
Thuyền tôi bơi lặng trong dòng mắt em.*
(Lưu Trọng Lư)

*Anh sẽ trăm luân ngàn kiếp nhớ,
Cho dầu ngày mai em lãng quên.*
(Vũ Hoàng Chương)

Về truyện, tôi ưa thích *Số Đỏ*, *Vỡ Đê*, *Giông Tố* của Vũ Trọng Phụng và những truyện về tập quán phong tục Miền Nam của Hồ Biểu Chánh và Hồ Trường An với *Lúa Tiều Ruộng Biển*, *Bãi Gió Cồn Trăng*, *Bóng đèn Tà Nguyệt*... Truyện *Số Đỏ* đề cập đến sự xung đột giữa người già và người trẻ, hay nói cách khác giữa phái "cũ" và phái "mới" trong xã hội thời đó, vào những năm giữa hai cuộc Thế chiến..

24.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh cho biết tình trạng và sinh hoạt văn chương ở hải ngoại nói chung, ở Bắc Cali nói riêng.

VIỆT BÀNG: Thoạt nhìn trên bề mặt, sinh hoạt văn chương hải ngoại có vẻ phong phú, nếu nhìn sâu hơn, đó là một sự phát triển hỗn độn của một khu rừng hoang nhiệt đới hay của những tế bào ung thư, không có giá trị bao nhiêu để đi vào Văn học sử hay để lưu truyền cho đời sau. Người phê phán với dụng ý chính trị không phải là người làm văn học.

Theo nhà biên khảo Võ Đức Trung trong *Một Phần Tư Thế Kỷ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại*, Văn Hóa Pháp Việt Paris xuất bản năm 2004, hải ngoại có đến hàng chục ngàn thi sĩ nhưng số người thành danh chỉ độ vài trăm. Vượt lên khu rừng hoang này mới là sinh hoạt văn chương hải ngoại đích thực của những nhà thơ, nhà văn chân chính, độc lập, không trong một tổ chức Văn học nào.

Trong một tương lai gần, sinh hoạt văn chương hải ngoại nói chung, ở Bắc Cali nói riêng sẽ đi tới một tình trạng nan giải: văn học hải ngoại tự nó có thể tồn tại như một thực thể độc lập riêng rẽ hay buộc phải hội nhập với dòng chính (*mainstream*) của văn học mỹ, nếu không muốn trở về với Cội Nguồn.

Người Trung Hoa đã đến Mỹ ngay từ thời kỳ lập quốc của Hoa Kỳ, trước di dân người Việt hơn hai trăm năm, cũng không tránh được sự hội nhập dòng chính. Những nhà văn nổi tiếng của văn học hải ngoại Trung Quốc như Amy Tan hay Maxine Hongkingston ngày nay viết văn, làm thơ bằng tiếng Anh như người Mỹ, họ cũng không thể trở về nước vì văn học Trung Quốc nội địa không dành cho họ một chỗ đứng.

25.

HỒ TRƯỜNG AN: Những văn nghệ sĩ nào mà anh thân nhất?

VIỆT BÀNG: Trước năm 2000, tôi chỉ sinh hoạt với một nhóm nhỏ giáo chức bạn bè. Thế giới văn nghệ sĩ dường như hoàn toàn xa lạ với tôi. Nhưng từ tháng 5-2001, khi tôi ra mắt thi phẩm *Anh Mắt Tình Nhân* tại San Jose và Westminster, nếp sinh hoạt của tôi đã thay đổi hẳn và đã quay một góc 180 độ.

Trong một buổi tiệc tại nhà người bạn ở Fountain Valley, Orange County, cũng vào tháng 5/2001, qua Giáo Sư Nguyễn Đình

Cường, tôi quen Nhà Thơ Trần Văn Lệ. Vài tháng sau, tại San Jose, qua Trần Văn Lệ, tôi biết Nhà Thơ Dương Huệ Anh. Nhà thơ lão thành này mời tôi tham dự sinh hoạt của Thi Đàn Lạc Việt, trong đó có các Nhà Thơ Hà Thượng Nhân, Đông Anh, Huệ Thu, Nhà Văn Diệu Tần, các Nhà Biên Khảo Đặng Cao Nguyên, Đào Đức Chương, các Nhạc Sĩ Phạm Đức Huyền, Linh Phương v.v.

Cuối tháng 6-2001, tôi tham dự Hội Chợ Sách Westminster, do sự sắp xếp của Ban tổ chức, Nhà Văn Bác Sĩ Lê Phương Thúy, Nhà Thơ Sương Mai và tôi ngồi cùng một bàn. Hội Chợ Sách kéo dài ba ngày, chúng tôi trở nên thân hơn, nhờ nhau trông giùm sách trưng bày để đi ăn sáng, ăn trưa hay thăm bạn bè trong giây lát. Trong mấy ngày đó, các Nhà Thơ Trần Mộng Tú, Hà Huyền Chi thường ghé bàn chúng tôi nói chuyện hay thảo luận về một số vấn đề văn nghệ.

Trong buổi ra mắt Tuyển tập *Vườn Thơ Hải Ngoại* của Diễm Châu, Chủ nhiệm tạp chí Phụ Nữ Thời Nay Hải Ngoại, tôi quen biết Nhà Thơ Ngô Tịnh Yên, các Nhà Văn Bùi Trọng Hợp, Nguyễn Ngọc Ngạn, Hải Bằng HDB và Chu Kim Oanh, Chủ nhiệm tạp chí Rạng Đông, Phoenix, Arizona.

Qua Website www.vietbang.com, tôi được biết một số các văn nghệ sĩ khác như Nhà Biên Khảo Võ Đức Trung, nhóm Văn Hóa Pháp Việt, Paris và các Nhà Văn, Nhà Thơ Hồ Trường An, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Lưu Nguyễn Đạt, Trần Bích San, Vi Khuê, Kim Vũ... Ngày nay, qua giao tiếp tôi được hân hạnh quen biết và cộng tác với khoảng trên 70 văn nghệ sĩ đa số là bạn rất chí tình, nhưng người thường có mặt bên tôi trong mọi lúc, mọi tình huống vẫn là nhà thơ lão thành Dương Huệ Anh.

26.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh cho biết động cơ nào, lý do nào mà anh hình thành hai thi tập *Ánh Mắt Tình Nhân* và *Những Mảnh Tình Trong Khuôn Viên Đại Học*?

VIỆT BẰNG: Lúc đầu tôi làm thơ như một thú vui để giải trí chứ không có động cơ nào thúc đẩy, với thời gian, thơ càng ngày càng nhiều, bạn bè khuyên nên in thành tập kéo thất lạc hết.

Ánh Mắt Tình Nhân là thi phẩm đầu tay, viết khi tôi còn là sinh viên thuần túy từ 1957 tới 1961, tại Trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Sau thêm một vài bài thơ viết trước và sau 30-4-1975.

Những Mảnh Tình Trong Khuôn Viên Đại Học là thi phẩm thứ hai viết từ 1994 tới 1997, khi tôi còn học ở San Jose State University cho đến lúc tốt nghiệp B.A Liberal Studies tại trường đại học này vào Tháng 5-1997.

Từ năm 2001, tôi sinh hoạt với nhiều nhóm văn nghệ sĩ, người cho hình bìa, người cho phụ bản, các Nhạc Sĩ Phạm Đức Huyền, Linh Phương...phổ nhạc dùm tôi khoảng 12 bài thơ. Ngoài ra Chu Kim Oanh, Chủ nhiệm tạp chí Rạng Đông, Phoenix, Arizona, Diễm Châu, Chủ Nhiệm tạp chí Phụ Nữ Thời Nay Hải Ngoại, Sương Mai và Cao My Nhân là những người bạn thúc dục tôi ấn hành hai thi phẩm kể trên.

27.

HỒ TRƯỜNG AN: Còn văn xuôi ở Miền Nam trước 1975 và văn xuôi ở hải ngoại, anh có những nhận xét gì?

VIỆT BẰNG: Văn xuôi Miền Nam trước năm 1975 khá đa dạng, Giai đoạn 1955-1960 là mốc mới cho sự nghiên cứu văn xuôi. Với sự ra đời của nhóm Sáng Tạo năm 1956, sinh hoạt văn học dường như thay đổi hẳn. Văn Hóa

ngày Nay của Nhà Văn Nhất Linh, nhóm Tự Lực Văn Đoàn cũng góp mặt vào thời gian này nhưng chỉ sau vài số phải đình bản vì không có độc giả. Điều này chứng tỏ tâm lý độc giả đã thay đổi - xa lìa cái cũ và ưa chuộng cái mới.

Trong thập niên 1960 Chủ Nghĩa Hiện Sinh tác động nhiều nhất vào văn học Miền Nam, những tác phẩm của J.P. Sartre, A. Camus và Françoise Sagan tràn ngập các tiệm sách ở Sài Gòn đã làm phát triển một phong trào dịch thuật những tác phẩm của những tác giả này. Vào giai đoạn này, những tác phẩm của Nguyễn Thị Hoàng, Túy Hồng, Lê Hằng, Nguyễn Thị Thụy Vũ, dường như phảng phất chút gì của văn học Hiện Sinh nước ngoài. Những nhà văn nữ còn đi xa hơn và thành công hơn những nhà văn nam đương thời trong sự miêu tả nếp sống buông thả, nghiêng về hành vi dục tính của thanh niên nam nữ thời đó.

văn xuôi hải ngoại có nhiều truyện ngắn, nhưng ít tiểu thuyết khác hẳn với thời Tự Lực Văn Đoàn và Vũ Trọng Phụng. Người viết thường thiên về "kể" hay "tả", những hình thức sơ đẳng, không mấy người dùng đến "suy diễn" hay "nghĩ" liên quan đến chiều sâu của một nền văn hóa, triết học mà tôi nghĩ người viết cần trau dồi.

Nếu trong truyện tình ngày trước, tình yêu được lý tưởng hóa bằng nhớ thương, ngày nay trong văn chương hải ngoại, tình yêu được tính dục hóa, không còn héo hon, mong đợi, trông chờ mà hưng phấn, tham lam, vội vàng trong hưởng thụ. Rõ ràng lãng mạn thân xác đã thay thế cho lãng mạn tinh thần.

Tình dục là chủ đề chính

trong truyện *Mùi Hương Quế* của Dương Như Nguyệt, *Áo Đàng* của Mai Ninh, *Âm Vọng* của Lê Thị Thắm Vân. Cả ba đều là những nhà văn khoa bảng nữ được độc giả ưa chuộng.

28.

HỒ TRƯỜNG AN: Anh có thích văn chương và thi ca ngoại quốc không? Nếu có, anh thích những tác giả nào (về văn cũng như về thơ) nhất? Lý do.

VIỆT BÀNG: Năm 1961, do môn học tôi lựa chọn ở Đại học, cần phải đọc sách nước ngoài nhiều, lâu dần thành một thói quen trước khi là một thú vui. Vì vậy tôi rất thích Văn Chương Ngoại Quốc. Nền tảng của Văn Chương là tư tưởng Triết học nhất là với văn học hiện sinh.

Nếu muốn hiểu J.P. Sartre, tôi không thể không đọc ba cuốn *L'Être et le Néant (Hữu Thể và Hư Vô, 1943)*, *L'Existentialisme est un humanisme (Hiện sinh là một Nhân bản, 1946)*, *Critique de la raison dialectique (Phê bình Biện Chứng Pháp, 1960)*.

Qua mùa thi, tới Hè, tôi tìm hiểu thêm một số tiểu thuyết và truyện ngắn của J.P. Sartre như *La Nausée (Buồn Nôn, 1938)*, *Le Mur (Bức Tường, 1939)* và *Morts sans sépulture (Không một nấm mồ, 1946)*. Ngoài ra tôi cũng đọc sách của những tác giả phê bình J.P. Sartre như R. Campbell qua *J.P. Sartre ou une Littérature philosophique (J.P. Sartre hay Văn chương triết học, 1945)*, Francis Jeanson qua *Le Problème moral et la pensée de Sartre (Vấn đề Đạo đức trong tư tưởng Sartre, 1947)*.

Tuy đọc J.P. Sartre khá



Nhà Văn
Hồ Trường An

nhieu và cũng thích Sartre nhưng tôi lại ưa A. Camus hơn: những truyện *L'étranger* (*Kẻ Lạ Mặt*, 1942), *Le Mythe de Sisyphe* (*Huyền thoại Sisyphe*, 1942), *La Peste* (*Dịch Hạch*, 1947) đã thu hút tâm hồn tôi ngay từ những trang đầu, nhất là cuốn *L'Étranger*.

Văn chương triết học Hiện Sinh không những soi nguồn cho những sáng tác văn học mà còn ảnh hưởng nhiều đến các ngành nghệ thuật khác như điêu khắc và hội họa nữa. Tôi thích văn chương triết học Hiện Sinh vì nó phù hợp với sự suy diễn và quan niệm Mỹ học của tôi.

Từ lúc đắm mình vào dòng Hiện Sinh, tôi không còn nhiều thời gian để đọc thơ Hậu Hiện Đại, vì vậy không dám đưa ra những nhận xét chủ quan.

29.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin anh cho biết dự định của anh về văn chương trong tương lai.

VIỆT BẰNG: Tôi dự định xuất bản một tập truyện gồm 15 truyện ngắn khoảng 250 tới 300 trang, nhan đề *Áo Em Hồng Bông Cuộc Đời*. Hiện nay tôi đã viết xong 10 truyện.

30.

HỒ TRƯỜNG AN: Xin cảm ơn Nhà Thơ Việt Bằng.

VIỆT BẰNG: Cảm ơn anh Hồ Trường An và xin lỗi nếu có những lời đáp phiến diện chưa đúng với nội dung những câu hỏi anh đặt ra.

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003

TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC

[1]

CHIỀU XUÂN

Quạnh quẽ phòng vắng rực ánh vàng
 Cùng mai ta lặng đón xuân sang
 Chơi vui cảnh uốn nâng nghìn đóa
 Chuyển choáng men say thảo mấy hàng
 Hương sắc tân niên vừa chắt ngắt
 Ý sầu cổ lý đã mênh mang
 Ngoài hiên rủ bóng hoàng hôn lạnh
 Bước gió hay chân khách muộn màng

[2011]

ĐOÀN CHINH NAM

[2]

THÁNG TƯ ĐEN

Tháng Tư tan tác cánh mai vàng
 Giông bão từ phương Bắc chuyển sang
 Suối máu hờn căm... sương giọt giọt
 Núi sầu u uất... lệ hàng hàng
 Rừng xanh phơi xác đêm tiền sử
 Quỷ đỏ hiện hồn thuở hỗn mang
 Yêu quái vượt ve đùng nhẹ dạ
 Ma trời hòa giải chớ mơ màng

Feb. 11, 2011

HỒ CÔNG TÂM

[3]

XUÂN CỠ LẠNG

Ở đây Tết đến vắng mai vàng
 Giá lạnh đêm ngày nắng biếng sang
 Tuyết trắng mù trời giăng lớp lớp
 Mưa dầm sũng đất nổi hàng hàng
 Hương xưa cảnh cũ lòng hằng giữ
 Nỗi quạnh nơi này nghiệp trót mang
 Từ lúc giam mình nơi cỗi lặng
 Xuân đi Xuân lại đã không màng

Feb. 17, 2011

VƯƠNG HỒNG-NGỌC

[4]

MỘT GÓC XUÂN

Gió xuân hiu hắt rụng hoa vàng
 Vừa mới hôm nào đón Tết sang
 Câu đối nghinh tân còn đậm nét
 Văn thơ tổng cự chưa loi hàng
 Mộng như tuyết trắng ngày đông chí.
 Thực tựa sương mù phủ hồn mang
 Năm tháng chất chồng lên tuổi tác
 Cỗi riêng tình lặng vẫn mơ màng

Boston, 18-2-2011

ĐOÀN NGỌC KIỀU NGÀ

MÈO HAY THỎ

VĂN BA

Năm Mão người Việt Nam gọi là năm mèo, người Trung Hoa cho là năm thỏ. Tôi nhớ mang máng cách nay trên năm mươi năm, một nhà báo Sài Gòn có đưa ra giả thuyết là theo một học giả Trung Hoa thời xưa thì mèo là thỏ. Mong các nhà khảo cổ Việt Nam đương thời thông thạo Hoa văn tìm xem học giả Trung Hoa ấy là ai.

Người Trung Hoa thích ăn thịt mèo. Ngày chúng tôi sang Quảng Châu cách đây mười năm, thấy trong chợ bán đầy mèo con nhốt trong lồng sắt, mỗi lồng chứa độ bốn năm chục con. Anh hướng dẫn viên người Trung Hoa cho biết là mèo bán để ăn thịt. Một món đặc biệt của Quảng Đông là mèo nấu với rắn gọi là «Hổ Long giao chiến» (Bataille entre Tigre et Dragon). Có người trong bọn du khách chúng tôi phản nản, thì anh hướng dẫn viên trả lời: « Ở Âu Châu các ông ăn thịt ngựa, còn ghê tởm hơn ».

Người Việt Nam không ăn thịt mèo, nhưng thịt thỏ thì không từ chối. Người ăn thịt thỏ nhiều nhất mà tôi được biết là anh Trần, anh họ của tôi. Anh hơn tôi mười tuổi. Bác tôi là địa chủ giàu «nức đố đố vách», tranh được chức « Hội đồng » rồi lên « Huyện ». Tiền tài, danh vọng, lại thêm quý tử: anh Trần cao lớn, đẹp trai, thông minh, hiếu học. Đồ tú tài đôi năm 19 tuổi, đôi cha mẹ cho sang Pháp du học.

Bác gái thì nhất định không chịu: «Cho nó đi Hà Nội học luật cho gần, mỗi năm nó về thăm nhà tôi mới yên lòng ».

Anh Trần cãi lại: « Trường Luật Hà Nội ai vào học cũng được. Sinh viên không có tú tài cũng được vào học*. Trình độ như thế thấp kém lắm. Và lại tôi muốn học đến tiến sĩ luật, trường Luật Hà Nội chỉ có đến cử nhân ».

Bác trai mơ ước cho con một địa vị cao xa hơn trong xã hội. Con hơn cha là nhà có phước. Đang phân vân chưa biết tính sao thì có người mách bác kể hay là mời thầy bói đoán cho một quẻ. Thầy bói nhìn anh Trần, hỏi ngày giờ năm tháng sanh, coi chỉ tay rồi gieo quẻ: « Cậu này ngày sau sẽ là tột lương đồng của triều đình, một cột trụ của giang sơn. Cung mạng tuyệt hảo, có quới nhân phù hộ. Vượt bể trôi non lên nguồn xuống thác, lúc nào cũng gặp may ».

Bác gái mừng quá, thốt lên: «Thường cho thầy một trăm đồng bạc!».

Bác trai còn thắc mắc: «Thầy xem bên Âu Châu những năm sắp đến có được yên không?»

- « Điều này tôi phải xem thiên văn tối nay. Ngày mai trả lời ».

Trước khi từ giã, thầy ngập ngừng hỏi: «Âu Châu ở về hướng nào nhỉ?»

- « Thưa thầy hướng Tây!»

Hôm sau thầy đến đem tin mừng: « Âu Châu đang ở vào một giai đoạn thái bình thanh trị ».

Bác gái mừng rỡ, thường thầy một trăm đồng nữa. Ai nấy yên lòng và anh Trần sắp sửa hành lý xuống tàu đi Pháp. Bác trai là người cẩn thận lo xa, cho con xuống Montpellier miền Nam nước Pháp khí hậu ôn hòa hợp với người Việt. Bác gửi một số tiền to tát vào nhà băng Pháp để nếu rủi ro có chiến tranh thì anh Trần vẫn có thể sống dư giả trong mười năm.

Hai tháng sau, gia đình được thư anh Trần cho biết rằng anh ngụ tại « Pension Dupont » (Chez Dupont tout est bon). Ông Dupont chủ nhà trọ rất tử tế, lo việc ăn ở cho anh rất chu đáo, và anh đã ghi tên vào trường Luật. Hai bác an lòng, thì những tin không tốt dồn dập hiện trên mặt báo: «Nước Đức thôn tính nước Áo». «Nước Đức xâm chiếm Ba Lan».

Nước Pháp xây chiến lũy Maginot, một công trình vĩ đại. Tướng Gamelin thách quân Đức:

«Ai dám tấn công chiến lũy Maginot, tôi sẽ thưởng một triệu quan!». Các báo ca tụng chiến lũy Maginot không ngớt. Học sinh tiểu học như bọn chúng tôi chưa hơn mười tuổi mà cũng nghe tiếng. Giờ chơi, ở sân trường, học sinh chúng tôi lượm đá, cây, mô đất, xây chiến lũy Maginot và chia làm hai tốp: một tốp giả làm quân đội Đức, một tốp làm quân đội Pháp. Đức tấn công, Pháp phòng thủ. Một hôm « quân Đức » quá hung hăng tràn qua chiến lũy và reo lên: «Chiến lũy Maginot bị thủng!». Thầy giáo đang ngồi trong lớp chạy ra hét lớn: « Chúng bay muốn bị tù một gông hả?! Lừa trò khác mà chơi!».

Chiến lũy Maginot không hề bị thủng, nhưng quân đội Đức tràn qua Pháp như nước vỡ bờ. Tin giạt gân trên các báo: «Thành phố Amiens và thành phố Arras đã vào tay quân địch!». Bác gái khóc hu hu: « Trâu bò húc nhau ruồi muỗi chết. Liệu con tôi có tránh được làn tên mũi đạn không đây? ».

Bác gái đang rầu buồn, thì vài hôm sau bác trai hơn hờ báo tin: «Thống chế Pétain đã ký hòa ước với Đức. Đức chiếm đúng nửa trên nước Pháp, nửa dưới là vùng tự do, có chi mà phải lo sợ».

Rồi Nhựt vào Đông Dương, ít lâu sau lật

đổ chính phủ Pháp và gây trận đói kinh khủng ở miền Bắc. Kế đó, Đồng Minh đổ bộ lên đất Pháp, đánh lui Đức. Đức đầu hàng nhưng Nhựt chưa đầu hàng.

Bác gái cứ than thở: « Biết bao giờ hết giặc cho con tôi trở về? ».

Bác trai an ủi: « Theo lời sấm Trạng Trình năm nay là hết giặc: Thân Dậu niên lai kiến thái bình ».

- « Năm nay là năm Dậu rồi đó ông ơi ! »

- « Nhưng phải chờ đến tháng Thân Lôi sấm rành rành: Tháng Thân năm Dậu là hòa bình!»

Và đúng như thế, tháng Thân năm Dậu thì Nhựt đầu hàng Đồng Minh.

Nhưng thái bình chẳng thấy. Loạn lạc lại bị đất hơn. Hai bác suýt lâm tai nạn, phải tản cư lên Sài Gòn, sống chật vật, nhưng rất vui mừng nhận được tin con trai đã xong Tiến sĩ Luật và sắp về nước.

Ngày anh Trần về nước, tuy hai bác không còn giàu có như ngày xưa, nhưng cũng làm tiệc đãi họ hàng. Tôi nhận thấy anh Trần tươi thắm hồng hào, hỏi thì anh cho biết không hề bị thiếu thốn về vật chất trong lúc chiến tranh ở Âu Châu. Mặc dầu thực phẩm bị hạn chế, nhưng có tiền anh mua chợ đen nên lúc nào cũng no bụng. Ông Dupont chủ nhà trọ bàn với anh nếu muốn



ăn thêm thịt thỏ, thì ông bảo một chủ trại ở nhà quê mỗi tuần đem ra một con thỏ, nhưng phải trả tiền rất đắt. Anh đồng ý và mỗi sáng chủ nhựt, một người nhà quê đi xe đạp đem rau cải và một con thỏ đến nhà trọ Dupont. Ông chủ nhà gọi anh xuống xem con thỏ béo tốt, và nói bà bếp sẽ nấu civet hay chiên moutarde tùy sở thích của anh.

Bà con không ngớt lời khen anh, và ước mong anh được một ghế bộ trưởng: một người làm quan, cả họ được nhờ. Nhưng ghế bộ trưởng rất hiếm. Nhờ người quen tiền cũ, anh Trần được tung sạt tại bộ ngoại giao.

Mười năm sau, nhân dịp đi công cán tại Pháp, sau khi xong công việc, anh nhớ tới ông Dupont và thầm nghĩ: « Phải xuống Montpellier thăm ông Dupont, và cảm ơn ông ta ».

Anh trở lại « Pension Dupont » thì quán trọ đã đổi tên thành « Chez Hubert ». Ông Dupont đã về hưu lâu rồi, và chính bà đầu bếp Hubert đã mua lại cơ sở.

- « Tiếc quá không được gặp ông Dupont để hàn huyên chơi và cảm ơn ông. Tôi còn nhớ mãi trong lúc hạn chế thực phẩm mà mỗi chúa nhựt được ăn thịt thỏ, thật là quý hóa ».

Bà Hubert bật cười dòn:

- « Ông bị ông Dupont gạt mà không ai dám nói. Thỏ đầu mà làm cho ông ăn. Thịt mèo đó ông ơi! Tại sao ông không nhìn kỹ. Chỉ có một con thỏ do người cháu ông Dupont chúa nhựt nào cũng đem ra rồi đem về. Còn mèo thì quanh đây hiếm chi ! ».

Anh Trần nghe xong mửa mật xanh, nổi mề đay đầy mình và kêu ngoao ngoao như mèo. Anh định tìm ông Dupont để trị một trận, nhưng ông Dupont về hưu tận trong miền núi Pyrénées, và anh Trần thời gian công tác cũng hết hạn đành quay về Việt Nam.

Văn Ba (Paris)

* Ai cũng vào học được là cấp «Capacité en droit», cấp cử nhân thì phải có bằng tú tài mới được ghi tên vào học. Các đại học luật bên Pháp cũng như vậy. Anh Trần chỉ nói nửa sự thật!

GỬI BẠN CAO NIÊN

Đôi lời gửi bạn tuổi cao hay,
Ta sống một ngày lãi một ngày.
Nhưng biết thế nào là sống lãi ?
Cho thời vàng lão nhẹ nhàng bay.

Những ngày sống lãi ở trên đời,
Là những hồng ân, chớ lãng chơi.
Nên gắng tu thân và tích đức,
Tận dùng nhân cảnh tạo đời tươi.

Chết rồi thân xác rửa tan mau.
Vĩnh cửu hồn linh thật nhiệm mầu.
Bác ái, thương người, thờ phụng Chúa.
Ăn năn, đền tội, đẹp đời sau.

Nay đang vui tuổi cổ lai hy,
Gân cốt hao mòn khó bước đi,
Nhưng vẫn không quên lê gót tới
Thánh đường cầu Chúa, Mẹ từ bi.

Những điều cảm nghĩ kể trên đây,
Ao ước từ lâu được tỏ bày,
Cùng những vần thơ từng phổ biến,
Nhắc lời răn dạy Chúa cho hay.

**Phượng Du -
Nguyễn Bá Hậu**

(Paris)

Con Đường Văn Hóa Việt Nam

Nguyễn Văn Nhiệm

(Tiếp theo kỳ trước)

Các loại Triết học duy lý đều là nhị nguyên của lý trí, có tính cách phân ly chia cách, dựa trên một số định đề do chính mình đặt ra chỉ có giá trị hạn định, mà tưởng chừng như là chân lý tuyệt đối, trong khi đó lại chưa hề đề ý đến vai trò của vô thức, tiềm thức, là cơ năng tiềm tàng nhưng lại có khả năng dẫn dắt con người tới nguồn sống vũ trụ mênh mông.

Trên con đường triết lý từ Tây sang Đông, không thể nào không ghé qua Ấn Độ huyền bí để tìm hiểu phương pháp suy tư *Vô nhị*. Vì Nhị nguyên đưa đến giải pháp chọn mặt này, bỏ mặt kia, làm mất mối liên hệ nội khởi, cơ thể của vạn vật, đi ngược lại với tính bản nhiên của thực tại có tính cách toàn thể là lưỡng nhất tính, cho nên thuyết Vô nhị chủ trương không có hai, vạn vật phải đồng nhất thể, một thực thể ở bình diện khác và cao hơn bình diện thường nghiệm. Những gì sai biệt, đa tạp trên đời chỉ là huyền tướng, ảo mộng (thuyết Maya). Cùng một thuyết Vô nhị mà có hai cách thái hiệu và hành khác nhau:

Thái độ tiêu cực coi mọi sự vật, mọi hiện tượng là huyền ảo, không có thực, nên đưa đến việc coi thường cuộc sống ở đời.

Thái độ tích cực chấp nhận sự dị biệt, đa tạp ở đời, coi như là *Tục đế*, là những sắc thái phong phú biến hiện từ một thực thể Brahma thuộc *Chân đế*. Phật giáo Đại thừa đại diện cho thái độ tích cực này trong hạnh Bồ Tát. Bồ Tát khi đã đắc đạo, thay vì nhập Niết Bàn, thì lại trở về với vòng sanh tử luân hồi để cứu độ chúng sinh ở thế gian. Như vậy tu đạo là hướng về Chân đế mà

cũng không loại bỏ Tục đế, bởi vì cả hai có liên hệ khăng khít với nhau theo cái lẽ vừa *hằng* vừa *chuyển*. Kinh Phật cũng có nói: „*Ly hiện tướng vô bản thể, ly bản thể vô hiện tướng*“.

Nói chung, thái độ tiêu cực thắng thế ở Ấn Độ, thái độ tích cực bị đẩy ra ngoài và phát triển ở Á Đông, đến Việt Nam thì thị hiện thành Thiền phái Thảo Đường đời Lý và Trúc Lâm đời Trần, mà tư tưởng còn lưu lại rất rõ qua “ *Phổ thuyết hưởng thượng nhất lộ* “ của Vua Trần Thái Tông: “ *...trong hang qui mà là lâu đài Di Lạc, dưới núi tôi có cảnh giới không khác của Phổ Hiền, nơi nơi tạc lớn sáng rực, Chân Tính là Môn Pháp Không Hai* “ và qua “ *Cư trần lạc đạo phú*“ của vua Trần Nhân Tông: “ *Cư trần lạc đạo thả tùy duyên...*“ (Ở đời vui đạo hãy tùy duyên...) nhà vua đã kết hợp hài hòa, quân bình giữa hai lãnh vực “ *ở đời* “ và “ *vui đạo* “ theo tinh thần triết lý lưỡng nhất của Việt Lý.

Do cơ duyên nào mà thái độ tích cực nói trên, tức cây Đại thừa lại đâm chồi nảy lộc ở Á Đông nói chung và ở quê hương Việt Nam nói riêng như vậy? Xin thưa ngay là nhờ mảnh đất phì nhiêu nơi đây. Mà mảnh đất có phì nhiêu thì cây cối mới nở hoa Minh triết, vạn vật mới sinh hóa, còn nơi nào đất khô cằn thì làm sao có thể có sự sống sung mãn được, mà trái lại đó chỉ là môi trường của sự diệt sinh, dẫn đến tư tưởng tị thế. Thật vậy, từ hàng ngàn năm trên những vùng đất phì nhiêu cõi Á Đông đã nảy nở những bông hoa Minh triết, đặc trưng cho nền văn hóa nông nghiệp truyền thống. Nơi đây trời, đất, vạn vật, con người đều hòa hợp trong một môi trường sống, trong một sinh thái theo kiểu cơ thể.

Tinh hoa tư tưởng trong văn hóa Đông phương hầu hết nằm trong Kinh Dịch. Hệ Từ Thượng có câu:

“*Dịch hữu Thái Cực, thị sinh Lương Nghi, Lương Nghi sinh Tử Tượng, Tử Tượng sinh Bát Quái*”

Như vậy, Dịch là quá trình đại biến hóa vũ trụ, vạn vật, mà khởi đầu là Thái Cực. Thái Cực là Nguyên Khí, là khí tiên thiên vô cùng tận, rất huyền diệu, trong đó đã tiềm phục hai nguyên lý Âm Dương. Hai nguyên lý này ràng buộc lẫn nhau trong một thể thống nhất là Thái Cực dù là vật cực nhỏ (tiểu vũ trụ) hay cực lớn (đại vũ trụ) như Kinh Dịch đã xác nhận: “*Nhân nhân vật vật các hữu thái cực*” nghĩa là người người vật vật mỗi thứ tự nó đều có Thái Cực. Ngay mỗi Nghi của Lương Nghi cũng lại là một Thái Cực rồi, nghĩa là trong Âm đã chứa sẵn mầm Dương và trong Dương đã có mầm Âm. Cho nên hai nguyên lý Âm Dương quện lấy nhau, thâm thấu lẫn nhau trong cuộc sinh hóa bất tận như ý nghĩa của câu nói ở Hệ Từ Thượng: “*Nhất tân chi vị thịnh đức, sinh sinh chi vị Dịch*”, nghĩa là ngày một mới là đức thịnh, sinh rồi lại sinh gọi là Dịch.

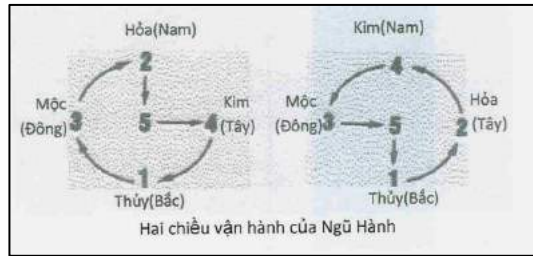
Hệ Từ cũng nói: “*Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo, kế chi giả thiện dã, thành chi giả tinh dã*” : một Âm một Dương là Đạo, tiếp theo Đạo là Thiện, thành được cái Đạo đó là Tinh, nghĩa là thực hiện được sự hòa hợp hai đầu mỗi Âm Dương.

Như vậy Thành Tinh là theo Đạo Trung Dung giữa Âm và Dương, giữa Thiên và Địa, mà con người là yếu tố Hòa giữa Âm Dương, Thiên Địa, có địa vị cao cả trong hệ thống Tam Tài.

Khai triển thêm bước nữa thì có Ngũ Hành, rồi Hồng Phạm Cửu Trù.

Khác với quan niệm Tứ Đại của Ấn và Hy Lạp, ở Ngũ Hành thì Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ không phải là năm nguyên tố vật chất, mà là những khuynh hướng vận hành của thể lực như ý nghĩa của chữ Hành. Chữ Ngũ cũng có ý nghĩa rất quan trọng, mang cơ số 5 là tổng số

của 3 và 2, tức “*tham thiên lưỡng địa*” trong tương quan 3 Trời, 2 Đất. Ngũ là Hành Thổ ở Trung Cung, không có phương hướng riêng, nên rất thần diệu, có khả năng điều hợp, hòa giải các Hành kia, cho nên đó là Tiềm thể tâm linh siêu việt vậy. Các Hành Kim Mộc, Thủy Hỏa chẳng qua là khai triển rộng của Âm Dương mà thôi. Nếu chỉ chạy loanh quanh ở vòng ngoài vật chất hữu hình là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa thì còn nhiều mâu thuẫn, chỉ khi nào hồi tâm quay về với nội giới để duy trì tính lưỡng nhất là “*hợp nội ngoại chi đạo*” thì mọi mâu thuẫn mới biến mất. Hệ Từ Thượng nói: “*An thổ đôn hồ nhân có năng ái*”, nghĩa là có vào tới Trung Cung mới “*an thổ*”, rồi “*năng ái*”.



Hồng Phạm Cửu Trù là những phép lớn, lược đồ lý tượng, tiêu chuẩn mẫu mực uyên nguyên nhằm đem Đạo (Hồng Phạm) vào Đời với chín khu vực, bờ mốc (Cửu Trù), hướng dẫn cuộc sống sao cho hòa hợp với nhịp điệu tự nhiên của Trời Đất để có Hạnh Phúc. Cũng như ở Ngũ Hành, bốn Hành qui về Hành Thổ ở Trung Cung, thì ở Hồng Phạm Cửu Trù, tám Trù qui về Hoàng Cực như trung tâm quân bình, là chỗ chỉ trung giữa Trời và Đất.

Hồng Phạm có viết: “*Duy thiên âm trất hạ dân. Tương hiệp quyết cư*”: Chỉ trời ngậm ban xuống cho dân ở hạ giới. Cùng dân hợp ở một chỗ.

Trời ngậm ban xuống, cho nên không thể hiểu bằng lý trí thông thường mà phải hiểu bằng tâm. Tâm đó là tâm thanh tịnh, trống rỗng, không bị che lấp bởi tư ý, tư dục, trở thành linh diệu, nên gọi là Tâm Linh, tức là Minh Đức, là cái Đức của

Tâm Siêu Việt có chiều kích vô biên. Rồi những cái cũng có chiều kích vô biên như vậy mới hội thông nhau, lúc đó mới có hy vọng quán thông thiên địa vạn vật vào Nhất Thể.

Ở Triết lý nhân sinh, tâm vươn tới bình diện Nhân bản tâm linh, con người được chọn làm bản gốc, là trung tâm qui chiếu, hòa giải các thế lực ngoại tại, có khả năng thiết lập mỗi tình nhân loại phổ biến, tạo cảnh Thái Hòa cùng khắp.

Ngũ Phúc		
Ngũ Kỹ	Lục Cực	Ngũ Sự
4	9	2
Lịch số	Thường phạt	Hiện tượng nội giới
Bát Chính	Hoàng Cực	Kê Nghi
3	5-10	7
Tổ chức Quốc Gia	Trung tâm vũ trụ	Chiêm nghiệm
Thứ Trung	Ngũ Hành	Tam Đức
8	1	6
Thời tiết	Hiện tượng ngoại giới	Xử thế tiếp vật

Biểu đồ ma phương của Hồng Phạm Cửu Trù

Hà Đồ, Lạc Thư: Hệ Từ Thượng có ghi:

“Hà xuất đồ, Lạc xuất thư”.

Tục truyền, đời Phục Hy, có con long mã nổi lên ở sông Mạnh Hà, trên lưng có những điểm đen trắng được phân phối như sau:

2 đen, 7 trắng ở phía trước.

1 trắng, 6 đen ở phía sau.

3 trắng, 8 đen ở bên trái.

4 đen, 9 trắng ở bên mặt.

5 trắng, 10 đen ở chính giữa.

Còn Vua Đại Vũ, sau khi trị thủy, thấy rùa thần hiện lên ở sông Lạc, trên lưng có đồ hình gồm những vạch được phân bố như sau:

9 vạch ở gần đầu.

1 vạch ở gần đuôi.

3 vạch ở gần sườn bên trái.

7 vạch ở gần sườn bên mặt.

4 vạch ở gần vai trái.

2 vạch ở gần vai mặt.

8 vạch ở gần chân trái.

6 vạch ở gần chân mặt.

5 vạch ở chính giữa.

Các vị thánh triết nhân đó mới thiết lập ra Hà Đồ và Lạc Thư cũng như Tiên Thiên và Hậu Thiên Bát Quái. Hà Đồ hình tròn, Lạc Thư hình vuông cũng như chuyện bánh dày bánh chưng đều có ý nghĩa Minh triết: hình tròn tượng trưng Trời, cõi tiềm thức, tâm linh với cơ số 3; hình vuông tượng trưng Đất, cõi ý thức với cơ số 4 hay 2. Tròn vuông là độ trung hòa lý tưởng để có Minh triết, cho nên người Việt luôn luôn cầu mong và cầu chúc cho nhau “*Mẹ tròn con vuông*”. Liên hệ 3-2 cho thấy tiềm thức có vai trò quan trọng để có Minh triết, chính nó dẫn dắt đời sống con người êm thấm theo luật quân bình, mà ý thức nhiều khi không hay biết. Cũng có những lúc gặp khó khăn trong nhân sinh mà ý thức hạn định không giải quyết được, tiềm thức phát ra những tín hiệu đặc biệt gọi lên miền ý thức như trong câu nói: “*Hà xuất đồ, Lạc xuất thư*”. Hà, Lạc chỉ miền tiềm thức sâu thẳm, còn đồ, thư là nội dung của thông điệp giúp mở rộng tầm ý thức. Đó cũng là ý nghĩa trời ngầm ban xuống hạ giới qua tiềm thức, mà chỉ những bậc chí thành mới thông hội được. Cũng như ngày nay, các công trình nghiên cứu, phát minh của các nhà bác học, thông thái không phải tức thời có kết quả, mà phải tích lũy nhiều kinh nghiệm cho đủ liều lượng nơi tiềm thức mới nảy bật ra ánh sáng phát minh theo qui luật lượng phẩm.

“*Hà Đồ thể viên nhi dụng phương. Lạc Thư thể phương nhi dụng viên*”. Tính chất này cũng tương tự như trong dương có âm, trong âm có dương vậy, cho nên Hà Đồ, Lạc Thư thường được biểu thị trong một Đồ Thư Hợp Nhất, biểu thị tính lưỡng nhất của nền Minh triết, hợp cả nội ngoại của Đạo.

Tổng cộng các số ở Hà Đồ là 55, các số ở Lạc Thư là 45. Như vậy tổng số của Đồ Thư Hợp Nhất là 100. Con số 100 tượng trưng cho vạn hữu và cũng liên hệ đến cái bọc 100 trứng, biểu tượng cho nhóm Bách Việt.

Phân tích ý nghĩa Minh triết của hình ảnh “long mã” thì long là rồng có khuynh hướng bay lên trời, tượng trưng cho kinh tuyến (dọc), chỉ Thiên, thời gian; còn mã là ngựa chạy trên mặt đất, tượng trưng cho vĩ tuyến (ngang), chỉ Địa, không gian. Kinh tuyến tượng trưng cho Thể, vĩ tuyến tượng trưng cho Dụng của Âm Dương, của Đạo. Cứu cánh của Dịch là ở chỗ kinh tuyến và vĩ tuyến gặp gỡ nhau, tức là giao điểm, nơi thời- không hợp nhất trong một Nhất Tâm (chữ thập ở số 5 trung cung). Lúc đó thời gian không còn được coi đứt quãng thành quá khứ, hiện tại, tương lai như ở quan niệm cổ điển nữa, mà những khoảnh khắc được thay bằng những hiện giờ và thời gian là một loạt những hiện giờ (Jetzfolge), nghĩa là thời gian trường tồn.

Khung Hồng Phạm Trụ Trì, Lạc Thư, phép Tinh Điền đều giống nhau về cách phân bố, mà tất cả ngọn ngành, các khu đều từ một nguồn mà ra, rồi cũng trở về nguồn ấy theo nhịp điệu của Dịch một tán, một tụ, một ra, một vào.

Cửu Trụ thật ra cũng là biến thể của Bát Quái, mà Trụ Hoàng Cực 5-10 ở trung cung đóng vai Thái Cực trong Bát Quái.

Cũng như vậy, Ngũ Hành là biến thể của Tứ Tượng, mà Hành Thổ ở trung cung tương ứng với Thái Cực trong Tứ Tượng.

Sau hết, Tam Tài là biến thể của Lưỡng Nghi, mà Tài Nhân là yếu tố Hòa giữa hai Tài Thiên và Địa. Khi đạt mức độ hòa hợp lý tưởng

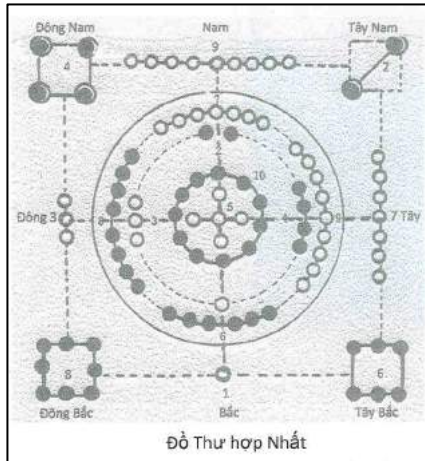
thì Tam Tài hợp nhất vào trong Nhất thể viên dung, là Tính thể, con người đã đạt Thân, thành Nhân thì hết vong thân. Tính thể con người như thể thật là cao cả, do đó con người luôn luôn tâm niệm tự trọng mình, không quay trở lại tình trạng vong thân, không tự nguyện làm nô lệ và để bị bắt làm nô lệ; đồng thời cũng tôn trọng tha nhân, không bắt người khác phải vong thân, phải làm nô lệ. Đó là phong thái của con người có văn hóa đạt Minh triết.

Ở phép Tinh Điền ngày xưa, khu đất rộng một dặm vuông được chia ra chín khu như hình chữ thập, khu ở giữa là công điền, tám gia đình cùng nhau cày cấy cho làng nước coi như hình thức đóng thuế ngày nay, còn tám khu khác chung quanh thì tám gia đình trên canh tác riêng cho mình. Đó là chế độ quân phân tài sản để ai cũng có đủ ăn.

Tinh còn có nghĩa là giếng nước. Giếng là nguồn cung cấp nước cho việc canh tác, yếu tố rất quan trọng trong đời sống nông nghiệp. Sang lãnh vực huyền thoại Việt Nam thì có Việt Tinh, là giếng siêu việt trào vọt dòng nước Cam Tuyền ngọt ngào đầy Hạnh Phúc và là

nguồn sáng tạo bất tận.

Đối tượng của nền Minh triết Việt Nho là Tính Mệnh. Sách Trung Dung nói: “Thiên mệnh chi vị tính, xuất tính chi vị Đạo” (TD1): Tính tức là Mệnh (mệnh trời), sống theo Tính tức là Đạo. Kinh Dịch cũng nói: “Thành tính tồn đạo nghĩa chi môn”: Thành được Tính của mình, đó là cửa dẫn vào đạo nghĩa. Như vậy vấn đề là làm sao thành đạt được cái Tính của mình. Hệ Từ có câu: “Nhất âm nhất dương chi vị đạo, kế chi giả thiện giả, thành chi giả tính”



giữ “: Một Âm một Dương là Đạo, kế tiếp theo đạo ấy là Thiên, thành được Đạo là Tính. Như vậy muốn thành được cái Tính của mình thì phải đi theo đạo Trung Dung giữa Âm và Dương, giữa Thiên và Địa.

Nhưng theo đạo Trung Dung như thế nào thì mới khả dĩ đạt được cứu cánh? Sách Trung Dung lại chỉ: “ *Duy thiên hạ chí thành vi năng tận kỳ tính. Năng tận kỳ tính tắc năng tận nhơn chi tính. Năng tận nhơn chi tính tắc khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục. Khả dĩ tán thiên địa chi hóa dục, tắc khả dĩ dữ thiên địa tham hỹ* “ (TD22): Duy chí có bậc chí thành mới hiện thực đến tận kỳ cùng cái Tính. Hiện thực được cái Tính đến cùng cực như vậy cũng là hiện thực được cái Tính bản nhiên của con người Đại Ngã. Hiện thực được cái Tính bản nhiên của con người Đại Ngã tức là có thể giúp vào việc nuôi dưỡng vạn vật của Trời Đất, tức là có thể tham dự cùng Trời Đất.

“ *Chí thành* “ là tập trung cao độ để Thành cũng là Trung, Đạo, Tâm, Tính. Điều này rất tế vi, rất khó, cho nên sách Nho có viết: “*Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi; duy tinh, duy nhất, doãn chấp quyết trung* “ (Thư: Đại Vũ Mô). Nhân tâm thường bị vật dục che mờ cho nên “ *nguy* “, đạo tâm thì vô sắc, vô thanh, vô xúc cho nên nói là “ *vi* “, phải giữ cái tâm cho tinh thuần, chuyên nhất để nhắm vào cái Trung.

Trung Dung cũng nói: “ *Chí thành như thần* “ (TD24) nghĩa là bậc chí thành giống như Thần, mà Thần thì u linh, mênh mông, không đâu không có, biến dịch không có hình thể nhất định: “ *Cổ thần vô phương, nhi dịch vô thể* “ (HT 4). Đây là nói về đạo tâm ở đột tâm linh có thể so sánh với đột vật lý vi thể với khí năng, chứ không phải vật chất im lìm, độc khối, nghĩa là từ quan niệm biệt cách dẫn đến liên tục, cố định dẫn đến bất định, chấm dứt quan niệm bản thể cách biệt để có cái nhìn toàn triệt về vạn vật trong mối liên hệ phổ biến: “ *thiên địa vạn vật nhất thể* “. Như vậy từ “ *chí thành như thần* “ sẽ dẫn đến “ *trí tri tại cách vật* “ tức là cái biết sâu

xa tận căn tính, tận “ *bản lai diện mục* “ của vạn vật, chứ không phải là tri thức do lý trí nhị nguyên rời rạc từng sự vật riêng biệt. Theo nhà Phật thì cái biết chân thật đó bằng trí huệ Bát Nhã, gọi là *Chân Đế* khác với cái biết thông thường bằng lý trí biệt, gọi là *Tục Đế*. Tục Đế còn cần ý niệm danh lý trung gian, còn Chân Đế là ánh sáng từ trí huệ Bát Nhã cũng tương tự như Minh Đức là bầu linh lực uyên nguyên loé lên không thể diễn tả bằng danh lý nữa, mà bước vào vô ngôn. Tục Đế chỉ dựa vào một cơ năng là ý, còn Chân Đế thì vận dụng cả ba cơ năng ý, Tình, Chí, nghĩa là thể nghiệm toàn diện bằng tâm thân, bằng trực giác siêu việt ở đột tâm linh, cho nên năng tri, sở tri thống nhất thành Nhất thể, là Tính thể viên dung. Đó cũng là Thái Thất bao trùm vạn hữu, mà không nhắm vào một đối tượng riêng rẽ nào. Tư tưởng này có thể gặp lại ở mức độ nào đó với khái niệm “ *chân trời đối tượng tinh* “ của Heidegger (*Horizont von Gegenständlichkeit*) hay lãnh vực gặp gỡ giữa các phạm trù và trực giác, ở đó những vật thể có thể gặp gỡ với *Tại thể hữu hạn*. Chính đó là *chân trời Xuất tính thể* hay *tri thức Tính thể* “ (Con đường triết lý từ Kant đến Heidegger tr.251 L.T. Nghiêm tr.251). “ *Nội dung hay đối tượng tức vật-thể-là-vật-thể mà Hiện thể hay Tại thể xuất tính gặp gỡ được trong tri thức Tính thể xét như kết quả của sự cá khai quang do Xuất tính thể mang lại, không phải và không thể là một vật thể đặc thù có chủ đề nào* “ (L.T.Nghiêm tr.310).

“ *Chí thành* “ cũng là “ *chí trung* “ là tập trung vào giao điểm của trực dọc- ngang thời-không (long mã), chỗ mà thời gian, không gian hợp nhất, khiến cho vạn vật đa tạp trở thành Nhất thể. Thời gian bị phân hóa do những cái nhìn rời rạc cũng được thống nhất tại đây do trực quan mang lại. Trực quan đó nhìn được toàn thể như một dòng sông liên tục để vươn đến vĩnh cửu bằng cách dồn hết sinh lực vào

hiện tại, mà không để bị chi phối bởi ý niệm dĩ vãng, tương lai.

Về quan niệm thời gian, Heidegger nhấn mạnh tính cách tiên nghiệm như quan niệm thời gian thuần lý của Kant: “*Thời gian hiểu như một loạt thuần lý gồm những hiện giờ, nó hiện giờ trong mọi thời gian. Nó hiện giờ trong mọi hiện giờ*” (Nun ist die Zeit als reine Jetztfolge jederzeit jetzt. In jedem Jetzt ist es jetzt- KM tr. 101- L.T.Nghiêm tr.291) Như vậy thì hiện tại không bị đóng kín, trái lại nó còn xuất thể tới một tương lai và tới một quá khứ như trong câu: “*Thời tinh tự thời tinh hóa như tương lai dĩ dĩ dĩ vãng bằng cách lại với hiện tại*” (Zeitlichkeit zeitigt sich als gewesende-gegenwärtigende Zukunkt- SZ 350- L.T.Nghiêm tr. 416) “*Chỉ thành*” đưa đến “*Thành tinh*”, mà phải giữ cái “*Thành tinh*” đó liên tục thì mới mong nhận ra cửa dẫn vào Đạo như ý trong câu: “*Thành tinh tồn tồn đạo nghĩa chi môn*”. Chữ “*tồn tồn*” chỉ sự liên tục của thời gian, những cái “*Jetztfolge*” liên tiếp nhau. Còn chữ “*sinh sinh*” trong câu: “*Sinh sinh chi vị Dịch*” chỉ dòng sống liên tục của Dịch. Trong Kinh Dịch có hai vòng biến hóa thâm thấu vào nhau: vòng *sinh diệt* tương ứng với đợt ý với ý thức, còn vòng *sinh sinh* tương ứng với đợt Chí ở vô thức, tiềm thức tâm linh. Có điều hợp cả hai vòng này và nhất là có vào được vòng trong mới hiện thực được Đạo sinh động là cái Toàn thể như một cơ thể sống vừa chuyển vừa hằng, tương ứng với Thời Trung.

Sau hết “*chỉ thành*” thì mới “*tận kỳ tinh*”, nghĩa là phát triển đến tận cùng, hết cỡ các quan năng ý, Tinh, Chí nơi con người để vươn tới dòng sống uyên nguyên phổ biến, nghĩa là Suất tính, Tinh, Tinh Thể, Tinh Mệnh, Thiên Mệnh, Thái Thái, Thái Nhất đều đồng nghĩa với nhau và là đối tượng của Minh triết. Đạt đến cứu cánh đó là ngộ Đạo, gọi là “*nhập w thất*”, còn nếu cứ chạy loanh quanh ở vòng ngoài với ý thức nhị nguyên thì còn đầy mâu thuẫn, còn trôi theo vòng sinh diệt vô thường, cho nên con người cảm thấy đầy âu lo, bất an, từ đó sinh ra tình

cảm “*buồn nôn*”, “*phi lý*”, “*không nhà*”, “*xa lạ*”, “*phản kháng*”.

Trong bài “*Vịnh Phật*” của Nguyễn Công Trứ có hai câu thơ:

“*Chữ Kiến Tinh cũng là Suất Tinh,
Trong ống dòm đồ tiếng Hư Vô*”

Chữ “*Kiến Tinh*” ở nhà Phật thường đi đôi với chữ “*Minh Tâm*” thành ra “*Minh Tâm Kiến Tánh*”. Còn chữ Suất Tính của nhà Nho cũng đi với chữ Minh Đức. Cả hai đều phải qua con đường Hư Vô cũng như nhà thiên văn, khi sử dụng ống dòm, phải ngắm vào giao điểm của hai trục dọc ngang, nơi mà mọi chiều kích dị biệt đều biến mất.

Nhà Phật thì có Thái Hư, Tâm phải trống rỗng thông qua quá trình diệt dục tận gốc rễ để làm hiện ra “*bản lai diện mục*”, chân tính “*Như Lai*” linh diệu.

Ở Nho, Khổng Tử cũng thực hiện bốn vô: “*Từ tuyệt tư: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã*” (L.N IX): Khổng Tử tuyệt không có bốn điều: không có ý riêng tư, không quyết đoán chắc trước, không cố chấp, không vị mình. Như thế mới có thể “*duy tinh, duy nhất*” và “*tận kỳ tinh*” được. Khi đã làm sáng được cái Đức Sáng, nghĩa là Tinh thể hiển hiện thì quả thật con người là cái Đức của Trời Đất (*Nhơn kỳ giả thiên địa chi đức*) có khả năng thâm hóa vạn hữu vào một Nhất Tâm, ở ngay giao điểm của trục thời- không, cho nên Trang Tử mới nói: “*Thiên địa dĩ ngã tịnh sinh. Vạn vật dĩ ngã vi nhất*” (Tề vật luận): Trời Đất với ta cùng hiện ra. Vạn vật với ta cùng một thể. Mạnh Tử cũng nói: “*Vạn vật giai bị tư ngã, phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên*”: Vạn vật đều đầy đủ nơi bản thân ta, chỉ cản trở về đó một cách thành thật, thì còn gì vui bằng. Khi muôn vật giữ đúng cái Tinh Mệnh bản nhiên tinh tuyền Trời phú cho nơi mình thì nền Thái Hòa khắp nơi nơi được hiện thực và được bảo toàn, do đó Quê Kiền mới nói: “*Các chánh tinh mệnh bảo hợp thái hòa*”. Lúc đó, các lý tưởng quân bình theo bộ ba như: Trí, Nhân, Dũng ở Nho; Bi,

Trí, Dũng ở Phạt và Chân, Thiện, Mỹ ở triết lý đối vật đồng loạt xuất hiện sáng tỏ, cũng như niềm An Lạc, Hạnh Phúc, giếng Việt với nguồn nước Cam Tuyền trào vọt. Những lý tưởng này đều đồng qui nơi Tâm giác ngộ, diêm gặp gỡ của thực thời- không, cho nên Thiền Uyển Tập Anh có ghi những câu vấn đáp thiên sâu sắc như sau:

...Có Tăng hỏi: “*Tâm Pháp đều quên, thì Tính tức Chân. Thế nào là Chân?*”

Sư (Thiền Sư Viên Chiếu) đáp:

“Hoa núi mưa sa, Thần Nữ khóc

Trúc sân gió thổi, Bá Nha đàn”

(Vũ trích nham hoa, Thần nữ lệ Phong sao đình trúc, Bá Nha cầm).

Chân là nhìn theo tác dụng của Lý trí, Mỹ là nhìn theo tác dụng Tính cảm và Thiện là nhìn theo tác dụng của Ý chí. Khi giác ngộ thì ba phương diện Lý trí, Tính cảm, Ý chí đều qui về một Tâm thì Chân, Thiện, Mỹ cũng qui về một Thực tại. Ở đây không còn có sự phân biệt chủ thể, khách thể nữa, tất cả đều thống nhất trong một Tâm, cho nên để trả lời cho câu hỏi về Chân, Thiền Sư đã sử dụng những hình ảnh thi ca Thiền ở phương diện Mỹ để trả lời, thật là tuyệt diệu.

Như đã nói đối tượng của Minh triết là Mệnh, Tính thể và cứu cánh là đạt Mệnh, suất Tính, kiến Tính. Muốn vậy con người gọi là hành giả phải thể nghiệm bằng cả tâm thân, tập trung cao độ cả ba quan năng Ý, Tính, Chí để thống nhất mọi Đa tạp vào Nhất thể, Nhất Tâm, nơi giao điểm của thực dọc- ngang thời- không, cho nên sách Lễ Ký viết: “*Nhân giả kỳ thiên địa chi đức, âm dương chi giao, qui thần chi hội, ngũ hành chi tú khí giã*”: Người là cái đức của trời đất, sự giao hội của âm dương, sự tụ hội của qui thần, cái khí tinh tú của ngũ hành. Hệ từ thượng cũng nói: “*Nhất âm nhất dương chi vị đạo*”. Một Âm một Dương là Đạo. Đạo giản dị thể thôi, cho nên Kinh Dịch cũng bắt đầu bằng vạch đứt - là phù hiệu Âm và vạch liền - là phù hiệu Dương. Lấy hai vạch đó thay đổi, chồng lên

nhau thành ra các Quẻ, từ tám đến sáu mươi bốn Quẻ v.v... sinh sinh, hóa hóa không ngừng từ đơn giản đến đa tạp. Như vậy, vạn vật dầu có thiên hình vạn trạng thế nào thì cũng do hai nguyên lý Âm Dương phối hợp mà ra cả, cho nên hẳn biết được cái lẽ giản dị ấy thì biết được cái lý của thiên hạ theo như câu nói của Hệ Từ Thượng: “*Dị giản nhi thiên hạ chi lý đắc hĩ*”.

Khi xét quá trình biến đổi Tâm thức của con người từ đợt Thê qua Từ, Ý, Cơ cho đến đợt Thê để ngộ Đạo thì quả thật đợt Từ đã bị bỏ xa rồi, cho nên trên đường tu Đạo, các vị Thiền Sư chủ trương dùng thiền định và Lão dùng phương pháp “*tọa vong*”. Trang Tử ở Nam Hoa Kinh cũng viết:

“*...Có lời là vì ý,*

Đặng ý hãy quên lời.

Ta sao tìm đặng người biết quên lời, hầu cùng nhau bàn luận.”

(...Ngôn giả sơ dĩ tại ý,

Đắc ý nhi vong ngôn.

Ngô an đắc phủ vong ngôn chi nhon nhi dữ chi ngôn tai- Nam Hoa Kinh- N.D.Cần dịch tr. 550)

Ngộ Đạo là trở về với uyên mặc, vô ngôn; nếu cần diễn đạt thì cũng chỉ dùng những câu ngắn gọn, cô đọng, hoặc vài ba cơ số, đồ hình, hình tượng.

Trên đây là một số khảo sát về những đặc điểm của Minh triết, mà nội dung có thể được tóm tắt như sau:

Trước hết ánh sáng Minh triết phản chiếu tỏ rõ tính bản nhiên của thế giới hiện tượng, vạn vật là phân cực và xác định mối tương quan hữu cơ giữa những đối lập thể với nhau, mà không có loại trừ, nghĩa là xác định tính lưỡng hợp, lưỡng nhất của thế giới vạn vật.

Nhân tính cũng có tính lưỡng nhất đó, cho nên Minh triết lấy con người làm trung tâm qui chiếu. Con người chẳng những sống theo tiết điệu hài hòa của Đạo, mà còn điều động, phổ biến rộng khắp tính “*bảo hợp thái hòa*”.

VÔ THƯỜNG

Trắng đen, đen trắng đổi thay
Sáng trưa chiều tối ngày ngày luân phiên
Đang vui sao lại ưu phiền
Lúc buồn lại thấy niềm riêng rạng ngời
 Nắng mưa là ý của trời
Giàu nghèo là bởi số người số ta
Cuộc đời nhiều lúc phong ba
Lên như gió thổi lại tà tà rơi
 Khi đoàn tụ lúc chia phôi
Khi đông bè bạn lúc ngồi buồn tênh
 Khi xuống thác lúc lên ghềnh
Khi đầy quyền thế lúc chân gông cùm
Chiến tranh khủng bố -tử tung-
Ai sai ai đúng ai mừng ai lo ?
 Ai đàn áp / ai tự do ?
Ai mang dân chủ ai cho nhân quyền ?
 Khóc cười thế sự đảo điên
Kẻ gian ác độc người hiền đáng thương !
 Cuộc đời là chuỗi VÔ THƯỜNG
Đến khi tắt thở hồn nương nơi nào ?
 Thiên Đường / Địa Ngục ở đâu ?
Theo luật Nhân Quả nhiệm màu lắm thay !!!

Vũ Lang
(California)

Tính lưỡng hợp bao hàm toàn thể từ đọt Dụng cho đến Thể, quán thông cả vào ra theo tinh thần hòa hợp “ *nội ngoại chi đạo* “. Minh triết là phải đạt đến đọt Thể, cho nên chỉ ở vòng ngoài với ý thức nhị nguyên thì không bao giờ đạt Mệnh, suất Tính, kiến Tính được vì còn nhiều mâu thuẫn, mà phải vượt đến đọt tâm linh mới có được khả năng siêu việt, vượt qua mâu thuẫn, nối kết, hòa hợp các đối cực với nhau.

Tính lưỡng hợp hợp nhất Thiên- Địa, trực dọc- ngang thời- không, mà giao điểm là nơi gặp gỡ thuở ban đầu của sơ nguyên tượng thuần túy chưa thành hình, chưa phân biệt, chỗ mà Lão Tử nói: “ *Hốt hê hoảng hê kỳ trung hữu*

tượng “ hay nói khác là chỗ xuất hiện đối tượng tinh rờng chưa có chủ đề. Tại đây cũng chưa có sự phân hóa thời gian thành quá khứ, vị lai, mà chỉ có hiện tại trường tồn.

Khi con người tìm lại được “ *bản lai diện mục* “ của mình là một Toàn thể không bị chia phần, mát mát thì chấm dứt được tình trạng vong thân. Tận nơi thâm tâm mình, khi ý thức được rằng thời gian trường tồn thì những tình cảm lạc điệu như “ *buồn nôn* “, “ *phi lý* “, “ *không nhà* “...biến mất, vì khi đạt Mệnh, suất Tính, kiến Tính thì con người đã “ *nhập u thất* “ rồi.

Cũng do tính lưỡng hợp, một khi đã tập trung sinh lực vào đến tận trung cung, nơi giao điểm của trực thời- không thì sức tỏa ra mọi chiều kích mới bao quát lớn lao theo luật: “ *Nội hàm càng nhỏ, ngoại hàm càng lớn* “. Nói theo đường đi của Dịch thì từ điểm Thái Cực qua Lưỡng Nghi, Tứ Tượng, sang Bát Quái, rồi lan tỏa ra 64 Quẻ và hơn thế nữa thành vạn vật thiên hình vạn trạng.

Sau cùng, đạt Mệnh là đã “ *nhập u thất* “ tại giao điểm của trực thời- không, mà đã là điểm thì không còn kích thước, cho nên Minh triết có hình thức giản dị của Nguyên ngôn. Tuy nhiên không phải bất kỳ phán quyết có hình thức giản dị nào cũng đều có tính cách Minh triết ví dụ như những khẩu hiệu quảng cáo, tuyên truyền một chiều chẳng hạn. Ngoài ra cũng cần phân biệt Minh triết thông thường ở đọt lương tri và Minh triết ở đọt triết lý.

Đối tượng nghiên cứu “ *Con Đường Văn Hóa Việt Nam* “ là nhắm vào Minh triết có tính cách triết lý. Đây là điểm thứ nhất của phần Dẫn nhập. Điểm thứ hai của phần này là việc chọn vị thế để có cái nhìn bao quát, toàn thể sự thật mà không bị lệch lạc, phiến diện. Đó là vấn đề quan điểm để có thể khai quang ra con đường văn hóa tự thân, cũng là hướng đi của “ *Con Đường Văn Hóa Việt Nam* “.

NGUYỄN VĂN NHIỆM
(Germany)

Mùi Cơm Sôi Cạn Nước

Cung Thị Lan

Theo hướng đi Út, Ngọc chỉ thấy rừng cây hiện ra trong khung kính của cửa sổ. Vì phòng đi ở tầng một và giường của đi được kê gần sát cửa sổ hướng mặt về phía sau của khu dưỡng lão, Ngọc có thể thấy rõ ràng một rừng cây hun hút vào tận phía trong sâu. Ngó ngác nhìn sang chông và ba đứa con trai, Ngọc chưa biết đáp lời ra sao, đã nghe đi Út nói tiếp:

“Còn bữa trước nữa tao thấy một ông cỡ trung trung cũng rủ tao đi chơi.”

Lần này, đôi mắt của Ngọc trở ra, nghi ngại nhìn đi út. Nàng ngờ chứng stroke ảnh hưởng nửa bộ óc của đi đã khiến cho sự nhận biết của đi không được như bình thường. Dù vậy, nàng vẫn hỏi cho có chuyện:

“VẬY THẲNG NHỎ VÀ ÔNG TRUNG TRUNG ĐÓ LÀ NGƯỜI VIỆT HAY NGƯỜI MỸ HẢ ĐI?”

“NGƯỜI MỸ?”

“Hai người Mỹ đó nói gì mà đi biết là họ mời đi đi chơi?”

“Họ nói ‘Come here’ thì đi hiểu tiếng Mỹ chứ! Tụi nó còn ngoắt tay kêu đi đi nữa kia! Cứ lâu lâu là có người đến gọi đi đi chơi. Có bữa đi con thấy một bà Mỹ gọi đi nữa. Đi nói đi không đi được mà cứ đứng ngoắt tay chờ đi đi.”

“Ngoài đó toàn cây cối không hà đi. Chắc đi thấy mấy cô điều dưỡng trong này rồi cứ tưởng ai thôi.”

“Không phải điều dưỡng đâu con. Mấy người điều dưỡng mặc đồ màu xanh lá cây đi biết mà. Còn mấy người này mặc đồ thường như mình thôi. Không biết bệnh viện này ở chỗ nào mà người ta thân thiện dữ vậy!”

“Viện dưỡng lão chú không phải bệnh viện đi à! Con không ngờ trong khu dân cư này có viện dưỡng lão. Từ nhà con đến đây chỉ qua con đường cái lớn G. rồi vào mấy con đường nhỏ thôi. Người ta chọn địa điểm này cho viện dưỡng lão cũng hay. Chỗ này ở cuối đường yên tĩnh và thuận lợi”

“Hình như chỗ này có nhiều người Việt Nam ở lắm phải không con?”

“Con không nghĩ vậy đâu đi. Viện dưỡng lão này tuy không cách khu dân cư ở bao lắm nhưng cũng tách biệt hẳn trong khu rừng cây này. Mà sao đi nghĩ ở đây có nhiều người Việt Nam ở.”

“Vi đi ngủ có mùi cơm sôi cạn nước. Đó! Con có nghe mùi cơm sôi cạn nước không?” Hít hà đi nói thêm: “Thơm quá! Con ngủ thử coi!”

Trong vô thức Ngọc hít vào như lời yêu cầu, mùi khoai tây nghiền thoang thoảng trong mùi lạnh lạnh của máy điều hòa. Giờ này chắc những người điều dưỡng vẫn còn cho những người bệnh ăn ở những phòng cạnh bên. Sự bại liệt hình như đã khiến cho khứu giác của đi Út nhạy bén hơn dù nhận định mùi vị hoàn toàn khác với thực tế. Nàng nghĩ có lẽ ước muốn đã gây ra sự sai lệch này. Bất giác Ngọc nhìn những trái cam trên chiếc tủ cạnh giường của đi. Người Việt thường đem theo sũa hay bánh trái biếu người bệnh. Khác với phong tục tặng hoa cho người bệnh của người Mỹ, họ cho rằng bánh trái là những món thiết thực hơn. Có lẽ vẫn còn ảnh hưởng với cảnh bóc cam, gọt táo của những người thăm và chăm người bệnh ở Việt Nam,

chính vợ chồng nàng cũng theo tập tục này. Còn giờ đây khi nhìn những túi trái cây Ngọc hiểu rằng chẳng có ai bên cạnh chăm đi Út để chăm từng phút từng giây hay ngồi gọt từng trái táo hay tách từng miếng cam cho. Và chính lúc này Ngọc hiểu món quà gì thiết thực dành cho người bệnh như đi Út. Nàng gợi ý với giọng thương cảm:

“Đi Út có thích ăn cơm không? Nếu thích thì con đem cơm cho đi.”

“Có chớ. Di muốn nói với con và hai đứa Như, Dung đem cho đi cơm mà thấy đứa nào cũng bận nên không dám. Lần sau có thăm đi thì mang cho đi chút cơm.”

“Ồ! Tại con không biết chứ mà biết trước thì hôm nay con đem cho đi rồi. Thôi để lần tới con đem cơm cho đi nghe. Di nói cho con biết là di muốn ăn cơm với gì, con sẽ làm ngay. Có phải di thích ăn cơm với canh chua và cá kho không?”

“Cho đi ăn với món gì cũng được miễn là có cơm thôi.”

*

Ngọc đã đem cơm cho đi Út trong những lần thăm tiếp đó. Mỗi buổi chiều đi làm về, vừa nấu xong bữa cơm chiều cho gia đình, nàng lo go cơm vào viên dưỡng lão cho đi ngay. Cũng may là nhà của nàng khá gần viện dưỡng lão V. nên sau năm phút lái xe, nàng có thể giữ cho đi thức ăn còn nóng ấm. Hôm đem thức ăn cho đi, Ngọc được cô nhân viên thường trực ở đây báo cho nàng biết là đi Út đã được chuyển lên lầu hai. Có lẽ cô ta cũng thường viếng bệnh nhân tại đây trong những lúc rảnh rỗi nên biết rõ từng người và đã vui vẻ kể cho nàng hay sự tiến triển khả quan của sức khỏe đi khi nàng ký tên vào giờ thăm bệnh nhân. Theo lời hướng dẫn của cô, nàng dùng thang máy lên đến phòng số bảy. Tại đây, nàng ngạc nhiên vui mừng khi thấy đi Út ngồi tươi tỉnh trên chiếc giường nệm trắng trong lúc người nhân viên điều dưỡng đang chuẩn bị

cho đi dùng thức ăn chiều. Cũng may là Ngọc đến kịp lúc nên đi Út có dịp thưởng thức các món ăn do nàng làm. Di Út nói:

“Con để chén cơm trên đui đi nè. Di tự múc ăn được, khỏi cần đút.”

Ngọc hỏi với giọng ngạc nhiên:

“Đi tự đút ăn được rồi sao?”

“Mấy ngày nay mấy người y tá tập cho đi tự đút ăn. Mỗi lần đến giờ ăn, họ đỡ đi ngồi lên, chuẩn bị thức ăn trước mặt đi cho đi tự xúc.”

“Vậy thì để con sẽ cá vào chén cơm cho đi. Di dùng chiếc muỗng này xúc cơm nhé!”

Chỉ trên đui, đi Út nói:

“Con để đây đi! Di làm được”

“Để con kê cái khăn này trong lòng đi rồi chèn cái chén này vào giữa đã! Làm như vậy đi múc cơm dễ hơn. Có gì cái khăn này còn hứng thức ăn đổ chứ cơm cá giã trên quần, trên giường thì khổ.”

Thau lấu nhìn từng động tác của Ngọc cho đến khi nàng hoàn tất, đi Út run run dùng chiếc muỗng nhựa xúc cơm. Có lẽ do xúc động khi nhìn lại những hạt cơm quen thuộc, khuôn mặt đi toát lên một vẻ hết sức trịnh trọng khi đút vào miệng những muỗng cơm đầu tiên. Nhìn đi nhai cơm như thể đang ăn thức ăn hiếm quý, Ngọc cảm thấy niềm thương cảm dâng trào. Tuy nhiên, nàng đã giấu cảm xúc của mình bằng những câu nói đùa:

“Đi ăn cơm mà không dùng đũa là mất nửa vị giác ngon rồi chứ không phải con nấu dở đâu nghe đi! Con kho cá không ngon như đi đâu.”

“Ngon lắm chứ sao không ngon con! Đây mới thực sự là ăn được cơm chứ đâu như mấy ngày trước chỉ ngửi mùi cơm sôi cạn nước! Mà sao con biết đi thích cá kho keo vậy? Kho kiểu này chắc là mắc công lắm phải không con?”

“Có tốn công gì đâu đi ơi! Con bắt hai ba lò cùng một lúc rồi làm thật lẹ để chạy vào đây thăm đi thôi. May là con đến đúng lúc chứ con

mà chờ nhà ăn xong rồi vào đây thì đi đã ăn xong. Lúc đó, có ngon mấy cũng không còn thấy ngon nữa! Con đâu biết ở trong này họ cho ăn sớm quá vậy!”

“Chắc tại họ phải lo cho nhiều người quá nên phải cho ăn sớm như vậy đó con.”

“Vậy thì con biết lúc nào đem thức ăn chiều vào cho đi rồi.”

Sau lần đó, Ngọc thường đến vào lúc viện dưỡng lão vào trước buổi bữa ăn chiều của bệnh nhân. Biết lịch của nàng, đi Út hiểu là khi nàng không có mặt trước giờ ăn, có nghĩa là nàng không thể đến và đi phải dùng thức ăn trong viện dưỡng lão. Dù vậy, càng ngày đi Út càng ít ăn chiều trong viện dưỡng lão bởi vì không chỉ có Ngọc mà Như và Dung cũng đem cơm cho đi nữa. Vào những ngày thứ bảy chủ nhật đi có thêm nhiều quà bánh và thức ăn của những người đến thăm viếng. Những người Việt còn cư ngụ tại chung cư Park Road và những người mua nhà ở Virginia đã liên lạc, loan tin, rồi họp nhau đến thăm đi vào cuối tuần luôn. Mỗi lần như thế căn phòng của đi ồn ào tiếng nói, tiếng cười của người Việt đến nỗi người bệnh nằm cùng phòng phải phàn nàn. Ngọc cũng thường đưa con đến thăm đi Út vào những ngày cuối tuần. Mỗi lần như thế, nàng thắc mắc về sự dễ dãi của viện dưỡng lão đối với sự cho phép thăm viếng người bệnh đông đúc cùng một thời gian. Nàng đoán có lẽ những người nhân viên thông cảm sự cô đơn của những người già và người bệnh ở đây cho nên họ không quan tâm đến sự giới hạn của người thăm. Hay, có lẽ họ chưa từng trải nghiệm sự viếng thăm đông đúc như thế.

*

Càng vào thăm đi Út, Ngọc càng thấy các sinh hoạt của đi Út tiến triển tốt lên. Mặc dù căn bệnh không thể chữa trị hoàn toàn dứt hẳn, đi đã từ từ phục hồi những chức năng hoạt động của

người bình thường. Đi đã có thể vào phòng vệ sinh với sự dắt dìu của người y tá và chiếc nạng đặc biệt để tự chăm sóc cho mình. Ngoài ra, đi còn tham dự những sinh hoạt của viện dưỡng lão với những người bệnh khác. Lần thăm đó, Ngọc không thấy đi Út và cả người cùng phòng với đi trên giường của họ, nên tìm hỏi, và được biết họ có cuộc họp trên lầu ba. Theo sự chỉ dẫn, Ngọc đi cùng với chồng nàng tìm đến nơi. Tại đây, Ngọc thấy rất nhiều người, hoặc già hoặc bệnh ngồi trên những chiếc xe lăn, quây quần từng nhóm trò chuyện. Ngọc không biết họ đã họp về vấn đề gì, sinh hoạt như thế nào, và tiến trình ra sao; nhưng khi nhìn những đĩa trái cây được xắt nhỏ và những đĩa bánh quy còn thừa trên chiếc bàn vuông Ngọc đoán những người bệnh đã được những người quản lý viện dưỡng lão V. tạo điều kiện cho gặp mặt, ăn uống và trò chuyện với nhau. Khi vợ chồng nàng len lỏi vào trong những chiếc xe lăn để đến bên chiếc xe của đi Út, nàng đã nhận rất nhiều tia nhìn chào đón như tán phục. Những ánh mắt toát lên sự hài lòng đối với việc chứng kiến cảnh người quan tâm đến người, đồng thời tỏ ra sự chia vui với đi Út. Không những họ, ba người nhân viên của viện đang có mặt tại đó cũng niềm nở với vợ chồng nàng. Một người đàn bà có nước da nâu sáng, vẻ như người tổ chức buổi họp, mời cả hai ngồi, bảo dùng thức ăn, rồi nói rằng họ có thể đưa đi Út về phòng để tâm tình riêng tư.

Ngọc cùng chồng đẩy xe lăn đưa đi Út về phòng theo ý muốn của đi. Trên đường, đi hân hoan nói:

“Thấy tụi nó đưa đi lên đây đi sợ các con vào thăm mà đi không gặp được, nhưng đi không biết nói với tụi nó làm sao để dặn tụi nó chỉ các con lên đây.”

Ngọc đáp:

“Đi đừng lo, tụi con không thấy đi trong phòng thì tụi con hỏi tìm thôi. Cho dù họ

chuyển đi đi đâu chẳng nữa chúng con cũng tìm thăm đi cho bằng được mà!”

Hòa phán:

“Con thấy họ tổ chức cho những người bệnh họp mặt như thế cũng hay! Mỗi tháng một lần, mọi người được gặp gỡ trong những ngày như thế này cũng có ý nghĩa lắm. Nhưng mà, để dời tất cả người bệnh ở đây lên phòng họp trên ấy nhân viên ở đây cũng vất vả lắm.”

Ngọc chép miệng:

“Cứ thấy họ tận tình giúp đỡ người bệnh mà thương. Người ta cứ đồn bậy là y tá trong viện dưỡng lão thường đánh hay đối xử tệ hại với bệnh nhân; còn chúng kiến tận mắt sự tận tâm giúp người bệnh của họ mới thấy họ như những thiên thần. Qua cung cách làm việc của họ con cảm nhận được tình thương mến và sự thông cảm sâu sắc của họ đối với người già yếu bệnh hoạn như thế nào. Có thể là họ nghĩ chẳng may như thế khi già yếu thì cũng được đối xử tử tế như vậy.”

Di út hớn hở khoe:

“Mấy ngày nay, sáng nào di cũng được một cô y tá đẩy xe lăn đưa ra sân tập. Cổ bắt di chống nạng để tập đứng lên rồi tập đi. Hôm nào cổ cũng tập đi đi qua lại khoảng nửa giờ đồng hồ. Có hôm cổ thấy đi cứng cáp hơn những lần trước, bắt di gắng đi thêm, di nói di mệt quá đi không nổi nữa vậy mà cô nói cố gắng tập thêm cho mau tiến bộ. Thế là di đành phải nghe lời, nhưng di mới bước thêm vài bước nữa là xỉu xuống, bất tỉnh không biết trời trăng gì nữa. Lúc di tỉnh lại, thấy cổ ôm di khóc quá chùng. Cổ còn hôn di và nói ‘sorry’ nhiều lần nữa. Thấy cổ coi mình như mẹ mà di cũng ứa nước mắt theo. Sau này cổ biết di có chứng bệnh tim nên không bắt di tập nhiều. Mỗi lần đi nói mệt là cổ cho ngừng ngay.”

Hòa nói:

“Cách làm việc ở đây là vậy đó di! Người ta làm gì cũng tiếp tục với những bước kế tiếp

cho đến khi hoàn thành chứ không bỏ ngang. Có thể nói quyền lợi của con người ở đây được tôn trọng đến mức tối đa là vậy. Mình may mắn lắm mới được ở trên đất nước này!”

Ngọc trầm ngâm:

“Vậy mà con cứ tưởng họ chuyển người già đến viện dưỡng lão cho ăn, nuôi ở là xong; con đâu ngờ họ còn đưa đi đi tập mỗi ngày như thế. Như vậy cô y tá mà di nói là therapist đó đi à!”

“Di không biết nó là ai nhưng tuần nào nó cũng đến đây đưa đi đi tập hai ba lần. Nó nói đi phải tập như vậy mới tự dùng cái nạng được. Di còn được một con nhỏ y tá khác chở đi cắt tóc làm móng tay chân nữa.”

Ngọc reo lên:

“Ừa? Hèn chi con thấy di có mái tóc mới. Con không nghĩ ra người nào ở đây cắt tóc cho di mà chưa kịp hỏi.”

“Nhờ cô y tá Mỹ đen đó con. Cô này đưa đi đi gội đầu cắt tóc làm móng tay chân. Còn cô y tá đưa đi đi tập là Mỹ trắng.”

“Rồi cô đưa đi đi gội đầu lấy tiền đâu mà trả cho đi?”

“Di không biết. Chắc viện dưỡng lão cho cổ trả cho đi.”

Hòa chen vào:

“Không phải đâu di. Đó là tù tiền bệnh của di đó. Chắc cán sự xã hội trong viện dưỡng lão này đã làm thủ tục trích phần nào tiền bệnh của di để chi trả cho các dịch vụ này.”

Ngọc lại reo lên:

“Ồ! Tuyệt quá! Họ chăm sóc di cẩn thận và tử tế như thế này khác gì người nhà tận tình với thân nhân bị bệnh của mình đâu! Còn hơn thế nữa đó! Con thật là mừng khi thấy di tươi tắn như thế này.”

“Tụi y tá ở đây lo cho di không thiếu thứ gì con ơi! Tụi nó lấy bộ đồ mà con Dung đem vào đây cho di ghi tên di kỹ lưỡng chớ sợ lộn với người khác nữa đó. Rồi tụi nó giặt giũ, xếp cất

và thay cho đi thường xuyên. Cũng nhờ vậy mà đi mới được sạch sẽ thơm tho như vậy đó chứ!”

*

Mặc dù đồng hương thăm viếng thường xuyên và nhân viên của viện dưỡng lão chăm sóc đi út tận tình, đi út không từ bỏ ý định trở về sống ở quê hương trong những ngày cuối đời. Khi gặp Hùng trong lần thăm duy nhất sau bốn tháng trời, đi đã hối thúc anh lo giấy tờ đưa về Việt Nam. Có lẽ vì không gặp con trai của mình suốt thời gian dài trên giường bệnh khiến cho đi lo sợ là anh ta không thể có cơ hội thăm đi lần thứ hai và không còn có cơ hội được anh đưa về Việt Nam nữa. Thế rồi, theo lời khẩn thiết yêu cầu của đi, Hùng đã nhờ người báo cho viện dưỡng lão tiến hành thủ tục xuất viện trong lúc lo mua vé máy bay. Những người quản lý trong viện dưỡng lão đã đưa đi út đi tái khám rồi tìm xin xe lăn cho đi làm phương tiện di chuyển cho chuyển đi. Sau vài ngày hoàn thành thủ tục xuất viện, và lấy được vé máy bay, đi út nhờ người báo sở Trại Cấp An Sinh Xã Hội ngưng nhận trợ cấp tiền bệnh. Bạn bè quen biết gần xa của đi ở vùng Hoa Thịnh Đốn đều sững sốt khi nghe tin về chuyến đi không bao giờ trở lại của đi. Khi tập trung trong viện dưỡng lão trước ngày đi lên đường, mọi người hỏi thăm với nhau trong hoang mang:

“Sao đi út lại muốn về Việt Nam đột ngột vậy? Ở đây được chữa trị đầy đủ mà sao lại bỏ đi?”

“Lại còn bỏ tiền bệnh nữa chứ! Có dễ xin được tiền này đâu! Không biết tiếng Anh, phải nhờ người thông dịch đi tới đi lui làm đơn từ giờ lại bỏ?”

“Trở về Việt Nam thì dễ rồi nhưng có được tại nguyện như mình nghĩ không là chuyện khác. Đi được mà muốn trở lại không được mới khổ đó!”

Ngọc đã không bàn luận gì khi nghe những lời xầm xì xung quanh. Nàng nghĩ đi út

kiên định việc về sống ở quê hương vì đi tin tưởng số vốn lẫn lời trong ngân hàng Việt Nam do người cháu đứng tên dùm. Nhờ lại lời tâm sự của đi trước đây, nàng hiểu là đi rất lạc quan với số vốn ngầm mà đi có và giá sinh hoạt thấp ở Việt Nam. Chúng sẽ tạo cho đi có cuộc sống đầy đủ đến cuối đời mà không phải lo lắng gì. Dù biết được nguyên nhân như thế, Ngọc vẫn còn lo lắng. Nàng hỏi:

“Đi út có suy nghĩ chín chắn trước khi bỏ tất cả ở đây để trở về Việt Nam chưa? Chú lỗi có gì, đi muốn qua đây làm lại tất cả những gì đang có mà không được thì rất khổ.”

“Đi đã nghĩ kỹ lắm rồi con à. Chẳng lẽ cứ nhờ vả mấy đứa y tá ở viện dưỡng lão này hoài cho đến chết? Để đi về cho con cháu đi bên đó chăm sóc đi! Tội nó mà đưa đi chằm cứu thì đi đi đúng được bình thường như xưa. Nhược bằng không chữa được bệnh, đi cũng ở Việt Nam luôn. Dù sao, có chết ở quê hương cũng vẫn hơn.”

Hòa gật gù:

“Đi tính vậy cũng phải. Bởi vì hiện tại thì viện dưỡng lão này còn giữ đi chăm sóc nhưng nếu đi khỏe hơn và họ muốn chuyển đi đến chỗ xa hơn, con cháu không thể đến thăm nom đi thường xuyên được thì khổ.”

Lý do của sự quả quyết được giải bày hết sức rõ ràng và xác đáng nên những người đến tiễn không còn to nhỏ hay thắc mắc gì nữa. Trong khi nói lời chia tay, mọi người cùng nhau gom góp một ít tiền làm quà cho đi đi đường. Dung và Như đã mua đầy đủ những thứ mà đi yêu cầu trong hai chiếc va li. Vật dụng mà họ mua cho đi nhiều nhất là những bao tã. Hôm ấy căn phòng của đi ồn ào hơn bao giờ hết, nhưng người đàn bà Mỹ trắng nằm cùng phòng với đi không phàn nàn một lời nào. Có lẽ bà này cũng đã biết hôm ấy là ngày cuối của đi trong căn phòng của hai người.

*

Tết Dương Lịch năm ấy, vợ chồng Dung Thi mời tất cả đồng hương quen biết ở chung cư Park Road đến nhà dự tiệc Tết Niên. Ngọc rất vui mừng khi được dịp gặp lại những người quen biết cũ và chuyện trò với họ. Chưa nhập tiệc, dì Chín đã đem ra khoe những cái bánh tét mà bà vừa nấu chín. Trông thấy chúng, Ngọc hỏi ngay:

“Đạo này đi có tin gì của dì Út không đi? Lâu quá con không đến đây được để hỏi thăm dì Út đạo này ra sao?”

“ Bà Út hả? Trời ơi! Nghe bà về đó khổ lắm con ơi. Mấy bà ở Park Road đang bàn chuyện góp tiền gửi về cho bà đó!”

“Sao vậy hả đi? Chớ còn số vốn mà dì Út gửi cho người cháu dì ở ngân hàng Việt Nam thì sao?”

“Ôi chao! Nghe đâu thằng đó đưa bà vào bệnh viện Chợ Rẫy mấy lần rồi nói hết tiền. Dì Công mới kể là giờ bà khổ lắm. Nằm liệt trên giường một mình một chỗ chú không được ai chăm sóc cả.”

Ngọc quay sang mẹ của Danh:

“Dì nghe tin dì Út ra sao hả dì Công?”

Dì Công đáp:

“Thì dì mới kể cho dì Chín là dì Út về đó chẳng được chăm sóc như bên này. Chồng dì già quá đâu đỡ đi lên được. Còn mấy đứa con gái Út thì phải lo việc buôn bán, đồng áng chú có rảnh được đâu mà cận kề cả ngày. Nghe nói là dì nằm liệt một chỗ không được đỡ lên nên nóng rát cả lưng. Trời thì nóng nực và đầy muỗi nên lúc nào cũng phải bỏ mùng sùm sụp, tối tắm tội nghiệp lắm!”

Ngọc hỏi:

“Hùng kể cho dì nghe hả?”

Dì công lắc đầu:

“Không có, thằng Hùng nó đưa đi về rồi sang Boston ở luôn ở trên. Con Như gọi về gia đình hỏi thăm đi hoài nên biết tin. Nó làm nail về trẻ. Chập nữa nó tới, hỏi nó là biết rõ hơn.”

Dì Công vừa dứt lời, vợ chồng Danh Như mở cửa bước vào khiến Thi nói đùa:

“Phải chi hỏi tiền hỏi bạc như thế này thì đỡ biết mấy!”

Danh hỏi trong lúc để dép ngoài cửa để bước vào:

“Chuyện gì? Chuyện gì mà tiền với bạc?”

“Chuyện tiền bạc gì đâu! Đang hỏi vợ ông thì vợ ông xuất hiện. Phải chi hỏi tiền đâu mà tiền xuất hiện như vậy thì đỡ biết mấy!”

Như hỏi:

“Chuyện gì mà hỏi tui?”

Thi hát hàm sang Ngọc:

“Chị Ngọc đang hỏi Như về dì Út kia!”

Ngọc nhìn Như lo lắng hỏi:

“Em nghe tin dì Út thế nào?”

Đến ngồi cạnh Ngọc, Như nói:

“Bà Út về được con cái chăm sóc tử tế nhưng khổ lắm chị à! Bởi vì chỗ bà ở Hậu Giang miết trong huyện Thốt Nốt mỗi lần đưa bà đi khám bệnh phải chuyển bà lên xuồng, chở qua con hẻm, đưa đến con lộ cái rồi mới đưa được lên bệnh viện ở Thành Phố.”

“Vậy người nhà đi không sử dụng chiếc xe lăn mà viện dưỡng lão ở đây cho sao?”

“Có chớ chị! Nhưng mà, nó chỉ dùng ở trong nhà chứ đường hẻm ở xóm nhà bà Út sinh lầy lún bánh dầu có đẩy được! Còn khi muốn đem nó theo thì phải khiêng lên xuồng, lên xe dò rồi đến chỗ nào đường bằng phẳng mới đẩy.”

“Chị còn nghe dì Công nói chỗ dì ở nóng nực và nhiều muỗi lắm”

“ Dạ đúng vậy, nhưng con gái bà có sắm cho bà một chiếc quạt máy.”

Dì Tâm chép miệng:

“Đã nói là hãy suy nghĩ cho kỹ trước khi tính chuyện về mà bà đâu có nghe. Bây giờ phải làm sao?”

Dì Anh nói:

“Thì giờ mình gom tiền về giúp chỉ chú biết làm sao! Mấy người trong chung cư Park Road đã góp được chùng này rồi. Giờ mình nhờ con Ngọc viết thư, ghi tên ra từng người cụ thể để gửi về cho chỉ. Chị Chín cho tờ giấy, cây viết để con Ngọc viết thư đi!”

Nhận tập giấy từ tay dì Chín, Ngọc ghi ngày, lời thăm hỏi rồi liệt kê thứ tự tên từng người và số tiền họ gửi tặng cho dì Út theo lời báo của dì Anh. Trong lúc đọc lại bức thư mình vừa viết, nàng bỗng nghe dì Hoa nói:

“Tôi nghe nói bà có viết thư nhờ thằng Hùng chuyển đến thằng Hòa và con Ngọc hỏi bộ Xã Hội xin sang đây lại được không. Mà tôi không nhớ thằng Hùng gửi bức thư ấy cho ai ở ngoài chung cư Park Road.”

Ngọc thẳng thốt nhìn sang Như hỏi:

“Có thực là dì Út muốn sang lại đây không Như?”

“Dạ có. Bà Út có ý định hỏi chị và anh Hòa xin cho bà sang lại đây, nhưng không được thì thôi. Vì bà cũng biết là rất khó khăn khi bà đã cắt tất cả.”

Không nói gì, Ngọc cúi mặt xuống, giả như viết thêm vào bức thư chưa hoàn tất. Lòng đau như cắt, nàng than thầm:

“Dì Út ơi! Làm sao con có thể xin đi sang đây lại đây được nữa? Con biết đi khổ nhưng con làm gì được đây? Có phải vì ‘mùi cơm sôi cạn nước’ mà đi ra nông nổi như thế này không?”

Cung Thi Lan

(Maryland)



BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN



CHUYÊN MÔN NỘI KHOA VÀ LÃO KHOA

4217 Evergreen Lane

Annandale, Va 22003

(703) 354-2629

KHÁM BỆNH MỖI NGÀY THEO GIỜ HẸN

Có Những Màu Đỏ

Le Văn Khoa 

Trong bài “Vài Ảnh Trẻ Con” tuần qua có những tên ảnh bằng tiếng Đức, tôi không hiểu vì tiếng Đức dù nghĩa trắng hay nghĩa đen tôi đều đốt. May quá có một độc giả phương xa đọc bài này và dịch nghĩa như sau: Ảnh số 1 “Bitte” có nghĩa là “Please”, anh chàng trai làm lỗi nên cô gái hờn, chàng năn nỉ xin nàng đừng giận nữa. Ảnh của nữ nhiếp ảnh gia Martina Brandstetter.

Ảnh số 2 “Bussi Bussi!” có nghĩa là “Kiss, Kiss!”. Tên ảnh hấp dẫn quá.

Ảnh số 6 “Absolut Ehrlich” có nghĩa “Absolutely Honest”.

Trong những trường hợp này, tên ảnh đóng góp thật nhiều để giúp người xem hiểu rõ nội dung của ảnh hơn. Nhưng giám khảo thì không biết tên của ảnh và cũng không biết tên tác giả. Họ chấm ảnh theo cảm nhận của họ trong lúc xem ảnh.

Chúng ta sẽ trở lại đề tài ảnh trẻ con trong một kỳ tới. Hôm nay mời bạn đọc xem vài ảnh với chủ đề màu đỏ. Tôi không đề nhiều thì giờ để luận bàn về màu đỏ và ý



“Mùa Ớt Đỏ” Weng Lien Phen

nghĩa của nó. Mời bạn đi thẳng vào hình ảnh sau đây:

Mùa ớt chín rộ người ta phải vận dụng đàn bà con gái ra xô xâu ớt để bán và để phơi khô dùng về sau. Ớt là thứ gia vị rất phổ thông của người Á Châu, Địa Trung Hải, và Mỹ Tây Cơ. Ớt được dùng như gia vị cho thức ăn. Đây là hình ảnh thường thấy ở miền quê Trung Hoa và Việt Nam. Hai người đàn bà bị ớt đỏ bao vây như vậy mà vẫn chịu được mùi cay của ớt một cách đáng khen. Weng Lien Phen, một tay ảnh Trung Hoa cho hai bà mặc áo xanh đậm và quần đen, đầu quấn khăn đen, một tương phản lớn với màu đỏ bầm của ớt chín khô.



“Girl with red towel out of window”
Natalia Moroz

Dường như người ảnh, từ những xứ đã từng bị nhuộm đỏ, dùng màu đỏ mạnh bạo hơn người khác. Nhiếp ảnh gia Natalia Moroz của Ukraine trang trí toàn ảnh bằng màu đỏ. Hoa trong bình nơi chân cô gái màu đỏ. Tranh trên tường cũng

có màu đỏ, những sợi đứng thẳng của vách tường là màu đỏ bầm. Cô gái mang giày đỏ, vớ ống màu hồng, môi và quàng mắt màu hồng, tóc cô màu đỏ hung hung bay lòa xòa. Phần màu đỏ lớn hơn hết là vải quần thân cô. Điều đó không lạ, nhưng lạ ở điểm đuôi khăn vải rất dài bị gió cuốn kéo ra bên ngoài khung cửa sổ màu đỏ mà ở bên ngoài hoa tươi cũng màu đỏ. Chưa hết, vòng ribbon nơi tay trái của cô cũng bị cuốn ra cửa sổ luôn. Ảnh được tạo với xảo thuật rất hay, nhưng nó có ý nghĩa gì không?

Thử nghĩ một quốc gia đã bị Nga đô hộ ngót 70 năm, có trên 10 triệu người bị Nga giết, những nhạc sĩ mù cũng bị giết hằng loạt, vô số người trí thức bị đày đi Siberia, người dân trở nên dè dặt, kín miệng, lạnh lùng. Những chuyện kín đáo ở trong nhà dường như qua cửa sổ mà bay ra ngoài hết. Chiếc khăn quần che thân cũng bị cặp mắt bí mật từ bên ngoài kéo tuột ra hết để xem có giấu gì bên trong không. Theo tôi ảnh này không phải chỉ có ý nghĩa đơn thuần của nó với cái tên rất mộc mạc là “Girl with red towel out of window” nhưng có ý nghĩa ngấm thật lớn. Con gió lốc nào có thể kéo khăn quàng xuyên cửa sổ mà ra ngoài? Bên trong nhà cũng như bên ngoài không có dấu hiệu gì chứng tỏ có một chút gió. Thế mà giải khăn lớn, chắc chắn không nhẹ lắm, đã bị cuốn gọn và kéo ra bên ngoài khung cửa để có thể phô bày cô gái trọn vẹn mà không còn chút gì che thân. Ảnh này có mang một sứ điệp chứ không thuần là một ảnh đẹp.

Rất may Ukraine ngày nay không còn bị Nga cai trị mà đang trên đường dân chủ hóa theo Tây Phương.

Mời bạn vào một xứ đang bị nhuộm đỏ là Trung Hoa. Tác giả Phan Xiaolin của Trung Hoa cho tác phẩm mình một cái tên rất dễ nhận đồng thời cũng rất khó hiểu, là “China Red”. Màu đỏ Trung Hoa là màu đỏ gì? Chúng ta ai cũng hiểu từ “đỏ” để ám chỉ cộng sản. Ở đây là

“màu đỏ Trung Hoa” chứ không phải “Trung Hoa đỏ”.

Một cô gái trắng nõn nà, nằm ngửa, gác chân lên bực cao. Cô mặc áo ngắn tay, hở cổ màu đỏ, nằm trên thảm đỏ, phủ toàn cảnh bằng vải đỏ, chỉ chừa mặt, cổ, ngực, hai tay và hai chân ra ngoài. Tay mặt còn cầm cây cung của đàn và gác lên trên chiếc đàn violin để nằm ngửa. Nhìn vào ta thấy có sự liên kết giữa người và vật để hợp với chủ đề mà tác giả muốn nói. Quyển sách nhạc nằm bên cạnh. Mời bạn đóng vai thám tử để xét xem việc gì xảy ra trong tác phẩm China Red này.

Bạn có thể đề ra nhiều tiếng đồng hồ suy luận xem cô gái này nằm ngủ hay bị giết chết. Dù cô đang nằm ngủ hay bị giết chết, tay mặt không thể còn giữ chặt cung đàn. Thôi, hãy để các thám tử suy xét đề án này. Riêng tôi, tôi thấy tác giả cố tình dàn cảnh rất khéo để chụp hình.



“China Red”: Fan Xiaolin

Có những chi tiết có thể không cần thiết lắm là những chiếc lá vàng rơi rắc trên vải đỏ. Chúng có công dụng làm bớt những khoảng trống với sự hòa hợp của màu sắc, nhưng quá gượng ép. Tôi tiếc cô gái “bị” che kín nhiều quá. Có vài chỗ để hở ra mà không lóa lờ, ví dụ hai vai áo. Cô mặc áo cổ vuông tạo một đường thẳng ngang ngực thành mắt nét dịu dàng của lớp vải che sơ sài có vẻ nửa úp nửa mở để kêu gọi người xem. Người xem tưởng tượng nhiều,

ảnh sẽ có kết quả nhiều hơn. Cô gái mệt quá vì bị giam vào một chỗ để dợt đàn, hay chết theo tiếng đàn, hay bị chế độ Trung Hoa Đỏ diệt đi một tài năng đang lên? Cái gì cũng có thể xảy ra, duy chỉ có một điểm sơ hở nặng là quyển sách nhạc để lộ nhạc trong sách không phải là nhạc viết cho nhạc sĩ violin sử dụng.

Lê Văn Khoa
(California – USA)

KHI NHÀ THƠ CẦM BÚA

khi nhà thơ cầm búa
là biết phải đóng con chữ vào đầu
để mắt nhân gian ba chiều đọc được
trong không gian vừa vắn trước sau
dù mưa nắng chông chênh
dù gập ghềnh thế sự

khi nhà thơ cầm búa
là câu chuyện ngụ ngôn
của kẻ cùng tử mở cửa hư không
cho những đứa con tinh thần
hào sảng rong chơi giữa cõi trời và đất
vượt qua bi tráng để tồn tại
vượt qua băng hoại để làm người
đứng trước gương soi chân thiện mỹ
chưa một lần khắc kỷ với từ tâm!

khi nhà thơ cầm búa
là khẳng định những tì vết

con chữ đi qua trên vách thời gian
còn long lanh giọt lệ hồng
từ những tấm lòng nhân ái
rót yêu thương
vào chữ nghĩa cuu mang

khi nhà thơ cầm búa
là tự nguyện dẫn thân
vào công trình phát thảo từ những con tim
muốn gieo trồng trong vườn hoa đời
những đóa hoa tình bất tử
và khi những thanh từ tỏa âm
theo tiếng dương cầm hào sảng vút lên
cũng là lúc nhà thơ cất chiếc búa vào lòng
mỉm cười mãn nguyện
với câu chuyện ngụ ngôn
khi nhà thơ cầm búa!

Cao Nguyên
(Maryland)

TRANG SỬ GIỮ NƯỚC, CHỐNG NGOẠI XÂM TRONG BUỔI ĐẦU NỀN TỰ CHỦ

(Phần Ghi Chú, tiếp theo số báo Cỏ Thơm 53)

Đào Đức Chương

[06] Nguyễn Văn Mại; Việt Nam Phong Sử, bản dịch của Tạ Quang Phát (Sài Gòn, Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn Hóa xuất bản, 1972), trang 76.

[07] Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, bản dịch, tập I, trang 221: "... Quân Tống lui, lại đến Sông Chi Lăng (khúc Sông Thương chảy qua Chi Lăng thuộc Tỉnh Lạng Sơn). Vua sai quân sĩ trá hàng để dụ Nhân Bảo, nhân đó bắt được Nhân Bảo, đem chém."

[8,9] Phạm Ngô Minh ố Lê Duy Anh; Nhân Vật Họ Lê Trong Lịch Sử Việt Nam (Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2001), trang 27, 28; trích bài Trường Thi Lê Đại Hành.

[10] Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Ngô Đức Thọ dịch tập I (Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1993), trang 237 chép bài sấm không có câu: "Đông A nhập địa, Dị mộc tái sinh"; nhưng trong Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục, nhóm Hoa Bằng dịch (nxb Giáo Dục, 1998), tập I, trang 280 có thêm hai câu này. Thật vậy, nguyên bài sấm không có hai câu trên thì mới ăn khớp với ý hai câu kết, có lẽ đến cuối Đời Trần hay đầu Đời Hậu Lê, một người nào đó đã thêm vào, bởi lẽ Đại Việt Sử Lược (ra đời khoảng 1377- 1388), quyển II,

viết về Triều Lý có chép bài này nhưng chưa thấy hai câu trên.

[11] Đại Việt Sử Ký Toàn Thư, Ngô Đức Thọ dịch tập I, trang 238.

[12] Đại Việt là quốc hiệu thứ 7 của nước ta (nếu tính cả quốc hiệu Xích Quỷ thời Kinh Dương Vương và Nam Việt thời Triệu Đà, mà nay còn đang tranh cãi về sự chính thống của 2 quốc hiệu này).

Quốc hiệu Đại Việt tồn tại lâu dài nhất, 732 năm, từ Lý Thánh Tông lên ngôi (1054) trải qua các triều Lý, Trần, Hậu Lê, Mạc, Lê Trung Hưng, Chúa Nguyễn và 3 năm đầu của Gia Long (1804). Trong thời gian 750 năm (1054- 1804) tên gọi chính thức Đại Việt bị gián đoạn 27 năm từ nhà Hồ đến hết Minh thuộc (1400- 1427).

[13] Đền Lý Bát Đế thờ 8 vị Vua Nhà Lý, còn gọi là Đền Đô, hay đền Cổ Pháp, ở Làng Đình Bảng, Tổng Phù Lưu, Huyện Đông Ngàn (hay Đông Ngạn ?), Phủ Từ Sơn, Xứ Kinh Bắc; nay thuộc Huyện Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh. Làng này là quê hương của Lý Công Uẩn, lúc khởi lập có tên là Diên Uẩn, giữa thế kỷ thứ VIII đổi là Cổ Pháp, từ cuối thế kỷ XIII đến nay là Đình Bảng.

Các vị Vua Nhà Lý khi qua đời đều yên nghỉ ở khu Thọ Lăng Thiên Đức giữa đồng ruộng quê nhà. Hằng năm, vào ngày 15 tháng 3 âm lịch, kỷ niệm ngày Lý Thái Tổ đăng

quang, các vị vua của những triều đại sau đều về Đền Đô làm lễ quốc tế:

Theo văn bia lập năm 1994, Đền Đô rộng 31250 mét vuông, với trên 20 hạng mục công trình độc đáo. Nổi tiếng nhất là Cửa rồng, nhà tiền tế, nhà chuyển bông, đền chính thờ 8 vị Vua nhà Lý, điện thờ Vua Bà, nhà bia, nhà kiệu, nhà ngựa, văn chỉ, võ chỉ, thủy tọa, thủy đình, hai bên cầu hàng hiệ. Năm 1952, Đền Đô bị chiến tranh phá hủy hoàn toàn. Năm 1989 dân Đình Bảng với sự công đức của khách thập phương đã khởi công xây dựng lại Đền Đô theo nguyên mẫu xưa.

[14] Tên gọi hiện nay là Champa hay Chăm; còn có các tên khác như: Chăm Pa, Chàm, Chiêm, Chiêm Thành, Hoàn Vương, Lâm Ấp, Hời (ít dùng). Người Việt quen gọi là Chàm (như: tháp Chàm, gò Chàm) hay Chiêm Thành (như: dân tộc Chiêm Thành, Chiêm quốc); người Champa gọi dân tộc họ là Chăm.

[15] Lý Thường Kiệt (1019- 1105), nguyên có tên là Ngô Tuấn, con của Sùng tiết Tướng quân Ngô An Ngữ và cháu 6 đời của Ngô Quyền, tự là Thường Kiệt, làm quan trải ba Triều Thái Tông, Thánh Tông và Nhân Tông, có tài văn võ, thăng dần đến chức Đôn quốc Thái úy Đại Tướng quân Đại Tư đồ. Ông có công lớn trong việc phá Tống bình Chiêm, được ban hiệu Thiên Tử Nghĩa Nam, theo họ vua và lấy tự làm tên là Lý Thường Kiệt.

Theo sử sách cũ, Ông người phường Thái Hòa, Thành Thăng Long (nay ở phía nam đê Bách Thảo). Nhưng Theo Thơ Văn Lý Trần, căn cứ vào bài văn khắc trên chuông chùa Bắc Biên, mới phát hiện gần Hà Nội, và cuốn Tây Hồ Chí, quê quán Ông ở làng An Xá cũ,

huyện Quảng Đức, thuộc khu vực phía Nam Hồ Tây trong thành Thăng Long; còn địa danh Thái Hòa chỉ là nơi Ông trú ngụ sau khi làm quan triều Lý.

[16] Chế Củ tức Cri Rudravarman III (1061- 1074) đời thứ 3 là vị vua cuối cùng trong triều đại thứ VIII của Nước Champa. Ông là em của Vua Bhadravarman III, thư tịch Trung Hoa phiên âm tên ông là Thi Lý Luật Đồ Bàn Ma Thường Dương Bạc, hay Dương Bốc Thi Ly Luật Đà Bàn Ma Đề Bà, sử Việt ghi là Chế Củ. Năm 1068, vua Chăm cho quân đánh phá vùng đất phía nam của Đại Việt, khiến Lý Thánh Tông phải đem quân vào Champa chinh phạt.

[17] Châu Bố Chánh nay là đất các Huyện Tuyên Hoá, Quảng Trạch, Bố Trạch; châu Địa Lý là Huyện Lệ Thủy và Quảng Ninh ngày nay, đều thuộc tỉnh Quảng Bình. Châu Ma Linh nay là huyện Vĩnh Linh tỉnh Quảng Trị.

[18] Lộ bố: Công văn không niêm phong, bài hịch văn truyền ra trong lúc chiến tranh tuyên bố thật rõ ràng lý do hành quân. Ngày xưa, vị tướng đem quân đến một vùng nào để đánh dẹp, thường niêm yết lộ bố, kể tội quân địch và nêu chính nghĩa của sự chinh phạt. Mục đích làm an lòng dân chúng ở địa phương đó và tranh thủ nhân tâm, một hình thức của tâm lý chiến.

[19] Phạt Tống Lộ Bố Văn: Bài này là một trong các Lộ bố của Lý Thường Kiệt làm ra trong lúc tiến quân vào đất Tống. Trần Văn Giáp tìm thấy trong một bản Việt Điện U Linh ở thư viện Khoa Học Xã Hội. Nhóm biên soạn Đào Phương Bình, chép vào sách Thơ Văn Lý

Trần, (Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1977) tập I, trang 320.

[20] Thanh miêu, trợ dịch: Hai trong tám chính sách của Tể tướng Vương An Thạch (1021- 1086) đề ra gọi là Tân Pháp, nhằm cứu vãn Triều Đại Nhà Tống đang gặp khó khăn.

Thanh miêu là biện pháp triều đình lấy thóc chứa trong kho hay xuất tiền trong ngân khố cho nông dân vay để chi tiêu trong lúc cây lúa còn xanh, đến khi gặt hái xong người vay phải trả cả vốn lẫn lời 2 phân lãi. Hàng năm có hai kỳ: tháng giêng vay đến mùa hạ phải hoàn trả, tháng 5 vay thì mùa thu phải nộp.

Trợ dịch: Bất toàn dân phải làm sai dịch, tức là hằng năm dân chúng phải làm không công cho nhà nước một số ngày theo quy định. Năm 1064, nhà Tống ban hành thêm sắc lệnh có thể đóng tiền thay thế ngày làm. Trước kia, việc sai dịch được miễn cho người vị thành niên, con một, phụ nữ, người tu hành, gia đình quan lại; nhưng từ khi Họ Vương đề ra Tân Pháp thì những thành phần kể trên phải nộp tiền thay thế cho sai dịch, gọi là trợ dịch. Hai biện pháp này khiến nhiều người bất mãn.

[21] Quảng Nguyên: tên một châu vào Đời Lý, đến Đời Lê Quang Thuận (1460-1469) cải danh là Châu Lộng Nguyên, sang đời Hồng Đức (1470- 1497) đổi là Châu Quảng Uyên. Năm 1834 đổi là huyện, thuộc Phủ Trùng Khánh, Tỉnh Cao Bằng. Huyện lỵ Quảng Uyên ở phía đông thị Xã Cao Bằng, cách 37 km, và cách Trùng Khánh 26 km. Năm 1976, Quảng Uyên thuộc Tỉnh Cao Lạng (nhập Cao Bằng và Lạng Sơn). Năm 1978, lại tách tỉnh, nhưng hai huyện Quảng Uyên và

Phúc Hòa hợp thành Huyện Quảng Hòa thuộc Tỉnh Cao Bằng.

[22] Quang Lang: châu đời Lý, đời Trần đổi là Châu Ôn; đầu thế kỷ 19 thuộc tổng Tràng Quế, châu Ôn, xứ Lạng Sơn; nay là Huyện Chi Lăng, Tỉnh Lạng Sơn.

[23] Đồng Đăng: xã thuộc Tổng Vĩnh Dật, Huyện Văn Uyên, phủ Trường Khánh, xứ Lạng Sơn; nay là xã thuộc huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn. Đồng Đăng cách Ải Nam Quan 4 km, có đường bộ đi qua Bằng Tường (nước Tàu) và thẳng đến Ung Châu.

[24] Tô, Mậu: tên hai châu đời Lý, nay là các vùng Nà Dương, Đình Lập, An Châu thuộc Tỉnh Lạng Sơn và Bắc Giang. Nà Dương hay Na Dương: nay là thị trấn thuộc huyện Lộc Bình, Tỉnh Lạng Sơn. Đình Lập: huyện thuộc Tỉnh Hải Ninh, từ năm 1978 sáp nhập vào Lạng Sơn. An Châu: thị trấn huyện lỵ Huyện Sơn Động Tỉnh Bắc Giang.

[25] Tổng hợp từ các bộ thông sử và chính sử: Đại Việt Sử Ký Toàn Thư bản Chính Hòa (niên hiệu Lê Hy Tông) khắc in 1697, Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục của Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim, Việt Sử Tân Biên của Phạm Văn Sơn, Quân Sử Việt Nam Cộng Hòa của Phạm Văn Sơn, Việt Sử Khảo Luận của Hoàng Cơ Thụy.

[26] Bài thơ Nam Quốc Sơn Hà chép trên đây trích từ Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (khắc in năm 1697), ngoài ra có nhiều dị bản chép trong các sách: Việt Điện U Linh, Trương Tôn Thần Sự Tích, Thiên Nam Vân Lục Liệt Truyện, Hoàng Việt Thi Tuyển v.v... Theo Thơ Văn Lý Trần, tập I, trang 321, dị bản

trong Lĩnh Nam Chích Quái, câu 2: “Hoàng thiên dĩ định tại thiên thư”, câu 3: “Như hà Bắc lỗ lai xâm lược, câu 4: “Bạch nhận phiên thành phá trúc dư”.

Về xuất xứ bài thơ, Đại Việt Sử Ký Toàn Thư chép: “Bính Thìn, Thái Ninh năm thứ 5 (1076)... Một đêm, quân sĩ chợt nghe trong đền Trương Tướng quân có tiếng đọc to...”, tuy bài thơ được gán là của “Thần” nhưng người đời sau vẫn hiểu tác giả là Lý Thường Kiệt. Và đã ghi vào các bộ sách lớn như: Lịch Triều Hiến Chương của Phan Huy Chú, Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim, Việt Nam Cổ Văn Học Sử của Nguyễn Đổng Chi, Việt Nam Văn Học Sử Yếu của Dương Quảng Hàm, Lý Thường Kiệt của Hoàng Xuân Hãn, Việt Sử Tân Biên của Phạm Văn Sơn, Việt Sử Khảo Luận của Hoàng Cơ Thụy v.v... Nay bài thơ có thêm đầu đề “Nam Quốc Sơn Hà” do nhóm biên soạn Hợp Tuyển Thơ Văn Việt Nam (tập II, trang 58) đặt ra.

Theo Lĩnh Nam Chích Quái của Trần Thế Pháp, quyển nhì, trong truyện “Hai Vị Thần Long Nhãn Và Như Nguyệt” có bài thơ Nam Quốc Sơn Hà do thần Trương Hống và Trương Hát cao giọng ngâm vào ngày 21 tháng 10 (âm lịch) lúc canh ba, tại doanh trại giặc khi Vua Lê Đại Hành đánh Tống năm Tân Tỵ (981). Dù xuất xứ có từ thời Vua Lê Đại Hành hay từ Lý Thường Kiệt, bài thơ này được coi như bản Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của nước ta.

[27] Lê Văn Thịnh, người Làng Đông Cứu, Tổng Đông Cứu, Huyện Gia Định (sau là Gia Bình), Phủ Thuận An, Xứ Kinh Bắc; nay là thôn Đông Cứu, Xã Đông Cứu, Huyện Gia

Lương (Gia Bình và Lang Tài hợp nhất), Tỉnh Bắc Ninh. Là người đỗ đầu trong khoa thi đầu tiên của nền Hán Học Việt Nam: Khoa Minh Kinh Bác Học Cập Nho Học Tam Trường vào năm Ất Mão, niên hiệu Thái Ninh 4 (1075) đời Lý Nhân Tông. Ông giữ chức Thị lang bộ Binh, năm Giáp Tý (1084), dẫn đầu sứ bộ nước ta đến trại Vĩnh Bình (thuộc Châu Ung Châu, tỉnh Quảng Tây; giáp giới với Huyện Lộc Bình, Tỉnh Lạng Sơn của ta) thương lượng với sứ bộ nhà Tống là Thành Trạc (Cheng Zhuo), đòi lại phần đất (thuộc Tỉnh Lạng Sơn, Cao Bằng ngày nay) mà vào cuối tháng 2 năm 1077 Quân Tống rút về nước nhưng còn giữ lại (6 huyện với 3 động), và năm 1078 nhà Tống chưa chịu trả hết. Việc đòi đất thành công, ông được thăng hàm Thái sư. Sau vì có kẻ ganh ghét, năm 1096 ông bị khép tội “mưu phản”, bị đày lên Trại Thao Giang (tên trại vào thời Lý, đời Trần đổi ra lộ; nay là vùng Huyện Sông Thao, Tỉnh Phú Thọ) và mất ở đó.

[28] Phạm Văn Sơn; Việt Sử Tân Biên, quyển I, trang 389.

[29] Giao Chỉ: nay là vùng đất Hà Nội, Hưng yên, Nam Định Ninh Bình. Vậy Giao Chỉ là một trong 15 bộ của nước ta thời xưa gồm Văn Lang, Châu Diên, Phước Lộc, Tân Hưng, Vũ Định, Vũ Ninh, Lục Hải, Ninh Hải, Dương Tuyền, Giao Chỉ, Cửu Chân, Hoài An, Cửu Đức, Bình Văn, sau thêm Việt Thường (Quảng Bình, Quảng Trị); nhưng người Tàu thời ấy quen gọi nước ta là Giao Chỉ.

[30] Quảng Nguyên: xem ghi chú 21.

Đào Đức Chương
(Paris)

HƠI RƯỢU MÙA XUÂN

Niềm vui giản dị
Như lá cây xanh
Cột đũa cùng gió
Trước cửa phòng anh.

Tự do trải cánh
Bay vút trời xanh
Trong hơi rượu mạnh
Em đã cho anh.

Tin chẳng được nhĩ
Em nhỏ rất xinh:
Tình yêu thơm ngọt
Tự do riêng mình.

Phải chăng tặng phẩm
Em hiến cho anh
Hôm nay xuân đến
Trong thoáng gió lành?

Như hơi rượu mạnh
Dâng nhẹ trong anh
Những bong bong nổi
Bay tít trời xanh.

Yêu em nhiều lắm
Quý em thật tinh:
Nói thêm lần nữa:
Cám ơn em xinh!

Kim-Vũ
(San Jose, CA)

A TASTE OF MARTELL IN SPRING

My joy is so simple,
like the green shade of leaves
frolicking in the spring wind
outside my window sill.

Freedom spreads its wide wings
like birds in the blue sky planing
in the strong taste of spirits
that you've given me this season.

Would you believe it,
what you were able to bring:
A sweet love for me to enjoy alone,
and complete freedom in my heart.

Is it truly the gift
that you're graciously offering me
as this new spring is coming
when a soft breeze begins to breathe?

Like the invigorating taste
of Martell that is rising high in me,
bubbling with a pure, clean sensation,
bursting in the heavens high up.

I love you so much,
and am so grateful to you for your feelings,
so I want to tell you from the bottom of my heart:
Thanks again, my little darling!

Kim-Vũ
(San Jose, CA)

Làm Thơ Trong Tù

SONG NHỊ

Theo tôi, trong tất cả các tác phẩm văn học, những tác phẩm viết về tù ngục được coi là những kiệt tác. Kiệt tác không hẳn bởi giá trị văn chương mà là do tính chất thể hiện nội dung bằng tất cả tự sự mà tác giả “mọi gan móc ruột” ra để diễn đạt nỗi lòng và cảnh ngộ.

Trong kho tàng văn học sử nước ta, thơ tù hầu như không có. Suốt một thời kỳ Văn Học sử Việt Nam chỉ có một áng thơ tù duy nhất, đó là Tự Tình Khúc của Cao Bá Nhạ. Cao Bá Nhạ là cháu gọi Cao Bá Quát bằng chú. Năm 1854 CBQ theo Lê Duy Cự khởi nghĩa chống triều đình nhà Nguyễn. Việc không thành, nhà họ Cao bị tru di tam tộc.

Cao Bá Nhạ sau 8 năm trốn tránh, cuối cùng bị bắt giam; bị bức hại vô cùng oan khiên bởi một thứ luật pháp cực kỳ phi lý và bất nhân của chế độ phong kiến. Cao Bá Nhạ đã viết Tự Tình Khúc trong cảnh ngộ oan ức đến ứa máu ấy:

*Cảm hoài khi tựa mấy câu
Nghêu ngao đồng tử tiêu sầu năm ba
Đuôi con mắt châu sa thấm giấy
Đầu ngón tay máu chảy pha son.*

Tự Tình Khúc là một tác phẩm gồm trên 600 câu thơ mà nhà văn Ngô Tất Tố cho rằng “đọc hết ... tưởng đến cái kết cục thể thảm của tác giả, thiên cổ phải chau mày nghiêng rặng”.

Sang thời kỳ Văn Học Sử Việt Nam ở thế kỷ 20 rất hiếm hoi những ấn bản thơ tù có sức mạnh tác động đến cả một giai đoạn lịch sử của dân tộc, mà phải đợi đến biến cố chính trị 30-4-1975 khi miền Nam Việt Nam rơi vào tay CS. Nửa đất nước tự do bị sụp đổ, mọi giá trị tinh thần bị đảo lộn, đời sống người dân bị bóp nghẹt. Hầu hết trong giới nhân sĩ trí thức bị khủng bố, tù đầy. Và chính từ lớp sĩ phu thời đại đó đã hình thành

một trường thiên thơ ca tù ngục vô cùng cảm động và phong phú.

Cho tới nay chưa có một công trình nào có tính cách vận động quy mô để sưu tập, đúc kết và biên soạn thành một tác phẩm đồng bộ, mang tầm vóc tương xứng với biến cố lịch sử 1975.

Ở trong tù có rất nhiều người làm thơ. Có những nhà thơ “bất đắc dĩ”; có những nhà thơ “nghệ thuật”. Thơ bật ra từ những ân ức, đau đớn, uất nghẹn.... Thơ Tù do đó là lời chứng của những nạn nhân truyền đạt đến các thế hệ tiếp nối theo dòng lịch sử và văn học sử nước nhà.

Những ngón đòn độc địa trong các trại tù cải tạo, qua những nhà-thơ-tù-nhân-chính-trị, tù-nhân-lương-tâm viết từ trái tim rướm máu, từ những nỗi quặn đau, tủi nhục, thể hiện bằng sự khẳng khái hào hùng, nhân bản mà tác giả ghi lại như một “lời chứng”, một kỉ niệm cho mình và cho đời.

Nhà thơ Tô Thùy Yên đã ghi lại cuộc hành trình trên đường lịch sử từ Nam ra Bắc với những chấn động hung hãn của thời đại. Còn nỗi đau đớn tột cùng nào bằng nỗi đau khi nhà thơ nghe cả hồn mình bị đoàn tàu cán nghiền:

*Ngồi đây giữa những phân cùng bụi
Trong chuyến dời xung sát bạo tàn
Ta trở thành than, thành súc vật
Tiếng người e cũng đã quên ngang*

...

*Đã mấy năm nay quần quai đói
Thèm ăn như đứa trẻ con nghèo
Mẹ ơi, con nhớ thời thơ dại
Nhớ miếng ăn mà mẹ chất chiu*

(Tàu Đêm)

Tàu Đêm của Tô Thùy Yên là tàu hỏa, còn có những chuyến tàu đi từ Tân cảng Xa Lộ ra biển Bắc, nỗi kinh hoàng ập lên thân phận người tù cũng không kém. Nhà thơ tù Nhất Tâm Lê Bá Phùng, cũng đã ghi lại:

Bốn ngày dài trên biển nhồi sóng lấc

*khỏi tù nhân ói mưa mặt xanh
Người với phần chung nhau khôn đón
dưới hầm tàu la liệt hôi tanh
(Viễn Xứ Lao Trung)*

Phan Nhựt Thức với bài “Thơ Tình Trong Trại Cải Tạo”:

*Đã cạn dòng thơ từ buổi đó
Buổi xa rừng chim cất giọng khan
Chiếc lồng nhỏ giam đời bé nhỏ
Cõi ngời mơ là dấu chấm than
....
Chỉ còn lại muỗi ruồi ve vãn
Nỗi buồn dài buồn tủi thịt da
Mất sâu thẳm nửa đời chờ sáng
Một người tù gói mộng xót xa*

Nhà thơ Nguyên Huy từ Bắc chuyển về cùng trại Z30A với tôi. Lúc trong tù tôi đã được đọc bài thơ “Hai Hàng Cây So Đũa” anh viết sau khi vợ đến trại tù Z30A thăm, từ biệt trước khi vượt biên. Bài thơ được người bạn tù gần gũi với tôi, anh Nguyễn Thành Trọng, tức nhạc sĩ Trọng Minh phổ nhạc từ trong tù, đã được đưa vào trong một DVD của Asia.

*Hai hàng cây so đũa
Đứng lặng nhìn xe qua
Lên thăm anh lần cuối
Hàng cây cũng nhạt nhòa*

*Đường còn chao sóng biển
Trùng dương thật mệnh mỏng
Bờ tự do réo gọi
Hợp tan rồi có không?*

Nhà thơ quá cố Trần Thúc Vũ trong vực sâu lao lý mãi từ rừng núi Hoàng Liên Sơn vẫn nhìn lên bầu trời cao rộng:

*Ta từ sóng nước tương phân
Đó hồn lau sậy đây thân cát lầy
Ngựa cùng ganh sức chim bay
Vực sâu vẫn một cánh tay níu trời*

Nhà thơ Diên nghị đón tết mừng xuân ở rừng Yên Bái, đã ngâm ngùi nhưng vẫn kiên định sắt son:

*Ba Tết lướt qua tù cải tạo
Khổ sai lao động rã mòn hơi
Trang sử ngàn năm sau thua trận
Tình nhà nghĩa nước thuở nào người
Kề nhau ngồi sát chuyện hơi ấm
Mất sáng niềm tin, lửa rạng ngời.*

Nhà thơ Lê Nguyễn, người tù 13 năm khổ sai khi lên xe từ già chốn địa ngục rừng hoang, hổ phân ruộng đĩa, cảnh ngộ kiếp người như đầu thai vào loài thú vật đã đưa tay vẫy chào những năm tháng hải hùng ghê rợn, vẫy chào những người còn ở lại, vẫy chào những bóng dáng oan hồn của bạn bè chiến hữu nằm lại bên đồi lau, bãi sậy:

*Thôi nhé chào em – trái núi, ngọn đồi
Ruộng đĩa hổ phân, rừng giang bãi nữa
Chào đêm đông giữa nhà đốt ba đồng lửa
Sáu áo ba quân vẫn rét công xương*

*Xin chào nhé em – bẻ mắt vai tương
Dòi lúc nhúc ngàn con
Đàn lãnh về nhắm mắt chia nhau nuốt vội
Mẹ Việt Nam ơi, chúng con làm gì nên tội
Người nuôi người hay người nuôi ngựa trâu?*

*Chúng tôi về đây (sau 13 năm lưu đày)
Các anh còn ở lại
Biết nói sao hơn, trước nỗi tình này
Rồi sẽ đêm đêm quanh đồi lau bãi sậy
Vật vương bóng oan hồn
cất giọng quốc canh thâu!
(Thôi nhé chào nhau – thi phẩm Giữa Dòng)*

Tôi tin chắc Thơ Tù còn bát ngát trong hàng ngũ H.O mà chưa có ai thu thập, hệ thống lại thành một tác phẩm đồng bộ.

Bài thơ tù đầu tiên tôi làm trong đêm 16-6-1975 trong khi chúng tôi sắp hàng ngồi giữa sân trường Chu Văn An 11 giờ đêm đến sáng để chờ di chuyển. Ngày đó đang trong thời tiết

mùa Hạ nhưng bầu trời xám đục, ngoài kia phố xá im lìm, những ngọn đèn đường hiu hắt như chia sẻ tâm trạng của những con người một thời của thành phố thân yêu đang ngồi chờ “chuyến xe định mệnh”. Tôi ghi vào trí nhớ bài tứ tuyệt “Đêm Sân Trường Chu Văn An”:

Trăng đêm gói đất nhìn trời

Trăng sao mờ mịt đêm bồi hồi đêm

Phố trở vợ mây cột đèn

Trong ta lòng đã ướt mềm sương khuya.

Tại Làng Cô Nhi Long Thành, nơi tập trung trên ba nghìn quan chức chính phủ VNCH, buổi sáng 17-6-1975 những đoàn xe từ các điểm tập trung ở Sài Gòn - Gia Định chở người đồ xuống, cả khu vực ngọn đồi sương mù phủ kín, đen kịt, tôi nắm tay một người bạn vong niên, “Ông Già Sơn”, đọc cho ông nghe bốn câu lục bát:

Sương mù lấp ngọn đồi hoang

Bốn phương hội tụ một làng về đây

Biển dâu ai khéo sắp bày

Trăm năm thân thế một ngày ấy sao?!

(Ngày đầu tiên tại Long Thành)

Ông già nhìn tôi cười và bóp mạnh tay tôi. Một tháng sau, trong khi phát hoang đồi cỏ, tôi đọc cho ông già nghe bài Đàn Ngựa Hồng Trên Cánh Đồi Hoang, ông già bảo tôi: “Anh nhớ giữ lại, về sau này mà viết ra”. Từ đó, hầu hết những bài thơ làm xong tôi đều đọc cho ông nghe. Ông thích nhất bài Đàn Ngựa Hồng Trên Cánh Đồi Hoang và Tiếng Hòn Chiến Mã. (ông đã mất tại Sài Gòn. Tôi có đề cập về ông trong sách NTKVN)

Trong đời sống thường nhật của tù cải tạo giữ lấy được những bài thơ của mình đã là khó. Giữ được, đem lọt qua các cửa ải lục lợi, khám xét trước những lần chuyển trại là điều khó khăn gấp trăm lần. Thường khi làm xong một bài thơ, tôi học thuộc lòng. Cách an toàn nhất là cất giữ những bài thơ đó ở trong đầu. Lâu dần, số lượng bài thơ tăng thêm nhiều, “bộ nhớ” không đủ khả năng ghi lại nữa, tôi phải viết ra giấy. Tôi xếp nhỏ bằng nửa bàn tay để dễ giấu và dễ thủ tiêu khi có “biến”. Tại phân trại B Lam Sơn (Thanh Hóa) trong một lần lục xét đồ

đạc, quần áo của tù, tôi bỏ xấp thơ vào nón lưỡi trai, đội lên đầu, hy vọng không có màn khám xét thân thể. Nhưng khi thấy một số bạn tù bị sờ nắn túi quần, bắt cởi áo, bỏ nón ra, tôi sợ hãi, tuân mô hô hô. Một viên công an thấy, hỏi tôi: “Anh này sao vậy?” Tôi trả lời: Thưa, tôi đau bụng, xin cho tôi đi ngoài.”

Được gặt đầu, tôi chạy ra cầu tiêu công cộng, giờ nón thả cả tập thơ xuống hố!

Đã có không ít những tù cải tạo chỉ vì một bài thơ, một lá thư, hay một bài viết mà đã bị đem cùm, bị biệt giam, bị ngược đãi đến chết.

Sau những lần khám xét như vậy, lại phải làm lại. Tôi chép hết những bài thơ không thuộc. Mỗi câu thơ chỉ chép ba chữ đầu, chép khít nhau thành một trang như văn xuôi, vô cho nhau nát, nhét vào túi xách, vào túi quần áo rách và mỗi ngày học thuộc.

Ngoài “thơ riêng” của mình lén lút cất giữ, còn một loại “thơ chung” là thơ viết cho báo tường vào dịp Tết. Loại thơ này cũng khá đa dạng, nó phản ảnh khuynh hướng tư tưởng của tác giả. Có những bài thơ ca ngợi “cách mạng”, có những bài thơ “vô thường vô phạt”, hoặc có ẩn ý “xò xiên” chính sách khoan hồng của đảng.

Một lần ở phân trại C (Lam sơn), một “vị” nằm cạnh tôi nguyên là Thẩm phán Tòa án Quân sự ở số 4 Bến Bạch Đằng/ giảng sư Trường Đại học Minh Đức (Mr. Lu T. H) khen bài thơ tôi viết cho báo tường, một bài thơ vô thường vô phạt, hay dở tùy cảm nhận từ “tư duy” của người đọc. Hôm sau tôi lén trao cho ông một bài “thơ riêng” tôi làm trong khi lội nước bị bõm, đào xới ruộng hoang. Bài thơ nhan đề “Từ Cối Hồng Hoang”:

Ta từ giữa cõi mù sa

Dấu chân dã thú lờ ca lạc loài

Tiếng ồn tự thờ sơ khai

Trút lên trần thế những lời vông ngôn

Nỗi đau chất ngát tâm hồn

Bờ vai em cũng nổi buồn hận căm

Trông vời cánh hạc xa xăm

Máu loang lưng ngựa vết hằn chiến thương

Ta chờ điệp khúc cải lương

Để đưa em lại thiên đường vọng mơ
 Ta chờ nhận nỗi đường tơ
 Đàn say cung điệu ngất bờ ái ân
 Ta thềm quên cả xác thân
 Để xin em bữa tiệc xuân địa đàng
 Ta chờ xóa vết chân hoang
 Về đem huyết sử viết trang chuyện đời
 Ta chờ người lại với người
 Xóa tan huyền thoại những lời vông ngôn.
 (Trích Tiên Hòn Chiến Mã tái bản, Cội Nguồn 2004)

“Vị” thẩm phán đọc xong, ông rón rén nhét trả bài thơ xuống dưới chiếu nằm của tôi và từ hôm sau không bao giờ ông lại gần tôi nữa, chỉ trừ đêm đêm nằm cạnh nhau, mạnh ai nấy ngủ.

Trong tù từ Nam ra Bắc, thỉnh thoảng khi làm xong một bài thơ thỉnh thoảng tôi cũng trao cho một người thân tin đọc. Đọc để như một nhân chứng cho một tập Thơ Tù mà tôi linh tính, sẽ có một ngày tôi được đọc công khai, được phổ biến những bài thơ của mình trong bạn hữu.

Thơ trong tù có sắc thái riêng. Nó chất chứa đủ thứ, từ cọng rau, hạt muối, sợi dây xích, chiếc còng số tám đến tình yêu, tiết tháo, danh dự, và sinh mạng của một con người.

Tôi không muốn đem đồ kỵ, hận thù vào thơ nhưng trong khổ đau quần quai, trong đê nén tù nhục, thơ đã thốt lên thành tiếng và tôi đã in tập Tiếng Hòn Chiến Mã. Làm thơ trong tù không khéo là “dễ chết” lắm, và không ít người đã suy t, đã vào xà lim vì thơ.

Một vài trường hợp điển hình trong vô số trường hợp lý thú liên quan đến thơ tù. Năm 1980 khi chúng tôi còn ở trại Lam Sơn, anh Nguyễn Văn Sinh. (Th.tá/ Phòng Giáo Nghiệm Bộ TLCSQG), một người tù, làm thơ tù bị bắt g, bài thơ bị tịch thu. Theo luận điệu công an

gác tù thì bài thơ có nội dung “nhại theo thơ Hồ chủ tịch”, cũng ngồi trong song sắt, cũng nhìn ra sân chờ đợi được chén bo bo và tỏ ra không an tâm cải tạo. Người làm thơ tù này bị đưa ra họp kiểm điểm, một hình thức đấu tố nội bộ giữa hai phe tù “tiền bộ” và tiêu cực, trong hai đêm liền. Người bạn tù này bào chữa rằng: “... Có nhiều người khác cũng làm thơ. Và khi tôi làm xong những bài thơ tôi đều đưa cho các anh em khác đọc, như anh T. K. L. chẳng hạn. Điều này chứng tỏ thơ tôi không phải là thơ phản động...”

Dù đã viện lý do bào chữa, phe kết án thắng, kết quả anh bạn này đã vào nằm xà lim ba tháng. Phần tôi, mấy ngày sau, trong một cuộc khám xét công tư trang, tất cả mọi loại sách vở, giấy tờ của tôi đều bị tịch thu hết, nhưng có mấy chục bài thơ nằm trong đầu thì họ đã không thể nào khám xét và tịch thu được.

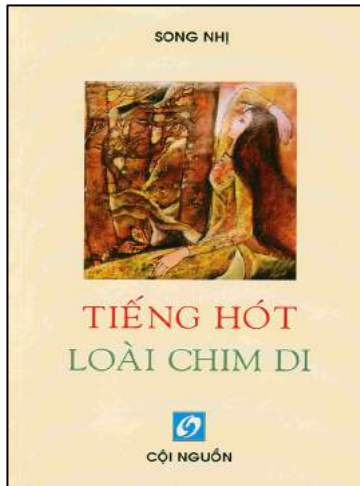
Một người tù, một nhà thơ khác, anh Lê Văn Chính. tức nhà thơ Lê Mai Lĩnh khi ở một trại tù ngoài Bắc, anh bị bắt g và bị tịch thu một số bài thơ có nội

dung "chống đối chế độ". Nghĩ rằng sẽ bị xử bắn, hoặc ít ra cũng sẽ bị vào xà lim với nhiều trận đòn hành hạ nên nhà thơ tù này đã viết một “thỉnh nguyện thư” gửi Trường Chinh và Lê Duẩn, đem tính mạng của anh đặt xuống “chiếu bực” để đánh cuộc với ban Giám thị trại tù (Xin xem thêm trang 345)

Với con số hàng trăm ngàn Sĩ quan, viên chức miền Nam bị tập trung cải tạo, ít ra cũng có đến hàng ngàn bài thơ tù mà sau 35 năm chưa có một tuyển tập nào quy tụ được vào một chỗ. Tôi tin chắc, nếu thực hiện được tuyển tập này, chắc chắn chúng ta sẽ có một tác phẩm lớn (một masterpiece) quý giá.

Trích Nửa Thế Kỷ Việt Nam tr.249 (tái bản, trong bản in lần thứ nhất không có chương này),

SONG NHI (San Jose)



ĐỌC “NỬA THẾ KỶ VIỆT NAM” CỦA SONG NHỊ

Nguyễn Ngọc Bích

Không hiểu tôi có làm không, nhưng cảm-tưởng của tôi là những ngày gần đây “văn-học H.O.” được mùa. Này nhé, đối với một người tương-đối thích đọc sách như tôi thì chỉ trong vòng có vài tháng, tôi đã được đọc những tác-phẩm của các cựu-tù-nhân chính-trị VN (hiểu là “cựu-tù-nhân” trong các trại tập trung gọi là “học tập cải tạo” của CS) như: Hồi-ký của Nguyễn Văn Lục, Hồi-ký Võ Long Triều, tạp-ghi của Huy Phương mà cuốn *Hạnh phúc xót xa* mới ra mắt cách đây hai tuần ở miền Đông đã là cuốn tạp-ghi thứ năm, chưa kể đến loại biên-khảo như *Việt Nam trong chiến tranh tư hữu* của Nguyễn Cao Quyền hay sách dịch, cuốn *I Must Live* dịch cuốn *Tôi Phải Sống* của L.M. Nguyễn Hữu Lễ. Rõ ràng là gần như có một phong trào mà sự đóng góp của các cựu-tù-nhân chiếm một vị-trí trung-tâm nên tôi xin tạm gọi một cách vắn tắt, gọn gàng là “văn-học H.O.”

Sự hiện diện của nền văn-học này có thể bị coi là “lạc lõng” không đối với những người thích trò thời-thượng? Xem một tạp-chí “thời-thượng” như *Hợp Lưu*, hay một website như Da Màu, Talawas, tôi chắc chắn không có nhiều bài viết về kinh-nghiệm “học tập cải tạo” kiểu CS như ta có thể tìm thấy trong những tác-phẩm vừa được nêu trên. Những người chủ-trương các tạp-chí hay website “thời-thượng” có lẽ nghĩ rằng họ chỉ cần sống với hôm nay, rằng họ đã bỏ được lại quá-khứ đằng sau lưng, bất kịp được với những ưu tư của thế-giới (như phụ-nữ-quyền, “ghê” hay “gay,” đồng-tính luyến ái, v.v.). Thực-sự không phải vậy! Thực-sự, ngay những sản-phẩm loại này vẫn cần đến lịch-sử, như ta thấy báo *Hợp Lưu* vẫn có những bài về lịch-sử cận-hiện-đại của Vũ Ngự Chiêu hay về

văn-học-sử, đôi khi rất xa xôi, của Nguyễn Phạm Hùng, Giáo-sư tại Đại-học Hà-nội. Họ chỉ kỳ nói đến những chuyện mà có thể xem là đụng chạm với chế-độ đương-thời trong lúc này để có thể “hợp lưu” trên mặt trận văn nghệ “phí-chính-trị.”

Song nếu xem được những bài như của Nguyễn Phạm Hùng về “Nam Quốc Sơn Hà” và “Phật Tống Lộ Bồ Văn” của Lý Thường Kiệt hoặc về “Dụ Chư Tỳ Tướng Hịch Văn” (còn được biết ngắn gọn hơn dưới tên “Hịch Tướng Sĩ”) của Trần Quốc Tuấn là có ứng-dụng đến cuộc sống của chúng ta ngày hôm nay thì tại sao lại phải quay lưng, tránh né những sự thực của một quá-khứ gần gũi hơn nhiều và thậm chí còn ứng vào ngay thực-tế của Việt-nam hôm nay?

Ta đọc tin hàng ngày, thấy những chuyện “chương tai, gai mắt” như xảy ra với Lê Thị Công Nhân, Nguyễn Văn Đài, Trần Khải Thanh Thủy, Nguyễn Tiến Trung, Hồ Thị Bích Khương, Lê Công Định, hay Cù Huy Hà Vũ mới đây thì thử hỏi loại tin nào, loại kinh-nghiệm nào ứng-dụng hơn đối với cuộc sống của chúng ta hôm nay: chuyện Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn hay chuyện “học tập cải tạo” của các đàn anh chúng ta?

Tôi là một con người may mắn. Suốt một đời người gần 3/4 thế-kỷ, tôi chưa bị tù tội tới một ngày chứ nói gì đến chuyện đi “mút mùa” 5-3 “tò lịch” hoặc lại còn bị kiên-giam nhiều ngày như Phan Nhật Nam hay một số tác-giả H.O. mà ta có dịp đọc. Vậy thì tại sao tôi vẫn tìm đọc đến các tác-giả như Song Nhị trong cuốn sách ra mắt hôm nay, *Nửa thế kỷ Việt Nam?*

Phải chăng vì đó là kinh-nghiệm tập-thể của một dân-tộc mà tôi là một thành-phần trong đó nên không thể tự-loại-trừ mình ra khỏi được? Nói cách khác, nếu cái vinh cái nhục của một

người Quốc-gia như anh Song Nhị cũng là cái vinh cái nhục của tôi thì cái đau, cái uất của anh sau khi mất miền Nam cũng phần nào là cái đau, cái uất của chính tôi tuy nói như người ta mô-tả trong tiếng Anh, đó là “a vicarious pleasure, a vicarious experience,” một thứ “thú đau thương” vay mượn ở kinh-nghiệm những người sống thật qua những kinh-nghiệm tù đầy đó. Để làm gì? Thừa, để hiểu hơn cái chế-độ hiện vẫn còn đang ngự-trị trên quê hương chúng ta, để thông-cảm hơn với những người hiện đang bị tù đầy như các tác-giả H.O. của chúng ta năm xưa.

Thành thử nếu một sản-phẩm như *Hợp Lưu*, *Da Màu* hay *Talawas* có quay lưng vào cái thống-khổ của dân-tộc vào lúc này, hôm nay, nghĩa là không đá động gì đến những dân oan, đến những vi-phạm nhân-quyền trắng trợn ở quê nhà, dù nhân danh cái gì đi nữa (tý-dụ, sự hòa-hợp dân-tộc), thì một người bình-thường như tôi vẫn muốn được học kinh-nghiệm của người đi trước, của người chẳng may rớt vào vòng tù tội thay cho tôi để tôi hiểu biết xã-hội, dân-tộc của tôi hơn.

Đó là lý-do tôi tìm đến đọc cuốn sách ra mắt ngày hôm nay, “bút-ký, tự-truyện” *Nửa thế kỷ Việt Nam* của tác-giả Song Nhị.

*

“Tôi đã viết và đã xóa bỏ từng dòng. Tôi đã viết và đã xóa bỏ từng trang. Tôi đã xóa bỏ nhiều lần như vậy. Một bài viết ngắn [. . .] cho tới hôm nay... đã chẵn mười năm!” Tác-giả mở đầu sách của anh như vậy. Như thế hẳn không phải là một tác-phẩm bồi bác mà là một tác-phẩm có nhiều dẫn đo, cần nhắc!

Các chuyện anh viết, “mười năm góp nhặt, suy nghĩ, dẫn đo,” sau một thời-gian bỗng “những cá biệt, tản mạn đó lại tạo nên một bố cục chặt chẽ, sống động, rất thật trên một đường trường lịch sử nửa thế kỷ Việt Nam.”

Vậy ta hãy thử xem những “cá biệt, tản mạn” của anh có những gì?

Chương đầu, “Giữa một miền quê hiền hòa,” nói về những ngày thơ ấu dễ thương của anh “trên đồng ruộng, ngồi trên lưng trâu, hai mùa lạnh buốt thấu xương, nắng cháy da người”

ở Nghệ Tĩnh. Rồi đi học, rồi yêu, nhưng phải trốn sang Lào với gia-đình sau khi chứng-kiến cuộc Cải Cách Ruộng Đất (Chương II) “long trời lở đất” ở quê nhà. Kinh-nghiệm bản-thân của tác-giả khá giới-hạn (vào chuyện mắt thấy tai nghe trong gia-đình mình, bị vu là địa-chủ, và trong xóm làng) nhưng anh đã đưa thêm được nhiều tài-liệu mới được tiết-lộ sau này để vừa có hình ảnh (của nhiếp-ảnh-gia người Nga Dmitri Baltermants) vừa có bằng-chứng bất khả đảo ngược về vai trò chính-yêu của Hồ Chí Minh trong cuộc tắm máu kinh-hoàng này với con số chính-thức lên đến 172.008 người mà đích-thực có thể đã lên đến nửa triệu hay hơn nữa.

Chương III là nói về cuộc vượt biên sang Lào, với gia-đình được sự giúp đỡ của một cựu-sĩ-quan Pathet Lao, và Chương IV cho biết về những ngày tương-đối yên lành ở Lào trước khi bị CS xâm-nhập. Đến đây, tôi phải mở ngoặc để nói là chính cá-nhân tôi cũng đã có kinh-nghiệm gặp gỡ một người ở Lào về khi tôi còn đang học đệ tam ở trường Pháp ở Sài-gòn: đó là anh bạn Nguyễn Thế Anh mà sau này trở thành một sử-gia hàng đầu của VN hiện đang ở Pháp.

Từ Chương V trở đi là cuộc sống của tác-giả và gia-đình trong một miền Nam tự do sau khi bị “trục xuất” từ Lào về. Được ăn học tử tế rồi bị lôi cuốn vào những phong trào sinh-viên bị CS lũng đoạn, tác-giả mô-tả những ngày tranh đấu không riêng gì ở Trường Đại-học Vạn Hạnh chống lại phía bên kia mà còn lan ra khắp các khoa ở Đại-học Sài-gòn. Chương này và chương sau (khoảng 50 trang) đối với riêng tôi có thể xem là hấp dẫn nhất vì thời-gian đó, tôi đang du học ở Mỹ và chỉ được nghe qua người này người khác, kể cả một số người trong cuộc như Ngô Vương Toại, Bùi Bảo Trúc, Phạm Dương Hiến, Đỗ Ngọc Yến v.v. Được cái may là ngoài chứng-từ của tác-giả Song Nhị, chúng ta gần đây còn có hồi-ký rất chi-tiết của Nguyễn Văn Lục và hồi-ký của Hoàng Xuân Sơn (đã đăng thành nhiều kỳ trong *Phố Vãn*) để đem ra bổ túc và đối-chiếu về một giai-đoạn lịch-sử, có cả máu đổ (như Ngô Vương Toại, Bùi Hồng Sĩ bị Mặt Trận bắn bị thương hay cả Lê Khắc Sinh Nhật, bị CS bắn chết) do tuổi trẻ làm nên này.

Từ đó, tác-phẩm nhảy vọt qua Chương VII (“Miền Nam, Con Lũ Nghịch Thường”) nói đến những ngày cuối cùng của miền Nam. Trong sự vội vã bỏ của chạy lấy người, người Mỹ đã quay lưng ngay cả vào “một cơ quan đầu não” là Phủ Đặc-ủy Trung-ương Tinh-bảo của VNCH. Với người cầm đầu cơ-quan, Thiếu-tướng Nguyễn Khắc Bình bỏ đi từ sớm, phút chót chỉ còn lại có ông phụ-tá Nguyễn Phút Lộc không làm được gì để cứu những người thuộc-cấp trong đó có tác-giả. Đó là uyên-nguyên của kinh-nghiệm “học tập cải tạo” sau đó của tác-giả, được mô-tả cặn kẽ với đầy đủ cả các tài-liệu như “Tài liệu phát động quần chúng” (có in lại photocopy trong sách, trang 129), rồi đến “Cuộc hội ngộ 3.000 quan chức Chính phủ VNCH tại 5 vùng ‘chiến thuật’” ở Long-thành với những ngày đầu tương-đối còn dễ chịu, rồi đến “Bản án ba năm tập trung cải tạo” (Chương VIII) với những “đợt ‘chuyên quân’ bằng máy bay ra Hà Nội,” “chuyên tàu Nam Bắc” với những “số phận lênh đênh.”

Chương IX riêng bàn về trường-hợp “Bùi Đình Thi” và chiêm-nghiệm về “nhân duyên” và “nghiệp quả” trong đó tác-giả cũng dành nhiều ngẫm nghĩ cho người đàn bà nạn-nhân khổ-sở là vợ Bùi Đình Thi.

Chương X nói về một số trại tù khá khắc-nghiệt ở miền Bắc nhưng cuộc Trung-Cộng tràn quân qua biên-giới (tháng 2/1979) đã buộc CS phải “chuyên quân” một lần nữa từ các trại tù như Nam Hà hay Công Trời về những trại như Thanh Cẩm hay Lam Sơn (tức Lý Bá Sơ “đanh bất hư truyền” đã có về mặt dã-man từ trong thời kháng-chiến chống Pháp) để rồi cuối cùng cũng được trở về Nam (Chương XIV, “Châu về Hiệp Phố”). Xen kẽ trong những trang này là nhiều kinh-nghiệm rất sống động như “Làm thơ trong tù” (Chương XI), “Biểu tình tuyệt thực,

Rừng vang tiếng hát” (Chương XII) nói lên sự bất khuất của người tù miền Nam, và “những cảnh hưởng [khác] trong tù” (Chương XIII) với đầy đủ những cảnh “hi, nô, ái, ố, dục” ghi lại với một ngòi bút khá công-minh.

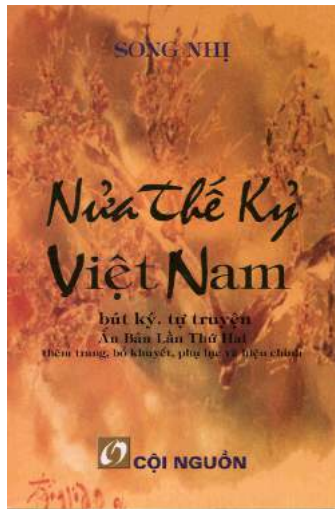
Sách cũng kết thúc bằng một số chuyện thú vị như “Nghệ sĩ Thành Được và cuộc vượt ngục tập thể FULRO” thành công, và một số gương bất khuất của người tù đáng lưu danh hậu-thế. Nhưng giá trị không nhỏ là Chương XV (“Hy vọng trong màn đêm, Ánh sáng cuối đường hầm”) là chương nói về sự vận-động của một số tổ-chức hải-ngoại mà hàng đầu là Hội Gia-đình Tù-nhân Chính-trị VN của bà Khúc Minh Thơ làm việc với những nhân-vật như Đại-sứ Robert Funseth để có chương-trình H.O. đón người cựu-tù-nhân bị trên 3 năm “tập trung cải tạo” đi Mỹ và các nước tự do khác. Sau đó, tuy có những chuyện rắc rối như “tù cửa ải đến cửa quyền” (Chương XVI) xong rồi cũng đi được.

Phụ-lục của sách còn mang một hồ-sơ thật đầy đủ với tài-liệu và hình ảnh mà tác-giả thu thập được để cho mai này ai muốn xuyên-tạc về chương-trình đón cựu-tù-nhân chính-trị của CSVN sang Mỹ cũng không thể dễ dàng

phủ-nhận.

Xuyên suốt cuốn sách là một thái-độ rất thận trọng nhưng không kém phần tự-trọng nói lên được tất cả cái hào-hùng của một quân-đội tuy ngã ngựa và chịu nhiều đầy ải song không bao giờ mất đi cái tính người và tình người của một quân ngũ có ăn học và đã từng biết thế nào là tự do.

Cảm-tưởng phát biểu tại buổi ra mắt
Ngày 13 tháng 11, 2010
James Lee Community Center, Falls Church, VA



Vài Hình Ảnh Trong Buổi Ra Mắt Sách
NỬA THẾ KỶ VIỆT NAM của Nhà văn **SONG NHỊ**,
Ngày 13 tháng 11, 2010 tại James Lee Community Center, Falls Church, VA.



Từ trái : Thư Họa Sĩ Vũ Hối, Văn Thi sĩ Song Nhị, Thi sĩ Phan Khâm, Thi sĩ Đăng Nguyên,
Nhạc sĩ Vĩnh Điện, Nhân sĩ Hàn Phong Cao, Thi sĩ Cao Nguyên, Nhân sĩ Quang Lê,
Giáo sư Trần Thanh Hiệp, Biên khảo gia Nguyễn Ngọc Bích, Giáo sư Đào Thị Hợi,
Mina Nguyễn, Nghệ sĩ Hoàng Bạch Mai, Phóng viên Thanh Trúc, Ca sĩ Sỹ Tuấn,
Nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung, Thu Nguyễn, Nhà văn Phong Thu, Nhà thơ Lâm Thuý,
Nhà văn Cung Thị Lan.

TÔI ĐÃ KHÓC

Tôi đã khóc từ khi rời lòng mẹ
Sợ hay mừng đời đã tiếp nhận tôi
Và từ đó một hình hài nhỏ bé
Lớn khôn dần ngọt sữa mẹ thơm môi

Tôi đã khóc mẹ dãi dầu cơ cực
Vì cha còn nặng nợ bước chinh nhân
Nghĩa hy sinh trong tim người thấm rức
Dưỡng dục con còn lận đận nuôi chồng

Tôi đã khóc mẹ ra đi vĩnh viễn
Bởi giặc về cày nát xóm thôn
Những đạn pháo vô tình gây tai biến
Người đón đau quần quai trút linh hồn

Tôi đã khóc tối ba mươi hôm đó
Tháng tư buồn vụn vỡ bảy mươi lăm
Những con tàu vượt trùng dương sóng gió
Chở bao người mang thống khổ hờn căm

Tôi đã khóc được tin anh ngã gục
Trong trại giam cải tạo tận Miền Trung
Muội mấy năm, niềm tin không rã mục
Chí kiên cường khó lay động chuyển rung

Tôi đã khóc cảnh quê nhà điêu đứng
Mỗi địa danh mang chiến sử oai hùng
Đã bao đời ông cha ta gầy dựng
Nay còn chẳng những hoang phế tàn vong

Tôi đã khóc suốt quãng đời lưu lạc
Khóc cho người và khóc cả cho tôi
Bao tang tóc, bao lầm than dân tộc
Đoạn trường này còn khóc mãi khôn nguôi

DƯ THỊ DIỄM BUỒN

I HAVE CRIED

I began to cry on coming into this world here,
When life received me, anyhow for joy or for fear;
And thenceforth a small shape, this, has through skips
Grown up out of Mom's sweet milk and scented lips.

I wept witnessing my Mom so poor and miserable
While my Dad was doing his soldier's duty venerable.
Her sense of sacrifice she kept her heart warm to arouse,
Bringing up their kids and also catering to her spouse.

I then had to moan when my Mom passed away
As the enemy came to hamlets destroy and people slay,
The insensible bullets and shells to human bodies sever:
How she writhed in agony to part from us for ever.

I also sobbed that night, defeated by the hostile drive,
Of the broken April thirtieth, nineteen seventy five.
The frail boats crossed the windy and wavy ocean
To carry those souls with resentment-filled emotion.

I again mourned for my brother who deceased
In the Central Region's prison, ill-treated like a beast;
Over ten odd years his belief had become perpetuation,
Thus had not been shaken by the adverse situation.

I have lamented seeing our homeland distressed,
Each place-name a majestic feat - They are so blessed.
Thru many generations our ancestors' proud display
Now remains, alas! if not decline, mere decay!

I have bewailed all my adrift life - For them, for you,
I have cried for my compatriots and for myself too.
Deaths and grief aim at our people's heart to rend,
In this poor plight I might continue to cry without end.

Translation by

THANH-THANH

SÁU BÀ “GIẶC CÁI”

Tôn Nữ Mặc Giao

Bầu không khí đầu tuần sáng thứ hai ngày hôm nay trong công ty “TKC” có vẻ khác thường, ngọt ngào đến khó thở. Nét mặt người nào người nấy chây dài buồn thảm, đầy lo âu đến căng thẳng sau khi mọi người nhận được cái danh sách nhân viên bị lay off 12 người đợt đầu tiên trong tuần này vừa công bố, còn hứa hẹn đợt nhì vào tuần tới như một cái án treo đối với những người chưa bị “đính” trong danh sách 12 người đợt đầu tiên.

Thời buổi kinh tế khó khăn, mất job là mất nhà mất cửa như chơi, mà có thể mất luôn cả vợ con cũng không chừng. Trong danh sách 12 người đợt đầu tiên này đã có tên của Như Bình. Giá như lúc trước chắc nàng cũng buồn thảm và xuống tinh thần lắm! Nhưng bây giờ nàng chỉ im lặng thì thâm bốn chữ: “A Di Đà Phật!” rồi tự nhủ trong lòng, nghiệp xảy ra như thế nào thì nàng chịu như thế ấy. Yên lặng và chấp nhận cái nghiệp xảy đến cho mình thì nghiệp sẽ qua đi, giận dữ và vùng vẫy thì nghiệp sẽ càng nặng hơn. Lời nói của người chồng thâm nhuần kinh sách nhà Phật vẫn còn văng vẳng bên tai, cho nên bất cứ chuyện không tốt lành gì xảy đến cho nàng, nàng cũng đều cho đó là cái nghiệp cả. Tuy biết vậy, nhưng trong lòng nàng vẫn có một chút áy náy và thương cảm dâng lên khi nghĩ đến chồng một mình đứng mũi chịu sào lo cho cái gia đình một vợ ba con của chàng từ bao nhiêu năm nay. Sau khi đứa con gái út được trên 12 tuổi, Như Bình mới xin đi làm để đỡ tiếp cho chồng và để biết cái mùi bị “stress” mà chồng nàng đã phải chịu đựng bao nhiêu năm nay.

Phúc, chồng của Như Bình là một engineer giỏi từ Việt Nam, sang Mỹ đã hơn hai mươi năm. Thấy chồng có công ăn việc làm vững chắc bao nhiêu lâu nay nên Như Bình chẳng để tâm, hỏi han gì mấy đến công việc của chồng.

Mà Phúc thì ít nói, những căng thẳng, buồn phiền trong công việc làm ở sở chẳng bao giờ chàng đem theo về nhà, chỉ âm thầm chịu đựng một mình. Còn vui vẻ hay được tiền thưởng thì chàng đem về khoe với vợ con cho vui nhà vui cửa, Phúc là một người chồng tốt, chàng thường nói với bạn bè một câu mà Như Bình nhớ mãi không bao giờ quên: “Người ta (là vợ) bỏ cả gia đình cha mẹ, anh em để đi theo mình sống suốt cả đời, không mang niềm vui hạnh phúc đến cho người ta thì thôi có sao lại để những buồn phiền nó xâm lấn?” Hề vợ con vui là chàng vui. Cho nên Như Bình như một con chim được sống trong chiếc lồng son hạnh phúc chẳng hay biết gì, cứ tưởng bờ khi nghĩ đi làm là như “cưỡi ngựa xem hoa”.

Thời gian đầu lúc mới đi làm, Như Bình nhậy không biết bao nhiêu là hăng. Chỗ nào buồn, “khó chịu” đối với nàng là nàng tự “quit” rồi đi tìm chỗ khác vui hơn để xin việc. Cho đến một hôm tình cờ nghe được chồng tâm sự với bạn bè những khó khăn, căng thẳng trong công việc làm ở hãng của chàng mà vì vợ con chàng phải chịu đựng để lo cho gia đình. Từ đó nàng thôi không “bay nhảy” mỗi khi gặp phải chuyện đụng chạm hay khó chịu trong công việc làm hãng ngày nữa. Và cũng từ đó nàng mới thấy thương chồng hơn mỗi khi bị xếp kêu lên “đi” những chuyện lằng xẹt không đáng một chút nào hết, có khi còn bị hàm oan mà không biết phải giải bày như thế nào. Những lần bị như vậy, nàng hay chạy về nhà gục vào vai chồng và khóc với chàng. Phúc dỗ dành và an ủi nàng, chàng nói làm ở đâu thì cũng vậy thôi, chỗ nào cũng có kẻ xấu người tốt. Mình cứ ăn ở phải thì rồi người ta cũng nhìn thấy, và bây giờ chàng mới kể cho nàng nghe những chịu đựng của chàng trong công việc còn “to lớn” hơn những

cái mà nàng đang chịu bây giờ mà chàng có than một tiếng nào đâu? Cuối cùng chàng kết luận:

- Cuộc đời là vậy, đầy bon chen ham danh trục lợi, thậm chí họ có thể đạp mình xuống để đi lên là chuyện thường. Em vì chỉ sống trong bốn bức tường gia đình, ít có giao tiếp ngoài đời nên gặp chuyện bất bình một chút xịu thôi là em cũng có thể cho là ghê gớm lắm. Thôi! Nếu em chịu không nổi thì nghỉ đi, tìm không được việc làm khác thì cứ ở nhà để anh lo. Anh làm hãng này đã mười mấy, hai mươi năm nay rồi, ai giỏi ai dở, ai tốt ai xấu thì họ cũng đã biết. Cho nên những áp lực mà anh phải chịu đựng hầu như còn rất ít, một mình anh đi làm tuy có hơi chật vật nhưng vẫn chưa đến nỗi nào mà, phải không?

Nàng sụt sịt:

- Hồi đó con mình còn nhỏ, một đầu lương của anh vẫn chưa sao, nhưng bây giờ con lớn hết rồi. Số cậu nhiều hơn số cung nên em phải đi làm phụ anh chứ! Rồi nàng lau nước mắt nhoe nhoẹt cười nói tiếp: Thôi kệ! Để em đi làm cho biết mùi bị hàm oan hay ức lòng mà anh phải chịu đựng bao nhiêu năm nay, có như thể em mới biết thông cảm và chia sẻ với anh được. Anh yên chí! Em tức thì em kể cho anh nghe vậy thôi chứ em không nhảy hăng nữa đâu, trừ khi em bị lay off.

Và rồi hôm nay nàng bị lay off thật. Sau khi thu dọn đồ đạc và từ giã bạn bè xong, Như Bình ôm cái thùng bia đựng ba cái đồ vật vãnh lững thững đi ra cửa. Vừa đi nàng vừa suy nghĩ giờ này Phúc còn đang ở trong sở làm việc đây, mà nàng thì không muốn gọi điện thoại một chút nào hết để báo cho chồng biết cái tin chẳng mấy gì vui này. Về nhà bây giờ thì chán chết, nhưng đi đâu trong khi chờ đợi chồng về thì nàng chưa nghĩ ra. Đến chỗ parking rồi thì Như Bình quyết định không về nhà vội, nàng sẽ ghé thăm tổ ấm của “Thất Công Chúa”. Thất Công Chúa ở đây không có nghĩa là nàng công chúa thứ bảy, mà là bảy người đàn bà sồn sồn chưa chồng, bạn thân với nhau đang ở chung một căn nhà. Thật ra họ cũng chẳng còn trình tráng gì, kẻ chồng bỏ, người ly dị, đứa chết chồng, chẳng đứa nào có con có cái. Bây giờ họ bị lay off lần lượt từ mấy tháng qua, họ đang ăn tiền thất nghiệp và quyết định share chung với nhau một căn nhà để

ở, vừa nhẹ tiền nhà lại vừa được tự do thoải mái. Tất cả họ đều là bạn thân của nàng, nhưng số của họ lặn độn lao đao đường chồng con chứ không được may mắn như nàng. Họ “get together” với nhau cả hơn tháng nay rồi mà vì bận bịu nàng chưa có dịp ghé thăm họ được. Hôm nay bị lay off, sẵn thời gian trống trải Phúc chưa đi làm về nàng quyết định ghé thăm họ để tán dóc và luôn tiện báo tin “buồn” của nàng. “Oh! My God!” Như Bình kêu lên khi chợt thấy thật ngộ nghĩnh, một đám bạn thân “thị mẹ” của nàng sao bị lay off hết ráo thì xem ra nền kinh tế nước Mỹ thật “hết con bị cực lại đến hồi tối thui” chứ chẳng sáng sủa gì.

Như Bình cho xe chậm chậm đậu lại dưới lề đường trước căn nhà của “Thất Công Chúa”, chưa vào nhà mà nàng đã “ngửi” được cái mùi là lạ... Cửa ra vào không khép chặt, dầm ba cái túi xách và vali có tay kéo được vắt ngổn ngang trước thềm cửa, trong nhà thì lời qua tiếng lại khá to tiếng. Như Bình lật đật đẩy cửa bước vào thì thấy vợ Diệu đang chống nạnh, mặt mày đỏ kè, miệng lắp bắp không thành tiếng... Con nhỏ này có cái tật khi giận lên thì nói không ra tiếng, lắp bả lắp bắp cứ như là bị cà lăm. Sáu vợ kia đứng tùm lại một phía, đứa dựa tường, đứa khoanh tay, đứa chống cằm chẳng nói năng gì, nhìn mặt mày đứa nào đứa nấy nặng như đeo chì. Mặc dù chẳng hiểu ạt giáp chuyện gì nhưng nhìn cái không khí “chiến trường” nặc mùi “sát khí” đàng đàng, Như Bình xoa tay ngập ngừng nói một câu vô thưởng vô phạt:

- ...Um... Hòa nhã muôn sự lành...

Mợ Diệu vừa lắp bắp vừa đẩy mọi người ra cửa:

- Lành... lành...lành cái đầu bà đó! Đi!...

Đi đi! Đi hết đi! Tao không cần ai hết! Một lũ không có đầu óc...

Cánh cửa vô tội bị đóng sập một cách giận dữ theo sự giận cá chém thớt của chủ nhà, Như Bình nhú mày nhìn sáu vợ “nạ giòng” như dò hỏi. Các vợ nhăn mặt nhún vai một cái rồi cúi xuống kéo vali và xách tay của mình mà chẳng vợ nào chịu trả lời cái nhìn của Như Bình. Giá như mọi lần, chắc Như Bình cũng đã nổi cáu. Nhưng năm nay thì khác rồi, nàng đang tập tu theo lời Phật dạy. Nên nàng chỉ đùa:

- Ủa tao thấy mọi lần, máy đưa tụi bây không có chuyện gì cũng nói tới cái miệng không kịp kéo da non luôn mà, bữa nay Trời đi vắng hay sao mà sáu đứa tụi bay im ru vậy? Tao hỏi mà chẳng đứa nào chịu trả lời?

Mợ Hoa hần học:

- Tụi tao không thèm ở chung với con Diệu nữa!

Như Bình ngạc nhiên:

- Vậy rồi tụi bây đi đâu?

Sáu cái mỏ cong lên một lượt:

- Lại nhà máy chứ đi đâu?

Như Bình cười:

- Tụi bây nói thiệt hay nói chơi dzậy?

Mợ Khuê lên tiếng:

- Bộ tụi tao giống nói chơi lắm hả?

Như Bình giải thích:

- Không phải! Ý tao muốn nói là tụi bây đi như vậy rồi làm sao con Diệu nó trả tiền nhà hàng tháng? Nặng lắm đó!

Sáu cô nàng ngoe nguẩy:

- Xi!.... Kệ nó chứ!

Rồi các mợ tíu tít:

- Nhanh lên! Nhanh lên! mạnh ai nẩy lái xe, tụi tao sẽ đến nhà máy rồi nói chuyện sau. Cứ đứng đây mãi con Diệu nó tưởng mình hồi hận vì không có chỗ đi rồi làm tàng.

Như Bình đành phải theo bọn họ ra xe về nhà mình. Về đến nhà, nàng vừa mở khoá cửa vừa nói:

- Nhà tao bây giờ chỉ dư có một phòng mà tụi bây tới những sáu đứa thì tụi bây liệu tính làm sao thì tính.

Mợ Kim gật gù ra về như bằng lòng với hiện tại:

- Chuyện nhỏ, chuyện nhỏ, cái family room nhà máy rộng thế kia thì tụi tao cứ la liệt ra đây là qua đêm, miễn sao ông xã mày đừng có lộn xộn nửa đêm đi lộn chỗ là được rồi.

Nghe mợ Kim nói thế, năm mợ còn lại khoái chí cười vang. Như Bình mắng:

- Này! Này! Ăn nói giữ mồm giữ miệng một tí, ba đứa con tao còn nhỏ, tụi nó vẫn ở chung với bố mẹ đây!

Mợ Ngân lên tiếng:

- Được rồi! Được rồi! Tụi tao biết chứ! Không có ai ở nhà tụi tao mới đùa với mày như vậy! Chứ có mấy đứa nhỏ ai mà nói kỳ cục vậy.

Rồi như chợt nhớ ra, mợ Thoa lên tiếng:

- Phải rồi! theo lẽ giờ này mày phải đang đi làm mới phải, sao hôm nay lại rảnh rang đi ta bà như vậy? Bị lay off rồi à?

Như Bình cười:

- Con này ăn nói bừa bãi mà đúng như... thầy bói, tao vừa bị lay off sáng nay thật.

Sáu cái miệng cùng há ra một lượt:

- Há!!!?

Như Bình gật đầu:

- Cho nên “bà” sẽ ở nhà canh chừng sáu “con giặc cái” tụi bây, đừng hòng quyền rũ chồng “bà”.

Sáu cái miệng thở dài thườn thượt:

- Hơ...ơ...ơ...hơ!!...Tuồng đầu nhờ cậy được, nào ngờ chắc lại phải đi cư sớm quá!

Như Bình ngắt ngang:

- Đùa bao nhiêu đó đủ rồi, để bây giờ tao chia chỗ định cư tạm cho tụi bây. Ba đứa trên lầu, ba đứa cái phòng ngoài garage, xử dụng chung một cái restroom dưới nhà. Phòng ngoài garage không có heater nhưng có cái sưởi cá nhân, mùa hè thì có quạt máy, đưa nào sợ lạnh thì lên lầu, tùy tụi bây chia nhau. Bây giờ hãy kể cho tao nghe chuyện gì xảy ra giữa tụi bây với con Diệu mà đến nỗi phải xách vali ra khỏi nhà?

Mợ Hoa cong cớn:

- Mày biết không? Con nhỏ đó cà chớn lắm! Tụi tao quyết tẩy chay nó luôn. Đời thuê nhà ai, bạn bè mấy chục năm nay. Buồn vui sướng khổ gì cũng chia sẻ, kể lể cho nhau nghe, mà bây giờ nó chưởi tụi tao không còn một chỗ đứng luôn.

Như Bình cười:

- Mà chuyện gì? Chuyện gì mới được chứ!

Xuân chen vào:

- Thôi để tao kể từ từ, con Hoa mày nóng quá nói chẳng ai hiểu gì cả. Chuyện là thế này, từ lúc thất nghiệp không có chuyện gì làm, con Diệu mới đề nghị mượn một căn nhà bầy đứa ở chung, tiền nhà vừa rẻ lại vừa được tự do thoải mái khỏi phải chung đụng với chủ nhà. Thế là tụi tao ở chung như mấy thầy rồi đó! Hôm trước Tết sau khi đi Las Vegas về, con Hoa không biết đánh bài nên nó chán, sẵn New Year của mình tới, nó đòi tụi tao chỉ cho nó binh xập xám để lần sau nó đi phục thù. Tụi tao thấy đương

lúc thất nghiệp rồi rãnh không việc gì làm nên đồng ý chơi cho vui để chỉ con Hoa luôn. Chỉ riêng con Diệu nó không chịu chơi, nó nói nó không thích. Thế là sáu đứa tụi tao thay phiên nhau vừa chơi vừa chỉ con Hoa học luôn. Con nhỏ Hoa tay vừa chơi bài miệng vừa tía lia kiểu chung chung chứ chẳng có ý gì hết:

- “Dzái chời” kỳ này đi Las Vegas phục thù sẽ thắng được một số tiền lớn. Mà biết con Diệu nó nói sao không? Tự nhiên cái mặt nó hầm hầm xỏ cho một tràng: “Dzái dzái cái con khi khô, trời đất nào chúng giám? Mấy người già đầu rồi mà sao đầu óc thiên cận không biết suy nghĩ, sao không tự dùng tài của mình đi kiếm tiền mà cứ phải cầu khẩn van xin một cách nhảm nhí để mưu cầu lợi ích cho riêng mình? Có óc mà không biết suy nghĩ, đau bệnh thì đi nhà thương, uống thuốc. Cớ sao lại tin vớ tin vắn, ai chỉ cái gì thì làm cái nấy, thật là ngu xuẩn”.

Như Bình ngạc nhiên:

- Ai đau bệnh?

Mợ Ngân giải thích:

- Mà không nhớ con Kim có một người bà con ở Việt Nam bị ung thư bác sĩ chê cho về nhà hồi năm ngoái sao? Con Hoa nó nghe người ta nói bắt con rắn lục đốt thành than giả nhuyễn uống chữa được ung thư nên mới mách cho người bà con của con Kim. Đàng nào cũng chết, còn nước còn tát, tại sao mình không thử? Bây giờ con Diệu nó nhắc lại rồi chưởi chung đó mà.

Mợ Khuê cũng xen vào:

- Con Hoa nó tức quá mới phản kháng lại: “Ừ đây! Tao cứ “Dzái” bừa như vậy đây làm gì tao? Trời cho thì tao hưởng, không cho thì chết thảng tây nào? Còn mày cũng có hơn gì tụi tao đâu mà bày đặt? Mày có dám nói những lúc cùng đường mày không cầu xin không? Đứa nào trước khi lên bàn mô cầu xin cho qua khỏi sẽ ăn chay một tháng? Đứa nào mất job thì thăm khẩn vái: “Xin cho con có job con ăn chay một tuần.” Mày không ích kỷ cầu xin cho riêng mày đây sao? Chính mày mới là đứa ích kỷ, không biết cảm thông và không hiểu thế nào là cầu còn nước còn tát. Tay lần chuỗi, miệng “Nam Mô” mà bụng đầy “sân si”. Thế là đôi bên lời qua tiếng lại. Con Diệu nó không nghĩ tình bạn bè

chưởi những câu nghe nặng nề, hỗn láo nên tụi tao rút lui luôn. Đó! Mày thấy có tức không?

Như Bình tỉnh bơ trả lời:

- Không!

Sáu cái miệng nhâu nhâu:

- Xí! Con này đạo đức giả, tại không phải chuyện của mày nên mày tỉnh bơ.

Như Bình cắt ngang:

- Tụi bay bình tĩnh nghe tao nói đã, chưa gì đã phản đối um sùm. Thật ra tao với con Diệu cũng đã “đụng” rồi chứ không phải chưa đâu.

Thế là sáu bà “giặc cái” xúm lại tò mò:

- Úa! Dzậy hả? Hồi nào dzậy? Chuyện ra sao kể lại cho tụi tao nghe coi? Rồi mày có tức hông?

Như Bình chậm rãi:

- Mới hồi Tết thôi! Vụ tao nhờ người tuổi Cọp xông đất nhà tao. Tao đọc báo nghe nói hệ năm con nào thì tìm người tuổi con đó xông đất nhà mình sẽ rất tốt. Thế mà con Diệu nó đã không tin thì thôi, còn lên mặt thầy đời phân tích, dẫn chứng này nọ, cho là tao ấu trĩ “dạy” tao một bài học. Nó dạy tao trước đám đông để mọi người cùng nghe luôn. Nó chưởi tao đại khái cũng nặng nề như chưởi tụi bây vậy, con Hoa nói đúng, con này chữ “sân” còn nặng lắm!

Mợ Kim cười chế diễu:

- Nó chơi nổi, ra cái điều ta học cao hiểu rộng, cấp tiến chứ không cổ lỗ sĩ như tụi mình. Cái thứ đồ nửa nạc nửa mỡ, tây không ra tây mà ta cũng chẳng ra ta. Rồi mày phản ứng ra sao? Chắc giận dữ lắm hả?

- Tao im lặng chứ giận gì.

Mọi người ngạc nhiên:

- Sao kỳ vậy? A mà tụi tao biết rồi, chưởi tay đôi thì mày thua vì không lanh lẹ đối đáp bao giờ, nhưng cho mày về nhà suy nghĩ một đêm rồi hôm sau mày nói thì chẳng thua ai, đúng không? Nhất là cho mày bút chiền nữa thì thôi đối phương “đau” phải biết. Rồi mày “xử” nó như thế nào?

- Tao tiếp tục im lặng.

Sáu bà “giặc cái” tức giận:

- Mệt mày quá! chuyện ra sao thì kể đại ra cho rồi, úp úp mở mở sớt cả ruột.

Như Bình gặt đầu:

- Đúng vậy! Tao tiếp tục im lặng, trong đám bạn có mặt bữa nghe nó chửi tao chắc nghĩ tao sợ nó, hoặc là ngu không biết “chửi” lại, nên có một vài người cười cười nói mĩ mĩ gheo cho tao mở miệng mà tao tỉnh bơ. Nói thật với tụi bây, không ai hiểu mình bằng chính mình, huống chi cái chuyện bạn bè đã không nể mặt nhau nói nặng nói nhẹ chỉ vì một chuyện lằng xẹt để tự đề cao mình lên thì bắt buộc phải đập đôi phương xuống rồi, và như thế ai “mất điểm” với ai thì đề bằng quan thiên hạ nhận xét. Tại sao mình phải đôi co qua lại như hàng tôm cá? Nhất là người đó lại là bạn bè thâm giao từ hồi nào tới giờ, đôi co lời qua tiếng lại tao thấy mất tư cách quá! Cái gì tao không tin, không thích thì tao im lặng hoặc lờ đi, ai nói tao ngu, tao dại cũng được, cứ gì cứ phải show off mình ra? Ấu đây cũng là một bài học cho tao rút kinh nghiệm, mà kỳ lắm tụi bây biết không? Cứ hể mỗi lần tao bắt đầu tin và khen một người nào đó, có thể coi như bạn tâm giao được là y như rằng thế nào người đó cũng bị “tê khen”. Hình như cái số tao không thể có được một người bạn thân. Từ nhỏ tao đã không có bạn thân, bây giờ mới thân được với tụi bây, một đứa rớt đài rồi, không biết chừng nào thì tới đứa khác “đỡ chừng” đây!

Sáu bà “giặc cái” lớn giọng:

- Tụi tao không chịu, con Diệu đôi với bạn bè như vậy là “no good”, sao mày còn bình? Thôi sẵn đây tụi tao nói luôn cho mày biết, cách đây hơn một năm nó đã chửi tụi tao một lần rồi, chửi nặng lắm! Cho nên tụi tao mới tẩy chay nó, mà rồi vì vợ chồng mày cho nên tụi tao mới chịu tha thứ chơi lại với nó mày nhớ không?

Như Bình gật đầu, vợ Khuê “bổ túc”:

- Con này sanh ra là để chửi bạn bè, không tốt! Nó chửi tụi tao lần này là lần thứ hai rồi. Bây giờ đừng thêm mày nữa để xem mày có còn bình nó nữa không?

Mọi người im lặng, một lát Như Bình lên tiếng:

- Tao xin lỗi tụi bây là tại vì hồi năm ngoái tao không biết có chuyện nó chửi tụi bây, cho nên tao mới “xía” vô. Mà thôi! Chuyện năm ngoái cũ rồi cho qua đi! Bây giờ là chuyện nó với tụi bây và cũng có dính tới tao, tức là chuyện

chung. Để tụi bây khỏi ức lòng, tao không xen vào nữa, tao chỉ nói ý riêng chuyện của tao thôi! Tụi bây chịu không?

Sáu bà “giặc cái” suy nghĩ một lát rồi mợ Kim đại diện gật đầu:

- Cứ nói nghe thử, nếu có lý thì còn tạm chấp nhận được. Không có lý thì tụi tao tẩy chay mày luôn.

Như Bình thao thao:

- Thật ra vấn đề niềm tin và tín ngưỡng là một vấn đề hết sức tế nhị, tao không bình con Diệu nhưng cũng không dám nói là không giận sợ tụi bây không tin. Nhưng vấn đề có hơi khác một chút là như thế này, nếu nó chửi tao hồi năm ngoái như tụi bây vậy chắc tao có giận thật đấy! Ngặt nỗi chuyện nó chửi tao lại nhằm lúc tao vừa xem xong một cuốn phim Việt Nam có dính ít nhiều vào vấn đề Phật Giáo. Một ngôi chùa ở vùng Cao Nguyên, cổng chùa lúc nào cũng rộng mở để đón nhận những người lầm đường lạc bước, chùa lúc nào cũng sẵn lòng che chở và hướng dẫn họ quay về đường ngay nẻo thẳng. Thật ra chuyện phim là chuyện phim, nhất là phim Việt Nam bây giờ nữa thì mình không biết có tin được không? Lâu lâu mới có một phim coi được còn thì toàn là nhảm nhí. Nhưng thôi! Hãy dẹp vấn đề chính trị và giá trị cốt chuyện qua một bên. Tao muốn nói thuần túy ở đây là cái cảm giác của tao khi nhìn thấy cảnh ngôi chùa ẩn hiện dưới sương mờ, cái u tịch của núi non hùng vĩ xen lẫn với tiếng chuông ngân dài vang dội cả một vùng đồi núi. Tháp thoảng mấp mô trên từng bậc đá từ chánh điện trên cao dẫn xuống đến phía dưới một con suối, là một đoàn sư nữ ôm bình bát đi hàng một đứng yên lặng tĩnh tâm theo từng tiếng chuông, yên lặng đến nỗi chỉ còn nghe thấy tiếng suối róc rách hòa với tiếng gió vi vu của núi rừng thiên nhiên. Ôi! thật là thoát tục.

Nhìn thấy cảnh như vậy, tâm hồn tao bỗng dừng cảm thấy nhẹ nhàng thanh thoát và lòng lắng xuống rất nhiều. Đột nhiên tao muốn tu hết sức. Mà tu là gì? Tu đối với tao không nhất thiết là phải cạo đầu, mặc áo nâu sòng, tay lần chuỗi miệng Nam Mô rồi “hành” là gõ cốc cốc, bon bon mà lòng không dẫn được chữ “sân” là vát đi. Đối với tao, “tu” là sửa, là phải biết “quán”

việc mình làm, không để cho cái “ngã ải” nó bộc phát và cái “sân” nó trở dậy. Rồi phải chịu khó đọc kinh sách và hành những lời Phật dạy để cái “tuệ” càng ngày càng được phát sáng mới hy vọng đây lui được ba chữ “tham, sân, si”. Cho nên khi thấy con Diệu nó chưởi tao, tao không nghĩ đến cái khuyết điểm của nó mà chỉ nghĩ đến những cái ưu điểm nó đã làm mà thôi! Con người ta rất dễ bắt lỗi người khác nhưng không bao giờ nhìn thấy cái khuyết điểm của mình. Tao đang tự sửa mình đó tụi bây! Là người chẳng ai thập toàn cả, tao biết tao có cái khuyết điểm ăn nói không suy nghĩ để gây hiểu lầm, làm mất lòng người khác. Giận lên là mất khôn, nói ra một câu là mất hết những cái gì tốt đẹp tao đã làm từ trước đến giờ.

Tụi bây cũng đâu có khác gì, mày (mợ Xuân) hể giận lên, đối phương mà đang thiếu nợ mày là mày đòi thẳng tay không thương tiếc khiến người ta phải xác bất xang bang. Con Hoa thì hay ganh tỵ, con Ngân thì so đo, con Huệ hay hờn mát, con Kim thì “bà Tám” (nhiều chuyện), con Thoa thì hay nổi cáu. Đứng không? Nhưng chúng ta có nhiều điểm chung tốt, đó là lòng thành thật với nhau, có lòng nhân hay giúp đỡ bạn bè và đũa nào cũng có nhiều ưu điểm riêng. Cuộc đời ngắn ngủi lắm! Gặp được nhau, chơi với nhau được để trở thành bạn bè cũng là một cái duyên tốt. Vậy tại sao chúng ta không nhìn cái tốt của nhau để mà sống? Bạn bè có cái gì không vừa ý thì nói xây dựng cho nhau nghe, rồi mở lòng vị tha, thông cảm thì mọi chuyện sẽ biến thành không ngay. Đó cũng là tu đây! Cứ bon chen, hơn thua từng chút một như vậy chỉ tổ để cho chữ “sân” nó bộc phát mà thôi! Rồi ăn miếng trả miếng, oan oan tương báo đến bao giờ mới dứt đây? Chúng ta nên vui vẻ và tận hưởng với những gì mình đang có trong tay, hoà nhã với mọi người đừng để tức giận và nuôi thù hận trong lòng. Đó là những

liều thuốc bổ vô giá giúp chúng ta khoẻ mạnh và sống lâu, còn nếu cứ để cho cái “sân” nó bộc phát là chúng ta đang tự uống thuốc độc đấy! Tu là phải sửa chứ không phải nói bằng cái miệng, đó là lý do tại sao tao không giận con Diệu là vậy.

Sáu bà “giặc cái” nghe Như Bình nói tuy không oke hẳn nhưng cũng không phản đối. Họ yên lặng một lát rồi hỏi:

- Vậy bây giờ mày muốn tụi tao phải làm sao?

Như Bình lắc đầu:

- Tao đâu có quyền “muốn” được, ăn thua là ở tụi bây chứ! Suy nghĩ đi, tìm những cái tốt để bỏ qua cái khuyết điểm rồi duy trì tình bạn hay muốn bẽ luôn thì tùy tụi bây đó.

Thấy không khí có vẻ ngọt ngào quá, mợ Kim lên tiếng đùa cho bớt căng thẳng:

- Vậy bây giờ con nhỏ “bà Tám” này muốn hỏi riêng ý mày thì mày làm sao?

Như Bình cũng nửa đùa nửa thật:

- Năm ngoái tụi bây bị con Diệu chưởi mà không nói ra, vợ chồng tao không hiểu chuyện đã lên tiếng can thiệp mà tụi bây còn bỏ qua được thì chuyện nó chưởi tao nhằm vào gì. Tao đã nói từ bây giờ trở đi là tao phải tập tu, nhưng vẫn sinh hoạt bình thường, vẫn duy trì và vui chơi với bạn bè. Tao không né tránh, phải “xông pha” vào chốn “ta bà” như vậy mới trải nghiệm được ba chữ “tham, sân, si”. Miệng không nói những lời tâm bậy để không bị “khẩu nghiệp”. Tâm không nghĩ những điều xấu để không bị “ý

ngiệp”, thân tránh làm điều sai quấy để khỏi phải mang “thân nghiệp”. Nhưng tao cũng nói trước, ai làm gì thì làm, dzui thì “bà” hiện diện, buồn thì bà ở nhà làm những chuyện bà thích. Chẳng hỏi đâu mà buồn giận ai, lâu lâu nổi cơn “chọc” cho thiên hạ chưởi chơi để trải nghiệm lại chữ “sân” trong lòng mình, thế thôi! Oke?



Tôn Nữ Mặc Giao và Tiểu Thu
(Thu Tao Ngộ, 10/04/2009)

TÔN NỮ MẶC GIAO
(California)

TRÁI XUÂN

Từ cõi thiên thai
Anh thích món tươi giòn
Đã khuấy động trái đào non Tiên nữ.
Rủ em xuống trần gian - nếm thử
Vị tình yêu cay đắng với thơm nồng.

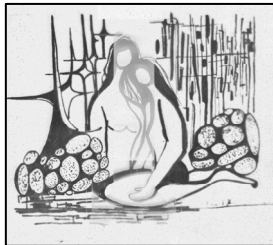
Anh chờ hoài cho hết lá mùa Đông.
Cho nở rộ đóa môi hồng đưa tiễn.
-“Anh đi trước đừng quên lời ước hẹn
Rán chờ em - lâu lắm cũng vài hôm...”

Anh vẫn mơ em có trái tươi giòn.
Xuống trần thể anh một mình bé bỏng.
Vẫn xông xáo suốt một thời hoa mộng.
Cố tìm em từ góc bể đến đầu non
Cắn đã tê môi, chẳng gặp trái nào giòn.

Ngày với tháng quay cuồng túng thiếu
Anh không có thời gian để hiểu.
Vài hôm... là khoảng bao lâu.
Tình đang xanh, tóc đã trắng trên đầu.

Hoa với trái đã rơi vào dĩ vãng.
Tiên nữ ơi!- lẽ nào em nín lặng
Trong lòng anh từ ấy đến hôm nay
Trái Xuân giòn đã chín giữa đôi tay.

LAM
ĐIỀN
NGUYỄN
THỬ
(North Carolina)



Tranh Vũ Đình Từ



TÌNH VÀ THƠ

Àu...ơ...tôi gọi trăng lên!
Cùng tôi gõ nhịp cho thuyền ra khơi...
Ánh vàng tỏa khắp nơi nơi...
Cho nàng Thơ đến cùng tôi hẹn hò.
Mau lên kéo lỗ chuyến đò.
Khách tình nắn nốt dây tơ sẵn rồi.
Tái tê này khúc sương rơi...
Bên sông cây khóc lưng trời nhận kêu.
Hồ xang nhịp khúc tình yêu.
Mây trôi nước chảy dập dìu cỏ hoa...
Cao lên khúc nhạc hoan ca.
Hò khoan nữa kéo trăng tà về tây!
Thơ tình hai khách cùng say...
Canh gà xao xác... đêm ngày giao hoan...
Cung tơ trả nhịp tuần hoàn.
Tình Thơ đôi lứa vẫn còn bên nhau.
Say thơ cây cũng cúi đầu.
Mê tình mây cũng nhạt màu gió sương
Thôi thôi trăng phải lên đường.
Hẹn nhau tình tự cuối phương trời hồng.

THIÊN ĐỨC (Illinois)

LÁ THẮM ĐỀ THƠ BƯU TRẠM NGÀY XƯA

Tham khảo: *Việt Nam Gấm Hoa* của TS. Hương Giang Thái Văn Kiểm

Bạch Cúc.NTN & Hải Bằng.HDB

Nước ta đã sớm ý thức được tính cách quan trọng của việc truyền đạt công thư nên bưu trạm dưới thời Nhà Nguyễn đã được tổ chức khá tốt và có những luật lệ gắt gao nhằm bảo đảm tính nhanh chóng và an toàn của hệ thống thông tin.

Trong những ngày xa xưa, có người thả lá làm thư trôi theo dòng nước hay thả chim cho bay để gửi thư, đặc biệt là tình thư. Chuyện tưởng như lãng mạn và không có thật, nhưng ngày nay cũng còn có người dùng kiểu “Lá Thắm Đề Thơ”: bỏ thư trong một cái chai rồi thả trôi theo dòng nước cho trôi đi với hy vọng định mệnh sẽ đưa đây một người tình chưa hề quen biết ...

Nguyễn Du viết trong Truyện Kiều một câu thơ: “Cạn dòng lá thắm, đứt đường chim xanh” để tả lúc Kim Trọng muốn gửi thư cho Thúy Kiều thì thấy cửa cổng đã đóng và tường thì xây cao khiến cho dòng nước không trôi được vào trong khu nhà của Kiều mà chim cũng khó vượt qua được tường cao.

Ngày nay, người ta dùng điện thư (e-mail) và chỉ mất vài giây đồng hồ là tới máy khom-pi-utơ của người nhận. Nếu có thiện chí học hỏi và được chỉ dẫn đúng mức thì chỉ cần vài giờ là biết sử dụng i-meo ngay. Nhưng phải thực tập nhiều lần cho quen mới thấy hứng thú. Đa số người Việt cao tuổi cho biết họ cũng muốn học sử dụng in-tơ-nét nhưng phần lớn con cháu thiếu nhẫn nại và thiếu tâm lý trong việc chỉ

dẫn khiến họ nản chí. Thiết tưởng con cháu nên thu xếp thời gian giúp cha mẹ có thể sử dụng in-tơ-nét đọc báo, nghe đài, và gửi e-mail để giải trí cho cuộc sống vui hơn.

*

Những thời trước người ta gửi thư hay thông tin bằng cách nào?

Khi bưu trạm chưa được thiết lập, người ta gửi thư tay nghĩa là nhờ người đi mang tay tới người nhận. Những người cầm thư tay thường là gia nhân hoặc những lái buôn đi từ nơi này, nơi nọ. Ở Tây Phương, thư gửi đi được tập trung về một điểm thị tứ, rồi hễ ai đi đến nơi nào thì ghé qua điểm đó lựa thư gửi đi nơi mình đến để mang theo. Người đó sẽ bỏ thư tại điểm thị tứ nơi họ tới, rồi dẫn địa phương tới điểm đó lấy thư về. Từ phương cách đó, người ta thành lập các bưu trạm và sau này gọi là bưu điện.

Trong cuốn *Việt Nam Gấm Hoa (VNGH)*, học giả văn hóa TS. Thái Văn Kiểm đã ghi lại nhiều cách thông tin của người xưa qua bài “Lá Thắm Đề Thơ” nơi trang 261, *VNGH*.

Tại sao có thành ngữ “Lá Thắm Đề Thơ”?

“Lá thắm” hay là “Hong điệp” xuất phát từ điển tích sau đây:

Đời vua Hy Tông (Nhà Đường, 618-907), có nàng cung nữ tuyệt sắc tên Hàn Thúy Tàn sống cảnh lẻ loi buồn bực trong thâm cung, nên thường nhặt những chiếc lá đỏ (hong điệp) rồi đề thơ lên trên lá, thả xuống ngòi nước:

Nước chảy sao mà vội?

Cung sâu suốt buổi nhàn.

Ân cần nhờ lá thắm

Trôi tuốt đến nhân gian.

Nguyên văn:
Lưu thủy hà thái cấp
Cung trung tận nhật nhân.
Ân cần tạ hồng diệp.
Hảo khứ đáo nhân gian.

Chiếc lá chở bài thơ theo dòng nước chảy xuôi ra ngoài vòng cầm lũy. Lúc bấy giờ có người môn khách của quan Tể Tướng Hàn Vinh tên Vu Hựu vốn là kẻ phong lưu tài tử, thơ hay, chữ tốt, chỉ hiếm một nỗi vận chưa đạt nên đành chịu sống nhờ nơi quan Tể Tướng họ Hàn. Đang thơ thần ngắm dòng nước chảy, Hàn bỗng nhìn thấy chiếc lá có bài thơ, lấy làm lạ mới vớt lên xem. Cảm tình chan chứa với người gởi thơ lạ mặt, chàng cũng bẻ một chiếc lá, viết một bài thơ vào đấy, đợi dòng nước xuôi mới thả lá xuống cho trôi trở vào cung.
Nghe oanh thấy liễu chạnh lòng thương
Thương kẻ trong cung lúc đoạn trường
Chiếc lá đề thơ trôi mặt nước
Gởi cho ai đó nói không tường
(*Bản dịch của Phan Như Xuyên*)

Người cung nữ họ Hàn thường ngồi nhìn dòng nước chảy, bỗng bắt được chiếc lá trôi vào của người không quen biết, mới đem cất vào rương son phấn.

Ba năm sau, nhà vua sa thải một số cung nữ, trong đó có Thúy Tần. Nàng đến ở tạm dinh quan Tể Tướng họ Hàn để chờ thuyền trở về quê cũ, bỗng gặp Vu Hựu. Hai người trò chuyện và tỏ ra ý hợp tâm đầu. Tể Tướng họ Hàn thấy cả hai đều xứng đôi vừa lứa nên làm mối thành duyên giai ngẫu.

Đêm tân hôn, vô tình mở rương của vợ ra, Hựu chợt thấy chiếc lá của mình ngày xưa. Lấy làm lạ lùng, chàng cũng đem chiếc lá của mình vớt được cho vợ xem. Thì ra cả hai đã giữ lại hai chiếc lá của nhau. Đó đúng là duyên trời định.

Cổ thi có bài:
Một đôi thi cú theo dòng nước
Mười mấy năm qua nhớ đây đây
Mừng bấy ngày nay loạn sánh phụng

Cũng nhờ lá thắm khéo làm mai
Nguyên văn:
Nhất liên giai cú tùy lưu thủy
Thập tải ưu tư mãn tổ hoài
Kim nhật khước thành loan phượng lữ
Phượng tri hồng diệp thị lương môi

Trong "Đoạn trường tân thanh" của cụ Nguyễn Du, có câu:

Thâm nghiêm kín cổng, cao tường
Cạn dòng lá thắm, dứt đường chim xanh
Hay:

Dù khi lá thắm chỉ hồng
[Nên ra thì đã tay bông, tay mang]

Và:
Nàng rằng hồng diệp xích thằng
Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha

*

Vâng, trong thời đại này cũng có ít nhất một chuyện đáng trên báo kè: có một chàng tìm bạn gái bằng cách viết thư bỏ trong chai rồi thả trôi trên biển. Bên bờ đại dương, một cô bắt được chai đó, đọc lá thư rồi liên lạc với chàng. Hai người gặp nhau và trở nên vợ chồng.

*

TS. Thái Văn Kiểm thường nói về Sông Hương, Núi Ngự mơ màng và về các cô gái "Huế" đa tình bởi vì ông gốc người Huế. Trong bài "Lá Thắm Đề Thơ", ông ghi lại: ngày trước ở nước ta, các bưu trạm chỉ chuyên chở công văn. Còn thư cá nhân thì phải chờ có người đi đến địa phương đó mà nhờ đem đi. Ông vốn là một nhà văn nên khi viết, ông thường lồng vào bài viết những câu ca dao để cho bài viết thêm tính văn học. Đây là đoạn đầu trong "Lá Thắm Đề Thơ":

*Buồn tình ơi, hỡi buồn tình
Ai đi xứ Huế cho mình gởi thư?*

Câu ca dao này nhắc lại một thời xa xưa, tổ chức bưu điện chỉ dành riêng cho nhà nước để vận tải công văn, truyền bá mệnh lệnh. Còn thư tín của tư nhân thì phải chờ khi nào có ai đi đâu sẽ nhờ người ta đem theo, theo lối "thư gửi tay".

May ra thì tới nơi tới chốn; còn rui bị thất lạc thì cũng đành chịu vậy.

Sở dĩ cô gái xứ Đồng Nai muốn gửi thư về “ngoài” là vì:

*Con chim xanh đậu nhành cây khế
Tui thương một người ngoài Huế mới vô*

Tình thương nỗi nhớ đó đã được nàng gói ghém trình trong một phong thư chưa biết bao giờ gửi được.

Câu ca dao trên chắc chắn phải ra đời trước một câu ca dao miền Nam khác, khi người Pháp đã thiết lập hệ thống bưu trạm ở nước ta:

*Làm thơ giấy trắng, em gấn con cò xanh
Gởi nhà bưu điện, nhớ tới anh đêm ngày
Hay*

*Cúc mọc bờ ao kêu bằng cúc thùy
Chợ Saigon xa, chợ Mỹ cũng xa
Viết thơ thăm hết nội nhà*

Trước thăm phụ mẫu, sau là thăm em

Từ khi xã hội loài người được tổ chức hẳn hoi, người ta sớm nghĩ tới việc liên lạc, trao đổi tin tức, truyền bá mệnh lệnh sao cho mau lẹ và hiệu quả. Muốn được như vậy, cả một hệ thống bưu trạm đã được thành lập và phát triển qua suốt chiều dài lịch sử. Chúng ta hãy tìm hiểu lai lịch ngành này tại Á Đông nói chung và Việt Nam nói riêng.

Bưu Trạm Thời Xưa

Nhân loại từ thời xa xưa khoảng 2500 năm Trước Tây Lịch (TTL) đã có nhu cầu liên lạc và đã sử dụng người, hay ngựa, hoặc ngay cả bò cày và khói để chuyển thông tin. Trong cuốn Chinh Phụ Ngâm có câu:

*Trống Trảng Thành lung lay bóng nguyệt
Khói Cam Tuyền mờ mịt thức mây*

Những tòa bưu điện trong thế kỷ cận đại thường có những kiến trúc cổ điển trông uy nghi và gọi cảm. Chẳng hạn, **tòa bưu điện Hoa Kỳ đầu tiên xây cất năm 1899 tại góc đường 12th Street và Pennsylvania Avenue và có tên là**

The Old Post Office. Hàng năm du khách đến viếng thăm tòa bưu điện này khá đông.

Ở Á Đông, Trung Hoa là nước có nền văn minh lâu đời, do đó hệ thống bưu trạm rất sớm xuất hiện. Theo sưu khảo của TS. Thái Văn Kiểm thì các quán dịch của Tàu đã có từ thời Chu Thành Vương (1115 – 1091 TTL) và được tổ chức như sau:

*Trên các đường đi qua thôn dã, cứ 10 dặm (mỗi dặm tương đương 1kilomet 25) thì đặt một **lư**; 30 dặm thì đặt một **túc**. Tại mỗi túc có dựng một ngôi nhà bên đường có trữ lương thực và để khách nghỉ trọ. Cách 50 dặm có một **thị** (chợ); thị có đặt một hậu quán (quán đợi). Cách quán đợi có **phố**; phố có yết mã đình (quán giữ ngựa). Cách 60 dặm có một **dịch**; dịch có kho lương và chia làm hai: khách xá gọi là nghinh lữ và quán dịch gọi là bưu đình.*

*Đời Nhà Tần (221- 206 TTL), cứ 10 dặm (12,5km) một **trường đình**, 5 dặm đặt một **đoàn đình**. Mỗi đình có một đình trưởng để điều động dân quân đi bắt trộm cướp và chuyển tống mệnh lệnh. Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du tiên sinh có nhắc tới hai chữ tràng đình:*

*Đoạn trường thay lúc phân kỳ
Vó câu khắp khênh, bánh xe gập ghềnh
Bề ngoài mười dặm tràng đình*

*Vương Ông mở tiệc tiễn hành đưa theo
Trong văn học xưa có nhiều từ ngữ liên quan đến bưu tín tưởng cũng nên lưu ý như:*

Trí bưu: theo Từ Nguyên, trí là do ngựa truyền đi; bưu là do trạm truyền đi. Từ trí bưu do thầy Mạnh Tử thuật lại lời của Đức Khổng Tử: “Đức chi lưu hành tốc ư trí bưu nhi truyền lệnh”, ý nghĩa là, “Đức tốt truyền đi nhanh hơn đặt bưu mà truyền lệnh”.

Vũ thư (thư lông): là thư tin viết trên tấm thẻ có gắn lông chim như là biểu hiệu của sự cấp báo. Thời Nhà Hán, người ta dùng loại thẻ có gắn lông chim này cho binh dịch cầm tay chạy đi cấp báo. Trong bài “Thu Hứng” của Đỗ Phủ có câu: ‘Chinh Tây xa mã vũ thư trì’ ý nghĩa là ‘Xe ngựa Chinh Tây, thư cấp báo chạy bay rầm rập như lông chim’.

Nhạn tín: Tin nhận. Danh từ này xuất phát từ điển Tô Vũ. Nguyên là Tô Vũ, trung thần của Hán Vũ Đế, sang sứ Hung Nô, bị vua xứ này là Thuyền Vu bắt đầy ra Bắc Hải chặn dê suốt 19 năm trời. Về sau Hán và Hung Nô giảng hòa, Hán để sai sứ sang thăm tin tức. Thuyền Vu nói dối là Tô Vũ đã chết. May sao có Thường Huệ, quan nhà Hán, biết rõ Tô Vũ còn sống bèn mạch sứ giả vào nói với Thuyền Vu rằng Hán Đế đi săn ở vùng Thượng Lâm bắt được con nhận, nơi chân nó thấy buộc một tờ thư viết trên lụa cho biết Tô Vũ còn sống. Thuyền Vu cả sợ, bèn sai người đi đón Tô Vũ về trả cho Nhà Hán.

Trong Chinh Phụ Ngâm có nhắc đến tích này:

Thấy nhân ngõ lụa thư truyền
Mảnh sương đưa lạnh thì mền tuyết may
Hay:

Thấy nhân luống tưởng thư phong
Nghe sương luống sắm áo bông sẵn sàng

Ngư tín: Tin cá. Cổ Nhạc Phủ có 4 câu thơ:
Khách tòng viễn phương lai (Khách ở phương xa lại)

Dị ngã song lý ngư (Cho ta hai cá chép)
Hô nhi phan lý ngư (Gọi con mỗ cá ra)
Trung hữu xích tồ thư (Trong có thư bọc lụa)

Lạ thư: Thư bọc sáp. Việc này có từ thời Nhà Tống (960- 1278). Truyện Lý Hiến Trung chép rằng: Trung sai một gia khách tên gọi Lôi Hoán đem bức lạ thư tới nơi hành tại, mật báo với vua về tin biến loạn. Cách đưa tin này về sau khi nào những đồn ải ở nơi hẻo lánh bị giặc bao vây, người ta rạch da chân người đưa thư để nhét bức thư bọc sáp vào rồi khâu lại, giả làm vết thương để quân địch khỏi nghi ngờ. Theo truyền ngôn ở nước ta, thời Nhà Trần chống quân Nguyên cũng đã dùng kế đó.

Mai dịch: danh từ này có từ thời Nhà Tống (Nam Bắc Triều, 420- 477). Lục Khải từ Giang Nam gửi một cành mai để tặng bạn thân là Phạm Việt ở Lũng Đầu cùng bốn câu thơ:
Chiết mai phùng dịch sứ

Kỷ dữ Lũng Đầu nhân
Giang Nam hà sở hữu
Liêu tặng nhất chi xuân
Phỏng dịch:

Gặp người đi, ta chiết cành mai
Gửi tới Lũng Đầu để biếu ai
Nếu hỏi Giang Nam quà tặng gì?
Thường xuân chỉ có nhất chi mai

Từ đó về sau, nơi trạm điểm người ta thường trồng một cây mai khiến hoa mai trở thành một tên tốt đẹp trong ngành trạm dịch. Rồi gần đây bên nước ta cũng dùng hai chữ Mai đình để chỉ chức chánh tổng vì chánh tổng ngày xưa đứng đầu một trạm tiếp nhận mệnh lệnh để truyền đi các làng.

Phi nô: nô bộc biết bay, tức là chim bồ câu đưa thư. Cách này thấy có từ đời Nhà Đường (618-907). Trương Cửu Linh, người huyện Khúc Giang, đỗ tân sĩ đời Đường Huyền Tông, ngày thường vẫn dùng chim cáp đưa thư đi các nơi và đặt tên nó là Phi Nô. Giống chim này bay nhanh và rất nhớ đường nên dù đem thả ở nơi xa thăm cũng vẫn nhớ lối bay về, cho nên các quân đình xưa vẫn dùng nó để truyền tin.

Khi Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn (1418-1427), ông Trần Nguyên Hãn tìm vào giúp, có đem theo một đôi chim bồ câu mà ông đã dạy chúng biết thói sáo và đưa thư từ lúc ông còn đi bán dầu. Khi ông bị quân Minh bao vây kín ở Võ Ninh, ông bèn viết một lá biểu buộc vào chân chim rồi thả cho nó bay về doanh trại Lê Lợi cầu cứu và nhờ vậy đã được viện binh tới giải vây. Ngành Truyền tin của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa trước đây tôn vinh Trần Nguyên Hãn làm Sư Tổ ngành Truyền Tin.

Hỏa bài: Phương pháp này xuất phát từ thời Nhà Thanh (1644-1911). Binh Bộ cấp phát cho các đốc phủ, đề lãnh các tỉnh những tấm bài bằng gỗ có khắc chữ “Hỏa Tắc” để gặp khi có việc cần kíp thì sai người cầm đi. Các trạm dọc đường khi thấy hỏa bài thì phải lập tức

chuyển tổng đi các nơi và cấp lương thực cho các binh phu ấy trở về.

Các Chức Sắc và Trạm Dịch

Ở Việt Nam, dưới đời Nhà Lý, sử chép rằng: Đời vua Lý Thái Tông (Mậu Thìn 1028-Giáp Ngọ 1054), vua chia đường quan lộ ra từng cung, đặt nhà trạm để chạy giấy công văn.

Tới đời Hồ Quý Ly (1400-1407) lại mở đường cái quan, tức quốc lộ số 1 ngày nay, để làm tiện lợi việc giao thông và bưu trạm.

Đến thời Nhà Nguyễn (1802-1945), vua Gia Long cho tổ chức ngành bưu chính chu đáo hơn. Theo Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ quyển 252- 253, cơ quan bưu chính thời Gia Long gồm các chức dịch: Chức Ché, Trí Dịch, Dịch Trình, Dịch Điểm, Dịch Trưởng, Dịch Phu, Dịch Thuyền, Dịch Mã. Mỗi Ty có một viên chủ sự chánh lục phẩm, một viên ty vụ hàm chánh thất, hai viên cứu phẩm thư lại, và mười lăm viên vị nhậm bưu thư lại (chưa vào ngạch). Các viên chức kể trên lấy trong Bộ Binh.

Tại các tỉnh Miền Nam và Bắc, cứ cách nhau từ 20 dặm đến 34 dặm lại đặt một điểm trạm do một viên Dịch Thừa và một viên Dịch Mục đảm trách. Số Dịch Phu có từ 30 đến 100 tùy theo nhu cầu của mỗi điểm và mỗi điểm còn được cấp 4 con ngựa trạm để phòng khi có việc cấp báo.

Phủ hiệu: mỗi điểm được cấp một tấm trạm bài (tấm biêng) bằng gỗ trên mặt khắc tên điểm, hàng dưới biên ngày giờ khi nhận được dịch đông (ống trạm). Ống trạm được phát chiếu theo trạm lớn hay nhỏ. Mỗi ống có đính một mảnh giấy trắng để ghi chép. Ống trạm sơn màu đỏ, nửa dưới khắc tên bộ, tỉnh; số hiệu thứ mấy thì chữ viết màu vàng. Riêng ống trạm dành cho ngựa chạy thì bọc vải vàng viết chữ sơn đen.

Cờ hiệu: điểm trạm trong kinh thành được cấp 2 lá cờ vuông thêu chữ Kinh Trạm, hai lá cờ đuôi nheo thêu 4 chữ Mã Thượng Phi Đệ, và 6 đoàn đao. Các trạm không nằm trong kinh thành thì được cấp 2 lá cờ chéo cũng thêu 4 chữ

Mã Thượng Phi Đệ, 2 lá cờ thêu 2 chữ Trí Đệ, 3 chiếc nhạc ngựa bằng đồng, 3 dao găm, 10 cây giáo, 5 giáo nhọn.

Ngoài số được cấp phát, mỗi Điểm còn phải trừ lông gà trống màu gấm kết thành rế quạt, phòng khi cấp báo thì cắm bó lông gà lên đầu cán cờ và cho phu trạm cười ngựa phi báo.

Hàng ngày, điểm phu trèo lên cao, trông ra tứ phía, thấy có phủ hiệu lông gà thì điểm trưởng lập tức cho đóng ngựa trực sẵn. Khi ngựa trạm kia phi đến thì phu trạm tiếp lấy ống trạm phi báo cho điểm kế. Người phu trạm chạy như thế thường mất 4 ngày rưỡi từ Hà Nội vào Thuận Hóa, và mất 9 ngày từ Gia Định ra Kinh Đô Huế. Nếu chạy đúng hạn thì phu trạm được thưởng tùy theo đoạn đường xa hay gần chứ không có lương như binh sĩ, nhưng được miễn thuế thân và các tạp dịch khác.

Trong truyện Kiều của Nguyễn Du, Từ Hải thành công trở về cho quân sĩ mang kiệu chạy hóa bài về đón Thúy Kiều:

Dựng cờ, nổi trống lên đàng

Trúc tơ nổi trước, kiệu vàng theo sau

Hỏa bài tiền lộ ruổi mau

Nam đình nghe động trống châu đại doanh

Phu trạm phi ngựa, hỏa bài được dắt trên cổ áo. Có khi phu trạm hay lính phi ngựa còn phải mang theo lồng áp than hồng đốt lông gà cho khói bay mù mịt để lính canh mở trước cửa điểm hay cửa thành cho ngựa chạy vào. Trong thời Pháp thuộc tại vài nơi Miền Trung vẫn còn dùng hỏa bài để tổng đạt công văn khẩn cấp.

Thời Chúa Nguyễn Ánh đã có sáng kiến lập **thùng thơ dân ý**. Sử Quốc Triều Chánh Biên Toát Yếu năm 1925 ghi: “Năm Mậu Thân thứ 9 [1788], tháng 10: Làm thùng thư. Ngài nghĩ rằng dân gian làm thư nặc danh là trút tội cho người, bèn đặt một thùng thư ở dưới Cửa Khuyết để cho ai có việc gì oan uổng muốn kêu thì làm đơn bỏ vào thùng ấy. Dụ rằng: Pháp luật là phép chung trong thiên hạ, không phải riêng một người, không nên theo lời nói vô căn mà bắt tội người ta. Từ rày về sau, không kể

quân hay là dân, hoặc có điều oan uổng hay bị người ta hãm hại, thời cho biết tên họ, quê quán trong đơn bỏ vô thùng thư. Triều đình sẽ xét việc gian hay là ngay để thân oan khúc. Như còn thói quen cũ, nói bậy cho người khác mắc lừa, phát giác ra thì trọng trị”.

*

Bưu Chánh VN Thời Cận Kim

Song song với bộ máy đô hộ nước ta, người Pháp thiết lập hệ thống bưu chính theo kiểu văn minh Âu Châu: họ cho người đi khảo sát địa hình và cho giăng dây thép truyền tín hiệu nên dân gian gọi ngay các trạm bưu chính bằng tên “**nhà dây thép**”. TS. Thái Văn Kiểm ghi nơi trang 268:

Năm 1885, ông Paris, giám thị Bưu Chính, được nhà cầm quyền Pháp cử đi thám hiểm quãng đường từ Huế vào Saigon. Ông đã thấy tận mắt hệ thống bưu trạm của ta ngày xưa và mô tả như sau:

Trạm là cái nhà vuông mà du khách có thể nghỉ chân và tạm trú. Nhà lợp ngói, có hào nước và tường bọc, lại có chòi gác tứ phía.

Trạm dịch gồm có những người phu để khuân vác những bưu kiện nặng, để chạy bộ hoặc cưỡi ngựa mang công thư, những người giữ ngựa, những quan sát viên (guetteurs), những thư ký và trạm trưởng.

Thư ký trạm giữ một quyển sổ để ghi các luân phiên cho các phu trạm chạy thư. Khi cần đến, viên thư ký đánh mõ làng bằng gỗ để gọi phu trạm tới. Những người này phải bỏ công việc để đi công văn cho kịp.

Theo Dutreuil de Rhins viết trong quyển *Le Royaume D'Annam (Vương Quốc An Nam)* thì trạm dịch hồi đó:

Trạm phụ trách việc chuyên chở các quan viên, di chuyển vật dụng của họ, quốc hiệu, và nhất là chuyển vận nhanh chóng những công hàm. Tư nhân không được dùng trạm. Công thư phải bỏ vào ống tre, niêm phong lại, gọi là ống công văn, rồi mới trao cho phu trạm hoặc lính trạm, chạy bộ từ trạm này tới trạm khác, hoặc giao cho kỵ mã chạy, gọi là mã thượng.

Những lính trạm mang những ống công văn sau lưng, còn trên hông hoặc trên vai, họ đeo lục lạc để cho đằng xa nghe biết mà tránh sang bên đường. Họ cũng mang theo một cái đoản đao để tự vệ và nhận dạng lúc đi đường. Phu trạm chạy lúp xúp, và họ có thể chạy như thỏ từ Hà Nội vào Huế (700 cây số) trong 8 ngày. Nên nhớ là đường xá ngày xưa rất thô sơ, gồ ghề, phải qua nhiều sông ngòi. Từ trạm này tới trạm kia cách nhau chừng 15 hoặc 20 cây số.

Theo Đại Úy Rey (coi: *Le Voyage du Capitaine Rey en 1819, Bulletin des Amis du Vieux Hue, 1920, p.27*) thì khi nghe tiếng thảy xa xa có tiếng lục lạc reo và lá cờ phất của người lính trạm, tức thì các bộ hành, võng cang, xe cộ đều phải tránh sang hai bên đường; những người lái đò phải sẵn sàng chèo chống để đưa người lính trạm qua sông. Còn như đò đã chèo ra nửa sông rồi cũng phải quay trở lại để rước người lính trạm qua cho kịp.

Khi tới trạm, người lính giao ống công văn và một cây cờ ngày giờ đi và đến, cho người cai trạm hay đội trạm; rồi người này lại giao cho một người lính trạm khác nhận lãnh và tức tốc mang chạy qua trạm kế.

Ở mỗi trạm đều có một quyển sổ ghi danh tính những người phu trạm và cứ theo đó mà cất việc. Nếu trễ nải trên 30 phút thì phạt đòn roi mây. Ban đêm phải có người cầm đuốc chạy theo, nhất là trong những vùng có cọp, beo. Không ai được cản trở, phá phách người phu trạm trong lúc họ thừa hành công vụ. Nếu công văn hoặc người phu trạm bị hủy hoại, kẻ phạm tội sẽ bị xử tử vì bị xem như đã phạm tới an ninh quốc gia.

Theo Dumoutier viết trong bài “*Le Facteur Annamite*” [Lơ Phắc-tơ An-na-mít] đăng trên *Revue Indochinoise* năm 1920 thì tương truyền rằng người phu trạm khi gặp cọp, họ chỉ cần khẩn vái: “Ông Cọp, xin ông đi xa ra, tôi đang thừa hành công vụ.” Tức thì cọp hiểu và lánh xa. Nhưng trên đường về, khi người phu trạm không mang công văn nữa thì ông cọp có thể

ình bắt. Tuy nhiên, người phu trạm đã sớm biết mà rẽ đi đường khác.

Theo P. Pasquier viết trong *L'Annam D'Autrefois* thì việc dịch trạm ngày xưa có tính bất khả xâm phạm, cho nên gặp lúc quốc biến, loạn lạc, những người phu trạm vẫn được bảo đảm của đôi bên để họ làm tròn phận sự. Vì thế, sau khi “ông Tây giăng dây thép” triều đình ta ghép tội phá hoại đường dây thép ngang với sát tử một người phu trạm.

*

Tình Thư của Chiến Binh VNCH Gửi về Hậu Phương

Trên đời nay nói chung ai cũng vui khi nhận được thư nhưng đa số lại làm biếng viết thư. Không viết thư sao mong nhận được thư? Thư tin đã trở thành một món ăn tinh thần cho con người thời đại nay, nhất là đối với những người yêu văn chương. Cha mẹ già thường xuyên nhận được thư hay điện thoại của con cái sẽ sống lâu hơn. Nên dù có bận bịu đến đâu, con cái cũng có **tạo nên thói quen** viết thư thăm cha mẹ thì mới thực sự là có tình với cha mẹ. Những người yêu ở xa nhau mà ít có thư từ qua lại thì rồi sớm có ngày sẽ xa nhau, ấy cũng vì lẽ “xa mặt, cách lòng”.

Thư tình có lẽ là loại thư được viết nhiều nhất. Ở Pháp, Hoàng Đế Napoléon nổi tiếng là người viết thư tình hay nhất. Trong cuộc viễn chinh xứ Ai Cập, ông thường viết thư và sai thân tín phi ngựa tới tấp mang về cho người yêu Joséphine ở Ba-Lê. Nhưng dường như Hoàng Đế vẫn không chiếm trọn được trái tim nóng bỏng của Jésophine. Tại sao? Vâng, ấy cũng vì cái lẽ “xa mặt, cách lòng” và có lẽ cũng vì đối với Jésophine, con người Napoléon có vẻ yếu đuối quá khi phải quỳ xuống xin tình yêu. Nên nhớ, người nữ yêu là nhìn lên, là ngưỡng mộ, chứ không thể nhìn xuống mà yêu. Đó chỉ là tình thương hại.

Trong cuộc chiến chống Cộng Sản ở Nam Việt Nam trước đây, những bức thư tình của người lính chiến viết từ chiến trường đã trở thành những bức tình thư đã đi vào lịch sử do

công trình biên soạn của Trung Tâm Asia qua bộ DVD 58: **Lá Thư Từ Chiến Trường**. Rất nhiều người đã rơi lệ và đã coi đi coi lại nhiều lần bộ DVD này bởi vì những hình ảnh cũng như những khúc hát của *Lá Thư Từ Chiến Trường* đã làm sống lại những kỷ niệm thân thương nhất về Chân Dung Của Người Lính Việt Nam Cộng Hòa, đó là những con người sẵn sàng chấp nhận cái chết của mình để bảo vệ sự sống còn của Miền Nam VN.

Những bức tình thư đó đã trở thành những chiến tích và đã được mọi người vinh danh. Những bức thư đó được viết ra từ những người lính đến các sĩ quan đều chứng tỏ rằng họ đã đặt tình nước trước tình nhà. Và, trên chiến trường khi dừng chân bên bờ suối, hay góc núi, trong đêm trăng hay dưới ngọn đèn pin, họ đã lặng lẽ viết về cho người yêu.

Làm thế nào những bức thư như thế có thể chuyển về hậu phương trong lúc đơn vị hành quân? Đây là nhiệm vụ của quân bưu. Dù chiến trường đang nghi ngút khói, dù đạn đại pháo của cộng quân vẫn dồn dập nổ khắp nơi, các anh quân bưu vẫn không xao lãng bổn phận của mình, bỏ tới từng chiến binh để lãnh thư. Cũng có những lá thư còn trong ngực áo của chiến binh chưa kịp gửi đi thì người chiến binh đó đã ngã gục. Nhưng rồi lá thư vẫn được quân bưu tiếp tục tức tốc gửi đi cho người vẫn chưa hay biết mình sẽ là góa phụ và bức thư đó sẽ trở thành một kỷ vật yêu quý của đời mình. ...

Để hiểu một phần thế nào là thư của lính, của những chàng trai một thời đã lớp lớp ra đi có mặt trong một cuộc chiến đầy chính nghĩa tự do hào hùng nhưng cũng là thiên thu cay đắng cho một chiều đề nghịch lý: “Đánh mà không được quyền thắng”. Cũng chính vì những mất mát vô cùng lớn lao đó mà tình yêu đối với chiến binh VNCH đã trở nên bất tử và sự thật đó đã được biểu lộ qua không biết bao nhiêu bài thơ hay bài ca vinh danh họ:

Em vẫn yêu các anh như những ngày hôm đó
Áo tray-i anh khoác nửa bờ vai
Thăm các em

Rồi lại đi trên khắp nẻo đường dài ...

Em vẫn yêu các anh
Dù 30 tháng 4, đoàn quân ta rã
Các anh buồn buồn sủng
Nhưng đã không đầu hàng nhục nhã

Em vẫn yêu các anh
Những con người làm nên lịch sử
Đẹp! Nhưng cũng vô cùng thiên thu cay đắng
Vi chiêu để “Đánh mà không được quyền thắng!”
Của một thời máu lệ thấm quê hương

*

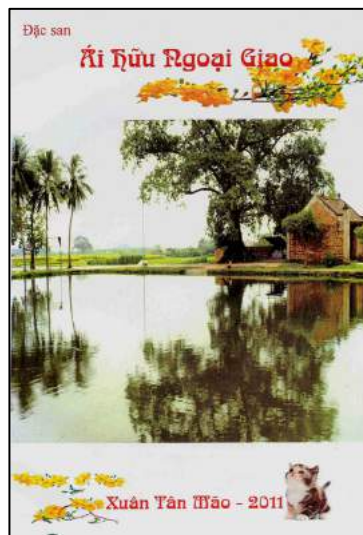
Tóm lại, từ ngàn xưa thông tin và liên lạc đã là một nhu cầu tối cần thiết của xã hội. Xã hội càng tiến bộ, ngành bưu điện càng phát triển. Tiêu chuẩn của bưu chính là nhanh chóng và an toàn. Phương tiện chuyển vận thư từ là xe hơi, xe lửa, tàu thủy, và phi cơ, và người đưa thư. Bạn có thể chuyển thư tại nhà hay ra nhà bưu điện.

Ở Việt Nam hiện nay, ngành bưu điện cũng khá phát triển nhưng vẫn còn một điểm mà hầu như ai cũng thấy, đó là thái độ thiếu niềm nở và tươi tắn của đa số nhân viên đối với khách hàng. Họ chỉ có nụ cười đối với những người của họ và họ chỉ có cử chỉ kính nể đối với xếp của họ; còn đối với khách hàng, họ thường có ánh mắt vô cảm và giọng nói cộc lốc. Tại sao vậy nhỉ? Dễ hiểu thôi, bởi vì họ thường là những thân thuộc của các cán bộ Đảng; họ thuộc vào giai cấp thống trị mới; còn người dân thuộc giai cấp bị trị. Họ cần gì phải tỏ ra lịch sự với giai cấp bị trị? Nếu tỏ ra như vậy, họ sẽ có thể bị khiển trách. Chủ trương của Đảng là muốn họ phải bị quần chúng oán ghét; bởi vì, có bị quần chúng oán ghét, họ mới trung thành với đảng để tồn tại.

Hoa Kỳ ngày nay là nước đứng hàng đầu có ngành bưu điện phát triển và bưu điện Hoa Kỳ đã đạt được tiêu chuẩn nhanh chóng và an toàn nhất thế giới. Hiện nay, nhiều nhà bưu điện đã có loại máy giúp bạn tự gửi thư hay bưu kiện đặc biệt vào những giờ bưu điện chưa mở cửa hay vào ngày lễ.

Bạn chỉ việc đem thư hay bưu kiện tới bưu điện, để lên máy, rồi ấn ngón tay theo chỉ dẫn của máy. Máy sẽ hỏi về loại bưu phẩm: thư thường hay bưu kiện; tên thành phố; zip code nơi gửi và nơi đến. Máy cũng đưa ra những tùy lựa (options) về thời gian ngắn hay dài để bạn chọn. Sau cùng, máy tính tổng số tiền phải trả. Nếu OK, bạn chỉ cần nhét thẻ tín dụng đúng chiều để trả tiền. Xong, máy sẽ đẩy trả thẻ, đồng thời in ra những mẫu giấy cần thiết để bạn dán lên thư hay bưu kiện sau khi đã điền tên người gửi và địa chỉ người nhận. Cuối cùng, bạn chỉ cần bỏ thư hay bưu kiện vào thùng thư hay chỗ dành cho bưu kiện. Thật là tiện lợi và thoải mái.

Bạch Cúc.NTN & Hải Bằng.HDB
(Arizona)



Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm thành thật cảm tạ Ông Bà Trương Hữu Lương (Paris) đã gửi tặng Đặc San Ái Hữu Ngoại Giao. Xin trân trọng giới thiệu cùng độc giả.

Rừng Thu thay lá

Chậm vừa

Thanh Trang

Mùa nào rừng cây trút lá Tôi về tìm lại chút nắng Nhớ lại từng mùa lá
thắm xuân nào Cho lòng mình cũng xôn xao khi từng đợt lá theo
nhau rụng rơi ... rụng rơi như đã bao phen mùa thu thay áo !
Ngày nào về ngang qua phố con đường lẫn vào lối ngõ vang tiếng lá rơi vọng
về mơ hồ Qua rồi từng giấc mơ xưa cho dù mộng ước đơn
sơ giờ đây ... giờ đây khi mỗi thu sang lòng hết mong chờ !
Thu nay qua nơi đây theo cùng gió mây lá thu rơi đây ! Thu xưa nơi quê ta bây giờ đã
xa hàng cây xanh lá ! Nơi phương Nam quê tôi, hai mùa đó thôi, trời xanh nắng tươi !
Thu nơi đây phương xa chờ khi bước qua mùa đông băng giá ! Ngày nào trời thưa thớt
nắng sương chiều dập diu phố vắng nhớ về từng ngày tháng cũ mơ màng
Trong kỷ niệm có đôi ta Những ngày xưa ấy tuy xa Mà nay ... mà
nay thu đến thu đi nào để phai nhòa ?

NHỮNG BÀI THƠ MỘT THỜI CỦA PHẠM CAO HOÀNG

Trần Hoài Thư

1.

Những năm cuối thập niên 60, và đầu 70, thơ Phạm Cao Hoàng đến với người yêu thơ như là một hiện tượng. Thơ Phạm Cao Hoàng được đăng khá nhiều trên các tạp chí thời danh bấy giờ như Văn, Văn Đền, Khởi Hành, Bách Khoa, Ý Thức..., mặc dù lúc ấy tuổi đời anh còn rất trẻ. Ví dụ tạp chí Văn Đền do nhà văn Mai Thảo chăm sóc, được xem là tờ báo rất khó tính trong việc tuyển chọn bài vở, thì hầu như thường xuyên đăng thơ Phạm Cao Hoàng.

Vâng, nhà thơ không đợi tuổi. Có điều tài năng thay vì được hưởng những lộc hạnh phúc mà đời dâng tặng cho lứa tuổi thanh xuân thì cái tuổi mà "hồn tôi mới lớn" trong thơ Phạm Cao Hoàng chúng ta đọc những vần thơ quá đỗi ngậm ngùi, nếu không nói là bi thiết.

*đường tôi đi có bom và đạn
có hận thù trên mỗi dấu chân
ai thả vào hồn tôi mới lớn ...
những mùa xương máu ngập tang thương*

...
*nơi đây có kẻ tìm non nước
lang thang bên những mộ bia người*

...
*ai bắn vào hồn tôi trái nổ
đứt từng mạch máu nát tim tôi
vỡ vỡ chiều nay tôi sắp vỡ
chiến tranh chiến tranh bao giờ thôi*
(Đi giữa chiến tranh)

Thơ Phạm Cao Hoàng "lớn trước tuổi" như vậy đó. Suy nghĩ của Phạm Cao Hoàng "già trước tuổi" như vậy đó. Tội nghiệp cho những

người trẻ của thời chiến ấy. Thay vì con đường tình có lá me bay, hay bầu trời màu xanh hy vọng, thay vì ngày tháng trong giảng đường miệt mài với sách vở và tương lai, thì ngược lại. Ai? Ai? *Ai thả vào hồn tôi mới lớn/những mùa xương máu ngập tang thương?* Có phải bọn đồ tể chiến tranh? Có phải bọn xem bạo lực là phương tiện để đạt cứu cánh. Có phải tiếng cười chiến thắng hả hê với máu đỏ ròng ròng. Những chuyến xe chờ những đoàn người ra mặt trận. Những cuộc trường chinh lâm lũ sinh bắc từ nam, rớt cùng, thấy gì không?

Hờ? Chiến tranh có giải quyết được gì không? Hay là những bàn thờ và những di ảnh trong các gia đình có người ra trận mặc? Hay là những cung cấm, cung đình, những biệt điện nguy nga bên cạnh những mi nhà ổ chuột mà người thương binh già chống nạng hồi tưởng lại một thời?

Xin đừng buộc tội nhà thơ. Trước sau gì nhà thơ cũng phải nhập cuộc. Như chúng tôi đã nhập cuộc. Bởi dù phản hay chủ chiến, dù không thích hay thích chiến tranh, dù muốn hay không muốn, tất cả đều phải vào trại nhập ngũ, mặc bộ đồng phục, và đẩy ra chiến trường. Để rồi chỉ có lệnh và lệnh. Tiếng nổ sẽ át tiếng lòng. Tiếng hét sẽ thay tiếng kêu mẹ em ơi. Không ai có thể cưỡng chống. Bởi vậy, nhân danh nhà thơ, hãy để cho chúng tôi nói, nói hết. Về thân phận của một thế hệ thanh niên trót sinh ra trong thời chiến. Dù nói để mà nói. Mấy mươi năm rồi, có ai nghe đâu. Vẫn tự mãn với vinh quang, với chiến thắng. Vẫn ngạo mạn trên những cốt xương của đồng loại mình, đồng bào mình mà !

2.

Có phải sự ví von so sánh là một yếu tố kỹ thuật cần thiết trong việc mang sự thành công đến với thơ? Ví dụ, trong những đoạn thơ của Cao Thoại Châu sau đây:

*thung lũng hôn tôi nhiều khói quá
để mắt tôi buồn như tháng đông*
(Cao Thoại Châu - **Động cánh dơi chiều**)

Hay :

*tôi là chiếc hầm rất nhiều bóng tối
kẻ bắt cần mới dám đi qua
không lẽ nửa đường ta quay trở lại
dù nổi cô đơn trải dưới chân và*
(Cao Thoại Châu - **Cám ơn và xin lỗi một người**)

Sự ví von này đòi hỏi một kỹ thuật cao. Trước hết vật/điều dùng để ví phải là một sự vật/điều được mọi người thừa nhận. Ví dụ nhà thơ Cao Thoại Châu đã xem đời ông ít người dám vào để khuấy động nổi cô đơn. Và không gì ví von đúng hơn là chiếc hầm nhiều bóng tối.

Chúng ta cũng thấy sự ví von này ở trong thơ Phạm Cao Hoàng:

*Về nỗi buồn:
đi đi thôi, hơi áo lụa hồng
buồn tôi giăng kín một giòng sông*

...
*tôi sẽ sống trọn đời phiêu lãng
cây vườn tôi rụng trái tình không
những bông sứ tay hồng em ve vuốt
sưởi hương nồng những tối mùa đông*
(Khúc tiễn Therèse Kh.)

Về nỗi đau hiu:

*anh đi qua rừng cao quá đồi
anh đi về rừng quá đồi cao
anh thu mình như con sâu nhỏ
nằm rung rinh giữa đám lá rì rào*

...
*và buồn thăm ôi những chiều lặng lẽ
núi và anh thành hai kẻ đăm chiêu
núi ngó anh và anh ngó núi
núi đựng trời anh đựng nỗi đau hiu*
(Nhớ Cúc Hoa)

Nỗi nhớ nhung:

*con đường hoa rụng ba năm trước
có bóng ai, không bóng người qua
chim nhớ ai mà chim bỗng hót
ta nhớ người hay đã nhớ ta*

(Tàn thu)

Nỗi ngăn chia vơi vợi:
*hồi những nhịp cầu đen buồn bã
đã bao năm không nối được lòng nhau
thì ngàn năm cũng hoài mong đợi
như cầu cao soi bóng đáy sông sâu*
(Những nhịp cầu đen buồn bã)

Hay khi nghe tin ngưng bắn hòa bình:
*vâng, anh sẽ khoác áo mưa xuống phố
uống cốc cà phê thơm ngát khói hòa bình*
(Một bông hồng nở giữa tim anh)

Mỗi tâm trạng có một ví von riêng. Dùng ngoại cảnh để diễn tả tâm trạng mình. Không phải dễ dàng để chọn lựa. Chẳng lẽ chọn mùa xuân cho tâm trạng héo hon? Đó là kỹ thuật cao, tôi nghĩ thế. Yếu tố này giúp người đọc cảm nhận dễ dàng thơ PCH, dù thể thơ có vần hay tự do, dù một bài ngắn hay một bài khá dài, hôm qua, và mãi đến mấy mươi năm sau.

3.

Tình yêu vẫn mãi là đề tài bất tận trong thi ca của mọi thời đại. Qua mỗi người thơ, tình yêu được thăng hoa bằng mỗi cách. **Riêng với Phạm Cao Hoàng, tình yêu trong thơ anh là tình yêu thánh thiện, mà người yêu phần lớn mang theo một hình ảnh của người thánh nữ:**

*người thiếu nữ ấy đã hát với tôi
những tình khúc buồn bã nhất
nàng ca ngợi Chúa
như tôi ca ngợi nàng
nàng ngưỡng mộ Chúa
như tôi ngưỡng mộ nàng
cuối cùng
kẻ xấu xa nhất cõi đời
kẻ ích kỷ nhất trần gian
phải chăng là tôi
nàng như cánh dạ lan hương
nở ngoài hiên tôi mỗi tối*

*nàng như quả nho tây
đong đưa trong gió mới*
(**Trái tim**)

*tôi trở lại giáo đường
tìm em
và tìm tôi
tôi thấy em
ánh mắt dịu dàng
như tình khúc thuở ban đầu
tôi tìm thấy tôi
lặng lẽ
chìm trong màu xanh phục sinh*
(**Màu xanh phục sinh**)

Phạm Cao Hoàng nhìn tình yêu bằng cái nhìn rất lý tưởng như thế. Khác với một số nhà thơ nói lên nỗi xúc động của mình trước vẻ đẹp như đôi mắt hồ mây, tóc chảy như giòng suối, gót hài, dáng liễu v.v.. Phạm Cao Hoàng đã tìm ở vẻ đẹp của người nữ quá đỗi thánh thiện trong lòng giáo đường, đôi mắt nhắm lại, cùng với cõi lòng trinh trắng. **Đó là cái đẹp thanh thoát, chẳng vương màu trần gian bi lụy.** Nhưng cuối cùng, chắc nhà thơ sẽ không bao giờ tìm được, Trái lại là những nỗi buồn bên cạnh niềm hạnh phúc, những chia ly chờ chực khi sum họp cận kề.

*có phải tôi người thanh niên của một thời lãng mạn
đã yêu em dù tình quá ngậm ngùi
H của tôi xin em đừng khóc
lệ của người sẽ cuốn mất trái tim tôi*
(**Gửi H. và Qui Nhơn**)

...
*một ngày có tình nhân bên cạnh
là một ngày sắp thấy phút ly tan*
(**Một ngày với tình nhân**)

Tôi đọc thơ anh, và hiểu anh. Chúng tôi thời ấy đã có những năm tháng sống bên nhau ở Qui Nhơn, cũng tháng năm tình si theo một hình bóng... Thời ấy, nghĩ lại, chúng tôi quá lãng mạn, để cuối cùng chợt nhận ra rằng, con đường đón đưa đón đưa ấy, là con đường dẫn đến từ ly. Người sẽ đi biệt. Chiếc xe sẽ trống

tròn và con đường sẽ mất bóng. Chiếc bàn chiếc ghế sẽ im lìm:

*sẽ xa, thôi cũng đành xa nhé
người về cuối bãi kẻ đầu sông
có chút gì đau như cắt ruột
tay chào, tay vẫy, nón che ngang.*

(**Mùa phượng hồng**)

Dù sao đi nữa, tôi phải cảm ơn những bóng hồng đã để lại dấu chân trên cõi lòng người thơ. Những dấu chân êm nhưng cũng đôi khi làm con tim người thơ phải buốt đau. Và nhờ vậy, tôi mới có dịp thưởng thức những bài thơ tình tuyệt vời của Phạm Cao Hoàng.

Trần Hoài Thư New Jersey, 2010

HỒ CÔNG TÂM - NGUYỄN PHÚ LONG
ĐOÀN NGỌC KIỀU ANH - CAO MỸ NHÂN
ĐOÀN CHINH NAM & NHÓM THI HỮU



**DUYÊN THƠ
XƯƠNG HỌA**

Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm thành thật cảm ơn Nhà thơ **Hồ Công Tâm** đã gửi tặng tập thơ **Duyên Thơ Xương Hóa** và xin giới thiệu cùng quý vị độc giả.

THƠ ĐỖ PHỦ

XUÂN ĐẠ HỈ VŨ

春夜喜雨
好雨知時節，
當春乃發生。
隨風潛入夜，
潤物細無聲。
野徑雲俱黑，
江船火獨明。
曉看紅濕處，
花重錦官城。



XUÂN ĐẠ HỈ VŨ

Hảo vũ tri thời tiết
Đương xuân nãi phát sinh
Tùy phong tiềm nhập dạ
Nhuận vật tế vô thanh
Dã kinh vân câu hắc
Giang thuyền hỏa độc minh
Hiểu khán hồng thấp xứ
Hoa trọng Cẩm Quan thành.

ĐÊM XUÂN MỪNG MƯA

*Con mưa đẹp với tiết trời
Đương mùa xuân thấm nhẹ rơi rì rào
Mưa đêm theo cánh gió vào
Thấm nhuận lặng lẽ muôn màu cỏ cây
Đường thôn mờ mịt giăng mây
Riêng thuyền le lói đèn ngay trên dòng
Bình minh vạn vật ướt hồng
Muôn hoa đua nở khắp vùng Cẩm Quan.*

Tâm Minh
NGÔ TĂNG GIAO
(Chuyển ngữ- Xuân Tân Mão 2011)

PEARL S. BUCK

(1892 - 1973)

NỮ VĂN HÀO CỦA HAI THẾ GIỚI

Phạm Văn Tuấn.

Pearl S. Buck là nhà văn sinh trưởng trong hai thế giới, một thế giới là nước Hoa Kỳ của cha mẹ, hai giáo sĩ đi truyền đạo, và thế giới kia là nước Trung Hoa bao la, vào đầu thế kỷ 20 còn bao phủ nhiều bí ẩn. Bà Buck đã từng viết rằng "... *thật khó cho tôi khi nói rõ phần lớn tôi thuộc về thế giới nào..., tôi trung thành với châu Á cũng như với miền đất của tôi*".

Sau khi định cư vĩnh viễn tại Hoa Kỳ, bà Pearl S. Buck đã không quên đời sống thứ hai gồm cả văn hóa, triết học và tôn giáo của nước Trung Hoa. Bà đã suy nghĩ, quan sát sự việc từ hai mặt nhờ quá khứ và kinh nghiệm, cố gắng nối các nhịp cầu hiểu biết và tình cảm giữa hai thế giới Đông và Tây bằng các tác phẩm văn chương và các hoạt động nhân đạo.



1/ Cuộc sống tại nước Trung Hoa.

Pearl Sydenstricker chào đời ngày 26 tháng 6 năm 1892 tại Hillsboro, thuộc tiểu bang West Virginia và khi mới vài tháng tuổi, đã được cha mẹ là hai giáo sĩ, ông Absalom và bà Caroline Stulting Sydenstricker, mang qua Trung Hoa. Cô bé Pearl này đã học nói tiếng

Hoa trước khi biết nói tiếng Anh, đã chơi đùa với trẻ em Trung Hoa, được bà giữ trẻ kể cho nghe các câu chuyện về đạo Lão và đạo Phật. Vào cuối thế kỷ 19 này, Trung Hoa còn là một quốc gia có nền văn hóa và lịch sử hoàn toàn xa lạ với các người phương Tây. Cha và mẹ của cô bé Pearl Sydenstricker không chịu sinh sống trong khu vực dành riêng cho người phương Tây mà ưa thích hòa mình với người dân địa phương. Ông Absalom đã thực hiện các chuyến đi nguy hiểm tới các vùng xa xôi rồi kể lại cho cô con gái các câu chuyện, các kinh nghiệm khó quên. Bà mẹ Caroline trái lại, nhắc nhở con về cuộc sống của vùng West Virginia, thuật lại cuộc Nội Chiến Hoa Kỳ với sự liên hệ của nhiều người trong gia đình vào cuộc chiến tranh này. Chính nhờ bà mẹ mà cô Pearl đã đọc các cuốn truyện kể về Tom Sawyer, Huckleberry Finn và các tác phẩm của Shakespeare, Scott, Thackeray, George Eliott và đặc biệt nhất là Dickens.

Ngay từ thuở nhỏ, cô Pearl Sydenstricker đã tò mò, tìm hiểu dân địa phương, thích lắng nghe các câu chuyện và mong muốn viết lại những điều mắt thấy, tai nghe tại một miền đất mà vào đầu thế kỷ 20, nhiều người phương Tây chưa hề biết tới. Cô đã học lịch sử Trung Hoa với một ông thầy địa phương, hiểu rõ triết

lý Khổng Giáo và đã từng làm việc tại trung tâm cải huấn các thiếu nữ bị chủ nhân hành hạ tàn nhẫn. Cô Pearl cũng theo học tại trường học của bà Jewell tại thành phố Thượng Hải và nhờ những công tác xã hội của bà này mà cô hiểu rõ những điều xấu xa và các bất công trong xã hội Trung Hoa, thông cảm với người dân địa phương khi họ bị bàn tay đế quốc bóc lột.

Trong nhiều năm, cô Pearl Sydenstricker thường sinh hoạt giống như các trẻ em khác nhưng tới năm 1900, gia đình cô phải chạy khỏi thành phố Thượng Hải vì Loạn Quyền Phỉ (the Boxer Rebellion) và chính vào thời gian này, cô Pearl mới thấy rõ rằng mình chỉ là một du khách, lạc lõng vào một thế giới xa lạ. Năm 17 tuổi (1909), Pearl Sydenstricker trở về Hoa Kỳ, theo học Đại Học Randolph Macon Woman's College, thuộc thị xã Lynchburg, trong tiểu bang Virginia. Tại nơi học đường này cô Pearl bắt đầu nhận ra rằng lối sống và các kinh nghiệm của cô tại nước Trung Hoa làm cô khác biệt với các thiếu nữ Hoa Kỳ và cô đã cố gắng bắc các nhịp cầu giữa hai thế giới. Cô bắt đầu viết truyện và tham gia vào ban kịch của lớp học.

Sau khi tốt nghiệp đại học vào năm 1914, cô Pearl Sydenstricker xin làm phụ giáo khoa Triết Học và Tâm Lý Học của trường đại học nhưng thời gian này không kéo dài được lâu vì bà mẹ bị đau ốm nặng. Cô Pearl trở lại Trung Hoa, học viết chữ Hoa, thay mẹ giữ vai trò cố vấn (counselor) giúp các phụ nữ Trung Hoa giải quyết nhiều vấn đề khó khăn.

Vào ngày 13-5-1917, cô Pearl Sydenstricker kết hôn với ông John Lossing Buck, một chuyên gia canh nông người Mỹ, nguồn gốc thuộc tiểu bang New York nhưng qua Trung Hoa giảng dạy phương pháp nông nghiệp theo kế hoạch của nhà thờ

Presbyterian. Gia đình Bucks này sinh sống trong tỉnh An Huy (Anhwei) thuộc miền bắc nước Trung Hoa. Do công việc giúp đỡ các nông dân của ông Buck, bà Pearl Buck đã quen thuộc với lối sống đơn giản của các nông dân địa phương, hiểu rõ các khó khăn của họ khi phải tranh đấu với nạn đói, nạn hạn hán, nạn lụt lội, thông cảm với họ về cuộc sống và côi chết. Các hiểu biết và tình yêu đối với người nông dân Trung Hoa sau này được bà Pearl Buck thể hiện qua tác phẩm "*Đất Lành*" (The Good Earth) và các công trình văn học cũng như các công tác nhân đạo khác.

Năm 1921, gia đình Bucks di chuyển về thành phố Nam Kinh thuộc phía nam của nước Trung Hoa. Ông John Buck nhận chức vụ Giáo Sư Nông Nghiệp tại Đại Học Nam Kinh còn bà Pearl Buck dạy Văn Chương Anh. Vào tháng 10 năm đó, bà mẹ Caroline Sydenstricker qua đời. Việc đau buồn này đã khiến cho bà Pearl Buck viết ra một cuốn tiểu sử ngắn, tưởng nhớ bà mẹ, được xuất bản sau này vào năm 1936 với tên tác phẩm là "*Người Tha Hương*" (The Exile).

Cuộc sống của người địa phương tại thành phố Nam Kinh này khác hẳn với lối sống đơn giản của miền bắc. Tại nơi đây, các lý tưởng Tây Phương, các tư tưởng Bôn-Xê-Vích đang được phổ biến, đe dọa các cấu trúc xã hội và chính trị cổ điển. Giới thanh niên Trung Hoa vào thời gian này đang sôi động trước các tư tưởng cấp tiến mới, họ mong đợi các cuộc canh tân, khiến cho cuộc sống thường ngày bị đe dọa vì các xung khắc và nổi loạn. Trong các năm này, bà Pearl Buck đã viết ra từ tháng 1-1923 nhiều bài bình luận nói về các thay đổi tại nước Trung Hoa, một số bài được đăng trên các tạp chí "*Nguyệt San Atlantic*" (The Atlantic Monthly), "*Diễn Đàn*" (Forum) và "*Tạp Chí*

Quốc Gia" (the Nation)... Các đề tài của các bài viết này gồm có: sự phổ biến việc hút thuốc lá, tương quan giữa hai giới tính tại nước Trung Hoa, giới trẻ phản kháng việc xếp đặt hôn nhân của cha mẹ... Cũng trong thời gian này, ngoài việc tìm đọc các sách văn chương cổ điển Trung Hoa, bà Pearl Buck còn tìm hiểu các tác phẩm của Zola, Proust, Thoreau, Hemingway và đặc biệt là Dreiser. Bà Buck đã xác nhận rằng trước tuổi 20, bà đam mê đọc truyện của Charles Dickens còn sau 20 tuổi là các tác phẩm của Theodore Dreiser, sau đó tới các tiểu thuyết của các tác giả Sinclair Lewis và Ellen Glasgow bởi vì các nhà văn này có khả năng đặc biệt khi phân tích các nhân vật trong truyện.

Năm 1925, ông bà Buck mang đứa con gái đầu lòng về Hoa Kỳ để trị bệnh nhưng các phương pháp y khoa đã không chữa khỏi đứa bé bị chậm hiểu (mentally retarded). Nhờ thời gian sống tại Hoa Kỳ này, cả hai ông bà Buck cùng theo Đại Học Cornell, bà Pearl theo chương trình Cao Học (Master of Arts degree) về Văn Chương Anh. Bà Pearl Buck đã nhận được Giải thưởng Lịch Sử Laura Messenger (the Laura Messenger Prize) nhờ bài bình luận "*Trung Hoa và Phương Tây*" (China and the West), một bài viết bắc cầu giữa hai thế giới Đông và Tây. Năm 1926, ông bà Buck trở lại Nam Kinh để dạy học tại hai đại học địa phương.

2/ Văn Nghiệp của Nữ Văn Hào Pearl S. Buck.

Từ năm 1921, đảng Cộng Sản Trung Hoa được thành lập trong một buổi họp bí mật tại thành phố Thượng Hải. Đảng Cộng Sản này đã bành trướng trong các năm 1925-26, tổ chức nhiều cuộc đình công chống đế quốc tại nhiều tỉnh và được sự ủng hộ của các giới công nhân thành thị, công nhân đường sắt và thủy thủ.

Sau khi Lãnh Tụ Tôn Dật Tiên qua đời vào năm 1925, Tướng Tưởng Giới Thạch đã khởi sự một chiến dịch tiêu diệt các người Cộng Sản và vào tháng 3-1927, quân đội Quốc Dân Đảng tiến vào thành phố Nam Kinh. Ông bà Buck cùng người cha và cô con gái phải bỏ tất cả gia sản, chạy về thành phố Thượng Hải. Trong số các công trình văn học của bà Pearl Buck có một cuốn tiểu thuyết đã viết xong, bị quân đội Quốc Dân Đảng phá hủy khi hôi của nhưng rất may, còn lại trong số đồ vật rối loạn cuốn tiểu sử của bà mẹ và một cuốn tiểu thuyết viết dang dở mà sau này, bà Pearl Buck cho xuất bản vào năm 1930, đó là cuốn "*Gió Đông: Gió Tây*" (East Wind: West Wind).

Năm 1931, bà Pearl Buck cho ấn hành cuốn tiểu thuyết "*Đất Lành*" (The Good Earth) và năm sau, cuốn truyện này đã giật được Giải thưởng Pulitzer, khiến cho tác giả nổi danh trên Thế Giới. Trong khoảng 4 năm từ 1931, nhiều tác phẩm khác của bà Pearl Buck cũng xuất hiện trên văn đàn trong đó có các cuốn tiểu thuyết "*Các Người Con Trai*" (Sons, 1932), "*Người Vợ Cả*" (The First Wife, 1933), "*Mọi Người là Anh Em*" (All Men are Brothers, 1933), "*Người Mẹ*" (The Mother, 1934) và "*Một Gia Đình Chia Rẽ*" (A House Divided, 1935). Bộ truyện ba cuốn gồm hai cuốn "*Các Người Con Trai*" và "*Một Gia Đình Chia Rẽ*" cộng với cuốn tiểu thuyết "*Đất Lành*" đã đoạt Huy Chương William Dean Howells của Hàn Lâm Viện Nghệ Thuật và Mỹ Tự Hoa Kỳ (the American Academy of Arts and Letters) vì là công trình sáng tác (fiction) hay nhất trong các năm 1930-35.

Cũng vào năm 1935, bà Pearl Buck ly dị với ông John Lossing Buck rồi vào ngày 11 tháng 6 năm đó, bà kết hôn với ông Richard J. Walsh, giám đốc công ty quảng cáo John Day.

Kể từ lúc này, bà vẫn tiếp tục sáng tác dưới bút hiệu Pearl Buck.

Năm 1938, nhà văn nữ Pearl Buck đoạt Giải thưởng Nobel về Văn Chương do tác phẩm "*Đất Lành*" và do hai cuốn tiểu sử, cuốn thứ nhất có tên là "*Người Tha Hương*" (The Exile), đây là hình ảnh của bà mẹ trong cuộc đời truyền giáo tại Trung Hoa, cuốn thứ hai là "*Thiên Thần Tranh Đấu*" (Fighting Angel) mô tả tiểu sử của người cha, bắt nguồn từ bản văn phác thảo "*Tưởng Nhớ ông Absalom Sydenstricker, 1852-1931*" (In Memoriam: Absalom Sydenstricker, 1852-1931). Sau này vào năm 1944, hai cuốn tiểu sử này được xuất bản chung với nhau thành tập truyện "*Tinh Thần và Thể Xác*" (The Spirit and the Flesh).

Sau khi đoạt Giải thưởng Nobel về Văn Chương, Nữ Văn Hào Pearl Buck vẫn tiếp tục viết với các tác phẩm không-giả-tưởng (non-fiction works) gồm các cuốn "*Nói với Người Dân*" (Tell the People, 1945) đề cập tới nền giáo dục quần chúng (mass education), "*Đứa con không bao giờ lớn nổi*" (The Child Who Never Grew, 1950) liên quan tới người con gái bị chậm hiểu của tác giả, cuốn tự thuật "*Nhiều Thế Giới của Tôi*" (My Several Worlds, 1954). Ngoài ra còn có các cuốn tiểu thuyết như "*Các người con của Long Vương*" (Dragon Seed, 1942), "*Lời Hứa*" (the Promise, 1943), "*Cá hóa Long*" (the Dragon Fish, 1944), "*Nhà Riêng của Phụ Nữ*" (Pavilion of Women, 1946), "*Hoa Mẫu Đơn*" (Peony, 1948), "*Vương Phi*" (Imperial Woman, 1956), "*Lá Thư từ Bắc Kinh*" (Letter from Peking, 1957), "*Ba Người Con Gái của Bà Lương*" (The Three Daughters of Madame Liang, 1969)...

Vào năm 1941, Nữ Văn Hào Pearl Buck lập ra một tổ chức không vụ lợi là "Hội Đông-Tây" (The East and West Association) với chủ

đích mang lại sự hiểu biết giữa các dân tộc trên Thế Giới. Nhà văn nữ này cũng viết ba cuốn tiểu thuyết xuất bản dưới bút hiệu John Sedges, đó là các cuốn "*Người Dân Thành Thị*" (The Townsman), "*Các Tiếng Nói Trong Nhà*" (Voices in the House) và "*Tình Yêu Lâu Dài*" (The Long Love, 1958).

Các tác phẩm kịch của bà Pearl Buck gồm các cuốn "*Bay vào Trung Hoa*" (Flight into China, 1939), "*Người Vợ Cả*" (The First Wife, 1945), "*Biến Cố Sa Mạc*" (A Desert Incident, 1959)... Bà Pearl Buck cũng viết truyện phim, đó là cuốn "*Quỷ Sa Tăng không bao giờ ngủ*" (Satan Never Sleeps, 1962).

Do chứng kiến nhiều biến cố chính trị xảy ra tại Trung Hoa như Nạn Quyền Phỉ hay cuộc nổi dậy năm 1927, do hiểu rõ các bất công xã hội, các kỳ thị chủng tộc tại nhiều nơi trên thế giới, Nữ Văn Hào Pearl Buck đã từng lên tiếng tranh đấu cho các người di dân tại thành phố New York, ủng hộ nền Độc Lập của nước Ấn Độ bởi vì bà là một sáng lập viên của Tổ Chức Tưởng Niệm Mahatma Gandhi (The Mahatma Gandhi Memorial Foundation). Bà Pearl Buck cũng tham gia vào công cuộc giúp đỡ các trẻ em bị chậm hiểu tại thành phố Vineland, tiểu bang New Jersey. Ngoài ra, bà cũng là thành viên của Hiệp Hội Tự Do Dân Sự Hoa Kỳ (The American Civil Liberties Union) và thường lên tiếng bênh vực nền tự do trí tuệ, chống lại sự kiểm duyệt.

Năm 1949, bà Pearl Buck cùng ông chồng Richard Walsh lập nên Cơ Quan "*Cần Nhà Tình Nghĩa*" (Welcome Home), một tổ chức nhận nuôi các con lai Á-Mỹ, đặc biệt là các con rơi của quân nhân Hoa Kỳ phục vụ tại ngoại quốc. Vào năm 1963, bà Pearl Buck đã lập nên "*Tổ Chức Pearl S. Buck*" (The Pearl S.

Buck Foundation) rồi bốn năm sau, đã tặng cho tổ chức này hơn \$7,000,000 mỹ kim.

Nữ Văn Hào Pearl S. Buck đã viết ra hơn 65 tác phẩm, hàng trăm truyện ngắn và các bài bình luận. Bà qua đời vào ngày 6 tháng 3 năm 1973 tại Danby, tiểu bang Vermont.

3/ Tác Phẩm Đất Lành và Giải Thưởng Nobel.

Cuốn tiểu thuyết "*Đất Lành*" (The Good Earth) mô tả đời sống của một nông dân tên là Vương Long (Wang Lung) khởi đầu từ cảnh nghèo khó bước lên địa vị của một chủ đất giàu sang. Anh nông dân này được người vợ giúp đỡ và gia đình này đã tận tụy hy sinh vì bốn phận, vì sự sống còn và vì mảnh đất. Tác giả Pearl Buck đã mô tả cuộc hôn nhân, tình cha mẹ, các tình cảm phức tạp trong gia đình và sự yêu quý mảnh đất và cuộc sống.

Để hiểu rõ tác phẩm "*Đất Lành*", cần biết thêm sơ lược về lịch sử của nước Trung Hoa vào cuối thế kỷ 19. Trung Hoa là một trong các quốc gia rất rộng lớn trên Thế Giới và vì vậy, dân tộc này không thuần nhất về ngôn ngữ. Mặc dù dùng một thứ chữ viết, người Trung Hoa có hàng trăm thổ ngữ (dialects) và người dân thuộc miền Nam Trung Hoa không thể hiểu được tiếng nói của người dân Miền Bắc. Trong cuốn truyện "*Đất Lành*", nhân vật Vương Long đã ghi nhận rằng "*An Huy (Anhwei) không phải là Giang Tô (Kiangsu). Tại An Huy nơi mà Vương Long chào đời, giọng nói thì chậm và trầm trong cuống họng nhưng tại thành phố Giang Tô, người dân nói bằng các âm tiết phát ra từ môi và đầu lưỡi*".

Xã hội Trung Hoa cũng phức tạp như nền chính trị và khi Nhà Thanh bị lật đổ, các tỉnh thành của nước Trung Hoa nằm trong tay nhiều quân phiệt, nhiều nhóm đạo tặc... chẳng hạn như Tướng Ngô Bội Phu (Wu Pei-fu) đã

kiểm soát 5 tỉnh Miền Bắc và Miền Trung với hàng trăm triệu dân dưới quyền. Tại Mãn Châu, Trương Tác Lâm (Chang Tso-ling) cai quản vùng đất rộng bằng diện tích của hai nước Pháp và Tây Ban Nha cộng lại.

Sau khi Lãnh Tự Tôn Dật Tiên qua đời, Tướng Tưởng Giới Thạch đặt bản doanh tại Nam Kinh, đã phát động chiến dịch chống lại các sứ quân, đánh phá các người Cộng Sản do Mao Trạch Đông chỉ huy và chống cự quân đội Nhật Bản. Nước Trung Hoa bị tàn phá vì nội chiến, và các rối loạn trải dài từ Quảng Đông tới Bắc Kinh. Trong hoàn cảnh chính trị bất ổn này, các người nông dân như Vương Long là những kẻ làm mướn, bị bóc lột do các địa chủ có hàng ngàn mẫu đất, họ còn bị bọn cướp quấy phá, bị lường gạt bởi các con buôn lúa gạo do bởi họ không biết đọc, không biết viết, họ bị thiếu ăn, bị khinh bỉ vì ngu dốt và hèn kém.

Khi viết ra tác phẩm "*Đất Lành*", Nữ Văn Hào Pearl Buck không chỉ nói về người nông dân Trung Hoa mà còn ám chỉ các nông dân sinh sống tại bất cứ nơi nào trên trái đất bởi vì tài sản và sự an toàn của họ tùy thuộc vào mảnh đất mà họ cày cấy. Qua tác phẩm, độc giả nhận ra sự hiểu biết tường tận của tác giả về nước Trung Hoa và người Trung Hoa, tác giả biết cả tư tưởng và nội tâm của người nông dân, đây là giai cấp mà các người Cộng Sản đã khai thác và dùng làm hạt nhân trong công cuộc cách mạng.

Ngày nay, nhiều độc giả cho rằng Nữ Văn Hào Pearl Buck đoạt Giải Thưởng Nobel vì tác phẩm "*Đất Lành*". Điều này không hẳn đúng. Khi Ủy Ban Nobel cứu xét việc tặng giải, họ có 9 tác phẩm của bà Pearl Buck: "*Đất Lành*", "*Gió Đông: Gió Tây*", bộ ba cuốn "*Căn Nhà Đất*" (The House of Earth), "*Người Mẹ*" (The

Mother), cuốn khảo cứu về bà mẹ "Người Tha Hương" (The Exile), cuốn chân dung của người cha "Thiên Thần Tranh Đấu" (Fighting Angel) và cuối cùng là cuốn "Trái Tim Kiêu Hãnh" (This Proud Heart, 1938). Lời ghi nhận của Ủy Ban Nobel kèm theo Giải thưởng đã viết rằng việc tặng giải "Do cách mô tả phong phú và mang tính anh hùng ca đời sống của nông dân Trung Hoa và các tác phẩm tiểu sử".

Selma Lagerloef, Nữ Văn Hào người Thụy Điển và cũng là phụ nữ đầu tiên đoạt Giải thưởng Nobel về Văn Chương đồng thời là một nhân viên trong Ủy Ban Xét Giải, đã tiết lộ rằng bà ta bỏ phiếu cho Nữ Văn Hào Pearl Buck vì cuốn tiểu sử xuất sắc của người cha. Ông Anders Osterling, Thư Ký Vĩnh Viễn của Hàn Lâm Viện Thụy Điển và Chủ Tịch của Ủy Ban Nobel về Văn Chương, cũng xác nhận rằng các tiểu thuyết của bà Pearl Buck mô tả đời sống của nông dân Trung Hoa mang tính chính thức (authenticity), giàu chi tiết và đặc sắc về cách nhìn vào bên trong để mô tả một miền đất mà các độc giả Tây Phương biết tới rất ít. Trong một buổi đại tiệc khoản đãi nhà văn nữ Pearl Buck, Văn Hào Sinclair Lewis, người Mỹ đầu tiên đoạt Giải thưởng Nobel về Văn Chương, đã khen ngợi tác giả vì công trình mang lại "một hình ảnh mới về các con người của Phương Đông".

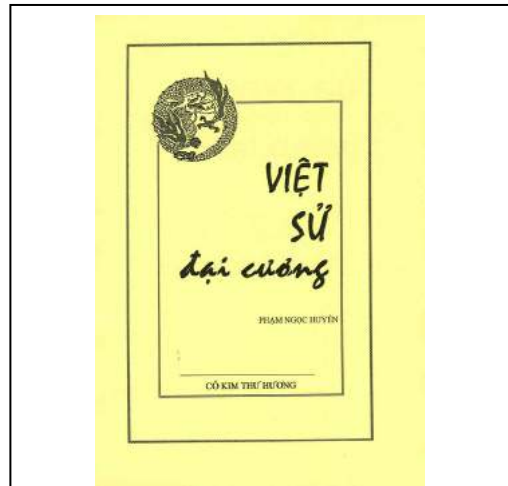
Các tác phẩm của Nữ Văn Hào Pearl S. Buck còn có các đặc điểm trong sáng trong thể văn, mang lại ý nghĩa và cảm xúc bên ngoài các từ vựng, cốt truyện dễ hiểu với cách nhìn mang tính toàn cầu, cách dàn dựng (setting) không bị giới hạn về thời gian (timelessness) với các nhân vật chính trong truyện luôn ám ảnh người đọc hơn là cốt truyện và nhờ đó đã hướng dẫn cốt truyện phát triển. Tác giả đã không phân tích các cách hành xử (behavior)

của các nhân vật mà quan tâm tới các hành động và hiệu quả của cách mô tả nhân vật.

Một yếu tố khác khiến cho các tác phẩm của bà Pearl Buck đoạt Giải thưởng Nobel là sự phổ biến rộng rãi trong các năm từ 1932 tới 1940, giống như các truyện của Văn Hào Mark Twain, với 10 cuốn tiểu thuyết được dịch sang các ngôn ngữ quan trọng của Thế Giới.

Trước Nữ Văn Hào Pearl S. Buck, chỉ có hai nhà văn Hoa Kỳ đoạt Giải thưởng Văn Chương Nobel, đó là các ông Sinclair Lewis (1885-1951) và Eugene O'Neill (1888-1953); còn về nhà văn nữ, có bà Selma Lagerloef (1858-1940), người Thụy Điển và bà Sigrid Undset (1882- 1949), người Na Uy./.

Phạm Văn Tuấn (Virginia)



Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm
chân thành cảm tạ **Biên khảo gia**
Tô Vũ Phạm Ngọc Huyền (Paris) đã
gửi tặng tập Việt Sử Đại Cương.
Xin giới thiệu cùng độc giả.

MÙA XUÂN NÓI CHUYỆN TRÀ

Nguyễn Quý Đại

Theo truyền thuyết hơn 6000 năm, Vua Shin Nung (Thần Nông) tình cờ khám phá trà

thơm ngon, có thể chữa bệnh.

Huyền thoại về trà Bodhidharma (Bồ đề đạt ma) người Ấn Độ lúc ngồi thiền hay buồn ngủ, ngài gập mắt mí mắt ném xuống đất và từ chỗ đó mọc lên cây trà. Chuyện hoang đường này cho rằng trà giúp sự thức tỉnh một

sức mạnh của tâm linh. Theo tài liệu từ đời nhà Tần 221 (TCN) biết dùng trà như một dược liệu,

chưa được phổ biến sâu rộng trong dân gian. Thời nhà Đường Tang Dynastie (618-907). Trà được uống trong các tu viện, lần đầu tiên ở Tu viện Yang Ling trên Núi Tai Shan, uống trà làm đầu óc tỉnh táo, dễ tập trung hơn, từ đó thuật uống trà phát triển trong giới Thiền tông khắp Trung Hoa. Tác phẩm đầu tiên viết về trà “*Cha Ching*” của Lu Yu / (728-804) tên thật Tsing Ling Zhe sinh ở Hubei/ Hồ Bắc, Trung Hoa. Ông mô cô từ thuở nhỏ được Thiền sư Zek Shin nuôi dạy, Lu Yu có

dịp học nghệ thuật pha trà từ vị cha nuôi ngay từ thuở nhỏ, năm 18 tuổi ông rời Tu viện, Lu Yu về Hán Thủy Han Jiang/ vượt Ch’ang Chiang trường giang là tả ngạn Sông Dương Tử / ẩn cư ở Chiết Giang tên cũ là Sông Tiền



Đường. Lu Yu vào ở trong chùa Diêu Khê

(Wuxing/Huzhou), ông không chú tâm việc học kinh kệ để trở thành thiền sư, mà chỉ miệt mài vào văn chương và biên khảo. Ông có biệt danh “*Chúa của trà* /*Der Gott des Tees*.”. Tác phẩm

Cha Ching viết phương pháp chế biến, pha trà, uống trà, liên quan đến lịch sử của trà, đầy đủ

nhất trong thời cổ đại về trà ra đời, việc uống trà được xem trọng như một ngành nghệ thuật, *Trà kinh* trở thành cuốn sách quý lưu truyền ở Trung Hoa, đến Trung Á, Tây Á và nhiều nước ở Châu Âu. Lu Yu được Trung Hoa tôn lên bậc Thánh trà, là một trong 10 vị Thánh trong lịch sử Tàu. *Trà tại Á Châu*, Tổ phụ ngành Y khoa Hippokartes (460-370 TCN) cũng công nhận trà có dược tính tốt. Thời Nữ hoàng Âu Châu Hildegard von Bingen (1098-1179) công nhận các loại trà giúp chữa bệnh, và được nghiên cứu



rộng rãi trong giới Y khoa. Bác sĩ Nicolas Direks (1593-1674) người Hòa Lan viết trong “Die Arznei” uống trà sống lâu mỗi ngày nên uống trà (sự phát triển, nghiên cứu về trà trải qua nhiều thế kỷ, và đến ngày nay người ta nghiên cứu dùng trà xanh trong việc chế tạo kem giữ da, hay dầu gội đầu vv...)

Trà trồng ở các vùng đồi núi quanh Hangzhou (Hàng Châu) Trung Hoa, các vùng trà nổi tiếng là Lung Ching (Long Tĩnh) và Lung Ding ngoài ra còn có vùng bẫy núi ở Xishuangbanna. Trồng trà từ triều đại Tang/Đường (618-907) nhưng mãi đến triều đại

Qing/Thanh (1644) trà được đưa vào việc sản xuất. Hiện nay còn loại trà cây cổ thụ từ năm 1700 đời vua Shengzu-Kangxi (Thánh tổ Khang Hi) qua các đời sau, vùng này trồng loại trà Pu-Erth (Phổ Nhĩ) lá dày. Nước trà màu hơi đỏ, được xem như một dược liệu chống lại bệnh có mỡ trong máu (wunderwaffe gegen fett/wonderful weapon against fat). Ở Ấn Độ vùng núi Darjeeling cách xa Kalutta 600 km trồng các giống trà „Thea Chinensia“ được công ty Đông Ấn „East India

Company hoạt động từ năm 1600-1857“ lai giống các loại trà, năm 1823 tại Assam thành công, thêm loại „Thea assamica“. Ấn Độ trồng hơn 400 loại trà khác nhau, trà nổi tiếng thơm ngon quanh vùng Himalaya trên cao độ 2200 m, các vườn trà trong vùng thung lũng „Steintal“ và „Happy Vallytea Estate“. Người ta cũng khám phá trà mọc hoang trên đồi núi ở Ấn Độ, nên có nhiều nghi vấn nguồn gốc Trà ở Ấn Độ trước Trung Hoa? Assam là vùng cao nguyên trên thượng lưu Brahmaputra, có 2000 vườn trà được lai giống



khác nhau. Ấn Độ xuất cảng trà đứng đầu thế giới sau là Tích Lan (Sri Lanka). Giống trà Thea assamica, được người Anh, Ông Schotte James Taylor mang vào Tích Lan năm 1849, sau 11 năm phát triển trồng trên cao nguyên Ceylon và

Tamilen Tại Việt Nam theo sách An Nam Chí Lược ghi “tháng 5, năm thứ Tám niên hiệu Khai Báo. Đinh Liễn có tiến cống nhà Tống vàng, lụa, sừng tê, ngà voi và trà thơm“ Các tài liệu trên chứng tỏ người Việt đã biết uống và biến chế trà từ lâu. Ngành khảo cổ đã khai quật tại vùng Nông Giang, Thanh Hóa tìm thấy được nhiều bình, chén, đĩa trà

thời gian này ngang với đời Tống (Song 960-1279) từng bán sang Nhật, dù hàng sành sứ của Việt Nam không sắc sảo, nhưng hình vẽ cảnh thiên nhiên sông nước, hoa lá hợp với phong cảnh Thiền của Nhật. Theo Nguyễn Trãi ở Dư Địa Chi, đã kể trà Tước Thiệt (trà lưỡi chim sè) người ta gọi là trà móc câu thuộc giống trà mi ở vùng Sa Bôi nay là tỉnh Quảng Trị (ngày xưa thuộc Châu Ô, Châu Lý). Có rất nhiều giống trà trồng hợp với khí hậu địa phương, các nơi trồng trà nổi tiếng như: Phú Thọ, Hòa Bình, Nghệ An, Thái Nguyên, Lai Châu. Cao nguyên Bảo Lộc Lâm Đồng có loại trà mi, hải đường. Có hoa nhỏ thơm dịu, nụ nhỏ, trà ngày nay theo nhu cầu kỹ nghệ sản xuất lai nhiều giống, có 3000 loại trà mi

khác nhau trên thế giới. Ở vùng Vạn Hội, Núi Chúa thuộc Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định, có hai thứ trà „cam“ và „khô“ mọc hoang dã trên đồi gò hoặc ven chân núi. Trà cam lá nhỏ, có vị ngọt như đường, trà khô lá to, xanh, dày và cứng uống thì rất đắng như khô qua trà

giống như cây rau có dược thảo khổ cự (rau diếp), khổ thái (rau đắng) v.v... Rễ trà cam có tác dụng hồi sức cho phụ nữ sau khi sinh con. Trà khổ làm cho người say tĩnh rượu, uống thường xuyên trà khổ, gan hoạt động tốt phòng ngừa bệnh sốt rét. Theo nghiên cứu các nhà khoa học, trà phát sinh từ 3 loại chính của Đài Loan và Nhật Bản đó là *Camellia Japonica*, *Camellia sasanqua*, và *Camellia reticulata*. Trà mi có tên khoa học *Camellia chrysantha* trong thời gian gần đây người Pháp tìm ra trà mi giống Việt Nam và được nhắc đến trà mi hoa vàng tên *Camellia vietnamensis* ở Cúc Phương, đẹp hơn trà mi hoa vàng gốc Nhật, hoa ít hơn, loại *Camellia baviensis* ở núi Ba Vì hương thơm nồng nàn. Trà mi *Camellia baviensis* đem về trồng thí nghiệm ở đại học Lâm nghiệp Xuân Mai Hà Tây. Hoa lưỡng tính cánh trắng nhụy vàng to nở lâu tàn. Trà vào Nhật Bản thế kỷ thứ 6 Hoà Thượng Huimeng (638-713) truyền Phật Giáo từ Trung Hoa sang Đại Hàn vào Nhật Bản và phát triển mạnh trong thời Nara Zeit (709-784). Trà du nhập vào cùng giai đoạn trên, nhưng đến thời Hoàng Đế Shômu/ 724-749) khoản đãi trà cho 100 tu sĩ Phật giáo tại hoàng cung năm 729. Số trà này có lẽ do sứ thần Nhật mua trong chuyến đi sứ Trung Hoa. Thiền sư Saicho (767-822) mang về một số hạt giống trà và trồng tại Yeisan năm 801, từ thế kỷ thứ 8 trà dùng phổ thông hơn. Kế tiếp qua nhiều triều đại văn hóa phát triển. Cuối thế kỷ 12, thiền sư Eisai Zenji (1141-1215) viết về việc uống trà tập sách tựa đề „Kissa-yojo-ki /Zen-Meister Eisai"... Thượng phụ Murato Shuko (1422-1502) biến chế trà xanh (Matcha) dùng trong các Tu Viện và các Hiệp sĩ đạo/Samurai. Đến đời sư phụ Sen-No Rikyu (1522-1591) được nâng lên một nghệ thuật, trở thành nghi thức uống trà (Tea ceremony/Chanoyu) khởi đầu tại Daitoku-Ji-Tempel.

Okakura Kakuzô/ (1863-1913) ở Yokohama là học giả Đông phương viết về trà „*The Book of Tea*“ năm 1906. Cho đến nay, tác phẩm này được in lại rất nhiều lần, qua nhiều ngoại ngữ

khác nhau. Thái Lan, Lào, Java ở Indonesia, Malaysia... nhưng mỗi quốc gia đều có phương pháp trồng trà riêng.

Trà nhập Âu Châu

Năm 1610 người Hòa Lan mang trà từ Trung Hoa về Âu Châu. Vua Ludwig XIV, Marquise de pompadour, và Goethe là những người uống trà xanh. Nữ hoàng Kathrina von Bragaza (1638-1705) con Vua Johanns IV Bồ Đào Nha (Portugal) cùng đoàn tùy tùng đến Anh Quốc làm lễ thành hôn năm 1665, dâng lễ vật quà cưới đến Vua Charle II (1660-1685) trong đó có nửa kilô trà. Chứng tỏ trà lúc đó rất quý đối với giới quý tộc Âu Châu.

Các quốc gia Ấn Độ, Tích Lan bị Anh quốc chiếm làm thuộc địa, các thương gia Anh độc quyền nhập trà năm 1657 về các cảng Cornwall, Dorset, Kent chở về cho 2000 đại lý ở London bán trà đen tại Âu Châu. Trà nhập Âu Châu bằng đường thủy, trong thời gian này những đoàn lữ hành, vượt sa mạc dùng lạc đà chuyên chở trà từ Trung Hoa, Ấn Độ đến bán cho Nga xô. Nhưng đến cuối thế kỷ 19 trà xanh tràn ngập thị trường Âu Châu, nhờ phương tiện lưu thông tiến bộ, thời gian chuyên chở làm cho trà xanh không mất phẩm chất..

Trà đến Mỹ Châu

Năm 1650 thương thuyền Hòa Lan nhập trà vào New York, thời ấy gọi là Amsterdam mới (New Amsterdam) và trên Đường Chatham có nguồn nước ngọt, vào buổi sáng người đàn ông rung chiếc chuông nhỏ rao bán nước „*come and get your tea-water!*“.. Năm 1773 ở Boston vì tranh cãi về thuế trà, bị phản đối một phần trà nhập cảng bị ném xuống biển... Các Tổng thống Hoa kỳ: Lincoln, Roosevelt, Hoover, Kennedy đều uống trà.

Nhà nhập cảng trà, Ông Sullivan tại New York, có sáng kiến bỏ trà vào túi nhỏ bằng lụa cho mỗi tách trà, quảng cáo gửi khách hàng uống thử. Từ sáng kiến đó ngày nay người ta biến chế trà trong túi nhỏ bằng giấy. Người Mỹ có thói quen uống trà xanh nhập cảng từ Trung

Hoa. Năm 1904 người Anh Richard Blechynden đến St. Louis trong hội chợ triển lãm về trà. Ông ta quảng cáo trà đen Ấn Độ vì thời tiết nóng, uống trà nóng ra mồ hôi khó chịu, ông bỏ nước đá vào ly trà, uống mùi vị thơm ngon và mát, từ đó mở đầu cho giai đoạn mới, uống trà với nước đá „ice tea“.

Trước đây trong các siêu thị Mỹ thì người ta thấy hầu như chỉ có trà Lipton được bày bán dưới dạng trà bao cho vào tách uống nóng, dạng bột để khuấy cho tan trong nước rồi cho nước đá vào uống lạnh. Nhưng đến nay thì có khá nhiều công ty có sản phẩm cạnh tranh như công ty sản xuất trà và các loại trà dược thảo có tên là *Celestial Seasonings*, chế biến trà xanh của Trung Hoa.

Càng ngày các loại trà dược thảo hiệu Celestial Seasonings càng nổi tiếng trên khắp thế giới. Trong số hàng trăm sản phẩm của hãng, loại bán chạy nhất là sản phẩm có tên là *Sleepy Time*. Uống buổi tối có nhãn hiệu con gấu trong giấc ngủ mùa đông. Hộp đựng loại trà có tên là „*Morning Thunder*“ là „*sấm chớp bình minh*“ uống buổi sáng in hình con bò mộng đang lao nhanh tới. Phân loại trà với tên „*Mandarin Orange Spice*“/Trà hương liệu cam dành cho nhà giàu đựng trong hộp in hình một cô gái Tàu.

Trên khắp thế giới trà được tiêu thụ nhiều vào hàng thứ nhì chỉ sau nước lã. Nhưng tại Hoa Kỳ trà vẫn đứng sau cà phê. Tuy nhiên với con số người uống trà tại nước Mỹ ngày càng gia tăng. Công ty Celestial Seasonings mua nguyên liệu thẳng từ các nông gia tại Hoa Kỳ và nhiều quốc gia khác trên thế giới, kể cả Trung Quốc, Ai Cập, Mexico, Argentina, Chi Lê, Guatemala, Đông Âu, Ma Rốc, Indonesia và Việt Nam.

Công ty Celestial

Seasonings đứng hàng nhì trong thị trường Mỹ chỉ sau công ty Lipton, và hiện nay tại Hoa Kỳ còn rất nhiều công ty khác đã và đang tính tiền vào thị trường, chẳng hạn như 1 công ty tại Hawaii chuyên về trà Mamaki, đang muốn mở rộng tầm hoạt động ra ngoài phạm vi tiểu bang. Trà Mamaki, 1 loại cây cỏ của địa phương Hawaii, được đem bán tại tiểu bang Washington. Riêng về công ty Celestial Seasonings tuy sinh sau đẻ muộn hơn không biết bao nhiêu hãng trà sen, trà sói, trà hoa lái... của Việt Nam

Sản xuất trà qua các giai đoạn căn bản, hái để lá héo, hấp nước hay sấy qua, đập hay chà phơi khô sàng lọc. Trà đen hay trà xanh cũng đều biến chế từ các loại trà cây có tên khoa học: *Camillia Sinensis* và *Camillia Assamica* Ngày nay các hãng trà trên thế giới hàng trăm loại khác nhau như Assam Mallty Fbop; Rooibos Vnilla; Roobos; chai; China Tì kuan Yin Monkey picked; Pu-Erh tea, Blendel tea; Earl grey tea; Lipton.....

Bạch trà, White Tea (vùng Pai Hao, Pai Mu Tan, Fujian) giống trà Flaum lá mịn màng hái nụ trà hấp, phơi khô, biến chế sấy nhiệt độ khác nhau, 1 kilo trà khô cần 30.000 nụ trà tươi. Bạch trà chứa nhiều antioxidant chống ung thư

Trà xanh (green tea) người Trung Hoa bỏ lá trà xanh *Lục Trà (luchà)* vào chảo gang nóng, rang sơ qua sau đó trộn bằng tay. Ngược lại người Nhật bỏ lá trà vào hấp nhanh khoảng một vài phút, hai phương pháp trên đều có mục đích khử các kháng độc tố, giữ cho trà có màu xanh, mùi thơm ngon, các vùng sản xuất trà xanh như Sencha, Chen Mee...

Trà đen (black tea) Người Trung Hoa biến chế trà đen cũng như Hồng Trà (hongchà) ủ lá trà lên men. Sấy ướp các hương vị như hoa lái... có mùi thơm. Người Nhật hấp nước, ủ lá



trà lên men, ướp... trước khi phơi khô, lá được cán hay chà nhỏ. Đóng hộp, hay gói loại giấy có thể giữ mùi thơm. Trong tiến trình ủ trà lên men tạo phản ứng hóa học khử được độc tố không mất lượng Coffein trong lá, giữ được mùi hương nhưng trà có màu đen nổi tiếng như ở Darjeeling, Ceylon ..

Trà Ô Long (Oolong) được sao chế dung hòa giữa trà đen và trà xanh lá ủ lên men màu đen, nhưng nước trà màu hơi ngả ngà trà Oolong vùng Tung Ding rất ngon.

Yogi Tea: biến chế với các loại rễ, vỏ, lá cây như quế (Zimt), gừng (Ingwe), lá tiêu (Pfeffer), nụ đinh hương (Nelken), đậu khấu. (Kardamon) chỉ uống vào buổi sáng làm cho người khỏe

Fencheltea: là loại trà dành cho Baby ở Đức, ngoài ra còn có thêm các loại trà biến chế thông dụng như Johanniskraut; Grüne Hafertee; Kamillentee; Rotbrusch Tee; Pfefferminze, Holundertee; Lindenblütentee...

Trà tươi, người bình dân Việt Nam thích uống trà tươi, trà nặn, lá trà già các loại lá cây vối, ôi...

Các quốc gia Âu Châu không thể trồng các giống trà từ Á Châu, nhập cảng trà và pha chế, họ nghiên cứu phát triển chế biến từ: hoa quả, lá thảo mộc có dược tính sao chế thành trà uống để trị bệnh. Tại Việt Nam cũng biến chế nhiều loại trà như: khô qua, trà sâm, Hà thủ ô...vv. Trà có mùi vị thơm ngon, do bí quyết của người biến chế, có thêm các mùi hương như các loại trà ướp: hoa lài, sen, cam, bưởi, quế vv... (không được dùng mùi hương hoá học để ướp trà), theo nguyên tắc „Prime quality Tea for you to enjoy“

Hái trà vào buổi sáng,

không khí ban mai tinh khiết hương của sương còn đọng trên cành lá, thì hương vị của trà thêm ngào ngạt bởi vì khí âm và khí dương hòa nhau thành sương là tinh anh của trời đất. Hái trà theo từng mùa khí hậu thay đổi trà có mùi vị phẩm chất khác nhau. „Flowery Orange Pekoe“ là loại nhất tuyệt hảo nụ trà vừa nở „Orange Pekoe“ loại nhì ra lá non, „Pekoe“ loại ba lá trà thứ 3.

Mùa xuân (first flush) loại trà nhất, Mùa hạ (secondflush) loại trà thứ nhì hái từ tháng 5 đến tháng 6. Mùa thu từ tháng 8 đến tháng 10 (Bread and Butter-tea-Regentee). Tuy nhiên tùy theo phong thổ, vùng nhiệt đới ở Himalaya hay các vùng đồi núi ở Trung Hoa độ cao có sương mù, không khí ẩm, trời mưa nhưng đất khô ráo không làm ướt gốc trà là yếu tố đặc biệt để trồng các giống trà.

Sự tích được nhắc đến tại Trung Hoa vùng núi cao, người ta nuôi đàn khỉ được huấn luyện mỗi sáng sớm, đàn khỉ trèo lên các cây trà trên núi cao, còn sương mai hái ngon trà non, đem về cho chủ biến chế thành trà thơm ngon và đắt tiền bán tại các tiệm trà có tên Hẩu Trà “trà khỉ/ monkey tea”. Theo truyền thuyết thời xưa người ta chọn các trinh nữ, trong những ngày tinh khiết hái trà mang trước ngực có hơi âm, nên gọi các trà ấy

là “trà Hoa nữ” hay Xỉ Nữ Trà. Theo truyền thuyết trong buổi tiệc người đầu bếp sắp sửa pha trà, thì khám phá ra tất cả trà lá quý hái trong chốn thâm sơn, đã bị con ngựa sút chuông ăn sạch. Để có trà, người đầu bếp liền giết ngựa mổ bao tử lấy lại trà,

pha cho Thái Hậu và các quan khách. Trà có hương vị đặc biệt thơm ngon, Từ Hy Thái Hậu Tz'e Hsi/ (1835-1908), khen ngợi và hỏi cách



Bình trà Chinese Yinxing đời Minh (1368-1644)

ché biến trà nên từ đó có tên Trăm Mã Trà, câu truyện kể trên cho thấy các hóa chất trong dịch vị của thú vật có khả năng thăng hoa hương vị của trà.

Nghệ thuật uống trà

Trên thế giới trà có thể uống hàng ngày, người Anh có câu tục ngữ “*any time is tea time*”. Năm 1840 nữ Công tước Bedford tổ chức uống trà buổi chiều “*Afternoontea*”, lúc 16 giờ uống trà của Ceylon hay Lap-Souchong ngày nay còn lại phong tục đó. Người Anh và các quốc gia thuộc địa của Anh quốc thường có thói quen uống trà với sữa hay đường. Ông Cecil Rhodes viết tại Cung điện Semore Place. Buổi sáng người phục vụ thường hỏi “*Ông muốn uống trà Tàu, Ấn Độ hay Ceylon*”. Nếu trả lời dùng trà Ấn thì có câu hỏi kế tiếp “*với chanh, sữa hay bơ*” ở Anh Quốc cũng thường nói “*you enjoy tea and take it easy*”.

Người Nhật đã uống trà thường ngoạn như một truyền thống, là nghệ thuật cao quý gọi là “*trà đạo*”. Uống trà với chén, bình trà bằng sứ, gáo múc nước phải bằng tre (Chashaku) phong cảnh uống trà phải thiên nhiên trầm mặc với bốn chữ: Hòa (Wa), Kính (Kei), Thanh (Sei), Tịch (Jaku). Trà xanh “O-cha” loại Bancha cần nước nóng đun sôi khoảng 80 độ C, trà echa/Gyohuro dùng nước sôi khoảng 60 độ. Ngoài ra còn biến chế các loại trà xanh thành trà bột (Matcha) và các loại trà uống để chữa bệnh. Tại Kyoto có nhiều vườn trà vang bóng của thời đại Momayama (1568-1600) và các nơi trà đạo hấp dẫn, nhưng uống trà theo truyền thống quý gọi (seiza) ngồi trên hai bắp chân! Nhật biến chế trà đen “Kô-cha”. tùy theo mỗi nhà sản xuất, phẩm chất khác nhau nên giá tiền chênh lệch.

Du khách đến Tích Lan, thường mỗi sáng theo phong tục nữ phục vụ xuất thân người từ miền Nam đảo Tích Lan, mặc y phục trắng mang trà đến mời “*your morning tea Sahib*”. Người Nga không những uống rượu Wodka, họ cũng biết thưởng lãm nghệ thuật uống trà. Năm 1638 Hoàng gia Mông Cổ tặng Nga 200 gói trà

thơm ngon. Họ dùng nồi nấu trà (Samowar) đốt bằng than (hay điện). Phần thân bình chứa nước, trên nắp để bình trà nhỏ, bỏ trà chế nước sôi, độ sôi của nồi nước bốc hơi làm nóng bình trà. Khi uống pha trà ở bình trên với một phần nước sôi. Loại bình Samowar người Thổ Nhĩ Kỳ cũng dùng để nấu trà đen. Du khách đến Thổ vào các siêu thị, hay cây xăng đều được mời ly trà nhỏ bên cạnh cục đường và cái muỗng nhỏ.

Các loại bình trà bằng sứ được làm qua nhiều thời kỳ khác nhau. Hơn 2000 năm trước Thiên Chúa, tại Trung Hoa có loại sứ Yih-Sing làm bằng đất sét vàng. Mãi cho đến triều đại nhà Tống/Song (960-1279) nghệ thuật thủ công nghệ làm những bình sứ màu trắng, chén, đĩa trà tinh xảo hơn.

Các quốc gia Nhật và Đại Hàn, cũng làm các loại chén bình bằng sứ trong thời gian trên với người Trung Hoa.(các loại bình, chén, đĩa sứ này còn lại trong các bảo tàng viện). Tại Đức năm (1730-1750) các vùng Bayreuth và Ansbach có các lò biến chế chén, tách trà bằng thủy tinh, bạc hoặc sứ. (Munich có lò đồ sứ nhưng chỉ làm ly uống Beer lớn có tay cầm)

Trà với thi nhân mặc khách.

Ông De Quincey bảo “*trà luôn luôn là ẩm phẩm của hạng trí thức*” Người Trung Hoa quan niệm “*trà là bạn của ẩn sĩ thanh cao*”. Người Việt Nam cũng có nghệ thuật uống trà như người Trung Hoa. Giới trưởng giả dùng bộ trà trên khay hình chữ nhật hay hình vuông có chân quỳ, khắc khắc ốc xa cù. Chén Quân, chén Tống, bình pha trà cổ các loại độc ẩm, song ẩm và ẩm quàn, của các nhà sản xuất: Thế Đức, Lưu Bội, Mạnh Thần.

Pha trà phải chọn nước, để trà tăng thêm hương vị, nước suối thì tuyệt vời, nước giếng lấy từ mạch nước thiên nhiên, bếp lửa phải bằng than nhẹ lửa, nước sôi sủi mắt cua, (khoảng 80 độ), tráng bình trà qua một lần nước nóng, đổ ra trước khi bỏ trà vào châm nước, (phải đổ ngay lần nước đầu tiên gọi là rửa trà). Nước máy có

nhieu voi can phai loc qua de nau tra khong mat muoi vi thom ngon. Cach pha tra cua nguoi Viet va nguoi Trung Hoa, khong bien thanh qui tac nghiem tuc nhu o Nhat.

Uong ruou can nhieu nguoi cho nao nhiet. Uong tra la nghet thuat trong trâm lạng, tra co tinh cach dua nguoi uong vao the gioi mact tuong, boi the nen uong tra luc tinh than sang khoai, canh vat yen tinh, can nguoi van nha biet cai thu uong tra, bo moi ban rộn đời sống bon chen, uong từng chén nhỏ, gọi là “*ấm si*”. Nếu người uong chén to, uong một hơi làm sao biết hương vị của trà nên bị gọi là “*nguru ấm*”. Uong tra cũng như pha trà đều cần một nghệ thuật cao. Người Tây phương họ sành điệu về uong ruou, beer, cafe. Ngày nay họ cũng nghiên cứu nghệ thuật uong trà.

Thời vua chúa mỗi buổi sáng các cung nữ thường lấy nước sương còn đọng lại trên lá sen về cung pha trà. Hoặc bơi xuồng trên các hồ sen (ở Huế nhiều hồ sen) bỏ trà vào các búp sen sắp nở lượng trà hảo hạng, trà hấp thụ mùi thơm của sen dưới sương đêm. Sáng hôm sau vạch cánh hoa lấy trà bỏ vào hũ đậy kín không mất mùi hương đó là loại trà sen tuyệt hảo nhất.

Tô Đông Pha (1037-1101) ví trà với mỹ nhân, nhưng Điền Nghệ Hằng lại quan niệm “*uống trà để quên cái huyền não phồn hoa, trà không phải để cho hạng ăn cao lương bận lượt là thưởng thức*”.

Lê Quý Đôn (1726-1784) quan niệm về nghệ thuật uong trà “*Một chén lòng sạch bong, hai chén lòng phơi phơi, đến chén thứ bảy thì dưới hai cánh tay như có cánh thổi lên làn gió mơ màng.*”

*Bán dạ tam bôi tửu
Bình minh số trâm trà
Mỗi nhật cứ như thử
Lương y bất đảo gia*

dịch là

*Nửa khuya ba chén ruou
Tinh sương vài chén trà
Ngày nào đều như vậy
Lương y chẳng lại nhà*

Các cụ với kinh nghiệm sống dùng trà để trị bị bệnh. Ngày nay Trung tâm nghiên cứu về bệnh ung thư “*Deutsche Krebsforschungszentrum in Heilberg*” cũng như Đại Học Kasas “*University of Kasas city*” phân tích trà xanh có các chất “Epigallocatechin -3- Gallat viết tắt là EGCG chứa nhiều Vitamin E và C, ngăn được sự viêm cứng mạch máu, giảm lượng mỡ trong máu vv.. Bác sĩ Jin-Rong Zhou, Đại học Harvard, người đứng đầu nhóm nghiên cứu cho biết, ý tưởng này xuất phát từ thực tế là ở Trung Quốc, tỷ lệ người bị ung thư tuyến tiền liệt rất thấp, trà và đậu nành, vốn được coi là có thể giúp ngăn ngừa ung thư. Nối tiếp theo cuộc nghiên cứu trước đây cho thấy trà xanh giúp ngăn chặn bệnh ung thư tử cung, các nhà nghiên cứu thuộc đại học Kỹ thuật Curtin ở Perth đã khảo sát 254 phụ nữ người Hoa đang mắc bệnh này. Cuộc nghiên cứu do Giáo sư Andy Lee, Giáo sư Colin Binns và Tiến sĩ Min Zhang thuộc khoa Y tế của đại học này thực hiện, đề nghị là nên uống ít nhất mỗi ngày một tách trà như là được liệu tốt để ngăn chặn các tế bào ung thư. Đại học Wisconsin, Madison (Mỹ), cho biết trà xanh có chứa hóa chất polyphenol có thể ngăn chặn sự di căn của tế bào ung thư tiền liệt tuyến.

Thử nghiệm được tiến hành trên những con chuột biến đổi gene mang bệnh ung thư tuyến tiền liệt. Tất cả đều được cho ăn có protein, carbohydrate, vitamin và muối khoáng, kèm uống trà (tương đương 6-8 ly/ngày ở người). Một số con được ăn đậu nành hằng ngày (tương đương 250mg đối với người). Kết quả cho thấy, nếu dùng riêng rẽ, đậu nành và trà làm giảm tốc độ phát triển của khối u và giảm kích thước của nó khi lớn lên. Nếu dùng kết hợp, các thực phẩm này sự phát triển của khối u và ngăn ngừa sự lan truyền của bệnh tới các hạch bạch huyết lân cận, đi đến kết luận: Trà và đậu nành đều có tác dụng ngăn ung thư. Đại học Y Khoa Wisconsin cho biết kết quả trà xanh chữa được bệnh Prostata.

Uống trà để tiêu khiển, hưởng nhàn thường nhật, và dùng trong việc ngoại giao, tế lễ, cúng

tổ tiên, cúng Phật. Tập tục uống trà đã ăn sâu vào sinh hoạt, các văn nhân mặc khách thời xưa đã ca tụng thú uống trà. Viên Chiêu thiền sư đời Lý Nhân Tông

Tặng quân thiên lý viễn

Tiền bả nhất bình trà

dịch:

Tiền chân ai bước đường xa

Miệng cười đưa một bình trà tặng nhau

Tiền anh vạn dặm đường xa

Ta xin rót một bình trà tặng anh

Các làng quê miền Trung Việt Nam cũng trồng trà, hái trà non hai lá, và nụ trà để biến chế dành cho ngày tết. Các khu vườn ngoài diện tích sử dụng sinh hoạt, còn lại trồng cau, trái cây cam quýt, và những cây trà cao ngang tầm người. Người miền Trung thường gọi cây trà là cây chè, lá dày lớn màu xanh đậm và láng, trở bông màu trắng 5 cánh, đường kính khoảng 10cm, nhụy vàng thơm nhẹ. Đọc theo các đường láng, thị trấn miền Trung thường có quán bán nước chè xanh, trong căn lều tranh nhỏ, cái nồi đất nấu trà tươi bốc mùi thơm ngon, trưa hè hay chiều thu, ghé quán uống bát chè xanh múc bằng chiếc gáo dừa, trà xanh sóng sánh như nắng vàng với thoáng hương thơm. Nâng chiếc bát bằng sứ uống từng hợp nhỏ, trà sẽ làm dịu cơn khát và có cảm giác thú vị ngọt ngào. Trà là hình ảnh quen thuộc như cây đa đầu làng, con đò bên sông, trà không thể thiếu trong sinh hoạt, dù đời sống văn minh có những quán giải khát bán cola, nước ngọt với nước đá. Nhưng không thể quên được quán chè xanh bên đường. Trà trở thành nếp sống văn hóa, đã đi vào lòng dân tộc. Các cụ uống trà và ngâm mấy câu thơ:

Làm trai biết đánh tô tôm

Uống trà Liên tử ngâm nôm Thúy Kiều

Bài thơ gọi trà của nhà cách mạng Phan Bội Châu (1867-1940) chủ tịch danh dự của Việt Nam Quốc Dân Đảng, buồn cho vận nước. Để thức tỉnh

hồn thiêng sông núi, trong thời kỳ chống thực dân Pháp dày xéo quê hương:

Trà ơi! Còn nước là vinh hạnh

Cháy lười khô môi thăm những ai!

Đại văn hào Nguyễn Du (1765-1820) thường thức trà với tâm sự

Khi hương sớm lúc trà trưa

Bàn lan điểm nước đường tơ họa đàn

Thi nhân Bạch Cư Dị uống trà để cảm thương cho số phận người kỹ nữ,

Khách trọng lợi, kinh đường ly cách

buôn trà sớm téch ngàn khơi

Thuyền không đậu bến mặc ai

quanh thuyền trăng dãi, nước trôi lạnh lùng

Phan Huy Thực dịch

Nồi cơm nấu dờ bát nước chè xanh

Ngồi vui kể chuyện tâm tình bên nhau

Hoàng Trung Thông

Dùng chân bên quán nước, người lính trẻ Quang Dũng uống bát trà xanh nóng làm vui cơn khát, dịu bớt nhọc nhằn. Tiếp tục hành trang lên đường, nhưng lại vương đọng bóng giai nhân

Tiền nước trà em rồi nắng gắt

Đường xa choáng vầng núi và mây

Hồn lính vẫn vương vài sợi tóc

Tôi thương mà em đâu có hay

Quang Dũng

Nguyễn Sa nói về định mệnh, những oan nghiệt cuộc đời tục lụy. Chiều chiều bên bình trà nhỏ, uống để nhớ lại cố hương, nhưng thời gian đi mãi có đợi ai bao giờ!

Chất xám trong não bộ lên men

Trán nhăn dẫm bầy, nếp kinh thiên

Thượng Đế trên cao, chiều độc ẩm

Mạt lộ, ta ngồi chỗ hạ phiên

Nguyễn Khuyển (1835-1909) cuộc đời nhàn hạ vui với gió trăng:

*Khi vườn sau khi sân trước
Khi điếu thuốc, khi miếng trà
Khi trà chuyên năm ba chén
hi Kiều lấy một đôi câu
Nguyễn Khuyển*

Xuân về trong ba ngày tết, nâng tách trà
nhớ lại xuân xưa, bên quê nhà với nhiều kỷ
niệm, dĩ vãng mãi mãi còn ngân vang trong
lòng người viễn xứ, uống trà đàm đạo để sống
lại với hồn quê hương sông núi .

NGUYỄN QUÝ ĐẠI
(Germany)

Tài liệu tham khảo

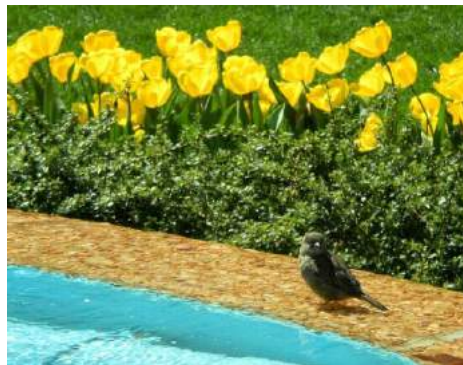
Gruener Tee tác giả Jean Puetz & Monika Kirschner
Das hobby thek buch
Geheimnis Japan tác giả (Shuichi Kato)
Sir Lanka tác giả (Polylott)
The importance of living (Lin Yutang) Lâm
Ngữ Đường
Zen in der kunst des Tee – Weg tác giả Horst
Hammitzsch
Hình trên Internet

1. *Văn Thánh* Khổng Tử Khổng Phu Tử (thời Xuân Thu);
2. *Bình Thánh* Tôn Vũ , (quân sự thời Xuân Thu);
3. *Sử Thánh* Tư Mã Thiên (nhà sử học thời Tây Hán);
4. *Y Thánh* Trương Trọng Cảnh (lang y thời Đông Hán);
5. *Võ Thánh* Quan Vũ Quan công (tướng thời Đông Hán-Tam Quốc);
6. *Thư Thánh* Vương Hi Chi Wang Xizhi (nhà thư pháp thời Đông Tấn);
7. *Họa Thánh* Ngô Đạo Tử (họa sĩ thời Đường);
8. *Thi Thánh* Đỗ Phủ (nhà thơ thời Đường);
9. *Trà Thánh* Lục Vũ Yu Lu Thánh trà (nhân vật thời Đường);
10. *Tiểu Thánh* Đỗ Khang tương truyền là người phát minh ra cách nấu rượu thời Chu).
(Mười vị Thánh của Trung Hoa)

**CE N'EST PAS MOI
QUI CHANTE...**

Ce n'est pas moi qui chante
c'est les fleurs que j'ai vues
ce n'est pas moi qui rit
c'est le vin que j'ai bu
ce n'est pas moi qui pleure
c'est mon amour perdu.

JACQUES PRÉVERT



KHÔNG PHẢI ANH HÁT...

Anh đâu cất tiếng ca vang
Chính hoa anh thấy rộn ràng hát vui
Anh đâu thốt tiếng reo cười
Chính men rượu chát cất lời hoan ca
Anh đâu than khóc xót xa
Chính cuộc tình mất chan hòa lệ rơi.

Tâm Minh Ngô Tằng Giao
chuyển ngữ

HOA VÀ XUÂN

Thơ : Phan Khâm

Nhạc : Vĩnh Điện

Nhịp vừa (nhiệt tình, thấm thiết)

Đón xuân mai hẹn cùng đào, em hoa biết
nói ngọt ngào ý xuân. Em hoa tươi thắm hương trời giai
nhân, tôi đang mê đắm đạt dào băng khuâng. Em tha thuật tuyệt
vời, tôi cô lữ bên trời. Xuân theo con tạo vùn
xoay, nghìn con bướm trắng ngắt ngày về trần. Tôi xin ngọn sóng hồng ân dâng
trần, tôi nghe hơi ấm mây ngàn dang trời. Tôi nghe em gọi mời tình lên
ngôi. Bao nhiêu xuân cũng qua một đời, bao nhiêu hoa chỉ có một thời. Còn
gi đọng lại trong tôi, chút tình xuân tôi ghé mỗi cùng hoa. Còn
gi ở lại quanh ta, hương lòng hoa đó mạn má tình xuân...

MÈO TRONG TRANH FOUJITA

ĐÌNH CƯỜNG

Mỗi họa sĩ hình như có duyên với một loài vật mình yêu thích, và cứ thỉnh thoảng lại thấy xuất hiện trên tranh đến một lúc thành như dấu ấn. Những bộ cục người và ngựa của Delacroix, cùng rất nhiều họa sĩ Đông-Tây vẽ, nhưng sao ta cứ nhớ đến nét vẽ thần tình một con ngựa hoang cột nơi trụ cây của Hàn Cán, hay nét bút lông vung mạnh của Hokusai. Vẽ tôm, cua thì nhớ đến Tề Bạch Thạch. Ở Picasso là chim câu hòa bình và những biểu tượng của con tô-rô hung hãn. Mèo của Picasso ngoạm chim với móng vuốt dữ tợn, trái với tượng đồng mèo dài ngoằn thơ mộng của Giacometti... Chagall với dê và hoa. Matisse với những con cá đỏ trong rất nhiều tĩnh vật. Những con bò cái dưới nét vẽ nguệch ngoạc của Dubuffet, cũng như với Henri Rousseau là con sư tử trong "*Người Du Mục Ngủ*" man dại, đầy mộng mị...



Mèo của Fougita

Và khi nhắc đến mèo lại khiến ta nghĩ ngay đến Fougita, một họa sĩ Nhật nổi tiếng trong hội họa hiện đại (sinh năm 1886 tại Tokyo, mất năm 1968 tại Zurich). Lúc còn là một cậu học trò 14 tuổi, những bức vẽ đầu tay của Fougita đã được chọn gửi sang dự cuộc đấu xảo ở Paris.



Mèo của Matisse



Mèo của Picasso

Lên trung học, Fougita ôm mộng sang Paris cho bằng được, tìm tòi học tiếng Pháp, trong khi chờ đợi, ông vào học ở Viện Mỹ Thuật Hoàng Gia Tokyo, Fougita sớm có những thành công : được Nhật Hoàng mua một bức tranh và được tuyển chọn vẽ chân dung cho Quốc Vương Triều Tiên. Năm 27 tuổi, theo tiếng gọi phương Tây, ông đến Paris và "ngã" ngay vào giữa khu Montparnasse, phố Odessa. Thời điểm của các họa sĩ "tứ chiếng" kéo về làm sống dậy xóm Montmartre : những Van Dongen, Picasso, Derain, Kisling, Zadkine, Soutine, Utrillo, Modigliani, Terlikowski... Cả những nhà thơ như Max Jacob, Apollinaire... cùng những người mẫu xinh đẹp ở quán La Rotonde, mà ông cù

Libian chủ quán đã cho các chàng trai nghệ sĩ ăn và uống chịu bằng cách vẽ tranh lên các khung cửa, lên các vách tường.



Fougjita đang vẽ mèo

Chân ướt chân ráo đến đây, Fougjita chỉ làm việc kẻ vẽ nhà hoặc ngồi làm mẫu cho người ta vẽ mình. "Tôi đã làm mẫu cho họa sĩ Terlikowski người Nga. Lão này gần như điên cuồng, đêm nào cũng ngủ trong một chiếc quan tài. Terlikowski cuồng vẽ những sự vĩ đại, và bao giờ cũng biên tập bằng bút chì than ở phía trái bức tranh những giá tiền khổng lồ : 20.000 hay 50.000 quan. Khi một nhà chơi tranh mặc cả giá tranh thì lão lấy tay áo quệt một cái, xóa dần con số 0 này đến con số 0 khác. Thành ra bức tranh hạ giá từ 50.000 xuống 5.000, rồi 500, và xuống tới 50 quan là giá chốt. Lão truyền thần tôi rồi bán cho nhà chocolat Menier, vì chủ hiệu ấy chơi tranh. Lão bán tới giá 2.500 quan, giá ấy đắt lắm thời bấy giờ. Nhưng tôi, tôi chỉ được lĩnh 5 quan mỗi buổi ngồi làm mẫu, và khi tranh bán đi, được thưởng thêm một cốc sâm banh" (Fougjita, bút ký về Montparnasse).

Người bạn đầu tiên Fougjita làm quen được ở đó là Van Dogen sau buổi khai mạc "Phòng Triển Lãm Mùa Thu", và sau đó, một họa sĩ Tây Ban Nha Ortiz de Zorate đưa Fougjita đến gặp Picasso tại một xưởng vẽ tối tân, lớn và đẹp, cạnh nghĩa trang Montparnasse. Sau khi ở xưởng

họa Picasso về, Fougjita đã dầm bẹp nát hộp màu nước cũ của mình và nhất định từ bỏ cái nghề nghiêm trang và tỉ mỉ. Năm 1917, Fougjita triển lãm họa phẩm lần đầu tiên trước công chúng Pháp tại nhà Chéron. Picasso rất chịu, các nhà phê bình thì viết : "Chẳng bao lâu các tranh của Fougjita sẽ được treo bên cạnh tranh của Matisse tại các nhà chơi tranh". Từ đó trở đi, Fougjita đã trở thành một khuôn mặt hoang đường của xóm Montmartre và là một nhân vật "quốc tế". Ông đã qua Anh, Bỉ, Hòa Lan, Thụy Sĩ, Ý, Đức, và Phi Châu. Ông đã ở lại Phi Châu vẽ một thời gian trước Đệ Nhị Thế Chiến.

Năm 1939 trở lại Nhật, và năm 1941, Hội Giao lưu Văn hóa Quốc tế (*Kokusai Bunka Shinkokai, L'association des Échanges Culturels Internationales du Japon*) và Viện Mỹ Thuật Hoàng Gia Nhật Bản (*L'Académie Impériale des Beaux-arts*) tổ chức hai cuộc triển lãm tiếp nối nhau tại Hà Nội¹, Fougjita đã có trách nhiệm sang Việt Nam cùng một nhóm họa sĩ cách tân của Nhật (trong số đó có họa sĩ Sekiguchi²). Tại Hà Nội, ông đã gặp lại người bạn xưa đã từng quen biết ở Paris vào năm 1925, họa sĩ Nam Sơn (Nguyễn văn Thọ, 1890-1973), một trong những họa sĩ đầu tiên của Việt Nam ở trường Mỹ Thuật Quốc Gia Pháp, và là đồng sáng lập trường Mỹ Thuật Đông Dương với Victor Tardieu, (thành lập năm 1925 tại Hà Nội)³. Tại cuộc triển lãm này, Fougjita đã chứng

¹ Lần đầu triển lãm tranh lụa và tranh khắc gỗ thuyên thống Nhật Bản, lần hai là triển lãm các tác phẩm hiện đại bằng chất liệu sơn dầu.

² Là họa sĩ sau này có minh họa truyện Kiều, NXB Văn Học 1951, có 6 phụ bản của Phạm Thúc Chương, Vũ Cao Đàm, Lê Thị Lựu, Lê Phổ, Sekiguchi, Mai Trung Thứ.

³ Nam Sơn được gửi sang học tại Trường Mỹ Thuật Quốc Gia Paris năm 1925. Tại đây, ông đã kết bạn với hai họa sĩ Á-châu sau này tên tuổi lẫy lừng, là Fougjita (nổi tiếng về tranh

tỏ là một họa sĩ bậc thầy, lấy được lòng tin của giới mỹ thuật Việt Nam lúc bấy giờ. Không còn gì thú vị và chính xác hơn là nhìn tận mắt tác phẩm, họa sĩ Tô Ngọc Vân trong bài "*Phê Bình Nghệ Thuật Vẽ Sơn Của Họa Sĩ Nhật*" đăng trong báo Trung Bắc Chủ Nhật số 90 ra ngày 7.12.1941 đã viết : "*Cách đây một tháng, trên tờ báo này, chúng tôi tỏ ý ao ước được xem tranh dầu của hội họa Nhật và được nhìn gần tác phẩm sơn dầu của Foujita. Sự mơ ước hôm nay đã thành sự thật, không làm thất vọng như nhiều sự thật khác chỉ tốt đẹp trong óc tưởng tượng của người ta... Nói cho gọn, chúng ta thấy toàn bộ tác phẩm phân hai phái sơn dầu cũ và mới. Ngoài hai phái, Foujita biệt lập. Họa phẩm "ba con mèo" của Foujita không còn trộn lẫn vào đâu được. Người ta thoáng nhìn đã thấy Foujita rồi, với vẻ phân tách cao quý và đơn giản mà người ta thấy tương đương ở tất cả các tác phẩm khác. Foujita trên nền vải trắng toát, Foujita trong nét sơn dầu đưa bằng bút Nhật, Foujita ở màu đều đều như tranh một màu, Foujita ở chỗ dùng sơn dầu vẽ lên nền vải như dùng mực tàu vẽ vào giấy hay lụa theo lối Nhật, nhưng có những tính cách đáng yêu, những sự nhu cầu của một óc sáng tạo tiên tiến..."*

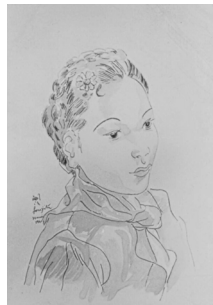


Catalogue Triễn Lãm Hà-Nội, 1941

mèo), và Từ Bi Hồng (Xu Bei-Hong, 1895-1956, nổi tiếng về tranh ngựa).

Những ngày tháng ở Hà Nội, Foujita (và Sekiguchi) mỗi buổi chiều đều đến xưởng họa của Nam Sơn ở 68 Nguyễn Du để vẽ, và nhờ Nam Sơn tìm dùm người mẫu. Tại đây, Foujita đã thực hiện các bức *Thiếu nữ Hà Nội, Vườn hoa văn phòng quân đội Nhật tại Indochine, Con đê Hà Nội, Ngõ nhà cũ ở Hannam...*

Năm 1943, hội *Kokusai Bunka Shinkokai* đã mời họa sĩ Việt Nam sang Nhật triển lãm, Nam Sơn đại diện, cùng đi có hai họa sĩ Lương Xuân Nhị và Nguyễn Văn Ty, phái đoàn họa sĩ Việt Nam đã được Foujita và Sekiguchi đón tiếp và giới thiệu với nhiều họa sĩ Nhật.



**Thiếu nữ Hà Nội
1941**



**Chân dung
Nam Sơn, 1941**



N.V.Ty - L.X.Nhị - Nam Sơn - Foujita
Mèo là một đề tài đặc biệt của Foujita, cũng như những khuôn mặt em bé, những thiếu nữ khoáng thân. Ngoài sử dụng cây cọ vũng vàng và khéo léo, ta luôn bắt gặp sự tinh tế ở nét (*trait*)



Ký họa của Nam Sơn tại Nhật Bản, 1943

bởi trước đó, phải nói ông là một nhà đồ họa xuất sắc. Dù có đi gần với trường phái hội họa Paris, ông vẫn giữ được một bản ngã rõ rệt, rất tinh vi, rất Nhật của ông. Họa sĩ Lê Phổ đã triển lãm chung với Foujita nhiều lần tại Lyon, Avignon, Nice và Bordeaux những năm 1957, 1958.

"Tay ấy phi thường (c'est un tipe formidable). Đó là một họa sĩ Nhật Bản duy nhất mà tôi gặp và thích. Foujita có những nét kỳ diệu để vẽ dessin và portrait. Từ lúc tôi đến Âu Châu, chưa thấy người nào vẽ hay hơn Foujita..."

(Thụy Khuê - *Nói chuyện với họa sĩ Lê Phổ* - Hợp Lưu số 10, tháng 4 và 5.1993)

Trong "*Chân dung tự họa*" (1928, Viện Bảo Tàng Mỹ Thuật Hiện Đại, trung tâm Georges Pompidou, Paris), Foujita ôm con mèo cưng, là một bức tranh đầy thi vị, đầy tinh thương yêu trì mến giữa người và vật. Ông đã sử dụng một bút pháp thật siêu thoát của một nhà hiện thực hóm hình tỉ mỉ (*un réalisme spirituellement minutieux*). Trong "*Khỏa thân nằm với con mèo*" (sơn dầu trên bố, 1923, Viện bảo tàng Mỹ Thuật Hiroshima) là một bố cục đường chéo rất thông minh, bút pháp độc đáo, kết hợp đồ họa Nhật Bản cổ truyền với trường



Chân dung tự họa - Portrait de l'artiste, 1928, Paris, Centre Pompidou



Chân dung tự họa, 1926

phái hội họa hiện thực châu Âu. Ta vẫn bắt gặp ở đó sự chính xác và tinh tế của nét và mảng, cũng như sự tỉ mỉ ở những nếp nhăn, và nhất là đốm mèo đen gây được sự chú ý đặc biệt - một điểm son (*point riche*) của tranh. Con mèo kéo màu fond xuống thật duyên dáng và chắc, làm giàu thêm cho tranh, bớt lạnh cho người ngắm... Nhiều bản vẽ khác về mèo bằng bút mực nho, phốt màu nhẹ của Foujita đều rất tinh anh, lột tả được nhiều vẻ đẹp, thông minh của mèo.



Chân dung tự họa, 1927



Khỏa thân và mèo - 1937

Vẽ một con vật trong tranh, một họa sĩ xoàng dù vẽ con hổ, con beo tí mĩ, soi mói từng cái lông, từng vết vằn nhỏ trên mình con thú, trông dữ thì có dữ thật nhưng không làm ai sợ... vì con vật hình như chết rồi. Trái lại, chỉ vẽ mèo, Fougère đã làm cho ta phải kính nể, ở sự biểu lộ bằng nghệ thuật rất đạt mới nuôi được những con mèo vốn rất gần gũi triu mến bên chúng ta, sống trong tác phẩm. Fougère người họa sĩ tài danh nổi tiếng vẽ mèo, một con vật thật đáng yêu như trong bài thơ của Apollinaire - thi sĩ thơ mộng vốn rất gần bó với các họa sĩ cùng thời với Fougère ở xóm Montmartre :

Le chat

Je souhaite dans ma maison :

Une femme ayant sa raison,

Un chat passant parmi les livres,

Des amis en toute saison

Sans lesquels je ne peux pas vivre.

(trong Bestiaire)

tạm dịch :

Con miêu

Ao ước nhà mình ở :

Có bà nội trợ không thất thường,

Có con miêu trèo đi trên sách vở,

Có bạn bè quanh năm

Thiếu những món ấy thật khó thể sống

Bạn bè quanh năm, lại nhớ Trịnh Công Sơn, người nhạc sĩ tài hoa của chúng ta, cũng tuổi con mèo, mới đó mà đã mười năm khuất mặt. Hạt bụi nào



hoá kiếp ? Bây giờ rừng cây đã trụi lá, mùa đông đến, viết về mèo nhân xuân Tân Mão, tôi bỗng thương tiếc biết chừng nào, con mèo bị chột một con mắt rất thương yêu của chúng tôi, đã phải để lại trên căn gác ngôi nhà ở Tân Định khi ra đi, và cũng mới đó mà đã hơn hai mươi năm lưu lạc...

Virginia, 12-2010

ĐINH CƯỜNG





Mèo trong tranh Foujita

SƠ LƯỢC TIỂU SỬ CỦA FOUJITA

Foujita tên đầy đủ là Tsuguharu Foujita, thời gian sau thêm tên Thánh Léonard Tsuguharu Foujita. Sinh ngày 27 tháng 11 năm 1886 tại Tokyo, trong một thành phố nhỏ tên Omagari, cạnh bờ sông Edogawa. Cha là Tsuguakira Foujita, sĩ quan cấp tướng thuộc quân đội Hoàng Gia Nhật. Mẹ là Masa, mất năm 1891 lúc Foujita mới 5 tuổi. Foujita là con trai út, còn hai người chị và người anh trai.

Năm 1904 theo học tại xưởng họa của Honda Kinkichiro, để năm sau, 1905 thi đậu vào trường Mỹ Thuật Tokyo, hướng dẫn bởi giáo sư Seiki Kuroda, tốt nghiệp từ trường Mỹ thuật Quốc Gia Paris về.

Năm 1913, 27 tuổi, đi tàu thủy 49 ngày đêm từ Nhật cập bến Marseille rồi đi xe lửa đến gare Lyon, Paris, ngụ tại khu Monparnasse, thường ngồi ở café Le Dôme và La Rotonde. Gặp Picasso, rồi Chagall, Soutine, Modigliani... Năm 1917 cưới vợ là nữ họa sĩ Fernande Barrey. Triển lãm lần đầu tiên tại galerie Chéron. 1924 ly dị Fernande, cưới Youki. 1931, chia tay Youki, cưới Madeleine Lequeux, vũ nữ và người mẫu tại Casino de Paris, cùng Madeleine du lịch hai năm tại Châu Mỹ La

Tinh. 1936, Madeleine mất tại Tokyo, gặp và cưới người vợ Nhật cuối cùng: Kimiyo Horiuchi.

1941, cha mất, Foujita được phong hội viên Hàn lâm viện Mỹ thuật hoàng gia và được cử đi các nước Đông Dương như một tùy viên văn hoá của Nhật. Dự và bày tranh chung tại Hà Nội.

Năm 1949 rời Nhật qua Mỹ, dạy tại Brooklyn Art School. Triển lãm một mình tại New York. Năm sau quay lại Paris sống tại Montparnasse, trở thành quốc tịch Pháp năm 1954.

Những năm cuối đời, Foujita vô cùng sùng đạo Thiên Chúa, triển lãm tranh Thánh tại Trieste, ở Ý và được huy chương vàng. Vẽ tranh tường lớn, trang trí tranh kính và làm maquette xây nhà thờ Notre-Dame-de-la-paix tại Reims, còn gọi là "Nhà thờ Bảo tàng Foujita" (Musée-chapelle Foujita Notre-Dame de la Paix, 33 rue du Champ de Mars, 51100 Reims, Tel : 03 26 40 06 96). Thời gian này vợ chồng Foujita về ở tại một ngôi nhà vùng quê Villiers-le-Bâcle, thuộc tỉnh Essone nước Pháp. Nơi này, bắt đầu năm 2.000 trở thành di tích: Nhà -xưởng vẽ Foujita, 7 Route de Gif, 91190, Villiers-le-Bâcle. Công chúng viếng thăm, liên lạc điện thoại 01 69 85 34 65 www.essone.fr

Tháng 12 năm 1966, Foujita phải nhập viện vì bệnh ung thư. 1968 mất tại bệnh viện Zurich lúc 1:15 pm ngày 29 tháng Giêng, thọ 82 tuổi. Tang lễ được cử hành tại Thánh đường Reims, và chôn tại nghĩa trang Villiers-le-Bâcle.

Đọc qua các sách :

- **Foujita**, Jean Selz
Crown Publisher, Inc. New York, 1981.
- **Foujita**, Sylvie Buisson,
ACR Éditions, Paris 2001
- **Foujita inédits , À l'encre rouge, Archives artistiques, Fondation Nichido**, Sylvie Buisson, ADAGP, Paris 2007
- **Foujita, le maître du trait**
Editions Philippe Picquier, 2008
- **Paris Montparnasse**, Valérie Bougault
Editions Pierre Terrail, Paris 1997

Khúc hát ly hương

Thanh Trang

Chậm vừa

Xa đồng lúa quê hương Xa bến sông gợn
sông Người ra đi viễn phương
Theo nhau tìm đất sông! Bao người đi không
đến! Lắm người đi không về!
Quê nhà hay đất mới Về trong giấc hôn
mê! Bến lạ ai trông chờ?
Đất nào cho nương nhờ? Trời, nước, mây hững
hờ Người, hồn xác bơ vơ!
Trôi dạt đến nơi đâu? Trên sóng cao biển
sâu! Người xa mong nhớ nhau

Bao đêm ngày có thâu ? Xót xa đời ly hương !
 Người đi tìm lẽ sống !
 Có ai nào không mong sáng tươi ngày non Rit.
 sông ? Đi mà nhớ quê xa !
ad libitum
 Mơ ngày Xuân rộn rã !



Đôi giòng về bài “Khúc hát ly hương”

THANH TRANG

Hôm lễ “Tạ ơn” ở xứ Mỹ này (bởi còn có lễ “Tạ ơn” của Canada, rơi vào ngày thứ Hai, tuần thứ hai của tháng 10 dương lịch) tôi sực nghĩ đến nguyên lai của ngày lễ “Thanksgiving” đầu tiên trên đất Mỹ vào năm 1621, khi mà theo như sử liệu phổ thông được truyền tụng - tuy có tranh cãi về mức độ chính xác của nó - một số người di dân đầu tiên (mệnh danh là “Pilgrims”) từ Âu Châu, sau khi đặt chân lên một vùng đất sau này thuộc tiểu bang Massachussets, đã cùng ngồi chung bàn với một số người thuộc bộ tộc “Patuxet“, một bộ tộc “da đỏ“ bản xứ, thuộc sắc dân “Wampanoag”, để tạ ơn Trên đã cho mình đến đất mới bình an ! Mà nghĩa của từ “Pilgrim” trong tiếng Anh thì để chỉ về người đi “hành hương”. Thời đó, một thuộc địa mới trong tay người Anh được dựng lên ở Plymouth, thuộc Tiểu Bang Massachussets về sau. Từ “Pilgrim” trong tiếng Anh còn có nghĩa là “người đi dã ngoại”, “đi xa”. Vậy thì những người “đi xa” - được gọi là “Pilgrim” - thời đó từ Âu Châu qua đất Plymouth ở Tân Thế Giới đúng là đi “hành hương” để tìm Chúa nơi vùng đất mới vì họ bị kỳ thị về mặt tín ngưỡng ở bên Anh, và tuy đã tìm đường nương thân bên xứ Hòa Lan thời đó nhưng họ vẫn ngại là có ở đây lâu dài thì sẽ mất dần bản sắc gốc Anh của mình. Bởi vậy mà từ Hòa Lan họ mới tìm đường qua “Plymouth” ở Tân Thế Giới”!

Từ đây tôi mới liên tưởng đến số hàng trăm nghìn con người , sau tháng Tư năm 75 ở Việt Nam, leo lên những chiếc thuyền không to gi

hơn những con thuyền cứu cấp treo trên con tàu buồm lớn chờ đám di dân qua Mỹ vào thời đầu thế kỷ 17 kia! Chứ còn giá mà số người vượt biển từ Việt Nam sau tháng Tư năm 75 đều ra đi trên những tàu buồm to cỡ đó, với dăm bảy cựu quân nhân thuộc QLVNCH có được trong tay những khẩu M16 hay M18 nữa thì để gì bọn công an biên phòng của cộng sản hay bọn hải tặc Thái Lan đã có thể hãm hại đến ngần ấy nạn nhân đi tìm tự do ? Để gì con số phải bỏ mình ngoài biển khơi theo như người ta ước lượng là khoảng 250.000 người (tài liệu của Cao Ủy Liên Hiệp Quốc đặc trách về chương trình Tỵ Nạn)?

Nhưng rồi chẳng lẽ khi không, tự dưng tự lành mà hàng triệu con người (tức là kể cả số người thoát chết trên đường đi tìm tự do trên biển khơi là chính) phải bỏ nước ra đi? Nguyên nhân của nó thì đã hàng chục, trăm nghìn tài liệu đủ các loại được thực hiện quanh đề tài đó! Tác giả bài hát ở đây không muốn liệt kê hay nhắc lại vì không biết sẽ phải bắt đầu từ đâu và ngưng lại ở đâu cho vừa!

Tác giả bài hát chỉ muốn gửi tâm tình của mình đối với những nỗi đau thương mất mát đầy bi thảm đó đến những ai còn nhớ đến chúng và có thái độ của người lớn thực sự là người lớn chứ không như đám trẻ con năm ba tuổi: Khi uất ức, bực tức, đau đớn chuyện gì vì đánh nhau, tranh dành đồ chơi của nhau thì la lối, to tiếng, khóc lóc om xòm trời đất lên một chập, rồi sau đó lại gia nhập cuộc chơi trở lại, như thể chẳng có chuyện gì xảy ra!

Tạo hóa sinh ra con người với một bản năng tự tồn rất hiệu nghiệm: Nếu có chuyện gì uất ức, đau buồn, căm giận thì với thời gian, thường ra người ta cũng dễ quên đi! Ấy là một

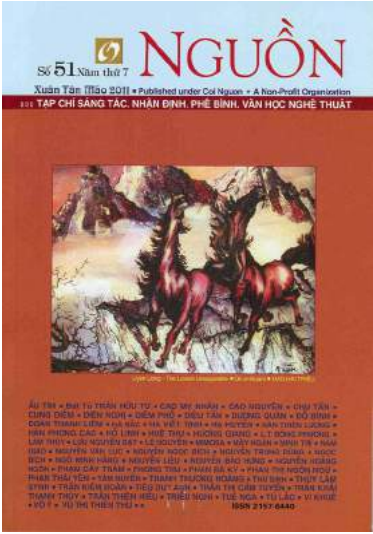
điều hay; bởi cứ uất ức, dằn vặt, căm giận hoài thì làm sao sống?

Nhưng đồng thời thì cái mà trong tiếng Anh người ta gọi là “short memory” đó cũng là nỗi bất hạnh của giống người: Không nhớ cho thật kỹ những tội ác giống người gây ra cho đồng loại thì mọi việc lại cứ thế mà được kéo dài hoặc tái diễn! Chả cần phải đợi cho ông Santayana nhắc nhở điều đó cho mỗi dân tộc (1).

Thanh Trang

Nam Cali, đầu mùa Đông 2010

(1) “ Những ai không nhớ được những sự việc đã qua thì trước sau gì cũng sẽ lại phải thấy những sự việc đó tái diễn” [Trích lời của George Santayana, triết gia người Mỹ gốc Tây Ban Nha (1863 - 1952) trong quyển “The Life of Reason, Volume 1, 1905)]



Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm chân thành cảm tạ **Văn Thi sĩ Song Nhị** đã gửi tặng Tạp Chí **NGUỒN** số xuân Tân Mão. Xin giới thiệu cùng độc giả.

ĐÊM XUÂN TRẦN THẾ

1.

Cái nhìn từ tôi
vào một thực tại của tha nhân
là cái nhìn ngộ nhận
để tôi chưa thấy người qua dung nhan
ác quỷ, thiên thần
hay Thượng Đế
để nghe từng "sát-na" luân hồi
trong những đêm Xuân trần thế.

2.

Tôi vẫn tìm em
trong màu áo trắng hồn nhiên
trong màu xanh tình ái
với những nét yêu kiều con gái

3.

Tình không hay có
như mảnh áo xiêm trúc bỏ,
vất bên giường,
còn thoảng một mùi hương.

4.

Nếu phải chọn một tổ ấm yên ương,
và đứng trước giáo đường,
ngàn năm câm nín.
Đôi lúc tôi rất đơn phương,
trước cửa Thiên Đường khép kín.

VIỆT BẰNG
(San Jose)

Phạm Dương Hiền và Buổi Hòa Nhạc Thính Phòng mừng Lễ Thanksgiving

PHAN ANH DŨNG

Một buổi hòa nhạc thính phòng do Nhạc sĩ Phạm Dương Hiền (Kevin Pham) tổ chức vào ngày 20 tháng 11, 2010 tại Saint John United Methodist Church ở tỉnh Springfield, tiểu bang Virginia, với sự tham dự của ban nhạc Prelude Chamber Ensemble (PCE) và một số ca nhạc sĩ địa phương. Buổi hòa nhạc, dài một tiếng rưỡi, bắt đầu vào lúc 3 giờ với khoảng 200 người yêu mến âm nhạc trong một buổi chiều cuối Thu thật đẹp.

Prelude Chamber Ensemble dùng dụng cụ âm nhạc cổ điển để trình diễn những bản nhạc dễ nghe nổi tiếng của nhạc cổ điển Tây phương, tân nhạc Việt Nam hay ngoại quốc - dưới dạng nhạc hòa tấu không lời hay phụ đệm cho người hát. Với phương cách này, PCE hy vọng thính giả quen với loại nhạc phổ thông sẽ yêu mến nhạc giao hưởng hay nhạc thính phòng hơn.

Phạm Dương Hiền, một nhạc sĩ quen thuộc với Cộng Đồng vùng Hoa Thịnh Đốn trong nhiều năm qua, cựu sinh viên ngành vĩ cầm của Trường Quốc Gia Âm Nhạc Sài Gòn, hiện là nhân viên của Sở Bưu Điện Hoa Kỳ nhưng vẫn đam mê với âm nhạc nói chung và nhạc giao hưởng nói riêng. Anh là Concertmaster (đứng thứ hai sau nhạc trưởng) của dàn nhạc giao hưởng The NOVA Annandale Symphony Orchestra và là thành viên của Hội Nhà Giáo Âm Nhạc Hoa Kỳ (The National Music Teacher Association). Hiền sáng lập Prelude Chamber Ensemble được hai năm và đây là buổi hòa nhạc miễn phí lần thứ tư của nhóm kể từ mùa Thu năm 2009.

Sau lần trình diễn đầu tiên ở Đại Học NOVA Annandale campus, những buổi hòa nhạc sau đó của PCE đều được tổ chức tại Saint John United Methodist Church. Theo thời gian, PCE cũng được nhiều nhạc sĩ trong vùng biết đến và số thành viên tham dự vào ban nhạc đã tăng lên một cách đáng kể.

MC Phạm Xuân Thái mở đầu chào mừng quan khách đến tham dự buổi hòa nhạc đặc biệt để tri ơn Cộng Đồng người Mỹ gốc Việt nhân dịp Lễ Tạ Ôn ở Hoa Kỳ (Thanksgiving). Sau đó, anh giới thiệu Dr. Kitty Yang, Mục Sư về Âm Nhạc của nhà thờ nói trên, cũng là người bảo trợ việc làm của Hiền và nhóm PCE. Bà Yang mong mỏi mọi người sẽ tiếp tục ủng hộ Prelude Chamber Ensemble trong tương lai và cũng nhân cơ hội này mời mọi người đến tham dự các chương trình nhạc mừng Lễ Giáng Sinh trong tháng 12 ở nhà thờ này.

Phần 1 của buổi nhạc thính phòng được mở đầu với nhạc hòa tấu không lời do 10 nhạc viên của Vietnamese American Youth String Orchestra (Ban nhạc giao hưởng đàn dây của thiếu niên Mỹ gốc Việt) trình diễn 2 bài: "*Trống Cơm*" và "*The Inspector Clouseau Theme*", dưới sự điều khiển của Nhạc trưởng Phạm Dương Hiền và phụ đệm dương cầm của Nhạc sĩ Nguyễn Ngọc Châu. Hiền mong mỏi đem kinh nghiệm của mình để hướng dẫn các thiếu niên kỹ thuật hòa tấu, đòi hỏi tinh thần làm việc đồng đội và kỷ luật.

Chương trình được tiếp nối với 4 bản độc tấu dương cầm do MyLan Young và Phillip Dang trình diễn. MyLan rất trẻ nhưng ngón đàn nhiều tự tin và lưu loát với "*Fur Elise*" của Beethoven và "*Sonate KV 545*" của Mozart. Phillip với kỹ thuật chín chắn hơn đã trình diễn

rất thoát hai bản "*Ballad pour Adeline*" và "*Marriage d'Amour*" của Paul de Senneville.

Sau MyLan Young và Phillip Dang là phần hòa tấu xuất sắc của Prelude Chamber Ensemble qua 3 bản nhạc "*La Vie En Rose*" của Piaf/Gugluemi, "*Domino*" của Ferrari/Plante, và "*Bản Nhạc Chiều*" của Nguyễn Ngọc Châu. Prelude Chamber Ensemble gồm các nhạc sĩ: Lara Brandes, Patrick Geddes, Andrew Kovch, Kevin Pham (Violin I); Ahnika Emery, Minkee Kim, Vi Pham, Gwen Ward (Violin II); Monica Martin, Brittany Nelson (Viola); Nadine Jones, Michael Nelson (Cello); và Hernilo Parin (bass guitar). Trong phần hòa tấu này, Dr .Yang phụ đệm dương cầm 2 bài đầu và Nguyễn Ngọc Châu phụ trách bài "*Bản Nhạc Chiều*".

MC Phạm Xuân Thái mời Nhạc sĩ Nguyễn Ngọc Châu, hiện cư ngụ ở tỉnh Alexandria, Virginia ra trước sân khấu để khán giả và toàn ban PCE ghi nhận những nỗ lực vô vụ lợi của anh trong việc viết hòa âm cho phần lớn các bản nhạc hôm nay và những buổi hòa nhạc trước đây. Đây là một việc làm đòi hỏi nhiều sáng tạo và thi giờ. Châu cũng là người sáng tác và hòa âm phối khí cho bài "*Bản Nhạc Chiều*".

Phần 2 của buổi nhạc thính phòng do một số ca sĩ trong vùng hát nhạc Việt Nam và Pháp với phần đệm nhạc phụ họa của PCE. Tâm Hào mở đầu với "*Hải Ngoại Thương Ca*" của Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông. Tiếp đến, Nguyệt Anh diễn tả "*Trở Về Bến Mơ*" của Ngọc Bích; Sĩ Tuấn thả hồn qua "*Ngậm Ngùi*" của Phạm Duy và "*Bài Không Tên số 8*" của Vũ Thành An; Bạch Cúc trình bày "*Không Còn Mùa Thu*" của Việt Anh; Sĩ Tường với "*Đoàn Khúc Cuối Cho Em*" của Hoàng Trọng Thụy; Châu Nguyễn với "*Oh, mon amour*". Nguyễn Đức kết thúc phần 2 với "*Nhìn Nhau Lần Cuối*" của Nguyễn Vũ và nhạc phẩm vui nhộn "*Bye Bye 26/38*" của Albertini và Garcia.

Trước khi chấm dứt, Phạm Dương Hiền cảm ơn tất cả khán giả đến tham dự và trân trọng nêu danh từng thành viên trong ban nhạc PCE đã bỏ công sức cộng tác thân tình với anh trong 2 năm qua. Anh cũng không quên cảm ơn Dr Yang và

Saint John United Methodist Church, các mạnh thường quân đã hỗ trợ cho PCE về tinh thần cũng như tài chính. Anh mong mọi vẫn nhận được sự giúp đỡ của mọi người trong tương lai để PCE có thể tiếp tục tổ chức những buổi hòa nhạc có giá trị miễn phí đến Cộng Đồng Việt Mỹ.

Xin gửi chi phiếu ủng hộ, tax deductible, về:

Prelude Chamber Ensemble, Inc.
P.O. Box 102, Annandale VA 22003

Liên lạc:

Email: "Kevin Pham"
socceronze@hotmail.com

Website:

<http://www.preludechamberensemble.com/index.html>

PCE cũng đã rất chu đáo tổ chức tiệc trà khoản đãi tất cả mọi người sau buổi hòa nhạc. Đây là cơ hội để khán giả trò chuyện với ca nhạc sĩ và hiểu biết thêm về PCE. Được biết buổi hòa nhạc kế tới dự trù sẽ được tổ chức vào mùa Xuân 2011.

Phan Anh Dũng
(Đầu mùa Đông 2010)



NS Nguyễn Ngọc Châu, MC Phạm Xuân Thái, NS Phạm Dương Hiền



PCE - Vietnamese American Youth String Orchestra



PCE và khán giả ghi nhận đóng góp quý báu của Nhạc sĩ Nguyễn Ngọc Châu (đứng giữa)



Một số khán thánh giả



Sĩ Tuấn

Tâm Hào

Sĩ Tường

Nguyễn Châu

Nguyệt Anh

Bạch Cúc

Nguyễn Đức →



Prelude Chamber Ensemble

RONG CHƠI TRÊN NÚI TUYẾT

Phạm Thị Nhung

Tờ lịch trên tường đã voi dần theo ngày tháng, chẳng còn bao lâu nữa Tết lại đến.

Khu chợ hoa của siêu thị Tầng Frère đã tràn ra cả lối đi, thôi thì đủ loại hoa, từ lys, mẫu đơn, glaieul, thược dược đến những giò thủy tiên còn khép nụ, thình thoảng chồi lên dăm ba bông hoa trắng nõn; từ những chậu quất trĩu quả, vàng rực bên cạnh những chậu lan đất nhiều màu đến những cành mai vàng óng ả, bên những cành hồng đào tươi thắm đã làm rực rỡ, tươi mát cả một vùng trời.

Rồi những giò mứt, nào sen, nào gừng, bí, dứa, nào me chua, tầm ruộc...màu sắc rộn ràng xen kẽ nhau, được bọc trong một lớp giấy bóng kính trắng, bên ngoài dán bốn chữ triện lớn -cung chúc tân xuân- đỏ ói, cùng với những đòn bánh tét, những thệp bánh chưng cao nghệu, đã choáng hết mặt tiền các siêu thị... Hai con đường lớn Ivry và Choisy của khu chợ Tàu Paris, quận 13, xe hơi nườm nượp đổ về, người người tấp nập mua bán, tiếng cười nói, tiếng hỏi thăm tíu tít...Không khí sấm Tết nơi đây thật náo nhiệt, làm cho người ta có cảm tưởng đang lạc bước tới một phố chợ Tết nào đó nơi quê nhà.

Riêng đối với tôi, không khí nhộn nhịp của những ngày sửa soạn đón Tết còn mang một ý nghĩa tình cảm thân thương, pha chút bồi hồi xúc động, vì nó gợi tôi nhớ đến kỷ niệm ngày cưới 24 tháng chạp năm nào. Đây chính là lý do vì sao ăn mừng sinh nhật thì tôi chọn ngày tây cho dễ nhớ, còn ăn mừng kỷ niệm cưới thì nhất định phải ngày ta, cho được mang thêm hơi hướng cái không khí háo hức, thiêng liêng của những ngày giáp Tết.

Thấm thoắt đã hơn ba mươi năm trôi qua, những ngày còn ở Việt-Nam thì bạn con nhỏ, chúng tôi chẳng dám đi chơi xa, đến khi lưu lạc xứ người, thì những năm đầu, chồng đầu tắt mặt

tối lo sinh kế, vợ cũng tất bật lo nuôi dạy, diu dắt các con thơ trên bước đường học vấn và hội nhập vào xã hội mới, những mong sao chúng theo kịp người mà vẫn giữ được những cái hay, cái đẹp của phong tục, lễ giáo nước nhà.

Trong suốt thời gian này, mỗi kỳ nghỉ hè có dịp đi chơi đây đó thì cả bầu đoàn thể từ cùng theo. Có vài lần chúng tôi sang Mỹ thì chỉ cốt thăm viếng bà con họ hàng, nhất là những bậc huynh trưởng già yếu, cùng bạn bè, nếu không cũng là một chuyên công tác văn hóa; chưa một lần chúng tôi dám nghĩ đến hạnh phúc riêng tư... Nhưng nay, các con đã lần lần trưởng thành; soi gương ngắm lại mình thì mí mắt đã xệ, đuôi mắt, vành má đã có vết nhăn, tóc đã nhiều sợi bạc... mà không khỏi ngậm ngùi. Chúng tôi bèn quyết định làm một cuộc viễn du, tự cho phép mình được hưởng một tuần trăng mật thứ hai, giữa cái tuổi mùa thu của cuộc đời. Nhưng đi đâu?

Ài cũng biết, nước Pháp thuộc vùng ôn đới, Paris ở miệt bắc, là một trong những vùng lạnh nhất nước, vậy mà mỗi năm cũng chỉ có hai, ba độ tuyết rơi. Người ta khao khát một white Christmas sao mà khó thể. Chúng tôi cư ngụ ở thủ đô ánh sáng này đã mấy chục năm, chỉ thấy tuyết đổ, phủ trắng xóa kinh thành Paris có một lần duy nhất vào đúng ngày Chúa Giáng Sinh.!

Tôi giống dân Paris ở điếm, mỗi khi thấy tuyết rơi là reo vui hơn hờ.

Nhà ở lầu 11 trên một cao ốc, cửa sổ phòng khách lồng kính suốt, mở ra trước mắt cả một bầu trời mênh mông, hiem nhà có cái "vue" nhìn đẹp và thoáng như vậy, ai mới đến, trông thấy cũng tấm tắc khen.

Mỗi khi có mưa tuyết, nhất là những ngày có nhiều gió, ngồi từ phòng khách nhìn ra, qua khung cửa kính, tôi được ngắm cảnh tuyết bay

pháp phối, bay nghiêng ngửa, bay loạn tứ phía, đủ các vũ điệu, đẹp vô tả. Nhưng khi đôi mắt vô tình vừa hạ xuống một chút, thì tôi chạm ngay vào cuộc sống thế gian. Dưới kia là phố xá, xe hơi đi lại tấp nập, góc đường này là quán café, các tiệm buôn bán; bên kia là trường học, ... xa xa là những cao ốc cao thấp chen nhau ... làm tôi mất cả hứng. Thế nên tôi có thói quen, gặp ngày mưa tuyết, thì việc nhà rán thu xếp cho nhanh, rồi khoác áo thả bộ vào công viên. Tôi chậm bước trên những lối mòn thoảng đàng, để tận hưởng cái thú ngắm tuyết bay phơi phơi trong khung cảnh hoàn toàn thiên nhiên, và ngửa mặt đón lấy những cánh tuyết mỏng tang, trắng muốt, đậu nhẹ trên khuôn mặt, mà cảm thấy mình đang hạnh phúc vô biên.

Tôi thường nói với chàng của tôi ý muốn có ngày được ngắm cảnh trắng trên núi tuyết.

Cả gia đình tôi, từ chồng đến lũ con, không ai hiểu nổi lý do nào khiến tôi khăng khăng đề nghị đi chơi núi tuyết, cho chuyến du hành mang ít nhiều ý nghĩa đặc biệt này ?

Các con tôi nói, bố mẹ tính lên núi tuyết vì ham đi ski thì còn hiểu được, đàng này chỉ để xem tuyết rơi và ngắm trăng, quả là phí phạm ! Nhưng tôi có lý do riêng của tôi mà chẳng muốn nói ra, sợ lại bị bố con nó chế nhạo, rằng mẹ vẫn giữ thói lãng mạn tiêu tư sản của những con người đầu thế kỉ XX ! Chẳng là tôi đã chót được hưởng một đêm trăng 16 tuyết vời vợi với chàng của tôi trên bờ biển Cap Saint Jacques thuở nào, nên nay tôi lại muốn cùng ai ngắm cảnh trăng 16 trên núi tuyết, đối với tôi, như thế mới là trọn vẹn!

Tôi còn nhớ như in, đó là mùa hè năm 1959, anh tôi, kỹ sư sở Công Chánh Sài Gòn, được quyền mượn một ngôi biệt thự hai tầng ở giữa thành phố nghỉ mát Cap Saint Jacques cho một tuần nghỉ hè. Được bố mẹ tôi cho phép cả sáu anh em cùng đi, chúng tôi đã không bỏ lỡ cơ hội bằng vàng này. Anh tôi đề nghị, mỗi người được quyền mời thêm một, hay hai người bạn thân đi cùng cho vui. Tôi không mời ai, nhưng anh tôi biết ý, đã ngầm báo cho chàng

của tôi nhập bọn.. Bất ngờ nhìn thấy chàng xuất hiện nơi ngôi nhà nghỉ hè này, tôi run lên vì cảm động và vui mừng ; nhưng bản tính nhút nhát, tôi đâm sợ, cứ rúm lại.

Nào chàng có xa lạ gì cho cam, từ hơn hai năm nay, chàng thường đến chơi với anh tôi(?) mỗi cuối tuần. Và mới đây thôi, chàng đã liêu lĩnh đến đón tôi sau buổi thuyết trình văn học của giáo sư Nghiêm Toàn, tại trường Đại Học Văn Khoa, đường Nguyễn Trung Trực Sài Gòn. Lợi dụng con đường Nguyễn Du thanh vắng trên lối về, chàng đã tỏ tình. Như tôi đã nói, tôi vốn nhút nhát nên chẳng bao giờ dám hé môi thưa thốt chuyện yêu đương. Thế nên khi chàng hỏi:

-Em bằng lòng không? Chàng nhìn sâu vào mắt tôi, đầu gật gật ra chiều khuyến khích...

Tôi, mặt nóng ran, chỉ biết ấp úng trả lời:

Em... em không biết!

Ngụ ngợ thế đấy, nhưng những chiều chủ nhật nhàn rỗi, cùng anh em vui vẻ chuyện trò, tôi biết, qua ánh mắt, nụ cười, giọng nói mỗi khi tôi hướng về chàng, chàng đã hiểu tất cả?

Nụ cười, ánh mắt ... say sưa ấy

Đã hẹn yêu anh đến bạc đầu !

(V .H .C)

Và cũng chính vì đã có vụ tỏ tình kia nên khi trông thấy chàng xuất hiện, tôi mừng nhưng run quá, và từ đó không dám rời lũ em gái nửa bước.

Tối ấy, sau buổi cơm chiều, cả đám ngồi quây quần ngoài hiên nơi sân trước, hát hò ngâm om sòm . Bất chợt tôi nhìn lên trời cao, nền trời xanh thăm thẳm, đây đó một vài vì sao lấp lánh. Tôi sực nhớ, đêm nay trăng 16, thế rồi rồi rít hồ lơ mọi người ra biển ngắm trăng; ai nấy nhao nhao hưởng ứng. Đoàn người nối đuôi nhau lên đường... Chúng tôi chọn bãi trước cho gần nhà, và tìm một khu vắng vẻ, xa hẳn hàng quán, ngồi duỗi chân trên cát, nhìn ra biển ...

Trước mắt tôi, khuôn trăng tròn vành vạnh, sáng ngời, in trên bầu trời lam thẫm; ngoài mặt biển tối đen, một dải sông trăng lấp lánh hiển hiện, kéo dài đến tận bờ nước nơi chúng tôi đang ngồi. Cảnh đẹp vô ngần, đẹp một cách huyền ảo, thần tiên! Tôi cảm động đến sững sờ!

Tuy ngồi xa chàng của tôi đến dăm bảy người, nhưng tôi vẫn cảm thấy hai đứa thật gần nhau, và chúng tôi đã lãng quên tất cả, từ anh em, bạn bè đến cảnh vật chung quanh... để tìm đến nhau, cùng đi vào một cuộc mộng du kỳ diệu không có hai lần trong cuộc đời!

Đêm đã khuya, ánh trăng đã nhạt về ngân và dòng sông trắng đã tan loãng trên mặt biển rộng, anh tôi hồi thúc mọi người ra về. Con thuyền mơ của chúng tôi đang trong cơn hốt hoảng... bị lật úp ! Chúng tôi đã không cùng nhau đến được Bến Cung Hằng, nơi tiên giới, nhưng may mắn thay, chúng tôi đã vượt qua được bao cơn sóng gió gia đình để đến được với nhau trong cuộc tình trăm năm!

Kỷ niệm đêm trăng 16 tuyệt vời trên bãi biển Cap Saint Jacques ngày ấy vẫn còn in sâu trong ký ức, và chắc chắn sẽ theo tôi trong suốt cuộc đời với bài thơ lưu niệm:

Trăng Biển

Trăng mười sáu , biển đêm huyền diệu

Gió thì thào quyến rũ ta đi...

Trên biển sóng, dòng sông trắng hiển hiện

Một dòng sông ngời ánh sáng lưu li!

Cảm động đến sững sờ ngây dại

Rồi chơi vui trong cuộc mộng du

Theo tiếng gọi ngàn đời vọng lại

Ta cùng đẩy thuyền rời bến viễn du...

Thuyền nhẹ lướt trên dòng lưu quang ấy

Dẫn đưa ta về chốn thiên tiên.

Thế gian mờ xa như chưa từng thấy

Một trời quanh ta trắng nước ảo huyền!

Hai mái chèo lan nhịp đều khua sóng

Làm lung linh, vang vọng cả không gian...

.....

Ngàn vạn cánh hoa trôi ngoài cửa động

Bảo thuyền ta sắp cập Bến Cung Hằng !

Mừng quá ta vung chèo đứng dậy

Hỡi ơi thuyền úp!- Bến Cung Hằng

Thấy đâu...? Trăng vẫn ở thờ chiều

Một dải vàng giữa sóng mênh mang.

(P . T . N)

Chàng của tôi vẫn thường chế nhạo cái đầu óc thiếu thực tế, chỉ ưa mơ mộng vợ vẫn của tôi; có

khí vui chuyện, chàng còn kể cho cả đám học trò và mấy anh rể GL nghe nữa đấy.

Nào là: Cô Nh. ấy à, tâm trí lúc nào cũng để mãi đâu đâu, chân không bao giờ dính đất. Có hôm kéo chiếc xe Caddie ra chợ, trên quảng đường vắng, chẳng hiểu mãi ngắm lá thu rơi đẹp thế nào đến nỗi vấp ngã, đầu gối bên trái toét máu; tay phải chống đất, bị sái, đau cả mấy tháng không khỏi. Các con bị kẹt gửi cháu, ông ngoại lãnh đủ, phải bế cháu một mình, vì bà ngoại còn đau tay!

Cô Nh. ấy à, đi đâu mang dù, mang mũ theo thì 10 lần đến 8 lần mất. Mới đây thôi, có cái mũ đẹp nhất, quý nhất, đi phố đội vào, tháo ra thế nào, rồi lãng quên... khi sực nhớ ra thì mũ đã không cánh mà bay tự bao giờ!. Về cứ xít xoa tiếc mãi, chỉ có ông chồng là khổ cái tai, vì phải nghe hoài một điệp khúc.

Cô Nh. ấy à, hôm nào mà mãi tìm vần thơ, hay lạc hồn vào một bản nhạc nào đó, thì hôm ấy chồng con được ăn thịt khét, com khê là sự thường.

Cô Nh. ấy à...

Ở đầu bàn bên này , rể thầy, rể trò gật gù thông cảm nhau sâu sắc; trong khi đầu bàn bên kia có tiếng thỏ thè: Cô ơi, em cũng vậy!...Thế rồi cả đám thầy trò đàn bà con gái phá lên cười, không sức nào kìm hãm được, cười đến chảy cả nước mắt!

Mặc chàng muốn nói gì thì nói, chê gì thì chê, nhưng tôi biết chắc chàng sẽ nghe theo đề nghị của tôi. Quả như rằng, chúng tôi sẽ lên đường hưởng tuần trăng mật thứ hai của cuộc đời tại vùng núi Alpes nước Pháp. Rõ là bàn luận vòng vo tam quốc chán, cuối cùng ý của vợ vẫn là tuyệt hảo nhất, lý của vợ vẫn là chí lý nhất! Ai mà chả biết:

- Chồng yêu cái tóc nên dài, cái duyên nên đẹp, cái tài nên khôn!

Chuyến xe lửa ngày rằm tháng chạp đã đưa chúng tôi từ ga Lyon đến tỉnh Grenoble, thuộc miền cao nguyên phía đông nam nước Pháp. Qua một đêm nghỉ ngơi tại ngôi chùa Hoa-Nghiêm của Sư Bà Chí-Hải, để hai chị em bạn gái có dịp hàn huyên tâm sự, vì đã lâu không gặp.

NẾU EM LÀ...

Nếu em là quyền vớ vàng
Đề anh thêu dệt những hàng thơ vương
Chữ yêu anh viết tỏ tường
Chữ tình buốt xé con đường nhớ mong

Nếu em là một dòng sông
Thuyền anh mơ bến nguyện lòng đợi nhau
Mãng đời xuôi ngược cuốn mau
Về nguồn gởi gắm tình sầu dở dang

Nếu em là chiếc lá vàng
Thu sang anh nhạt trắng ngân tặng em
Xạc xào lá rụng nửa đêm
Anh mừng ngõ bước chân em trở về

Nếu em là mái tóc thê
Đề anh thác đổ tuôn về vai thon
Sóng trào những sợi lon ton
Sợi buồn sợi nhớ gom tròn mộng say

Nếu em là mây trắng bay
Anh xin làm gió chờ đầy giấc Xuân
Tình qua bao cuộc trầm luân
Đề anh gồng gánh gian truân khổ sầu

Nếu em là giọt mưa ngẫu
Đường xưa anh bước uơm mầu thủy chung
Dấu giày dù có không cùng
Ngút ngàn tình nhớ trên vùng mưa rơi

Nếu em là ánh trăng ngời
Anh làm chú cuội không rời gốc đa
Tình tan nhỏ giọt châu sa
Thôi thì thôi nhé nay là dư âm

Uyên Phương Minh Nguyệt
(Texas)

Sáng sớm hôm sau, Sư Bà đã sửa soạn cho chúng tôi một bữa điểm tâm thịnh soạn, cùng tiễn chân bằng một giỏ đầy những hoa quả và nước ngọt, kèm theo hai cái bánh chung đem theo ăn trưa. Chúng tôi từ giả nhà chùa đi bộ đến ga xe ca (gare routière), nơi có những chuyến xe ca đưa đón hành khách từ thị trấn Grenoble đi khắp các miền núi Alpes quanh đó. Chúng tôi đến ga đúng 8 giờ sáng, tương sớm, hay đâu hành khách đã đông nghịt.

Sau khi vào phòng thông tin, xin được tờ giấy ghi lịch trình các chuyến xe chạy cùng các địa điểm du lịch, chúng tôi mau lẹ quyết định chọn miền cao nguyên L'Alpe d'Huez, nơi có nhiều bãi trượt tuyết nổi tiếng, cho ngày đầu tiên rong chơi nơi vùng núi ngập tuyết này.

Chuyến xe ca mang số 19 bắt đầu chuyến bánh đúng 9 giờ sáng, đưa chúng tôi lên đường. Trên xe, hành khách hầu hết từ phương xa đến để đi trượt tuyết, chỉ có vài người dân cư ngụ đâu đó trên đường xe đi chuyên; riêng chúng tôi, có lẽ là hai hành khách duy nhất, đến đó chỉ với mục đích xem tuyết rơi và ngắm trăng trên núi tuyết !

Ra khỏi thành phố Grenoble, xe bắt đầu leo dốc, rồi từ từ theo đường núi vòng vèo mà lên cao. Nhìn sang hai bên đường đã bắt đầu thấy tuyết, tuyết rải rác đặc trên những mái nhà, vòm cây, bãi cỏ... Xe càng lên cao thì tuyết càng nhiều, phủ trắng xóa hai bên thung lũng, chẳng còn nhìn ra cảnh vật bên dưới nữa.

Lúc xe mới lên đường, chỉ thấy lẻ tẻ đôi ba chiếc, bây giờ lên cao, xe ùn lại thành đoàn, nối đuôi nhau chậm chạp lăn bánh trên con dốc. Dốc càng cao, xe càng khó lên, lại thêm tuyết phủ đầy đường trơn trượt.

Đến quá trưa thì xe tới thị trấn L'Alpe d'Huez. Có khá nhiều chiếc navette nhỏ nhỏ, chạy lảng xảng đưa hành khách từ bãi đậu xe vào trung tâm sinh hoạt của phố thị. Nơi đây, du khách tập nập ra vào trong các siêu thị hay các quán café, các tiệm ăn, các tiệm bánh, hoa quả...; đông nhất và ồn ào nhất là phòng thông

tin, bên cạnh có bàn giấy quảng cáo du lịch, bàn giấy làm dịch vụ cho khách thuê phòng trọ.

Phải mất nhiều thì giờ dò hỏi, chúng tôi mới chọn được một khách sạn (loại chalet) vừa ý, ở độ cao lưng chừng núi, cửa sổ và mặt trước toàn lồng kính để du khách dễ ngắm nhìn cảnh trí thiên nhiên; đây còn là một khách sạn có quán ăn, chúng tôi được lo cho bữa quà sáng và bữa ăn tối, thật là tiện.

Về khách sạn ăn uống nghỉ ngơi một chút, chừng 3 giờ chiều, chúng tôi đã đóng bộ chỉnh tề, áo liền quần với mũ len trên đầu, khăn len quấn cổ, chân đi botte, tay mang găng và không quên đeo đôi kính mát trên mắt, vì tuyết phản chiếu ánh sáng mặt trời sẽ làm chói lòa con ngươi người ta.

Vừa ra khỏi hotel đi xuống bãi, người đầu mà đông thê, bây giờ đang giữa mùa trượt tuyết có khác! Những người đi ski, họ thường đi theo từng nhóm, nhóm gia đình hay nhóm bạn bè, trên vai ai nấy vác những thiết bị để trượt tuyết; họ ăn mặc sặc sỡ, quần áo đủ màu, vừa đi vừa nói chuyện ồn ào, hay ca hát rộn ràng, làm cho không khí quanh đây thật tung bừng huyền ảo, và làm cho chúng tôi cũng cảm thấy náo nức, muốn hòa nhập với họ, trở thành những skieurs như họ.

Quả thật đã có hồi chúng tôi nổi hứng, cũng muốn đua đòi theo gia đình người anh nhà tôi đi học trượt tuyết, để được nếm mùi môn thể thao kỳ thú và có nhiều tinh thần mạo hiểm này. Song nghĩ xa thôi lại nghĩ gần, sợ cánh ngã què chân, gãy tay nên vội dẹp ngay ý thích ngông cuồng nhất thời kia đi.

Chúng tôi bắt đầu nói đầu tư xếp hàng mua vé, để được chở bằng dây cáp treo (téléphérique) lên những bãi trượt tuyết trên cao.

Mỗi trung tâm trượt tuyết thường có nhiều bãi, chia cấp bậc theo mức độ cao thấp.

Bậc 1, thấp nhất, cao khoảng vài trăm mét, được gọi là piste verte, dành riêng cho trẻ em hay những người già và những người mới tập đi ski.

Bậc 2, cao khoảng 1.000 mét trở lên, gọi là piste bleu

Bậc 3, cao khoảng 2.000 mét trở lên, gọi là piste rouge

Bậc 4, cao nhất, từ 3.000 mét trở lên, gọi là piste noire

Muốn đưa khách đến bãi trượt tuyết bậc 1, người ta chỉ dùng một cái cần dài có thiết bị ghế ngồi (tire-fesse), kéo lên. Muốn đưa khách đến bãi trượt tuyết bậc 2 hay 3, người ta phải dùng giây cáp treo có thiết bị ghế ngồi (télé-siège), kéo lên; ngoài ra, người ta còn dùng loại cáp treo thiết bị cả một cái toa kín (télé-cabine), để đưa được nhiều khách lên cùng lúc. Trường hợp đưa khách lên bãi trượt tuyết bậc 4 cũng vậy.

Đặc biệt ở bãi bậc 3 và bậc 2, giây cáp treo có thiết bị ghế ngồi còn có thể đưa khách đi ski từ bãi trượt tuyết bên quả núi này sang bãi trượt tuyết bên quả núi kia. Thật là thú vị, trông từ xa cũng thấy đẹp mắt.

Khi đối diện với bà bán vé, chúng tôi có trình bày ý định muốn lên bãi cao nhất để ngắm cảnh. Bà ta có khuyển, nêu vậy nên đợi ngày mai, vì đài khí tượng có báo, mai trời nắng tốt suốt ngày, xem cảnh sẽ rõ hơn. Còn chiều nay, khoảng xế chiều sẽ có gió, mây nhiều và có mưa tuyết, sau đó còn có bão tuyết. Bão tuyết ở đây thường lắm!

Tôi ngược mắt nhìn trời, nền trời vẫn xanh trong, thoáng vài cụm mây trắng nên tỏ dấu nghi ngờ. Và chúng tôi vẫn giữ ý định mua vé lên cao hôm nay với lý do, ngày mai chúng tôi đã đi khỏi, chỉ còn ở lại chiều nay. Bà bán vé chiều ý khách nhưng không quên dặn với - Nhớ xuống sớm!

Đã có vé trong tay, chúng tôi leo lên télé-cabine, chen chúc giữa đám khách đi trượt tuyết. Trên vai họ, người nào người nấy đều mang đồ thiết bị trượt tuyết, gồm một đôi ván bằng nhựa, có bộ phận để bắt vào giày đi ski (chaussure de ski), dùng làm bàn lướt trượt tuyết, và hai cái gậy sắt, vừa dùng để lấy đà, vừa dùng để giữ thăng bằng.

Khi télé-cabine dừng ở bãi tầng 2, một số người tóa ra, tầng 3 cũng vậy. Những bãi trượt

tuyết này rất rộng, độ dốc tương đối thoải thoải nên phần đông dân đi ski thích.

Khi télé-cabine lên đoạn chót, bậc 4 , số khách đi ski vắng hẳn, họ thường là những khách trung niên cường tráng, có tinh thần ưa mạo hiểm, liều lĩnh và cũng phải từng lão luyện trong nghề chơi này. Chính bà chị đầu người Pháp của tôi, đi ski từ hồi còn nhỏ, nay đã trên 60 tuổi, cũng đã phải thú nhận, mỗi lần trượt tuyết ở bãi cao như thế, bà vẫn thấy hồi hộp, vì nguy hiểm có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Chúng tôi rời cabine ra ngoài bãi trượt tuyết bậc cao nhất, nơi cho khách sửa soạn trượt tuyết, rộng chừng 100 mét vuông, bãi trượt tuyết chỉ toàn những con dốc cao , trông đến chóng mặt. Những người trượt tuyết ở đây, vừa ra đến bãi, chỉ một loáng, họ đã mắc giầy vào hai thanh ván đầu đậy, hai cái gậy sắt khoa lên, rồi đẩy thật mạnh xuống nền tuyết để lấy đà, họ lướt nhanh trên triển dốc một cách ngoạn mục, trông đẹp như những vị thiên thần đang chấp cánh bay.

Có điều rất lạ, lên tới độ cao trên 3.000 mét mà chúng tôi không thấy lạnh , có lẽ vì mặc đủ ấm và trời còn nắng.

Từ thềm núi cao chót vót, chúng tôi say sưa ngắm cảnh bao la của vũ trụ...

Khắp bốn phương, núi non bát ngát ở dưới tầm mắt, đây đó nhô lên những ngọn cao, thân núi thì chìm lìm giữa những thung lũng tuyết bạt ngàn, hay giữa những vực sâu hun hút. Khắp không gian, đâu đâu cũng chỉ một màu trắng xóa, đã trải rộng tầm nhìn của chúng tôi đến vô cùng, vô tận... Tôi cảm thấy mình thật nhỏ bé, hồn mộng lâng lâng, thân thể nhẹ bẫng như vừa được chấp cánh tiên, tự do nhón như bay lượn trong không trung:

Từ trên đỉnh núi tót vọt

Không gian trắng toả, ngát trời tuyết băng.

Hồn thơ nhẹ cánh phù trần

Phiêu diêu trong cõi thình không tuyết mù.

(P.T.N)

Chiều xuống, trời trở gió, nền trời đã ngả màu trắng đục tự bao giờ ,và tuyết bắt đầu rơi.

SỐ 54

Người đi ski vẫn vèo vèo lướt qua trước tầm mắt... Chúng tôi thích thú đứng né vào một góc bãi ngắm tuyết bay... Lúc đầu tuyết chỉ lất phất rơi, cánh mỏng như bọt nước rồi càng ngày càng nhiều, cánh tuyết dày hơn, trắng nõn như bông. Những cánh hoa tuyết phấp phới bay trong không gian...Tôi nhắm mắt lìm dim, ngửa mặt hứng lấy những cánh hoa tuyết đậu nhẹ trên da mặt, rồi từ từ tan loãng thành những giọt nước trong ngần; tôi đưa lưỡi liếm những giọt nước mát lịm ấy một cách trân trọng, như đón nhận một ân sủng của thượng đế...

Có tiếng chàng của tôi giục:

-Mưa tuyết rồi, thôi xuống đi!

-Chút nữa đã, tuyết rơi đẹp quá!

-Mau về thôi, người ta về hết rồi kia kia!

Tôi hé mắt to hơn, liếc nhìn sang hai bên, vẫn loáng thoáng thấy có người đi ski lướt qua nên lại yên tâm, cố đứng nán ngắm cảnh thêm chút nữa..., cho đến khi chàng của tôi chạy xộc tới, nắm lấy tay tôi kéo phóng vào cabine... ; trong đó, người ta đã đứng chen chúc nhau, đông nghẹt... cũng vừa lúc cánh cửa cabine bắt đầu từ từ khép lại. Hú vía!

Khi dây cáp vừa hạ cabine xuống bãi trượt tuyết bậc 2 thì những người đi ski tủa ra hết, chúng tôi cũng theo ra, ngơ ngác nhìn họ lũ lượt theo nhau trượt vèo vèo xuống núi. Đứng một lúc, thấy cửa cabine vẫn đóng, bất động , mà bên ngoài chẳng còn một ai . Bấy giờ chúng tôi mới chợt hiểu, chúng tôi chỉ còn phương tiện duy nhất trở về khách sạn bằng chính đôi chân của mình!

Ngoài trời đã xầm tối, gió bắt đầu thổi mạnh, tuyết bay tới tấp... Chúng tôi thật sự hoảng sợ, nắm chặt tay nhau lao xuống núi.

Gió càng lúc càng mạnh, tuyết rơi lá tả rời tuyết đổ ào ào, xung quanh chúng tôi chỉ những tuyết và tuyết, tuyết ngập lụt như muốn phủ chụp lấy chúng tôi. Trông ngực tôi đánh thình thịch, và có cảm tưởng không còn cách nào thoát khỏi bị chôn vùi trong trận bão tuyết oan nghiệt này!

Giữa lúc tuyệt vọng nhất thì ở dưới xa, tí xa..., có vài chấm sáng lấp lánh như những con

133

đom đóm xuất hiện. Vừa chợt hiểu đó chính là ánh điện chiếu ra từ các hàng quán nơi phố thị, chúng tôi mừng rú lên, ôm chặt lấy nhau hôn tới tấp... vì biết mình đã thoát chết!

Không để cho giây phút xúc động lãng mạn kéo dài, chàng của tôi lại nắm chặt lấy tay tôi, kéo tôi tiếp tục chạy lao về phía chân núi trong cơn bão tuyết đầy trời!

Tôi hôm ấy trong quán ăn, chúng tôi cảm thấy chưa bao giờ được ăn một bữa cơm ngon miệng và no say đến thế, mặc dầu vẫn chỉ là những món ăn thường dùng. Ngoài mấy món khai vị, một miếng beefsteack dày, to, rán cháy xém hai đầu nhưng thịt bên trong vẫn còn giữ được màu hồng tái, với một đĩa khoai tây chiên bơ, rắc fromage bở lỏ, thơm phức, thêm một cốc rượu vang đỏ hảo hạng.

Đêm đó, từ phòng khách sạn nhìn qua khung cửa kính, bão tuyết vẫn dữ dội. Chúng tôi bèn kéo hai cái ghế bành ra sát bên cửa sổ để ngắm cảnh. Chàng của tôi mới thú thì:

-Lên núi xem cảnh tuyết rơi như thế đã chưa? Bão tuyết còn mù mịt như vậy, không biết ông trời moi đâu ra vàng trắng 16 cho em ngắm?

Tôi tuy đã tiu ngưu nhưng vẫn cố nói cứng:

- Chưa chắc!... mà ngắm cảnh bão tuyết cũng thích chứ?!

Chàng của tôi ngồi ngắm cảnh bão tuyết một lúc thì chán phèo, chui vào giường nằm nghỉ.

Tôi vẫn không rời khỏi ghế, lắng tai, dõi mắt thường thức cảnh bão tuyết.

Gió hú từng cơn ngoài trời, gió đập rào rào vào các khuôn kính, gió tung hoành tứ phía... Phụ họa với gió là tuyết, tuyết rơi tằm tã, tuyết đổ ào ạt, tuyết uốn mình xoáy theo chiều gió cuốn, tạo thành những hình dạng dị kỳ và biến đổi không ngừng ra muôn hình vạn trạng, chóiáng ngợp không gian...

Cảnh bão tuyết cũng có một hấp lực riêng, phải nói là rất đẹp, nhưng là một vẻ đẹp vừa kỳ lạ, vừa lạnh lùng, hung hãn.

Khi đã mệt rũ tôi mới chịu chui vào giường, rồi ngủ thiếp lúc nào không hay... Lúc chợt tỉnh, tôi chạy phóng ra gần cửa kính nhìn

trời, bão tuyết vẫn triền miên... tiếc rẻ, tôi cố nán lại ngắm cảnh thêm chút nữa rồi mới chịu đi ngủ tiếp.

Lúc chợt tỉnh giấc lần thứ hai, nhìn đồng hồ đã hơn hai giờ khuya, thấy có một luồng ánh sáng dịu nhẹ chiếu chéch vào phòng; tôi chồm về phía cửa kính nhìn ra, thì trời ơi, trời quang mây tạnh từ bao giờ! Con trăng 16 lờng lờng ngự giữa biển trời! Tôi rú lên, chạy đến bên giường, kéo chàng của tôi dậy ra ngắm trăng với tôi.

Quang cảnh tinh mịch một cách lạ thường, tất cả không gian đều im lìm bất động, như chưa từng có một xáo trộn nào xảy ra, nói chi đến trận bão tuyết với cuồng phong kéo dài vừa rồi.

Trên nền trời xanh thẳm không một gợn mây, vàng trắng 16 tròn trĩnh, trong vắt hiện ra với tất cả vẻ đẹp nguy nga, lộng lẫy như tự muôn xưa; bên dưới, núi tuyết trùng điệp, trắng ngát, được bao phủ bởi ánh trăng thanh... tạo nên một vẻ đẹp mung lung, huyền ảo, thần tiên!

Tôi đứng dựa đầu vào vai chàng, ánh trăng rơi rớt cả trên khuôn mặt, trên vạt áo ngủ bằng lụa bạch của chúng tôi... Cứ thế, chúng tôi đứng bên nhau say sưa ngắm cảnh trăng 16 trên núi tuyết...; chỉ còn nghe thấy tiếng hơi thở và tiếng tim đập nhịp nhàng trong lồng ngực... Không ai dám thốt một lời, sợ làm tan loãng mất cái giây phút hạnh phúc tuyệt vời và thiêng liêng hiếm hoi ấy.

Cho mãi tới khi con trăng bắt đầu xé bóng, tôi mới ngược mắt khẽ hỏi chàng:

-Trăng 16 trên núi tuyết đẹp phải không?

Chàng không trả lời thẳng vào câu hỏi của tôi, chỉ khẽ gật đầu, mà hỏi lại:

-Chỉ có thế ?

Tôi ngây thơ trả lời:

-Trăng trên núi tuyết đẹp như vậy, anh còn muốn gì hơn?

Chàng cúi xuống đặt trên môi tôi một cái hôn nồng nàn sau tiếng thầm thì nhẹ như gió thoảng:

-Đẹp, trăng trên núi tuyết đẹp, nhưng... em của anh còn đẹp hơn!

Tôi bẽn lẽn như cô dâu trong đêm tân hôn, nghe nhịp tim mình đập loạn xạ giữa vòng tay xiết chặt của chàng.

Nửa khuya bão tuyết vừa tan
Trăng tròn ngự đỉnh trời Alpe d'Huez
Tuyết trắng, trăng tuyết ảo kỳ
Không gian tĩnh... chỉ thăm thì tiếng tim.
(P.T.N.)

Trưa hôm sau chúng tôi xuống núi, trở lại ga xe ca nơi thị trấn Grenoble, lấy chuyến xe khác đi Vercors. Đây là một vùng rừng thông trên núi tuyết, thuộc miền núi thấp, trước khi dẫn đến dãy núi Alpes.

Núi ở đây không cao lắm mà thoải, nơi có những rừng thông ngút ngàn. Tuyết ở đây không đóng thành băng dày để có thể đi ski, mà lại xốp. Muốn đi ngắm cảnh rừng thông phải thuê đôi raquettes và đôi gậy. Raquettes thì buộc vào giày để bước đi cho vững, còn đôi gậy dùng để dò đường, vì tuyết xốp phủ kín đường đi, nếu không dò trước nông sâu có thể bị thụt chân, sa xuống hồ như chơi.

Có lẽ trước đó một hôm, bão tuyết cũng thổi qua đây, nên sáng nay cảnh rừng thông toát ra một khí vị thanh khiết, nên thơ lạ thường.

Con đường vào rừng là cả một tâm tham tuyết trắng muốt tinh khôi, chưa hề có dấu chân người. Trên cao, hoa tuyết trĩu nặng cành cây, phủ kín tán lá, tưởng chừng như cả rừng thông, cành lá toàn bằng pha lê trong suốt, đang lóng lánh dưới ánh mặt trời.

Chúng tôi ăn picque-nicque ngay trong rừng, và ngày hôm sau, chúng tôi lại tiếp tục đi khám phá những khu rừng thông kế cận.

Hai ngày chót, chúng tôi đi thăm vùng núi tuyết Chamonix, Mont-Blanc. Nơi đây cũng có những bãi trượt tuyết nổi tiếng, nhưng chúng tôi chỉ muốn đi thăm Biển Băng(Mer de Glace).

Sáng hôm sau, từ khách sạn ngoài phố thị, chúng tôi ra ga xe lửa đặc biệt, đưa khách ngược lên núi Mont-Blanc, ở độ cao trên 4.000 mét. Cuộc hành trình bằng xe lửa này kéo dài hơn nửa giờ đồng hồ; nửa giờ đồng hồ ấy đối với tôi đã là kì thú. Suốt dọc đường lên núi,
SỐ 54

nhìn ra hai bên thung lũng, tuyết phủ trắng ngần, những cây thông ven rừng và dưới thung lũng đều trĩu nặng hoa tuyết, trông như những cánh rừng pha lê nơi Vercors, đang thi nhau phản chiếu ánh nắng lung linh.

Tôi ngồi trên xe mà không yên, cứ đổi chỗ hết dãy ghế bên phải lại sang bên trái, tay trên thành cửa sổ, say sưa ngắm cảnh thiên nhiên cho thoả con mắt.

Đến Mer de Glace, trước tiên chúng tôi tới thăm Động Tuyết, nơi đây tuyết đóng băng thành một cái động lớn, quanh năm suốt tháng không hề suy chuyển. Mer de Glace cũng vậy, tuyết đóng thành biển băng từ bao ngàn năm. Biển Băng không bao giờ hao mòn mà trái lại, cùng với thời gian, tuyết càng ngày càng dày thêm, nay đã sâu trên 2.000 mét. Sau đó , chúng tôi trèo lên ngọn Jorasses.. Xung quanh núi non san sát, tạo thành một quần thể trông rất hùng vĩ.

Đúng là mỗi nơi , mỗi cảnh thiên nhiên đều có những nét đặc thù riêng của nó, nhưng phải công nhận những nơi núi tuyết mà chúng tôi vừa rong chơi , nơi nào cũng để lại trong lòng chúng tôi những ấn tượng sâu sắc, những kỷ niệm kỳ thú, khó quên.

Trên chuyến xe ca từ núi tuyết trở lại thành phố Grenoble, thật bất ngờ, tôi đã bắt gặp một hình ảnh thân thương của làng Bạch Mai, quê mẹ, những năm còn thơ ấu. Trên xe ca từ triền núi dốc cao chạy xuống, trước mắt tôi, những vòm cây, tán lá phủ đầy tuyết trắng xóa, lúc này, xa trông, tôi tưởng chừng như những cánh đồng hoa mai đang tung bùng nở rộ những cánh hoa trắng muốt, nồn nả nơi làng xưa mỗi khi xuân đến .

Từ trên đỉnh núi Mont-Blanc
Trông vời cổ quốc ... mịt mù tuyết bay
Đường xuống núi ... trắng ngàn cây
Ngõ mai hoa đã nở đầy quê xưa.
(P.T.N.)

Phạm thị Nhung
(Paris)

CỘNG ĐỒNG VIỆT NAM Ở MỸ TRƯỚC 75

Trương Ảnh Thụy

Phần I

Trước năm 75 của thế kỷ XX, không có bao nhiêu người Việt ở trên đất Mỹ. Có lẽ không hơn 10-15 nghìn người trên khắp nước Mỹ rộng lớn bao la này. Trong số này khoảng 10 nghìn người có lẽ là vợ con của những người Mỹ sang chiến đấu hay phục vụ tại Việt Nam, những thành phần mà tiếng Mỹ gọi là “war brides” với con riêng của họ hay/và con lai với chồng Mỹ. Khoảng 2 nghìn người là sinh viên Việt Nam theo học trong các trường đại học Hoa Kỳ hay sĩ quan tu nghiệp và có chừng 2 nghìn người nữa là nhân viên một số cơ quan, như sẽ được phân tích dưới đây. Số người sau này tăng giảm, một số không ở đây cố định, họ ở hết nhiệm kỳ thì lại trở về nước, một số khác được gửi sang...

Các thành phần kiều bào trước 75 có thể được phân loại chi tiết như sau:

Sứ quán, Tổng lãnh sự, văn phòng Quan sát viên LHQ

Giới này tương đối đông đảo. Các nhân viên Việt Nam này không những gồm những người được tuyển từ Việt Nam mà còn có người được tuyển tại chỗ. Giới này, nếu đi từ Việt Nam thường mang theo cả gia đình, có khi mang cả người làm. Như trường hợp Sứ quán ở Washington, tuy nhân viên thực thụ không quá 40-50 người, nhưng trong thực tế khi cộng cả vợ con và những người đi theo thì cũng vẫn có

thể lên tới vài trăm. Họ thường sống tại các thành phố lớn, gần nơi các văn phòng họ làm việc. Đó là trường hợp Sứ quán VNCH tại Washington, Văn phòng Quan sát viên ở LHQ ở Nữu Ước và Tòa Tổng Lãnh Sự Việt Nam ở San Francisco.

Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (VOA)

Nhân viên đài Tiếng Nói Hoa Kỳ trung bình có độ 15 người, cộng thêm gia đình họ chắc cũng phải lên tới cả trăm người. Đa số các nhân viên này sau một thời gian đã trở thành dân Mỹ. Họ sống qui tụ trong vùng Hoa Thịnh Đốn.

Sinh viên

Các sinh viên sang Mỹ du học tại nhiều trường và được cấp nhiều loại học bổng, điển hình nhất là:

1/ Học bổng của IIE (International Institute of Education), gồm các học bổng lẻ tẻ của các đại học, trao qua IIE ở New York. Các sứ quán Mỹ ở các quốc gia, thường là phòng thông tin Mỹ USIS (U.S. Information Service), chọn người để cấp học bổng qua các kỳ thi.

2/ Học bổng của USAID (U.S. Agency for International Development, Cơ quan Viện trợ Quốc tế của Hoa Kỳ). Phần lớn các sinh viên đi học lấy bằng hay các công chức Việt Nam đi tu nghiệp (1-2 năm) đều qua con đường này.



* GS Toàn Phong Nguyễn Xuân Vinh (người ngồi dãy bên trái, mặc áo trắng cổ cao, với bé gái, con ông trên lòng. Bên trái ông là sinh viên Phan Anh Dũng, một người đầy máu văn nghệ, hiện sống với vợ là Tâm Hảo và hai con ở Richmond.) Hình chụp các sinh viên VN du học ăn Tết ở Ann Arbor, Michigan, khoảng năm 1972.

3/ Học bổng do phía Công Giáo tổ chức xin từ các đại học. Cha Jacques (Cha Emanuel Jacques), người Bỉ, nói tiếng Việt rất thông thạo, là người phối hợp chương trình này trong rất nhiều năm. Đặc biệt Cha là ân nhân của rất nhiều sinh viên Việt Nam thời đó.

4/ Một số nhỏ hơn nhiều và học bổng ít tiền hơn nhiều do chương trình của Bộ Giáo Dục Việt Nam.

5/ Các học bổng cá nhân do những liên hệ riêng với các trường công, tư, hoặc các trường Công Giáo. Một số sinh viên được đưa vào học ở các trường nổi tiếng của Mỹ như các trường gọi là Ivy League ở miền Đông Bắc như Harvard, Yale, Princeton, Columbia, Darmouth, Cornell..., một số khác không theo học ở các trường loại đó nhưng cũng rất nổi tiếng như MIT, Stanford, Caltech, Berkeley,...vv... Và cũng còn có một số không nhỏ được theo học tại các trường tư ở những chốn xa xôi.

Trong những ngày lễ các sinh viên xa nhà thường cảm thấy rất cô đơn, nhớ nhà, nhớ nước. Có được những bữa cơm với những món ăn Việt Nam tại các gia đình ở Mỹ lâu năm, họ cảm thấy ấm lòng.

Trong số các sinh viên, phải kể cả các công chức, quân nhân, giáo sĩ, ma-sơ sang tu nghiệp. Cũng lại có một số các linh mục, ma sơ được các Họ Đạo bảo trợ cho ở lại tu học vô hạn định. Các vị này ở Mỹ từ lâu năm, vì thế giới sinh viên du học đều biết đến và thân cận. Các cha tuyên úy của Hội Sinh viên Công giáo Việt Nam tại Mỹ như các Linh-mục Chu Công (về sau Cha đi theo ngành Trappist, tức ngành Khổ hạnh phải tịnh khẩu suốt ngày), Cha Joseph Đức Minh (có một hồi lâu ở Mineola, New York, và bây giờ ở Camarillo, CA), Cha Thanh Hùng (lúc làm tuyên úy) ở Chicago...vv...



* Hình chụp ở Buffalo, New York. Đứng giữa là Linh mục Mai Thanh Lương, chụp chung với một số sinh viên vừa dân sự vừa quân sự. Người đứng sau linh mục bên trái là Nguyễn Ngọc Yến nay ở gần Los Angeles, bên phải là Phạm Tiến Hưng, đã từng làm chủ tịch Hội SVCGVNTM, nay ở Houston, TX. Linh mục Mai Thanh Lương sau 75 về Louisiana, và hiện làm Giám mục tại địa phận Orange County.



* Hình tại Đại Hội SVCGVNTM năm 74 tại Worcester, Mass với các linh mục, các sơ, và các sinh viên.

Các Trường Việt Ngữ Quân Đội

Do chiến tranh Việt Nam kéo dài nhiều năm, chính phủ Hoa Kỳ gửi nhiều quân đội sang tham chiến tại miền Nam. Nhu cầu quân nhân Mỹ học tiếng Việt trở nên cấp thiết. Có hồi các trường sinh ngữ quân đội mọc lên như nấm. Các nơi dạy tiếng Việt do chính phủ lập nên, mà điển hình nhất là các trường DLI (Defense Language Institute) ở Washington D.C., trường DLI ở Monterey, California, trường NSA (National Security Agency) ở Ft. Meade, Maryland, để huấn luyện người theo dõi “signint” (“signal intelligence,” các trao đổi bắt được bằng radio, điện thoại, ...vv...), trường sinh ngữ của Bộ Ngoại Giao FSI (Foreign Service Institute) ở Arlington, Virginia, hay trường sinh ngữ liên ngành của chính phủ...vv... Trường DLI-West ở Monterey có lẽ là trường lâu đời nhất của quân đội và mới chỉ giải tán cách đây chừng vài năm (các trường khác đã giải tán ngay sau khi chiến tranh VN chấm dứt), lúc nào cũng trên dưới 15-20 giáo sư Việt Nam, cộng thêm gia đình họ thì có lẽ đến cả trăm người. Ông trưởng ban (chairman) Việt Ngữ đầu tiên của trường DLI, Monterey là ông Nguyễn Đức Thọ, rồi lần lượt đến các ông Hiệp, ông Phạm Đăng Tải, ông Dương ...

Các trường sinh ngữ chính phủ khác thì thường không nhiều giáo sư. Có những lớp dạy tiếng Việt trong các căn cứ quân sự như El Paso (ở Texas) hay Fort Bragg, North Carolina. Các giáo sư dạy trong các trường này thường là những người Việt kỳ cựu ở Mỹ. Họ là công dân Mỹ, hay ít nhất có thể xanh (thẻ thường trú) để đợi vào dân Mỹ. Họ được tuyển như là nhân viên chính phủ. Trong những năm cuối của thập niên 60, quân đội Mỹ sang tham chiến ồ ạt tại Việt Nam, nhu cầu huấn luyện tiếng Việt cho quân đội càng lớn, chính phủ phải cho các tư nhân đấu thầu công việc dạy tiếng Việt. Một số các trường chính được thầu lúc bấy giờ là Lacaze, Sanz, Crowell-Collier hay WIT (World Instruction and Translation)... Họ lập nên các trường dạy tiếng Việt cỡ lớn và tuyển một số giáo sư đông đảo. Có trường tổ



Một số nữ giáo sư trường DLI ở Monterey California. Hình chụp trước cửa lớp học. Từ trái qua phải: Hàng trước: Tuyết, Trương Anh Thụy, Tuấn Jenson. Hàng sau: Mme Lam Sơn, nhà văn Linh Bảo, Cẩm Thành. Hình chụp khoảng cuối thập niên 60.

chức các lớp dạy ở ngay trong trại lính Fort Bragg, North Carolina; El Paso, TX. Ở Monterey, California thì trường thầy ở ngay dưới chân đồi, trường của chính phủ ở trên đồi, cả hai trường này cũng đông ngang nhau. Có lúc mỗi trường phải tuyển đến vài chục giảng viên dạy tiếng Việt—chưa kể gia đình, con cái họ cũng ở đấy, khiến cho số người Việt tập trung ở các vùng này khá lớn.

Trong khi các trường sinh ngữ thuộc nhà nước có số giáo sư chọn lọc, có trình độ, thì các nhà thầy mượn người hàng loạt, dễ dãi, gấp gáp... từ ở khắp nơi: Việt Nam, Pháp, Ý, Thụy Sĩ... và phần đông là người ở tại Mỹ. Trong các trường thầy này chỉ một số giáo sư có trình độ, đáng mặt giáo sư, còn lại không ít người thuộc loại “giáo sư nhầy dừ!” Đặc biệt có một số sinh viên học xong ở lại làm tạm ít tháng trước khi về nước, phải dạy học bên cạnh một số các bà vợ của các GI, không cả rành đọc hay viết tiếng Việt, tiếng Anh. Còn nói thì không chắc đã lên đến lớp nhất bậc tiểu học ở Việt Nam! Có người nói giọng Bắc còn ngọng, “l” thành “n” và ngược lại... gây nên những chuyện cười ra nước mắt...! Cũng vì thế, ngành dạy tiếng Việt ở Mỹ lúc bấy giờ bị coi thường, ngộ nhận, vợ đũa cả nắm, cho là thứ nghề mà... ai làm cũng được. Đôi khi còn bị tai tiếng nữa!

Các Gia đình chồng Mỹ Vợ Việt hay ngược lại

Số người này khá đông. Họ phần lớn là vợ các cố vấn Mỹ hay lính Mỹ (GI) trở về từ Việt Nam. Họ ở tập trung ở những nơi có các căn cứ quân sự, hay các thành phố có các trụ sở ngoại giao, nơi các ông chồng làm việc. Một số ít đàn ông Việt Nam sang du học, hay trong một vài trường hợp khác, lấy vợ/ chồng Mỹ, vợ/ chồng có quốc tịch Mỹ rồi ở lại thành dân Mỹ.

Vài trường hợp hãn hữu

Một vài trường hợp hãn hữu nhưng không kém phần quan trọng vì tính cách lịch sử không được viết thành văn của nó. Chẳng hạn, theo lời kể của anh Nguyễn Ngọc Bích, người đã sang Mỹ du học từ năm 1956 tại đại học Princeton, thì chính những người sau này lại là những người Việt đầu tiên mà anh được gặp khi đặt chân lên đất Mỹ:

“Trước hết có một cụ mà tôi không nhớ cả tên họ, chỉ còn nhớ là cụ tên Vinh ở Flushing, Queens, New York, ngoại ô thành phố. Khi tôi gặp cụ khoảng 1956-57, cụ cũng đã chừng 70 nhưng trí nhớ còn rất tốt. Cụ kể cho tôi nghe những chặng đường đi làm thủy thủ tàu viễn dương ngày cụ còn trẻ, cụ còn cho biết thuở đó cụ cũng đã gặp “anh Ba,” người mà về sau thành Nguyễn Ái Quốc rồi Hồ Chí Minh. Có lúc cụ đã đọc cả một bài thơ dài về đời thủy thủ, tàu đi đến những đâu, như đến Marseille thì ai làm gì, cập bến Toulon thì chuyện gì xảy ra ...vv..... Không còn ai nhớ rõ cụ Vinh sang Mỹ đích xác năm nào nhưng dựa vào một vài mốc thời gian thì có lẽ cụ cũng đã có mặt ở Mỹ từ những năm 1920 hay muộn lắm là thập niên 30 của thế kỷ trước.”

Cũng vẫn theo anh Bích kể về một cụ khác: “...tuy không già bằng cụ Vinh nhưng có lẽ cũng đã sang Mỹ từ thập niên 1930, là ông Đình Viết Hoạt. Sở dĩ ta biết cụ sang sớm là vì từ ngữ cụ dùng, cũng như từ ngữ của cụ Vinh, còn rơi rớt tiếng Pháp: Thế chiến I (1914-18) thì các cụ gọi là “Grăng Ghe” (“Grande Guerre” trong tiếng Pháp) còn Thế chiến II (1939-45) thì các cụ lại kêu là “Uỏ úa” (“World War” tức đã bị ảnh hưởng tiếng Anh, tiếng Mỹ). Ông Hoạt vào đầu thập niên 1960 thì ở khoảng đường 50 (50th Street) về phía gần

“Times Square” (“Times Square” theo lối gọi của các cụ) và đến giữa thập niên đó thì ông có về Sài-gòn chơi, dù ông là người Bắc. Sài-gòn, do đó, đối với ông cũng xa lạ gần như một nước ngoài và trong suốt cuộc hành trình về thăm viếng Việt Nam, cụ chỉ nhớ có mỗi một điều mà theo cụ là thật lạ lùng: con gái Việt Nam không đi tất, một chuyện theo cụ gần thô lỗ như người ta đi đường mà không mặc quần!

“Có ông Đỗ Sơn ở Queens, năm 1980 cũng phải trên 80, vợ Hòa-lan, cũng là người đi nhảy tàu sang Mỹ từ những năm cuối thập niên 1930. Ông có lẽ cùng đợt với các ông Lý Đức Lâm, Nguyễn Đức Thanh và Lâm Quang. Mỗi người trong mấy vị này đều có một tiểu sử thật riêng tư và đặc biệt.”

Ông Lý Đức Lâm, anh Bích kể tiếp: “Tôi không còn nhớ rõ sang Mỹ năm nào, chỉ biết ông là người Nghệ Tĩnh và khi, trong Thế chiến II, người Mỹ cần có người dạy tiếng Việt cho một số quân nhân của họ thì họ chỉ tìm ra được có ông Lý Đức Lâm. Một đảng họ nhờ ông Lâm dạy cho họ tiếng Việt, một đảng họ mượn G.S. Murray B. Emeneau, một chuyên gia hàng đầu về tiếng Phạn (Sanskrit của Ấn-độ) lúc bấy giờ đang dạy ở Columbia, hỏi ông Lâm về ngữ pháp Việt Nam. Dựa vào sự cộng tác này, sau đó ông Emeneau đã viết nên một trong những quyển ngữ pháp hiện đại nhất về tiếng Việt mà Đại học Berkeley, khoảng năm 1951, đã in ra dưới tên *An Annamese Grammar*. Cuốn ngữ pháp này, cho đến ngày nay, vẫn còn giá trị.

“Đến năm 1942, khi Đài VOA được dựng ra để dùng làm một vũ khí tuyên truyền chống lại Đức Quốc Xã và Nhật Bản thì tự nhiên có nhu cầu cần phát thanh bằng tiếng Việt. Thế là các ông Lý Đức Lâm, Nguyễn Đức Thanh và Lâm Quang là những người đầu tiên được

thuê vào làm việc trong đài. Chỉ hơi tiếc là ông Nguyễn Đức Thanh đã mất cách đây trên 20 năm và ông Lâm gần đây cũng đã ra đi ở Maryland ở tuổi trên 90 nên ta mất đi hai chứng nhân hàng đầu về những bước chập chững này của ngành phát thanh quốc tế bằng tiếng Việt, phát thanh từ Mỹ về Việt Nam.”

“Chuyện ông Nguyễn Đức Thanh cũng khá ly kỳ. Ông còn đang là học sinh ở Hải Phòng thì Nhật đòi Pháp nhập Đông Dương (1940). Pháp vì mới thua Đức nên đành chịu, bắt đầu giai đoạn gọi là ‘một cổ hai tròng’ trên người Việt. Tuy quân Nhật là một đội quân rất kỷ luật song mấy anh này thường cũng rất nghênh ngang, đối xử với người Việt một cách rất khinh thị. Có lần bắt gặp một anh lính Nhật hỗn láo, chọc ghẹo con gái Việt Nam, anh thanh niên Nguyễn Đức Thanh bèn nổi máu anh hùng, tát cho tên Nhật một cái nhưng rồi sợ bị trả thù, đã phải chạy ra bến tàu trốn luôn trên một tàu buôn đang rời bến. Cuộc đời phiêu lưu mạo hiểm của ông bắt đầu từ đó, rồi dần dần anh theo tàu lưu lạc sang đến Nữ Ước, nơi đây anh đã nhảy tàu rồi ở lại luôn cho đến khi chết. Khi còn trẻ, ông Nguyễn Đức Thanh cà lăm, đôi khi rất tệ, vậy mà khi thiếu người, VOA vẫn phải mượn ông vì ông có chữ và dịch thuật tốt, để phần đọc cho người khác. Khoảng 1947-48-49 gì đó, ông gặp cô sinh viên Rosa Minh được gửi sang du học, hai người thương nhau rồi lấy nhau, sau đó với sự kiên nhẫn, bà Rosa Minh đã chữa cho ông hết được cái tật cà lăm, một kỳ công không nhỏ. Về sau, hai ông bà có ba mặt con gái với nhau.

“Ông Lâm Quang người Nam, ăn nói hoạt bát và tiếng Anh rất lưu loát. Ông lại còn có tài pha trò rất ‘tối’ nên trong nhiều năm, ở chỗ nào đông đúc hay hội họp của người Việt, như các dịp Tết hay ngày lễ Quốc tế (International

Day), ông thường làm M.C. Vì ông đùa bằng tiếng Anh rất lão luyện nên những buổi trình bày văn nghệ của Việt Nam thường rất được tán thưởng, nhất là khi lại còn kèm theo chả giò nóng giòn của các phụ nữ Việt Nam, vừa hiếm quý thời bấy giờ vừa xinh như mộng.”

“Ngoài ra còn những mẩu chuyện của những người Việt có lẽ là đầu tiên sang Mỹ để theo những người đi tìm vàng. Một nhân vật có thật trong lịch sử được học giả Nguyễn Hiến Lê kể lại chuyện đời khá tử mỉ trong cuốn *Đường Thiên Lý*. Rồi đến ông Bùi Viện, sứ giả đầu tiên của Việt Nam do vua Tự Đức phái sang Mỹ để gặp Tổng thống Ulysses S. Grant xin giúp đỡ chống Pháp. Ông có sang Mỹ tới hai lần (1873 và 1875), lần đầu có diện kiến được ông Grant nhưng lần sau sang thì ông Grant đã hết làm Tổng thống nên ông buộc lòng về tay không. Rồi đến người Bắc kỳ (“le Tonkinois”) được nói đến trong tiểu thuyết nổi tiếng của Pháp, *Papillon*, một người có thật bị đẩy sang đất Guyanne thuộc Pháp ở Trung-Mỹ mà rồi vẫn táo bạo vượt được ngục, không biết về đâu, rất có thể là cũng đã theo một trong những con tàu thời đó sang Mỹ—trừ phi là ông chết trên biển hay ở đâu đó. Hồi ông Bill Clinton sang thăm viếng Việt Nam vào tháng 11 năm 2000, Tổng thống Mỹ đầu tiên đặt chân đến nước mình, ông còn nhắc đến Tổng thống Thomas Jefferson, người có trang trại ở Charlottesville, tiểu bang tô cư ngụ (Virginia), ngay từ cuối thế kỷ thứ XVIII đã tìm cách du nhập vào Mỹ một giống lúa rất tốt ở miền Nam nước ta (Cochinchina). Dù chuyện này không thành nhưng vấn đề đặt ra vẫn là: ông lấy giống đó ở đâu ra? Từ một người Việt gặp ở Pháp khi ông còn làm đại sứ Mỹ ở Paris hay từ một người Việt (hay ai đó) mà ông có thể gặp ở Mỹ chẳng?”

Những chuyện trên cũng do anh Bích kể lại nhưng đó là những chuyện nhạt nhẽo đã có trong lịch sử, mà chính anh cũng chỉ được đọc, không được chứng kiến.

Các sinh hoạt của những kiều bào trước 75 tại Mỹ

a) Hội Sinh Viên Công Giáo:

Hồi đó chỉ có một hội toàn quốc hoạt động đều đặn và bền bỉ, đó là Hội Sinh Viên Công Giáo Việt Nam Tại Mỹ, trụ sở ở trên đường Blackstone Avenue, Chicago. Nếu nhóm sinh viên Việt Nam đầu tiên sang Mỹ du học tập trung ở miền Đông, nhất là vùng Đông Bắc (có thể tạm gọi được là “hành lang Boston-New York”), thì chỉ ít năm sau, sang đến thập niên 50 là Hội SVCG đã quy tụ được một số anh chị em ở vùng Trung-Tây (Midwest), đặc biệt là vùng Chicago và phụ cận. Tiếng là Hội sinh viên Công Giáo nhưng người không công giáo chiếm đa số. Có lẽ cũng để thu hút những người loại sau này, nên Hội có một nội quy rất rộng rãi: chỉ cần anh Chủ tịch Hội là người Công giáo còn từ phó CT trở xuống là có thể là người thuộc bất cứ tôn giáo nào. Song hiển nhiên, vì là Hội SVCG nên cũng phải có một cha tuyên úy lúc nào cũng làm việc bên cạnh Hội. Vả, có cái áo và danh nghĩa linh mục nên các cha cũng dễ đi tìm sự yểm trợ từ các cơ quan công quyền hay giáo quyền của phía Mỹ (tỷ như mượn chỗ họp mặt Giáng Sinh hay họp trại hè, chẳng hạn). Các cha rất thân thiết với các anh chị em trong Hội, mà nhiều cha như cha Đức Minh rất cởi mở và vui tính... Hội có ra một tờ báo, ra thất thường, lấy tên là *Chuông Việt*. Lúc khỏe thì ra hàng tháng nhưng phần lớn chỉ ra được 3-4 số một năm thôi. Tuy báo có hình thức tiểu công nghệ (trong nhiều năm quay roneo) nhưng vì cả nước chỉ có một tờ báo này là có tin các bạn bè nên

rất được trông chờ, ít nhất cũng về phần tin tức, ông đi qua bà đi lại (từ Việt Nam hay từ các tiểu bang khác) thường được nhắc tới...



Bìa tờ báo Chuông Việt số 173-174, năm 72-73

Rồi cũng tùy người chủ bút, tờ báo có thể ngã về nghiên cứu nhiều hơn hay sáng tác (văn, thơ, tiểu luận...) nhiều hơn. Do vậy mà những cây bút chủ lực thì ngoài mấy anh chị trong ban biên tập, những người có máu văn nghệ có mặt ở Mỹ lúc bấy giờ cũng có chỗ để gửi các bài thơ, các truyện ngắn, tùy bút... đăng lai rai, nhờ vậy mà các sinh viên và kiều bào cũng có được những tin tức và trao đổi mặt thiết với nhau... Bên cạnh đó, hàng năm Hội tổ chức hai lần họp mặt dưới hình thức trại Hè và Họp Mặt Giáng Sinh. Họp mặt Giáng sinh thường được tổ chức tại Barat College ở Chicago, còn trại hè thì tổ chức mỗi năm ở một tiểu bang khác. Mỗi kỳ trại hè có lẽ cũng đến cả mấy trăm sinh viên về tham dự. Họ ăn uống, ca hát, đóng kịch, hội thảo (có năm cũng sôi nổi lắm, nhất là trong mấy năm phong trào phản chiến lên cao độ)... Hội đó cứ gặp người Việt đã là hiếm quý, các tài năng lại còn hiếm quý hơn cho nên hễ ai có chút tài gì là dễ dàng

nổi tiếng. Không ít cặp trở nên vợ chồng, sau các buổi trại này. Hội cũng có những hoạt động xã hội như cứu lụt ở quê nhà, hay gây quỹ yểm trợ Đại Học Huế sau cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân của CS Bắc Việt.

b) Ngoài Hội SVCG Việt Nam tại Mỹ là một hội hoạt động có tính cách toàn quốc, tại các địa phương thỉnh thoảng cũng có Hội Việt Kiều, Hội Sinh viên Việt Nam (nhất là ở các tỉnh lẻ đại học), hay các Hội Việt Nam tìm cách “đem chuông đi đánh xứ người,” nghĩa là giới thiệu văn hóa, lịch sử, văn thơ nhạc Việt Nam đối với người Mỹ. Cũng còn có những nhóm nhỏ tìm cách làm công tác xã hội như nhóm sinh viên đại học Buffalo, NY, đã từng đi bán thiệp Tết gây quỹ cho Hội “Aid to the Children of Vietnam” ...vv...Nhưng có lẽ đáng kể nhất là một nhóm kiều bào sống ở vùng Hoa Thịnh Đốn. Nhóm này (lúc đó chưa có nhu cầu lập thành Hội,) tạm gọi là “Nhóm làm việc thiện nguyện HTĐ” gần như không bỏ qua một dịp cứu trợ nào khi có lũ lụt ở miền Trung hay những thiên tai khác ở quê nhà.



* Một màn văn nghệ có tính cách dân tộc tại đại hội SVCGVNTM ở Worcester, Mass.

Nhóm này gồm những thành viên như các chị Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thị Phương Dung (đã khuất), Dương Nguyệt Điện, Hoàng Quỳnh

Hoa, Nguyễn Thị Ngân, anh Nguyễn Ngọc Bích và kẻ viết bài này... Thường chúng tôi tổ chức Hội Chợ trong khuôn viên tòa Đại Sứ Việt Nam, quây tặng các món đồ tiểu công nghệ Việt Nam như đồ gốm, đồ đồng, khăn bàn, áo thêu, nón, guốc... và các món ăn truyền thống Việt Nam như chả giò, thịt nướng... bày ra bán lấy tiền gửi về.

Vào năm 73 bắt đầu có phong trào “sinh viên và Việt kiều về thăm nhà” do Bộ Dân Vận khuyến khích và hỗ trợ, với mục đích để sinh viên có cơ hội nhìn lại quê hương, trong hoàn cảnh phát triển cũng như chiến tranh tàn phá... hầu muốn trở về đem tài năng, sở học... tiếp tay sinh viên quốc nội, xây dựng đất nước... vì thế đã dành mọi dễ dãi để các sinh viên, dù là đã tìm cách ở lại Mỹ một cách bất hợp pháp bằng cách này hay cách khác, cũng được về mà không bị lôi thôi giấy tờ, hay bị giữ ở lại. Chuyến đầu tiên do Hội Sinh Viên Công Giáo tổ chức vào năm 1973. Một năm sau, người viết bài này cùng với các bạn Trần Văn Dương ở Chicago, Đỗ Hùng, Chử Ngọc Hoàng Anh, và Lê Trâm vùng Hoa Thịnh Đốn thành lập Vietnam Travel Fund, với sự hỗ trợ của Hội Sinh Viên Việt Kiều Quốc Gia tại Bắc Mỹ, tổ chức hai chuyến bay, một từ Washington DC, một từ Los Angeles về thăm nhà. Cùng hè năm đó Hội Việt Kiều Montréal cũng tổ chức một chuyến bay của sinh viên và Việt Kiều, đi từ Gia Nã Đại về Việt Nam trong cùng một mục đích.

Phái đoàn đã được chính quyền đón tiếp long trọng và bố trí cho đi thăm cố đô Huế, Nha Trang, Đại Lộ Kinh Hoàng ở Quảng Trị, bờ sông Bến Hải... Có điều đáng ghi nhớ là phái đoàn đã thăm được các quân trường, trong đó có Lữ Đoàn III Nhảy Dù, Sư Đoàn Thủy Quân Lục Chiến. Phái đoàn đã tặng một món tiền để

góp phần xây cất lại trường tiểu học Quảng Trị. Tặng Học bổng cho học sinh Quốc Gia Nghĩa Tử, đồng thời nhờ Báo Chính Luận trao tặng 20 học bổng cho học sinh nghèo xuất sắc.



*Phái đoàn “Sinh Viên về Thăm Nhà Hè 74.”
Chuyến bay từ Hoa Thịnh Đốn.*



Trương Anh Thụy cùng Phái Đoàn “Sinh Viên Về Thăm Nhà Hè 74.” Chuyến bay từ Los Angeles, được Sinh Viên Quốc Nội đón tiếp. - Hình chụp tại sân bay Tân Sơn Nhất.

Trong cùng chuyến đi đó, người viết bài này cũng thay mặt “Nhóm làm việc thiện nguyện Hoa Thịnh Đốn” cùng với bà Nguyễn Ngọc Bích--đại diện Nhóm tại VN--đi thăm và tặng Cô Nhi Viện Quách Thị Trang một số dụng cụ, máy móc huấn nghệ cho các em cô

nhì. Ngoài ra, Bệnh Viện Nhi Đồng cũng được Nhóm HTĐ tặng một món tiền.

(Xin xem tiếp phần II)



Tại bờ sông Bến Hải. Bên kia sông thấy có lá cờ đỏ sao vàng. Từ trái qua phải: Trần Đình Hi, Trương Anh Thụy, Trần Đình Hoa.

DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH

Tùng đêm dài tiếng dòng sông vô tận
Bóng dừa nghiêng theo cơn gió biển xanh
Tay đan tay bên hàng liễu ướt cành
Nghe chim hót mong manh trong sương sớm

Nắng chưa lên, màu hoa đã thấm đượm
Mắt biển buồn vài con sóng nhấp nhô
Mây bay cao sương mù che cuối phố
Hải đăng mờ đang đứng mãi bơ vơ..

Bản Tango chiều xưa, ta còn nhớ
Hát tặng em đêm uống rượu tuyệt vời
Violetta ngày ấy đã xa khơi
Còn một nửa hồn người .. còn ở lại..

Cơn mưa hạ vỡ vàng ta tiếc mãi
Buổi chiều loang màu tím sớm phôi phai
Dấu trong lòng hình ảnh cố người ngoài
Tội nghiệp em, âm thầm sang thuyền khác!

Đã lâu rồi... đóa hồng xưa lưu lạc
Cõi người ta quanh quẽ bên u minh
Ta quen em se kết mối ân tình
Ai đã lội ngược dòng sông định mệnh ?..

Reno,
đêm 31- 12- 07

**BÙI
THANH
TIÊN**

(Virginia)



TẠP TRUYỆN

Nguyễn Lân

Có những truyện không bao giờ quên được. Nó cứ ray rứt trong lòng, ở với mình mãi mãi...

MỘT TỐI

Mùa đông năm 1948. Mùa đông năm ấy tại Hà Nội lạnh lắm. Ba tôi mất tích tại trấn Thạch Long, Quảng Châu bên Trung Hoa đã nửa năm. Mẹ con tôi mới hay tin dữ chưa đầy tuần lễ. Lúc ấy tôi chừng mười tuổi. Gia đình có năm mẹ con, thêm bà ngoại và một ông cậu hờ là bầy người trong một căn nhà hai tầng khá rộng rãi ngay tại nội thành, phố Lý Thái Tổ.

Như thường lệ, tối hôm đó, sau bữa cơm chiều tôi ngồi học trước khuôn kính cửa sổ trông ra ngoài vườn âm u trong bóng tối, chẳng còn nhìn thấy gì ngoại trừ bóng hình của chính mình trong khung kính cửa sổ.

Chợt tiếng rú ngay bên tai: “Trời ơi! Không phải anh đấy chứ?!”

Mẹ tôi đứng ngay sau lưng, mặt thất thần, run rẩy, nhìn chòng chọc khuôn kính cửa sổ tối đen thấp sáng gương mặt tôi bằng ngọn đèn dầu leo lét. Nghe tiếng hét của mẹ tôi đã giật mình, nhìn bà hoảng loạn tôi hãi hùng thêm.

Tôi kêu lên: “Mẹ ơi! Con đây mà! Mẹ trông ra ai vậy?”

Mẹ ôm chầm lấy tôi: “Mẹ nhìn con mà cứ ngỡ là Ba. Tại con giống Ba quá!”

Tôi quay lại, nhìn thẳng vào mắt bà, trấn an: “Lần đầu tiên con nghe thấy mẹ nói vậy.

Thế tại sao con không được gần mẹ như các người con khác?” – Ngần ngừng giây lát, tôi thốt ra một lời nói ấp ú đã lâu nay – “Hay cũng tại con giống Ba?”

Tôi không thể quên được tia nhìn của bà. Một tia nhìn đau đớn, khờ dại. Một tia nhìn như không muốn thấy ai, như rơi vào cõi hư vô...

Một tuần lễ nữa trôi qua. Tin Ba tôi chết bây giờ mới tới! Không ai biết rõ cái chết của ông. Những giả thuyết trái ngược nhau, ông bị bạo bệnh hay bị đầu độc?

Anh em tới nhận xác, thi hài người quá cố đã chường phình, đã bắt đầu rửa nát!

MỘT TRƯA

Chúng tôi chung sống cũng đã mười lăm tháng trời. Ngày Phong Nhụy bỏ nhà theo tôi nàng còn khỏe mạnh, da dẻ hồng hào. Nàng có cặp mắt lá rậm hơi xéch làm náo lòng người, cặp môi mọng đỏ với nụ cười tươi khoe hàm răng đều đặn trắng bóng. Thuở ấy, tôi nhìn giai nhân ở cặp mắt và sóng mũi. Nhưng hôm nay, tôi lại thấy khóe miệng rất cần. Phong Nhụy hội đủ những nét đẹp Á Đông là lạ hấp dẫn cho cả xưa và nay.

Nàng ngoan ngoãn, cần cù, biết nghe và rất thương yêu tôi. Nàng là một người tình tuyệt vời. Ngày từng ngày ngập tràn hạnh phúc. Tôi thật may mắn!

Năm ấy tôi còn đương học Sư Phạm. Còn nghèo. Đi học buổi sáng. Kèm trẻ tư gia buổi chiều. Chặt vật lắm mới thuê nổi một căn phòng khá rộng trong một ngõ hẻm gần đường Trương Minh Giảng của Sài Gòn vào những năm 60. Phong Nhụy là người biết giành dụm, chắt chiu từng đồng cho cuộc sống lứa đôi. Mới mười tám tuổi, cái tuổi đẹp nhất của đời người mà nàng không đòi hỏi trưng diện. Nàng chỉ có hai cái áo dài trắng

thay đổi đi học và một áo dài nylon tím hoa cà với những bông hoa tím than li ti trên nền vải. Áo này chỉ để trưng diện những ngày cuối tuần khi chúng tôi sống bước ngoài đường dạo phố. Áo đã có một vết thủng nhỏ bằng ngón tay út trên vạt sau. Nàng mạng lại cũng vẫn còn đẹp. Nhưng cái nghèo không làm chúng tôi mất hạnh phúc. Mỗi tối về là tôi được lạc vào tiên cảnh.

Trưa hôm đó là một trưa Thứ Sáu. Ngồi trong giảng đường Đại Học Khoa Học mà không sao tôi tập trung được để hiểu giáo sư nói gì. Dạ cồn cào, tim đập hỗn loạn. Cứ nghĩ là rời nhà sớm, bụng đói. Đành chờ tan lớp ăn bữa trưa luôn. Thường ngày, Phong Nhụy dạy sớm để nướng một khúc bánh mì cho tôi lót dạ với xì dầu. Nhưng sáng nay nàng còn nằm yên trên giường. Nghĩ là nàng say ngủ nên tôi ra đường không bữa điểm tâm. Nhưng sao đầu óc rối tuếch? Nhưng sao nóng ruột quá thế? Hai tiếng đồng hồ trong giảng đường làm tôi muốn phát điên. Không thể tập trung nghe giáo sư thao thao giảng bài... Không chịu nổi nữa, tôi vùng chạy ra ngoài mặc cho mấy đứa bạn kế bên nhìn theo ngơ ngác.

Khu Đại Học Khoa Học, Đại Học Sư Phạm và Trung Học Pétrus Ký trưa Thứ Sáu đông nghẹt xe cộ. Luôn lách trong giòng xe suôi ngược rồi tôi cũng về tới nhà hơn nửa tiếng sau. Nhảy vội ba bốn bậc thang lên lầu, cứ ngỡ người yêu đang dọn dẹp bụi bụi trong phòng. Nhưng không, cửa phòng khép chặt. Ngạc nhiên, đẩy mạnh, cánh cửa bật mở. Phòng tranh tối tranh sáng vì những cánh cửa sổ khép kín, im lìm.

- Em ơi! Phong Nhụy ơi!

Không tiếng đáp lại. Bật đèn sáng. Trên giường hỗn độn với những quần áo vứt tung.

Nàng đi đâu? Sự kiện này chưa hề xảy ra cả mười lăm tháng trời nay.

Chạy như bay xuống dưới nhà, xông thẳng vào bếp. Bà chủ nhà đứng đó, nhìn tôi rầu rầu:

- Chúng tôi vừa đưa cô ấy vào bệnh viện Vì Dân. Không biết bệnh tình ra sao. Con gái tôi còn ở trong đó. Cậu tới ngay đi.

Không kịp hỏi thêm, tôi leo lên xe gắn máy, phóng như bay tới bệnh viện. May không gặp người cảnh sát nào. Hỏi thăm phòng cấp cứu nơi Phong Nhụy nằm, tôi hối hả xô cửa bước vào.

Phong Nhụy nằm đó, bất động. Trên người nàng chẳng chịt giầy nhợ trợ sống: máu, nước biển, oxygen. Da mặt xanh rờn, môi tím nhợt. Trời! Phong Nhụy của tôi!

Cô y tá nhẹ nhàng:

- Cô ấy bị đau đã lâu mà không chữa trị!

- Bị đau? Bệnh gì vậy?

Tôi nghẹn giọng. Nàng ở bên tôi hằng ngày mà tôi không biết bệnh tình của nàng. Thật đau đớn! Thật xấu hổ!

- Leukemia!

Thảo nào, dạo này nàng gầy đi, hay mệt và má không còn đỏ hồng như hồi đầu chúng tôi mới thương yêu nhau. Nàng bị ung thư máu từ bao giờ? Sao nàng không nói?

Tôi gục đầu bên giường bệnh, nắm chặt bàn tay bé nhỏ quen thuộc giá lạnh.

Phong Nhụy hé mắt:

- Duy!

- Sao em không cho anh biết?

- Cho em xin lỗi. Em không muốn anh quá lo lắng vất vả. Em làm cho cơ quan lau chùi cao ốc những khi anh vắng nhà. Em bị ung thư máu đã ba năm nay đúng lúc mình mới gặp nhau. Em không cho anh biết vì không muốn mất anh, vì em muốn có những

ngày hạnh phúc tốt đỉnh của đời sống. Em ích kỷ, phải không anh?! Cho em xin lỗi!

Nàng nói luôn một hồi trong khi sắc mặt ửng đỏ rồi tái dần. Như hụt hơi nàng nghẹn ngào, nấc nhẹ, rồi im lìm. Tôi cống quít. Y tá trực xô tới. Bác sĩ bỏ vào làm hô hấp nhân tạo, cấp cứu...

Tôi bị đẩy ra ngoài, mắt ráo hoảnh, miệng đắng chát. Sao tôi ngỡ ngẩn, đại khờ đến thế? Sao tôi không biết gì về sức khỏe người mà tôi thương yêu nhất đời? Sao tôi không nhìn thấy những dấu hiệu xuống dốc của Phong Nhụy đầu ngày nào cũng kề cận bên nhau?

Nửa tiếng đồng hồ trôi qua trong lo lắng, bồn chồn. Cuối cùng, ông bác sĩ trưởng bước ra khỏi phòng hồi sinh, lại gần tôi:

- Cậu là thân nhân của cô ấy?

- Thưa vâng.

Ông bác sĩ nhìn tôi, giọng trầm trầm u buồn:

- Thôi, cũng số mệnh. Xin chia buồn cùng cậu! Chúng tôi đã làm hết sức mình – rồi như phân bua, ông thêm – đến nhà thương muộn quá!

Tôi như tê liệt. Tôi nhìn ông bác sĩ trân trân. Tôi lờ mờ không hiểu rõ câu nói của ông. Tự nhiên tôi buột miệng:

- Đâu có muộn. Tôi đang chờ đón vợ tôi về.

Ông bác sĩ nhìn tôi thương cảm:

- Cậu vào nhìn mặt cô ấy lần nữa đi.

Tôi tung cửa bước vào phòng hồi sinh. Hồi sinh! Mía mai thay, Phong Nhụy đã tắt lịm trong phòng hồi sinh. Nàng nằm đó bất động. Giấy nhợ, bình tiếp máu đã mang đi từ lúc nào. Chỉ còn nàng đang nhắm mắt say ngủ như những tối chúng tôi bên nhau.

Không, không bao giờ nàng bỏ tôi... nàng đang say ngủ đấy thôi!

XUÂN NÀY XUÂN NỮA

Thấp thoáng nàng Xuân đã lại gần
Dù rằng hơi lạnh gió tàn đông
Mang theo tuyết trắng phoi đầy ngõ
Vẫn nhớ hoa đào nở cuối sân.

Bên đó mai vàng đua thắm nở
Ai đang tựa cửa dáng băng khuâng
Xuân này là đã bao xuân nhĩ !
Cách biệt phương trời để ngắm trông.

Lời hứa đầu năm nay đã hết
Xuân đi, Xuân đến, có thanh tân ?
Tin qua, tin lại, đau duyên phận
Thương nhớ nhân lên đã bội phần .

Chẳng lẽ trông hoài theo cánh nhạn
Bên ni bên nớ ngậm ngùi không ?
Chờ nhau suốt kiếp Xuân đâu nữa !
Tựa cửa bên thềm, mai nở bông.

Xuân Tân Mão

Đăng Nguyên
(Maryland)

MỘT SÁNG

Gia đình chúng tôi ở Cẩm Giàng, một huyện lỵ nhỏ thuộc tỉnh Hải Dương.

Nhà ba gian lát gạch men màu đỏ xậm trên nền đất đắp cao gân thước. Dãy nhà ngang phía dưới sàn bằng đất nện trắng xi măng. Cái sân thật rộng ngăn hai dãy nhà cũng được lát gạch bát tràng. Sau dãy nhà ngang là vườn cây rậm lá với nhiều cây ăn trái như ổi, mít, khế. Đạo đó, gia đình bên nội tôi là một gia đình danh giá có máu mặt tại huyện.

Sáng nào cũng vậy, cứ mở mắt là mẹ tôi vội vã xuống nhà ngang để lo cho cô Út. Cô bị bệnh gì tôi không biết vì hồi đó mới chừng 7, 8 tuổi. Tôi chỉ nhớ là cô ở trong một căn phòng có song sắt, có lưới bao. Căn phòng nhỏ vuông vức, mỗi bề chừng hơn hai thước, cửa sổ có chấn song nhìn ra vườn cây. Phòng này ở cuối hành lang của dãy nhà ngang, chỉ có một cửa vào duy nhất rộng, cùng kích thước lối đi. Hồi trước, cánh cửa bằng kính. Từ ngày cô Út ở, cửa được thay thế bằng những song sắt bọc lưới. Sở dĩ phải bọc lưới vì anh em chúng tôi hay chạy ngang phòng cô. Thế là cô với tay nắm lấy chúng tôi. Giằng co, kêu khóc âm ỉ mãi... Cha tôi xuống mới giải thoát được đám con nít tò mò ra khỏi bàn tay sắt của cô. Từ đấy, chúng tôi sợ, không dám đến gần cửa phòng cô nữa dù cửa phòng đã có lưới, cô không thò tay ra ngoài được nữa. Nhưng chúng tôi vẫn lén xuống nhà ngang, rình xem cô Út làm gì.

Cô thường ngồi bên khung cửa sổ ngắm trời xanh bên ngoài hay nhìn những cụm mây lơ lửng trôi trên trời, không nói năng. Những lúc ấy tôi thấy cô đẹp một cách ngây thơ trong trắng. Nhưng thẳng hoặc cô nổi hung với mẹ tôi khi bà ép cô ăn. Chắc cô không thích ăn và nhất là cô không muốn bị ai ép buộc. Chị tôi bảo ngày xưa bà nội tôi nhốt cô trong nhà vì cô yêu ai đó và sửa soạn bỏ nhà

đi theo người ta. Từ ngày đó cô trở nên... làm sao ấy.

Bữa nào chị em chúng tôi lượn lờ trước phòng cô, tôi thấy mắt cô sáng lên:

- Lại đây! Lại đây... với tao. Mở khóa cửa phòng cho tao ra, tụi bay sẽ có vô số kẹo. Tao có cả một kho tàng kẹo bánh đậu ở vườn sau không ai biết.

Thế là ba chị em chúng tôi ù té chạy.

Thời gian cứ thế trôi... Một, hai, ba, bốn... năm... Chị hai và anh ba tôi ra Hà Nội học. Chỉ còn mình tôi trong căn nhà rộng lớn đầy ổi rụng ngoài vườn.

Mẹ tôi lại cần thai khi tôi 13 tuổi. Bây giờ thì tôi biết cô Út tôi điên vì thất tình, vì sự cấm cản của ông bà nội. Thuở ấy mẹ tôi mới về làm dâu, cô Út còn xinh đẹp óng chuốt lắm. Mẹ nói cô có mái tóc đen dài tha thướt tới khuỷu chân rất nổi trên nền da trắng mịn, má hồng đào, môi trái tim mọng đỏ như rướm máu, cặp mắt huyền mơ sóng sánh đa tình. Nhiều chàng trai trong huyện si mê đeo đuổi. Ông bà nội tôi lại khó, hai cụ theo đúng nho phong, đúng cung cách học trò Khổng Tử. Hai cụ có ba trai lớn, chỉ mình cô Út là gái. Tưởng con gái một thế nào chứ cô bi trói buộc vào kỷ luật gia đình nặng nề hơn các anh trai. Ra đường là bà nội kèm sát. Cô không được cắp sách đến trường như các anh nhưng cô được ba tôi dạy chữ, biết đọc, biết viết, biết thưởng thức những vần thơ tình tự! Ba tôi thương cô lắm, thường dấu giếm ông bà những cuốn sách, những truyện lãng mạn thời ấy bình cho cô nghe. Đó là những phút hạnh phúc của cô Út thuở thiếu thời.

Năm mười sáu tuổi, thân thể cô đã phát triển, đã rộ nở như nụ hoa mãn khai, lộng lẫy, bắt mắt. Nhưng tính tình còn ngây thơ vì con nhà gia giáo kiểu xưa, lại thêm cái bản

chất lãng mạn đa tình. Ở cô, theo mẹ kể, có những điểm đối chọi nhau thật là bất lợi!

Năm đó, ba cưới mẹ về làm dâu. Chính trong ngày cưới của ba mẹ tôi mà chuyện tình... buồn của cô đã xảy ra. Gia đình hai bên nội ngoại tôi đều có tiếng, có của, môn đăng hộ đối. Bà nội coi mắt con dâu tương lai, bằng lòng ngay. Ba tôi nghe lệnh bà, không dám có ý kiến. Ngày trạm ngõ, cô dâu chú rể mới biết mặt nhau. Cả hai đều hài lòng. Đám cưới linh đình vui vẻ.

Ông bà ngoại có một người con nuôi, cậu Thừa. Không ai biết gốc gác cậu. Ngay mới lọt lòng, thai nhi đỏ hồng được đặt trong hàng rào tre ngoài vườn. Bà ngoại nuôi đứa nhỏ từ đấy. Lớn lên, cậu khỏe mạnh, xinh trai, làm lụng công việc đồng áng cho ông bà ngoại tôi rất chăm chỉ cần mẫn. Cậu chỉ có một khuyết tật, không nói được, cậu là một người câm!

Ngày hôn lễ của ba mẹ tôi, cô Út và cậu Thừa gặp nhau. Cả hai đều bị tiếng sét ái tình! Họ nhìn nhau trong thương yêu, si mê, ước ao, mong đợi. Ba tôi thương tình đã lên ông bà nội tìm cách cho hai người gặp gỡ! Rồi, bà nội cũng biết. Bà gọi mẹ tôi dẫn mặt trước cô Út:

- Nhà này là nhà gia giáo. Má cưới con về cho thằng Cả vì con ngoan, vì là con nhà tử tế, có gốc gác đàng hoàng. Nếu thằng Thừa là ruột thịt của con, nếu nó không câm, má không cấm cản con Út. Đây là lời đầu, mà cũng là lời cuối. Theo lệnh ba, từ nay má cấm không cho thằng Thừa léo hánh đến đây, cấm không cho con Út ra khỏi ngõ mà không có má bên cạnh.

Thế mà cô Út vẫn lén vượt rặng tre già gặp chú Thừa. Ông bà nội nuôi chó canh giữ mà cũng không xong. Bà nội quyết định nhốt

cô vào căn phòng định mệnh. Từ đó, cô thẫn thờ thương nhớ người yêu rồi phát điên.

Trải qua bao mùa lá rụng... ông nội mất trước, rồi đến lượt bà nội.

Trên giường bệnh, giây phút cuối, bà nắm tay mẹ tôi, ứa nước mắt:

- Giá cha con không khó khăn. Giá má đừng ngu dần. Giá con Út nó đi hơn một tí thì đâu đến nỗi! Thôi cũng là số mệnh!

Một sáng, như thường lệ, mẹ tôi xuống nhà ngang cho cô Út ăn. Tôi nghe thấy tiếng hét hốt hoảng của bà. Tiếng người rầm rập chạy, ồn ào huyền ảo. Tôi cũng xuống nhà ngang. Cô Út treo cổ tự tử từ sáng sớm! Cô tìm đường giải thoát!

Thật tẻ cho cái đạo đức luân lý cổ truyền - sao nó đặc quánh trong tâm hồn nhiều người, nó buộc con người vào sợi giây xích suốt đời, nó làm mất hạnh phúc cuộc đời.

Đấy là cái giá mà cô Út tôi đã trả.



NGUYỄN LÂN
(Virginia)

Cùng Em

Thơ:
Cung T Lan

Nhạc:
Huy Lâm
©2011

Bolero

Anh hãy cùng
em ngắm trời cao biển rộng ———— Lắng nghe cánh buồm căng trước gió lao
xao Đùa chân trên sóng khi bình minh hừng sáng ———— Sưởi ấm tim
nồng cho tình ta vừa trao ———— Theo gió ta lướt qua những khu rừng
vắng ———— Qua từng mái lá ẩn trong sương ———— Hái hoa bắt.
bướm vờn trong nắng ———— Ru giấc mộng thường rũ vẩn vương. ————
Lyrics repeat
— Rồi theo đường mây ta cùng bay thật xa ———— Như đàn chim
én trốn đông qua ———— Trời mưa hay nắng không ngừng cánh ————

Theo gót xuân về trên ngàn cây nở hoa ————— Và hãy cùng
 em ta trở lại nơi đây ————— Nhìn nắng chan hòa ngập cỏ cây —————
 Trời cao rộng mở hay khép kín ————— Chẳng bận chi
 lòng ai có hay ————— Anh hãy cùng em ta đi tận cuối đời —————
 Cho dù bão tố chẳng chia phôi ————— Dù cho ngang trái không ly
 biệt ————— Mãi mãi đi cùng em vậy thôi —————
 1. Mãi mãi đi cùng em vậy thôi —————
 2. Mãi mãi đi cùng em vậy thôi —————



MỘT NGÀY PHÉP

Minh-Châu

Còn mấy hôm nữa là Tết.

Bà Hai nôn nóng chờ ngày con trai đến đón về nhà mừng Xuân cùng gia đình. Sự hiện diện đầu tiên vào dịp Tết của đứa con gái từ xa đến làm bà càng thêm nao nức.

Qua khung cửa sổ, đây núi phủ đầy băng là nơi ông bà được con gái đưa đi dạo chơi vào những ngày hè âm áp. Bà lơ đãng nhìn xuống bãi đậu xe trắng xóa. Mùa đông ở đây đường phố hay trơn trượt lái xe hoặc đi bộ đều rất nguy hiểm. Chỉ sợ xuất hay quỳnh quáng đạp chân lên thảng là xe có thể quay tròn như con vục. Nếu xảy ra trên đầu dốc thì chỉ có nước tập trung điều khiển tay lái sao cho khi xe tuột xuống dốc sẽ dừng lại ở một chỗ nào đó bên lề đường và cầu mong không có bộ hành hoặc xe nào khác xung quanh. Nếu xảy ra trên đường bằng thì cách duy nhất là lái cho xe lên được lằn ranh giữa đường hoặc lề đường nếu không muốn xe lướt trên lằn băng mỏng vô hình rồi tự động ủi vào xe phía trước mặt.

Bên trái bãi đậu xe là hàng thông phủ đầy tuyết tạo nên mọi hình dạng như các bức hình bán ở tiệm sách hay trong các phim hoạt họa. Ngày xưa trong sách báo bà Hai đã xem qua, tuyết chỉ là những đốm trắng xóa trên các bức hình phong cảnh, núi chỉ là những lằn vẽ màu xanh, nâu tùy theo độ cao. Các hồ trong miền núi ở Pleiku, Buôn-Mê-Thuật mà ông Hai thường nhắc đến bà cũng chưa hề đặt chân qua bao giờ.

Vậy mà ở đây bà chỉ cần vươn cánh tay là có thể sờ được các vách núi bên đường trong các chuyến đi chơi vùng núi. Bà Hai và chồng đã đi dạo quanh hầu hết các hồ xanh biếc có lối đi cho khách bộ hành trong các dãy núi quanh thành phố. Bà nhớ lại những hôm đi bộ ra chợ khi trời lạnh trên dưới hai mươi độ âm và tự nhủ “Kể ra thì mình cũng gan thật”. Những ngọn đồi thông rải rác trong thành phố gợi lại những ngày hè của bà ở Đà-Lạt sương mù vào thời son trẻ. Từ đồi cù nhìn xuống là hồ Xuân Hương thơ mộng với nhà thủy tạ nơi bà uống ly cô-ca chanh muối đầu tiên. Con dốc lên thác Cam-Ly bao lần giựt mình thức dậy bởi tiếng rú của xe lam khi anh tài xé rô ga cổ kéo chiếc xe đẩy áp các cô cậu học sinh bán xứ



hoặc hành khách đi viếng các danh lam thắng cảnh của nơi nghỉ mát nổi tiếng này. Bà thích nhất là sáng sớm theo dốc cầu thang ra chợ Đà-Lạt lựa những trái dâu mới hái từ vườn ra hoặc dừng chân bên các vườn trà ở Bảo Lộc nghe các cô bán hàng mời khách bên khung cửa kính khi xe đang từ từ chuyển bánh. Cảnh này cũng không khác gì các người bán hàng đuổi theo xe hành khách ở Bắc Mỹ-Thuận, cô bán cho bằng được những trái thơm vàng ửng hoặc các chùm bánh đậu, các gói bánh tráng khoai mì thơm phức.

Bà Hai nhập viện đã hơn hai tuần nay. Một tình cờ ngẫu nhiên đã đưa đến việc khám phá ra căn bệnh kéo dài từ mấy năm nay mà bà không hiểu căn nguyên. Bà luôn để ý đến các cơn đau quặn ở bụng và đi khám bác sĩ

chuyên khoa đầu đàn. Tuy bác sĩ cho biết đó chỉ là hậu quả của việc dùng quang tuyến hơn hai mươi năm về trước nhưng bà vẫn lo lắng và đi hỏi ý nhiều bác sĩ khác. Không có triệu chứng gì bất thường. Hầu như các câu giải đáp của bác sĩ và các câu trấn an của đứa con gái cũng không làm bà bớt suy tư. Dần dà bà đành phải chấp nhận như đó là một phần của cuộc sống. Bà luôn can đảm âm thầm chịu đựng những cơn đau quen thuộc. Đôi khi những câu hỏi han của bác sĩ trong lúc chẩn bệnh lại giúp bà có thêm nghị lực và cảm thấy nhẹ nhõm khi rời phòng mạch với toa thuốc trong tay.

Hôm nay là mùng một Tết. Bà Hai dậy sớm chuẩn bị quần áo sẵn sàng để khi con trai đến là có thể rời bệnh viện ngay. Từ mấy hôm trước bà đã cho các y tá trực biết là sẽ “đi phép” một ngày để ăn Tết với gia đình. Theo truyền thống gia đình từ khi rời Việt Nam, bà cúng gia tiên vào sáng mùng một rồi chờ con cháu về ăn bữa cơm đầu năm. Đêm giao thừa thì chỉ có ông bà thức để cúng sang canh.

Nếu ở Việt Nam thì sáng ba mươi bà sẽ đi chợ sớm mua hai con gà. Một con trống để luộc cúng giao thừa ngoài hiên. Một con mái để nấu canh măng khô cúng mùng một. Măng khô phải luộc nhiều lần cho nhừ rồi hầm với gà hàng giờ cho thấm và ngọt. Năm nào ông cũng dặn bà lựa gà có trứng. Đứa con gái lúc nhỏ chỉ chờ ông Hai làm gà xong, luộc lên và vớt trứng ra để ăn với muối tiêu trước. Có lẽ ông bà không thể quên những đêm giao thừa ở quê nhà khi ông cùng đứa con gái đi hái lộc ở Lăng Tả Quân Lê Văn Duyệt bên Gia-định được gọi

tất là Lăng Ông. Năm nào ông Hai cũng vui vẻ cho cô con gái cùng xông nhà. Ông biết rõ là cô bé theo ông vì chỉ muốn hái một cành lộc đem về cho mẹ và lác ông tre lấy một cái xăm cho ông để rồi theo ông ra cho thầy bói ngồi dọc theo lối đi vào Lăng giải quẻ. Vào đầu thập niên bảy mươi thì thói quen này hầu như không còn hấp dẫn nữa. Những cây kiểng đã bị rào lại vì năm trước khách hành hương thì nhau trèo lên cây hái cả cành lẫn hoa làm hư hao nhiều cây cối trong khuôn viên Lăng Ông. Từ đó lá cây được để sẵn trong bao nylon để phát cho mọi người. Hai cha con ông Hai bao giờ cũng về đến nhà sau giao thừa. Như thường lệ, bà Hai tươi cười đứng chờ sẵn ở cửa với lời chúc đầu xuân tốt đẹp nhất, mở đầu một năm mới trong bầu không khí gia đình ấm cúng. Trên mâm cúng sang canh bà luôn có mấy chén chè hoa cau bằng bột mì tinh và đậu xanh. Bà thường nói với con cái rằng đầu năm phải cho vui vẻ, cúng chè để ăn nói cho ngọt ngào dễ nghe. Chuyện gì cũng phải bỏ qua, không được giận dỗi vì sợ bị xui cả năm. Cũng không được đổ rác trong ba ngày Tết. Tục lệ này bà vẫn giữ. Rác được bà cột kín trong bao chờ đến mùng bốn tết mới đổ.

Đông hồ trước tòa thị sảnh điểm đúng mười một giờ khi con trai đưa bà Hai vào đến cửa nhà.

Một nét buồn thoáng qua ánh mắt bà. Bữa cơm lần này sẽ thiếu gia đình đứa con trai và cháu, chất nội vì cả con lẫn cháu bà đều bận công việc làm ăn. Thật quả là khó mà giữ truyền thống dân tộc trên đất khách. Ngày Tết Nguyên Đán cũng chỉ là một ngày như mọi ngày đối với người bản xứ. Có năm may ra rơi đúng vào



ngày cuối tuần thì gia đình mới có thể tề tựu đông đủ được.

Không hiểu vì thiếu vắng con cháu hay mệt mỏi vì các mũi “mọc-phin” mà bà Hai chỉ ăn qua loa sau khi cùng chồng nghiêm chỉnh khấn vái trước bàn thờ tổ tiên. Bữa cơm đầu năm này không có canh măng khô, không có rau cải xào cà rốt, không có dưa hành nhưng đĩa con gái bà đã nấu sẵn nồi canh gà đậu cho hợp với sức khỏe của bà. Một đĩa bánh chưng, một đĩa bánh tét, một đĩa mứt gừng, mứt dừa và mứt hạt sen trần đã được bày sẵn trên bàn thờ để chờ bà cùng chồng cúng gia tiên.

Tết ở đây cũng có dưa hấu nhưng lại không phải là món khoái khẩu của bà vì thời tiết buổi giá. Những năm trước đây bà Hai hay cùng chồng nấu bánh chưng tại nhà nhưng tuổi tác ngày càng cao, ông bà quyết định đặt bánh cho tiện. Lúc nào bà cũng đặt dư mấy chiếc bánh để dành ra giêng chiên lên ăn thật thơm ngon, không biết chán.

Lớn lên trong một xã hội mà việc bày tỏ cảm xúc riêng tư dường như bị hạn chế sau khi con cái qua bậc tiêu học, có lẽ bà rất mong mỏi các cử chỉ triu mến của mọi người trong gia đình. Sau bữa cơm trưa, bà Hai dịu dàng cầm tay ông ngồi im lặng trên trường kỷ trong lúc đĩa con gái dọn bàn. Đây là nơi ông bà đã sinh sống trên hai mươi năm xa xứ. Phía trên tủ TV là bàn thờ Phật với cảnh đào con gái bà làm với những đóa hoa bằng lụa do người bạn đem từ Hồng- Kông về. Bên trái là chiếc hũ sành với cảnh ngư ông đánh cá nổi bật trên nền nâu nhạt do ông Hai làm trong khóa đồ gốm. Chiếc màn cửa sô màu ngà như sơn trơn các chậu rau thơm mà bà gieo trồng và chăm bón hàng ngày bên chậu trúc con gái



bà đem về trong chuyến trở lại thăm quê. Những năm sau này bà phải nhờ người quản gia gỡ màn xuống để giặt vì sợ chân đứng không vững trên chiếc ghế đầu nữa. Bà biết rằng ở vào tuổi bà mà ngã thì phải lâu lắm mới hy vọng lành lặn để trở lại sinh hoạt bình thường.

Giữa phòng khách là bàn thờ tổ tiên. Trên mỗi bàn thờ đều có hai quả bưởi, một cặp bánh chưng và mấy đĩa mứt. Riêng bàn thờ tổ tiên thì có thêm đĩa trái cây bày biện gọn gàng đẹp mắt. Một nải chuối làm nền cho cam, quýt, táo, lê, hồng xếp chồng lên nhau thành hình tam giác đều. Ngoài ra còn mâm cơm đặt trước bát nhang. Ba làn khói vờn nhau theo điệu nhạc Xuân từ đĩa hát trên truyền hình. Bên trái là bình hoa hồng nhưng mà bà ưa thích.

Trước khung cảnh quen thuộc, bà Hai hồi tưởng lại các chậu quất ở góc nhà bên Việt Nam, các chậu cúc vàng rực trước cửa, cảnh mai cao trên hai thước kiêu hãnh chiếm một góc lớn của phòng khách trong chiếc bình sứ. Ông Hai phải lượn đi lượn lại mãi ở chợ hoa Nguyễn Huệ để chọn lựa, mặc cả cho được cảnh mai ưng ý nhất để đón Xuân. Theo ông Hai, cảnh mai phải được cắt đúng lúc và chăm nom đúng cách hoa mới nở vào ngày mồng một và trong suốt dịp Tết, trước khi ra lá. Bà Hai mừng tượng đến bình hoa “lay-on” trên bà thờ khi còn ở Việt Nam. Hoa “lay-on” là loại hoa bà mua để cúng vào những dịp lễ tết. Các ngày rằm, mồng một thì có hoa cúc đủ màu, có hoa vạn thọ là các loại hoa rẻ hơn lại giữ được lâu hơn.

Ngồi một lát cả hai ông bà đều ngủ thiếp đi sau khi tiếng nhạc dứt hẳn. Mãi đến xế chiều vợ chồng con trai bà và hai cháu nội

cùng hai chất mới đến. Trong căn phòng nhỏ, không khí bỗng trở nên nhộn nhịp hẳn với tiếng cười đùa của đám con cháu và tiếng hai chất nội thỏ thê mừng tuổi ông bà cổ. Theo thói quen, con trai bà mở ngay đĩa hát với chủ đề Xuân cho cha mẹ xem. Sau hai tháng nghe nhạc Giáng Sinh từ mọi phương tiện truyền thông trong thành phố, tiếng nhạc Xuân đưa ông bà Hai trở lại khung cảnh Tết dân tộc. Bà Hai lấy phong bao đỏ mừng tuổi cho cháu chất đồng thời chúc tất cả trong năm mới học hành tấn tới, làm ăn phát đạt.

Ở Việt Nam, ngày mồng một Tết tuy dành cho gia đình nội ngoại nhưng cũng là ngày chuẩn bị bánh mứt, trà, rượu để đón họ hàng xa gần và thân hữu. Qua ngày mồng ba, cả nhà thay nhau đi thăm họ hàng, xóm giềng, bạn bè. Bà Hai thường ở nhà tiếp khách trong khi ông Hai xuất hành đầu năm. Từ ngày

mồng bốn trở đi, hai con của bà Hai hay đưa các bạn về ăn cơm sau khi đi xem xi-nê hoặc đại nhạc hội Tết. Dù không phải là bậc “khéo tay hay làm” nhưng các món ăn của bà lúc nào cũng được bạn bè con cái nhiệt liệt hoan nghênh. Đặc biệt là món gà nhồi hấp nước dừa rất công phu, món chè kho và món măng cầu xiêm đá cục.

Tuy không có hoa mai hay tiếng pháo giao thừa để “tống cựu nghinh tân” hoặc nhìn ông hai chằm ngòi tràng pháo khai Xuân treo từ nóc nhà trước cửa vào ngày đầu năm để tiễn ông bà nhưng khung cảnh gia đình tề tựu đông đủ cùng nhau thưởng thức hương vị quê hương qua các lát bánh chưng, bánh tét với củ kiệu và củ cải muối nước mắm cũng làm cho bà Hai xúc động. Bà mỉm cười chia tay chồng con trở lại bệnh viện, kết thúc một ngày phép đặc biệt trong năm mới.

Minh-Châu (Virginia)



PHÒNG MẠCH
BÁC SĨ VÕ ĐẠM
591 University Blvd. East
Silver Spring, Md 20901

Nay đã được trang bị máy móc tối tân
để điều trị các chấn thương do
TAI NẠN LƯU THÔNG

Đ.T. (301) 434-4943
Cell Phone (24/24): (240) 422-3454



Madelein

Hôm qua
Tôi có cảm tưởng tôi là Madelein
Vi bỗng dưng
Tôi bị ném đá tôi bởi
Chúa đâu không xuất hiện
Để nói với họ rằng
“Ai cảm thấy mình chưa hề phạm tội
Thì cứ tự nhiên ném đá vào Madelein”
Nếu như thế là phạm tội
Thì tôi đã phạm tội rất nhiều
Tội của tôi là
Làm cho ai đó, vui sướng trong lòng
Tội của tôi là
Làm cho “đời bỗng dưng vui”
Tội của tôi đơn giản là
Biến các lão ông thành trẻ thơ
À, không phải là trẻ thơ
Mà đâu đó ở khoảng tuổi mộng mơ
Có những lão ông
Đánh mất tuổi mộng mơ vì chiến tranh
Có những lão ông
Đánh mất những ngày thơ mộng vì tự tôn
Có những lão ông
Đánh mất những ngày hạnh phúc vì tự đại
Có cả những lão ông
Vì lòng khùng mà đánh mất tuổi mộng mơ
Và vì thế
Bỗng nhiên mà gặp tôi
Kẻ có tội này
Và bởi tôi
Mà “đời bỗng dưng vui”
Và bởi tôi
Mà khiến như mình trẻ dại
Như chưa từng trẻ dại bao giờ
Cho nên cứ hờn hờ
Cho nên cứ bồn chồn

Thật là đáng ghét
Có người cho như thế là đáng ghét
Cho nên ghét lây cả tôi
Cho nên ngày hôm qua
Tôi đã bị ném đá tôi bởi
Thật tội nghiệp cho tôi
Một người phạm tội thật dễ thương.

Hoàng Dung

(Virginia)

*

Hoa Vàng Năm ấy

Những cánh hoa vàng năm xưa ấy
Nhắc nhớ gì em chuyện chúng mình.
Cái thuở ta còn xanh mái tóc.
Chuyện đời chỉ nghĩ đến chung đôi.
Anh vẫn gọi em là không khí
Chẳng thể chia ly chẳng thể rời.
Thưở ấy ta còn vô tư quá
Chẳng hề nghĩ đến chuyện chia xa.
Ta đi trong gió trong hoa lá
Mơ những trời xanh với nắng hồng.
Chỉ nghĩ tình ta là cõi mộng.
Và em mãi mãi một dòng sông.
Dòng sông nước lớn làm sao cạn
Như núi xanh kia chẳng thể mòn.
Như hoa bất tử trời Đà Lạt
Có bao giờ hoa nhạt màu phai.
Bây giờ nghĩ lại ngu ngơ quá
Người xưa đã nói chẳng hề ngoa
Có hoa nào mà không tàn úa
Có màu nào mà chẳng nhạt phai.

Hồng Thủy

(Maryland)

TIẾNG GỌI

Nguyễn Mây Thu

Chuyến xe lửa trực tiếp từ Argenteuil đến Paris-Saint Lazarre chỉ mất mười hai phút, cộng thêm mười lăm phút đi bộ từ nhà đến ga và mười lăm phút ở métro nếu muốn đi tới một vài nơi. Vị chi là bốn mươi hai phút. Bốn mươi hai phút để từ một vùng ngoại ô đến Paris thật là một điều lý tưởng.

Cho nên dù đã về hưu, không còn chạy dọc ngang theo thành ngữ « Métro–Boulot–Dodo » của người dân Paris nữa. Bà Ngà vẫn thường hay bỏ một ngày lang thang ở thành phố Paris, nhìn ngắm các cửa hàng : BHV, Printemps, Galerie Lafayette... hay ở những nơi các du khách thường đến : tháp Eiffel, nhà thờ Đức Bà, viện bảo tàng Louvre, đài Montmartre với nhà thờ Sacré-Cœur cao chót vót và nhiều nơi khác... Bà đi tùy sở thích và hòa mình vào đời sống của người dân Paris. Thời gian bà sống ở đây, quần quanh ở các vùng ngoại ô Paris, tính ra đã nhiều hơn thời gian bà sống ở quê nhà, nên có lẽ cũng có một chút gì quyến luyến và bà sống an phận không nghĩ ngợi cao xa.

Nhà thờ Đức Bà và khu Montmartre là nơi bà đến thường xuyên. Notre-Dame de Paris được khởi sự xây cất từ năm 1163 dưới thời vua Louis VI I, do giám mục Paris : Maurice de Sully đảm nhiệm, tiếp nối có giám mục Eudes de Sully, trải qua nhiều thế kỷ với các kiến trúc sư danh tiếng thời đó Jean de Chelles, Pierre de Montreuil...mãi cho tới năm 1350 mới chính thức hoàn thành. Nhưng có lẽ được biết đến nhiều nhất, do tiểu thuyết « Notre-Dame de Paris » của Victor Hugo (1831), kể chuyện tình của chàng gù Quasimodo với cô gái Esméralda diễm lệ.

Những đêm hè dịu mát, Bà Ngà cùng ông Báo, chồng bà, thường đến khoảng sân rộng

trước cổng nhà thờ nhìn đời sống Paris thật huyền ảo. Đó đây du khách dập diu, nơi này tụ lại vài cô gái thổi từng vòng lửa đồ bập bùng, nơi kia rải rác đám thanh niên biểu diễn chuyên tay hai ba trái banh, nhào lộn, trượt patin, hoặc giản dị thôi, người nghệ sĩ già với chiếc đàn violon trong tay, vẫn chỗ ngồi ấy, đàn những khúc nhạc buồn não nuột. Một cô gái tuổi còn rất trẻ, tay cầm con gấu nhồi bông một mình nhún nhảy theo điệu nhạc. Vài ba đôi tình nhân hưởng ứng cũng... bước ra sàn nhảy! Những bước chân và tiếng đàn quyện vào nhau thật tuyệt diệu! Những cảnh tượng này, hình như đã diễn ra ở nơi này vào thế kỷ 19 của Victor Hugo, ngày nay chỉ khác ở cách ăn mặc của thế kỷ 21 mà thôi.

Một thang máy có dây kéo đã được trang bị, để đưa du khách lên tận đỉnh đồi Montmartre, nếu muốn đi bộ thông thả phải đếm đến 222 nấc thang, nơi đây từ nhà thờ Sacré-Cœur, bà Ngà có thể nhìn thấy toàn cảnh Paris : tháp Eiffel, Tour Montparnasse, Invalides...

Những ngày chúa nhật bà thường tháp tùng Ông Báo, đến nhà thờ Sacré-Coeur dự thánh lễ, thay vì về nhà, đôi khi vợ chồng bà ghé vào một quán ăn gần đó, mỗi người một bánh crêpe, món ăn thuần túy của người Pháp vùng Bretagne, pizza, món ăn đặc biệt của người Ý, mỗi người một ly cà phê, nước ngọt... rồi lang thang ở các ngõ ngách quanh đồi Montmartre làm... du khách luôn thế! Quảng trường Tertre là nơi tập trung các họa sĩ từ danh tiếng đến ít tên tuổi, Bà Ngà ngắm nhìn không chán các họa sĩ trẻ tài về chân dung và tranh biếm họa. Ở khoảng rộng kế bên quảng trường này, một giọng hát cất lên vang động cả góc phố, bà đã luống tuổi, vừa hát vừa quay nhịp nhàng những bản nhạc viết trên gỗ, một dụng cụ âm nhạc rất cổ xưa. Bà Ngà vừa bước đi vừa nghĩ miên man đến các nghệ sĩ tên tuổi vào khoảng cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 đã từng ghé đến nơi này: Henri Matisse, Pablo Picasso, Maurice Utrillo, Vincent Van Gogh, Guillaume Appolinaire... Bộ phim « Le

fabuleux destin d'Amélie Poulain» năm 2001, thế kỷ 21, do đạo diễn Jean –Pierre Jeunet thực hiện đã có nhiều cảnh quay ở khu phố này: quán cà phê Les Deux Moulins, góc Đường Lepic và Cauchois, làm cho tên tuổi của Audrey Tautou trở nên danh tiếng trên thế giới...

Bỗng dưng ở cái tuổi về hưu này, Bà Ngà than buồn vì nhớ các con. Chúng nó đã lớn và như một đàn chim vỡ tổ, mỗi ngày mỗi cất cánh bay xa. Mỗi đứa ở một nơi, vài tháng hay nửa năm mới có dịp về thăm vợ chồng bà một lần. Căn nhà đã từng áp ù bao nhiêu tiếng cười đùa với những lời khuyên răn dạy bảo, bao nhiêu mùa sinh nhật đã trải qua bây giờ trở nên quanh hiu vắng vẻ.

Các con của bà chê Paris đời sống xô bồ, nhiều đình công, biểu tình... nên đã xúm nhau tìm việc làm ở miền Nam nước Pháp. Hiền, đứa con trai lớn dạy học ở Nîmes, cách Paris hơn 700 cây số. Hòa, đứa con trai út ở Montpellier, cũng tương đương khoảng cách đó với Paris, đang học đại học sắp ra trường nhưng ngó bộ nó... không thèm về Paris nữa !

Than thở mãi, đứa con út điện thoại cho bà:

- Mẹ dọn nhà xuống ở với con đi.
- Mẹ mà ở xa Paris ư? Không được đâu!

Nói đến xa Paris, bà Ngà không đành lòng. Paris như một quê hương thứ hai của bà. Hơn ba mươi năm, kể từ ngày xa Sài Gòn, cũng như bao nhiêu người Việt Nam lưu vong khác, bà đã cùng chồng sống vất vả, chen chúc với người bản xứ để nuôi hai con khôn lớn nên người. Bà nghĩ: còn những người bạn nữa chi! Những người bạn đồng nghiệp, những người bạn Việt Nam thân thiết, đã giúp đỡ nhau những ngày còn chân ướt chân ráo tới nơi này. Xa Paris, nghĩa là xa tất cả, thay đổi một đời sống, tìm một chân trời mới, và nhận một nơi khác nữa làm quê hương. Đã thay đổi một lần rồi vào những ngày tuổi trẻ! Và có chọn lựa nào mà không nhiều mất mát! Lời rủ rờ mời mọc của con, làm cho Bà Ngà không ngần hết nỗi phân vân!

Đứa con trai lớn năn nỉ, đứa con trai út gọi mời. Do dự mãi và nói gì thì nói, cuối cùng bà Ngà cũng chiều theo các con. Tháng sáu năm nay, bà cùng chồng đến ở hai tuần với Hòa và tổ chức đi thăm viếng các nơi. Hòa nói :

- Rồi Mẹ sẽ thấy những cảnh đẹp, quanh năm là mùa hè với nhiều nắng ấm.

Montpellier một thành phố lớn đứng hàng thứ tám của Pháp, thứ ba sau Marseille và Nice ở vùng Địa Trung Hải, nổi tiếng có nhiều trường đại học, nhiều nhà thương, trường y khoa (École Médecine de Montpellier) được xem là trường y lâu đời nhất của Pháp, sinh viên Việt Nam phân nhiều học về Kinh Tế, Luật và Y, đa số dân cư trú là sinh viên đại học, các phương tiện sinh sống giao dịch: trung tâm thương mại, ngân hàng, rạp xi nê... đều thích hợp cho giới trẻ, chính phủ đang mở mang thêm đường xe điện (tramway), cứ mười lăm phút một chuyến có thể đưa dân chúng tới nghỉ mát ở biển gần nhất: La Grande-Motte, sau ngày làm việc cuối tuần.

Ở một vị trí rất gần biển nên từ Montpellier đi về phía tỉnh Sète, đã thấy Bassin de Thau, một hồ lớn nhất vùng Languedoc-Roussillon, nuôi hào (huître) và sò (moule) mức sản xuất rất đáng kể. Người Pháp nấu món sò này với kem sữa tươi rất ngon, các quán ăn quanh đây đặc biệt nấu món thịt vịt rất khéo, vịt nấu cam, quýt, đào (pêche) ... từng phi lê vịt cắt lát mềm toại vừa chín tới, đồ au, mỡ vịt tươm ra hòa với sốt pha mật ong và rau thơm trình bày thật hấp dẫn...

Buổi sáng chừa nhật, Hiền đến từ Nîmes, cách Montpellier 50 cây số. Cả gia đình sửa soạn đi về phía Hồ Salagou, khoảng cách bằng Nîmes tới Montpellier. Trên bờ hồ có đặt những bàn ghế kiểu camping như thường thấy ở dọc đường để cho khách thường ngoạn tiện nghỉ chân picnic trong ngày. Đó là một khung cảnh thanh bình giữa buổi trưa hè thật an nhàn, êm ái. Bao chung quanh hồ bằng những ngọn núi màu nâu thẫm, từng dãy núi nối tiếp nhau chen lẫn với những hàng liễu thắm tươi. Trên cao bầu trời



Hồ Salagou

không xanh trong vắt không gợn một chút mây, mặt nước hồ ngấn ngát xanh màu ngọc bích, phẳng lặng như gương, thỉnh thoảng tấp vào bờ một vài đọt sóng do những chiếc pédalo của khách thường ngoạn từ xa gửi lại, mang theo vô số những vỏ sò, vỏ ốc đến nằm im trên bãi cát. Xa xa, ở chính giữa hồ, một hòn đảo nhỏ mọc lên thưa thớt vài thân cây éo lá, chim trời cất tiếng kêu thỉnh vang đậu lại rồi bay đi, tạo nên cảm tưởng mộng mơ xa xôi về một bến bờ nào...

Rời hồ Salagou, hai con trai bà chợt dừng lại ở dọc đường, leo lên ngọn núi thấp gần đó, nhặt sạn sỏi ghép lại tên mình. Bà Ngà mới kịp nhận ra hình ảnh thật ngộ nghĩnh, những viên sỏi trắng in trên màu đất nâu từng tên người ghép lại : SAMANDA 2010, HEIDI, KELLY, ANTONY, FLO + JR, CARO, INÈS kê bên vẽ một mũi tên xuyên qua trái tim cô đơn... như những mơ ước của họ mong được đạt ý nguyện, vô tình tạo nên một bức tranh thiên nhiên không lồ trên núi, lác đác nở từng chùm hoa trắng giữa mùa xuân.

Cũng trên đường về Montpellier, Hiền đề nghị với Bà Ngà :

- Cách đây không xa có một làng rất đẹp, Mẹ à, nên ghé vào xem.
- Được lắm, mới có 3 giờ, mùa hè ngày dài đêm ngắn, ta về nhà hơi muộn cũng không sao.

Saint-Guilhem-le-Désert, một trong những ngôi làng thời Trung cổ đẹp nhất Nước Pháp. Bà cùng chồng và các con đi dạo quanh làng, dọc theo những con đường đá nhỏ hẹp với những ngôi nhà trồng đầy hoa, nhiều nhất là phong lữ thảo, hoa giấy, đủ màu sắc, những vườn hoa xếp nhiều tầng hình bậc thang trải dài theo dòng Sông Verdus nhỏ xíu chảy ngang qua. Trong làng bày bán nhiều sản phẩm địa phương: dầu olive, mật ong... các tranh vẽ trên ngói trông đẹp mắt, bà mua cho Hiền miếng ngói vẽ cánh đồng hoa lavande tím ngát sắp thành từng dãy, từng luống thẳng tắp, loại hoa đặc biệt ở miền Nam Nước Pháp, người ta trồng để lấy tinh dầu và nhiều thứ cần dùng khác, mua cho Hòa miếng ngói vẽ cánh đồng hoa coquelicot đỏ rực, có lần Claude Monet đã cảm xúc phác họa nên bức tranh bất hủ. Các con bà ở xa, sẽ có dịp nhìn vào những kỷ niệm ấy mà nhớ đến Mẹ.



Làng này cũng có cây cầu nổi tiếng gọi là: Pont du Diable (Cầu của quỷ), còn có tên: Pont sur le Gouffre Noir (Cầu trên vực thẳm đen), được các tu sĩ dòng Bénédictins (Bênêditô) xây dựng vào thế kỷ thứ 11 (1036-1048). Đứng trên cầu cao vọi vọi nhìn xuống phía bên này như một vực thẳm, ở đó chảy qua Tỉnh Hérault con sông mang cùng tên, khúc sông nhỏ hẹp sâu hun hút, đáy sông gồ ghề lở lổm từng lở toang hoác, người ta gọi là những chiếc «nồi không lồ»

(marmites géantes), phía bên kia khúc sông trải rộng ra, vào mùa khô nước cạn sệt, gie ra hai bên bờ những bãi cát trắng, màu nước xanh lam trong trẻo. Mùa hè, du khách hay dân trong vùng tới trải chiếu trên bờ phơi nắng, bơi lội và có thể đi lại hai bên bờ, chỗ sâu nhất nước chỉ tới ngang lưng.



Pont du diable Hérault

Trên cầu, một tấm biển ghi lại truyền thuyết cho rằng, hai tu viện của Làng Aniane và Gellone, khi xây dựng cầu này, mỗi đêm cứ bị quỷ tới phá sập công trình xây cất trong ngày, nó không chấp nhận và đòi phải cống hiến một linh hồn đầu tiên đi qua cầu này mới chịu thôi. Các tu sĩ dòng Bênêditô thỏa thuận, bằng cách cho qua cầu một con chó đã được rửa tội và cột theo sau đuôi nó một cái nồi. Hình ảnh cái nồi có cán dài kéo lê thê, mang theo những tiếng động gây hoảng hốt và biết mình bị mắc lừa, con quỷ khi «thương thuyết» đã không nói rõ phải linh hồn như thế nào! Nỗi con thịnh nộ, quỷ toan phá cầu, nhưng «một lời hứa là một lời hứa», nó tức giận từ trên cầu nhảy xuống dòng sông. Tên «Pont du Diable» có từ đó.

Bà Ngà còn tiếc rề vì trời đã xế chiều không đủ thì giờ xem hang động nổi tiếng trong vùng: Grotte de Clamouse, với nét đẹp tuyệt vời của các thạch nhũ trên (stalactites) và thạch nhũ dưới (stalagmites), bà đã nghe nói đến từ lâu.

Các con bà bận việc trong tuần, kẻ đi học, người đi dạy. Bà cùng với chồng, tiếp tục tìm hiểu khám phá những danh lam thắng cảnh quanh vùng. Từ Montpellier dùng xa lộ đi ngang qua Thành phố Lodève, leo lên đèo Perthus với độ cao 785 thước, rồi cứ theo tình lộ đi mãi miết... Hai người dùng chân dùng bữa trưa và ở lại cho tới chiều một ngôi làng có tên thật khó nhớ: Ceilhes-et-Rocozels, nhưng mang sức hấp dẫn lạ lùng!

Buổi chiều tháng sáu ở đây mùa thu đã sang chưa? Sao trời nhiều gió cho những chiếc lá uơm vàng? Song song với tình lộ, một lối đi rộng rãi dành cho người đi bộ được che mát bởi hàng cây cao. Một bên trồng cây dương, một bên trồng cây ngô đồng. Và trên con đường xe chạy đó, một người đàn bà cưỡi ngựa trắng, tiếng chân ngựa gõ chậm chạp từng bước một. Bà Ngà đến ngồi trên băng ghế dài cùng với chồng, nhìn ra Hồ Mont d'Orb rộng bao la, xa xa thấp thoáng dãy núi lam nằm im thoi thoải, từng cụm mây trắng rải rác trôi lơ lửng trên nền trời xanh. Nắng rọi dòng nước bạc lấp lánh, gió thổi lao xao, sóng vỗ rì rào, khi đến gần lúc dọi ra xa. Tiếng gió, tiếng sóng, hòa với tiếng chân ngựa lộc cộc gõ trên đường tạo nên một cung đàn muôn điệu, làm cho Bà Ngà tưởng như đang lạc vào cõi thần tiên nào, bà ngồi lặng thinh rất lâu, không dám nói năng gì, sợ sẽ làm vỡ tan đi khung cảnh êm đềm thơ mộng đó.

Người ta xây kế bên hồ một chiếc cầu đá rất kiên cố, cho dòng Sông Orb thanh thản chảy qua, mùa này lòng sông cạn tới đáy, lờm chờm nhiều sỏi đá, trên ấy từng vũng nước nổi lên lều bều những đám rêu xanh. Một thanh niên đứng giữa lòng sông giăng câu, lặng lẽ chờ cá đớp mồi. Mấy đứa trẻ thơ cũng lượm lượm dưới chân cầu bắt cá, để một cái sô nhỏ gần đó và dẫn theo con chó trắng lông xù vừa giỡn nước vừa sửa băng quơ. Các cô thiếu nữ tùm nậm tùm ba trò chuyện quanh bờ hồ, gần đó một quán giải khát lèo tèo hai ba người khách. Đời sống người dân trong làng này thật hồn nhiên mộc mạc, cái mộc

mạc giản dị làm nhớ đồng quê Việt Nam thuở xa xưa, và khác biệt với đời sống người dân Paris lúc nào cũng hấp tấp vội vàng.

Cha mẹ sinh con trời sinh tánh. Hiền, con trai lớn của bà người gầy và cao, nước da trắng trẻo, tánh tình bộc trực cởi mở nhưng hay thay đổi không nhất định việc gì, thích bông đùa, yêu thiên nhiên nên thường mơ ước được đi du lịch nhiều nơi, cũng thường hỏi han sẵn đón Mẹ, đã ba mươi tuổi mà còn lông bông chưa có gia đình. Đồi về thành phố Nîmes dạy học, bà hy vọng vài năm nữa sẽ chuyển về Paris ở gần bà hay ít lắm cũng tìm được bạn trăm năm cho bà yên lòng.

Hòa, con trai út của bà năm nay hai mươi lăm tuổi, người tròn trịa, thấp hơn anh Hiền một cái đầu, nước da bánh mật giống ông Bảo, tánh tình cương quyết, thâm trầm ít nói. Bởi ít nói nên ít bộc lộ tình cảm, vui buồn đều giữ lấy một mình, thương Mẹ nhưng không thích Mẹ nói nhiều! Có bạn gái học cùng trường, cứ dẫu không cho bà hay, nhưng bà không lo lắng vì... hần ta làm việc gì cũng suy nghĩ đắn đo! Có lẽ ít mơ mộng viễn vông hơn anh cả, nên chỉ tập thể thao cho các bắp thịt nở nang và học đàn guitar trao đổi với bạn cùng trường. Mấy ngày qua dù mệt mỏi vì đi đó đây thường ngoạn, nhưng bà cũng tận dụng trở tài nấu nướng, mong cho các con được thưởng thức món ăn ngon như khi ở Paris tụ họp đông đủ.

Ông Bảo tánh tình dễ dãi hay chiều vợ con, mái tóc bạc gần quá nửa, không thắc mắc gì chuyện người đi kẻ ở, ông thường theo ý kiến của số đông. Còn một năm nữa mới về hưu, nhưng có lẽ ông cũng yêu thích miền Nam Nước Pháp, nhiều nắng ấm, và đời núi phẳng phát mùi thơm của nhựt thông, cỏ dại, nhất là các thứ gia vị (thym, romarin...) mọc ven đường. Vợ chồng bà ít có dịp đi du lịch đó đây, chỉ một vài thành phố lớn trong nước Pháp. Những kỷ niệm



Nguyễn Mây Thu

(Paris, 29-01-2011)

xưa, ngày mới quen nhau ông thường nhắc nhở cùng bà, quê quán ở Thủ Đức, ông từng đạp xe đạp lên tận Sài Gòn thăm bà... rồi vượt biên, rồi lo lắng cho gia đình con cái... nhắc nhở để an ủi cuộc đời ly hương viễn xứ. Mái tóc ông mỗi ngày mỗi thêm sợi bạc, ông vẫn nhớ mãi quê hương nhưng chưa về thăm, cứ hẹn lần hẹn lượt. Đối với ông bây giờ, ở đâu cũng vậy thôi. Ở đâu có cơm no áo ấm, có tự do hạnh phúc là ông yên lòng mãn nguyện rồi. Ông nói với bà Nga:

- Nếu đừng đứng núi này trông núi nọ, thì hạnh phúc ở ngay dưới chân mình không cần tìm kiếm ở đâu xa.

Quả thật Bà Nga đã tìm thấy hạnh phúc thật sự, trong hai tuần lễ được ở gần gũi các con. Những núi đồi, những con đường đèo lên xuống ngoằn ngoèo ngoạn mục, những ngôi nhà thờ cổ, những di tích lịch sử, nhất là cái tên của ngôi làng thật khó nhớ, đã làm cho bà ao ước nếu ở đây, mỗi ngày bà sẽ đến ngôi ở bằng ghê dài trên bờ hồ rất lâu, để nhìn năng chiều dần qua, để nghe tiếng chân ngựa, tiếng gió và tiếng sóng...

Nhưng khi trở về Paris, bà lại hòa mình vào đời sống của người dân Paris và mâu thuẫn với chính mình. Những lúc nhớ con, bà vẫn cứ bặt lòng chuyện người đi kẻ ở. Hạnh phúc đôi khi phải bỏ công tìm kiếm mới có được. Bà ngồi nhẩm tính thời gian chuyến xe lửa Montpellier-Paris chạy tốc hành tốn ba giờ mười lăm phút, chuyến xe lửa Argenteuil-Paris đi trực tiếp tốn mười hai phút, về nơi đó, nếu muốn đi Paris chắc là phải năm khi mười họa! Bà nghe hụt hẫng đôi chút rồi tự hỏi lòng, nên nghe theo tiếng gọi của trái tim bà đang thổn thức, thu xếp dọn nhà đến ở gần các con, hay cứ để cho chúng nó tự do bay nhảy, như những cánh chim non nay đã khôn lớn đang tập tành chao lượn giữa vòm trời bao la?

LỆ CHÂU

Đã mấy thu rồi, hã bẻ dâu?
Những hình bóng cũ nay về đâu?
Có ai đốt lại lò hương ấy
Mà nhớ vô cùng, hỡi Lệ-Châu!

Ta nhớ em như nhớ tháng ba* :
Ngày giờ có đó, nghĩ không ra!
Chính ta chẳng hiểu mơ hay tỉnh;
Ta ở đây mà nhớ chính ta!
(* 29/03/1975: Đà Nẵng
(thủ-phủ Miền Trung) thất-thủ.

Ta nhớ ta là một tiếng im,
Con thuyền không bến, máu không tim,
Không hoa cho một làn hương quện,
Không tổ nương nhờ một cánh chim!

Ta có đầu ta – một thánh-thư:
Biết đường, đâu ngại ngã ba, tư!
Lòng ta có lửa mà không bếp,
Nhu thiếu trùng-duơng cho hải-ngư!

Thiếu một thần-giao, một cảm-thông;
Đời không tri-kỹ, không tâm-đồng;
Bơ-vơ như trận kinh+nghe-chiến:
Biển cả tung-hoành một lão-ông!

Rồi bỗng đâu đây giữa gió khơi
Có em bỗng gọi, có ta "ôi!"
Thuyền như nhắm bến, chim tìm tổ,
Đêm muốn hừng đông, hận muốn vui ...

Em đến – gần mà như muôn trùng,
Không tên, không lấy cả hình-dung...
Nhưng em đã đến, bằng xương thịt,
Đã sưởi lòng ta ... ấm lạ-lùng!

Em có là tiên... hay là... ma
Thì em cũng đã có yêu ta!
Tình em là một nguồn thi-hưng:
Bút rì mười năm... lại nở hoa!

Em đã theo ta mỗi bước chân,
Hòa trong hơi thở, nhập trong gân!
Có em là bạn... nên từ đó
Ta có niềm vui tự bản-thân...

Nhưng, bỗng tư bề nổi bão đêm:
Kinh-ngư còn lại bộ xương lem!
Đất thành hoang đảo! dân thành rợ!
Ngư-phủ vào tù, lạc dấu em...

Nổi nước khôn khuây, lại nổi nhà,
Nổi mình khắc-khoái một mình ta!
Bao nhiêu kỷ-niệm vào tro bụi
Nhu những kê vàng, quá-khứ xa ...

Ôi! Những ngày xanh, những ước mơ
Tan như ảo-ảnh mộng trời mưa!
Thời-gian liệm lấp vào quên-lãng
Những mộng vàng son hóa mộng hờ!

Rồi có hôm nào như hôm nay:
Gió nào gợn sóng, lá nào bay ...
Cho ta gọi lại trong tâm-tưởng
Một thoáng ân-tình, thoáng rượu say ...

Trại Kho Đạn (Đà Nẵng), 1980-81

THANH-THANH

(San Jose)

AI VỀ QUÊ CŨ CHO TÔI NHẮN

Phong Thu

Mỗi lần về Việt Nam thăm gia đình, chị tôi, các cháu và bạn bè thường rủ tôi đi ăn bánh bèo bì Mỹ Liên. Và như một thói quen hay một nỗi nhớ xa xôi với những kỷ niệm gần gũi thân thương, tôi chưa bao giờ từ chối.

Người đầu tiên chế biến món bánh bèo bình dân thành món ăn độc đáo là bà Nguyễn Thị Kiên, ở An Thạnh, Búng. Bánh bèo bì Mỹ Liên ở chợ Búng đã truyền ba đời và nổi tiếng trên một trăm năm, trở thành món ăn đặc sản của Tỉnh Bình Dương. Khách phương xa đến thăm viếng vườn trái cây Bình Nhâm, Cầu Ngang, Búng thường ghé quán bánh bèo bì Mỹ Liên để thưởng thức món ăn mang hương vị đậm đà của tỉnh Bình Dương.

Nói đến Chợ Búng- Lái Thiêu, chúng ta cần biết qua vùng đất này. Chợ Búng-Lái Thiêu là một trong những ngôi chợ xây dựng lâu đời, sầm uất nhất của tỉnh Bình Dương. Lái Thiêu gần Sài Gòn, Biên Hòa, lại là giao điểm của giao thông đường thủy và đường bộ nên người Hoa và người Việt đến đây lập nghiệp rất sớm. Ngành thương mại, quán bán thực phẩm, quán ăn đã phát triển nhộn nhịp. Những ngày cận Tết, các ghe cá từ U Minh, Tỉnh Rạch Giá, và ghe thuyền miền Tây, An Giang, Hậu Giang, đến bán cá, bán mắm, bán gạo, nếp và phân phối cho các chợ xung quanh và chợ Bình Dương. Sau đó, các thương thuyền mua đồ gốm, chén bát, lu hũ, bàn ghế chở về Miền Tây bán. Chợ Lái Thiêu còn có trung tâm buôn bán trái cây, có nhiều quán ăn nổi tiếng được lưu truyền lâu đời và được nhiều người ưa chuộng. Những năm gần đây, khi Việt Nam mở cửa làm ăn buôn bán với nước ngoài, quán tiệm cũng phát triển theo cấp số nhân và nhiều người dân Bình

Dương, Búng-Lái Thiêu cũng biết chế biến nhiều món ăn khác để phục vụ cho khách du lịch sành điệu ăn chơi, nhậu nhẹt.

Khi tôi còn ở Việt Nam, mỗi mùa trái cây ở cầu Ngang, Búng, Lái Thiêu, tôi và bạn bè rủ nhau đi chơi vườn, ăn trái cây hái từ trên cây xuống. Mùa trái cây bắt đầu từ Mùng 5 tháng 5 Âm Lịch. Thời gian đó cũng là mùa học sinh nghỉ hè. Cầu Ngang bắt đầu đông khách và nhà vườn cũng kiếm được bộn tiền từ việc bán thức ăn, nước giải khát, trái cây. Lũ học trò như chúng tôi cũng mê đi chơi trong vườn trái cây ở Cầu Ngang, vừa ăn trái cây đủ loại, vừa dạo chơi thơ thẩn và nghe tiếng ve kêu rộn rã trong vòm lá trên đầu. Thú vị nhất là buổi trưa la cà tạt vào quán Mỹ Liên làm một đĩa bánh bèo bì, nhâm nhi mấy cái nem chay chua và nem thịt nướng. Khi bạn đã đến đây và ăn một đĩa bánh bèo bì, bạn sẽ có cảm giác thèm và nhớ hương vị béo ngậy đọng lại trên đầu lưỡi của đĩa bánh bèo. Có người nói rằng bánh bèo chỗ nào cũng như nhau, có gì mà phải so sánh, chạy lung tung tới Búng để mua ăn. Như nhiều người bàn tán, bánh bèo Mỹ Liên có nét đặc biệt làm khách phương xa ăn xong nhớ mãi. Cái bánh làm bằng bột gạo trắng tinh, tròn trĩnh, dai dai, có hành lá xào với mỡ, đậu xanh vàng ngậy, những cọng bì trộn thính thơm thơm, đậu phụng giã nhỏ, có các loại rau thơm cắt nhuyễn phủ lên trên và chén nước mắm ngọt ngọt, chua chua nổi lên trên mặt những miếng ớt, tỏi băm nhỏ, những cọng cà rốt và củ cải trắng cắt thật khéo. Mỗi lần ăn bánh bèo Mỹ Liên, tôi chan nước mắm nhiều đến muốn ngập lụt cái đĩa bánh bèo. Và mỗi khi tôi nhìn người chủ quán sắp bánh bèo ra đĩa là nước miếng tôi muốn ứa ra.

Lúc còn học tiểu học, tôi mơ mình mau lớn một chút để tự đạp xe đạp đến Búng ăn bánh bèo cho đã cái bụng. Mùa hè cuối năm lớp

Năm, tôi đã thực hiện ước mơ đó. Tôi không còn ăn quà vặt và mua đồ chơi ở cái chợ Lòong ở Thủ Dầu Một. Dù tôi mê đọc sách hơn cả ăn quà sáng, nhưng trong một tuần lễ, tôi cũng không đi mua sách của bà Mười Ú bên bên vệ đường gần tiệm vàng Nhựt Hưng mà để dành tiền trong con heo đất để chu du một chuyến Cầu Ngang. Tôi rủ rê một đám “âm binh” gồm mấy đứa bạn học chung lớp, phá phách, trèo cây giỏi số một để có cơ hội ăn trái cây nhiều nhất và có những cuộc chơi ngoài trời ngoạn mục. Mùa hè, là mùa của lũ học trò tha hồ rong chơi, nghịch ngợm. Chúng tôi thành thạo bơi lội, thả diều, chơi u mọi, bắt đé, đá banh, bán quán... Chúng tôi lặn lội đạp xe kót kết, cọc cạch, đèo nhau gần một tiếng đồng hồ, mồ hôi chày ròng ròng. Cả đám âm binh, ồn ào như cái chợ trời, tha hồ ngồi xôm trên mấy cái ghế đôn thấp sát đất được kê dọc trong cái quán Mỹ Liên nhai ngấu nghiền miếng bánh bèo thơm phức. Vì quán quá đông khách không có chỗ ngồi, nên nhiều đứa phải phải bung diã bánh ra ngồi chồm hồm ngoài hiên. Có đứa húp nước mắm ròn rột và có đứa liếm hết sạch cái diã không còn chừa một tí gì nhưng vẫn còn liếm mép. Ăn xong một diã bánh, ních thêm mấy cái nem chua và uống một ly nước dừa là no căng hông. Chúng tôi thoả mãn kéo nhau đạp xe vòng vòng trong vườn trái cây và xé chiều trở về thị xã. Cả đám con nít háo ăn, nghịch ngợm nghĩ đó là những ngày thú vị nhất của tuổi hoa niên. Chúng tôi tha hồ tán hươu, tán vượn về chuyện đi ăn bánh bèo và còn được tặng trái cây không lấy tiền làm mấy đứa khác nghe xong phát thèm, ganh tị và ao ước được một lần lén cha, lén mẹ đi chu du như chuyện “Đề Mèn Phiêu Lưu Ký” của Nhà văn Tô Hoài. Thật ra, lũ âm binh vừa mua trái cây, vừa canh chừng chủ cho mấy tên ma lanh leo trèo, chôm chia thêm cho đỡ tốn tiền. Thế nhưng, các bác, các cô chú miệt vườn hiền lành không la lối, không chửi bới như những người kẻ chợ. Họ thấy đám lâu la mặt mày sáng

sủa nhưng túi không tiền nên cũng muốn vừa bán vừa cho. Đó là thời kỳ cuối thập niên 60 đầu 70, khi chiến tranh còn ác liệt, con người còn mơ ước tìm sự bình an và xem mạng sống của con người cao quý hơn tiền bạc, của cải, vật chất. Họ nghĩ bom đạn có thể sẽ tàn phá tất cả trong một tích tắc thì những chùm chôm chôm, măng cụt, dâu da... còn có nghĩa gì đâu. Cái nhân hậu, hiền hoà, chân chất đó cũng giống như những giọt mưa hạ rơi trong những mảnh vườn cây sum suê quả ngọt quê tôi. Cái tình người mang mang trong dạ như chất chứa tất cả sự quê mùa, mộc mạc, đơn giản, rộng lượng của trái tim người Bình Dương sống bao đời trong nương rẫy, ruộng vườn.

Thế nhưng ngày nay, cái nhân hậu, ám áp tình người nơi đó có còn không tôi không biết được. Một lần về Việt Nam, xe chạy qua Cầu Ngang, nhà thơ họ Lê, bạn thân của tôi nói với tôi rằng “trái cây bây giờ không còn như ngày xưa đâu bạn. Những người chủ vườn thấy có khách phương xa đến, họ phải chạy ra chợ mua trái cây về bán lại với giá cắt cổ”. Xã hội nào, con người đó. Đã xa lắm rồi thời gian tuổi vàng, tuổi ngọc, tuổi hoa niên êm đềm, áp áp tình người.

Khi tôi vào Trung Học, tôi đã về Sài Gòn sống trong khu nội trú Trường QGNT. Tôi già từ bạn bè với những ngày rong chơi thơ thẩn, đầy thú vị. Tôi không còn có dịp trở lại quán Bà Kiên ăn bánh bèo vì đường sá bị đắp mô, gài mìn rất nguy hiểm. Sau năm 1975, một vài lần tôi ghé ngang ăn bánh bèo Mỹ Liên, nhưng không cảm thấy mê ăn như thời còn bé. Có thể vắng bạn hiền món ăn không còn thú vị háo hức như xưa chăng? Mỗi lần đến đây, tôi lại có cảm giác buồn khi nhớ từng khuôn mặt của từng đứa bạn tóc mây chưa chằm ngang vai đã bị cuốn đi trong cuộc chiến khốc liệt. Có đứa đã chết trong bom đạn, đứa lưu lạc, đứa thì cuộc đời nổi trôi như dè lục bình trên con Sông Lái Thiêu, có đứa bị đạn pháo kích của cộng sản tàn tật suốt đời. Tôi rất ít ghé Quán Mỹ Liên để ngồi hồi tưởng lại kỷ niệm học trò.

Rồi tôi đi xa thật xa, cuối chân mây của bên kia bờ Thái Bình Dương. Sau 12 năm rời xa quê hương, trong dịp Tết Nguyên Đán năm 2001, tôi trở về thăm nhà. Người rừ rừ tôi đi ăn bánh bèo Mỹ Liên là B.S Bạch Yến, một người chị, người bạn lâu đời của tôi. Con người này thu hút tôi kỳ lạ bởi sự dịu dàng, thân ái, nhân hậu, tốt bụng và ngay thẳng. Bạn thân chị đủ mọi lứa tuổi và thành phần lý lịch cũng khác nhau. Chị có một người bạn chí thân là phi công của QLVNCH, anh tên là Q. người Bình Long. Anh cao lớn, khí phách và rất ghét cộng sản. Khi nói chuyện với chị anh hay hỏi “Tại sao bà lại đi theo cộng sản? Cộng sản có gì tốt và hấp dẫn đâu mà bà chạy theo? Bây giờ bà nhìn cái xã hội này coi nó giống cái gì?” Chị chỉ cười trừ mà không gân cổ lên cãi văng nước miếng để bảo vệ chế độ như những người khác. Chị còn hay hỏi anh bao giờ anh muốn vượt biên? Chị mong anh thoát khỏi chế độ cộng sản để tìm một tương lai cho đời anh. Tôi nghe hai người nói chuyện với nhau thì chỉ biết ngồi im lặng và cười. Chị hay giúp đỡ mọi người và đối với tôi, chị thương mến, trân trọng và ân cần. Tôi trở thành bạn của vợ chồng chị và là cô giáo của hai cháu Tigon và Phượng Ly.

Trong ngày Tết Nguyên Đán, năm 2001, tôi về thăm gia đình và ghé thăm vợ chồng chị thì bàn thờ đã có hình của B.S Võ Tánh, chồng chị. Anh bị bệnh ung thư và ra đi. Anh là một người ít nói, hiền hậu, tốt bụng mà tôi rất kính trọng. Năm 2008, tôi có trở về Việt Nam lần thứ nhì và ghé thăm chị. Chị ra cửa tiễn khách, thấy tôi từ cổng bước vào, chị mừng rỡ hỏi “Em từ trên trời rớt xuống đó hả? Về bao giờ mà không gọi chị?” Tôi đáp: “B.S Huỳnh Văn Nhị nói cho em biết chị ở đây nên đi tìm. Anh nói hôm nay là ngày giỗ của Bác gái.” Ngày giỗ mẹ chị, quan khách đến rất đông. B.S Nhị chờ tôi quá lâu nên đã đi về lo chuyện nhà. Tôi tiếc không thể gặp lại anh lần sau cùng trước khi tôi trở lại Hoa Kỳ. Tôi đến trễ nên chỉ còn chị và gia đình, tôi gặp lại

cháu Tigon, chồng cháu là một Việt kiều Úc, Ly Phượng cũng đã định cư ở Canada với chồng. Chị hiện nay sống với đứa con nuôi và chị đã có chồng khác. Anh là một nhà kinh doanh địa ốc từ Bắc vào Nam làm ăn. Tôi nói với các cháu rằng: “Không ai có thể thay thế hình bóng của ba Tánh trong trái tim cô”. Tôi có hơi ích kỷ không khi nói điều đó. Nhưng trong tôi nỗi nhớ thương anh vẫn còn đó. Biết làm sao?

Ngày Mùng 4 Tết, thay vì đi ăn nhà hàng, ăn bánh tét, bánh ít, dưa hấu, bánh tráng, dưa chua với thịt kho Tàu, B.S Bạch Yến lại rừ tôi đi ăn bánh bèo bi Mỹ Liên. Tôi vui vẻ nhận lời ngay. Cháu Trung, con rể chị lấy chiếc xe hơi chở chúng tôi đi. Chợ Búng giờ đây đã thay đổi hẳn. Hai bên là những dãy phố buôn bán sầm uất. Phố xá mọc lên san sát, có nhiều nhà cao tầng đã xoá dần những cảnh sắc thiên nhiên mà tôi yêu thích. Bên ngoài quán, xe hơi đậu đầy, nhưng người phục vụ trong quán đã hướng dẫn cho khách có chỗ đậu xe cẩn thận. Ngôi quán nhỏ bây giờ là một căn nhà lầu 3 tầng, kang trang. Tầng trên cùng dành cho khách quý, cán bộ. Nơi đây có ban công, và gió mát lùa vào mát rượi. B.S Bạch Yến gọi người chủ quán là Cô Năm. Tôi không biết cô Năm là con hay cháu bà Nguyễn Thị Kiên. Cô Năm mặc cái áo bà ba trắng, tóc uốn cao, người đầy đà. Cô Năm thấy B.S Bạch Yến thì tay bắt mặt mừng. Họ quen nhau từ hồi nào hồi nào nên câu chuyện trao đổi đã nổ như bấp rang. Chúng tôi được ngồi cái bàn gần ban công, bên cạnh là một cây hoa mai cao lớn được trồng trong một cái chậu sành. Bây giờ là vào dịp Tết nên hoa mai nở vàng rực. Những cánh mai mềm mại rung rinh trong gió. Cô Năm sai người bồi bàn dọn ra cho chúng tôi bốn đĩa bánh bèo bi còn nóng hổi. Trên mỗi đĩa có thêm 4 miếng nem thịt màu đỏ hồng. Tôi cẩn nhẹ một miếng, vị giác của tôi bị kích thích bởi hương vị chua chua, ngọt ngọt và mùi thơm tỏi, ớt, lá dong khiến tôi thèm ăn hơn. Lâu lắm rồi tôi không ăn bánh bèo bi Mỹ Liên

và lúc này tôi cảm thấy đói cồn cào nên ăn một lúc hết một đĩa. B.S Bạch Yến còn gọi thêm một đĩa nem nướng, chị gấp vào đĩa tôi và nói rằng ăn đi để về Mỹ không có loại nem này để ăn. Thật vậy, ở Mỹ có nhiều quán tiệm Việt Nam, nhưng chưa có nơi nào bán bánh bèo nóng hổi, và những miếng nem chua và nem nướng ngon như ở quán Mỹ Liên. Tôi ăn xong, còn mua thêm mấy chục cái nem chua đem về cho gia đình. Tôi muốn mua bánh bèo bỏ lên xe đem về nhưng B.S Bạch Yến và các cháu cười nói rằng đem về là hết ngon. Còn cô Năm thì nói “hề ai thèm thì tự động mò tới quán của cô”.

Khi chúng tôi ra về, cô Năm còn tặng cho mỗi người một bịch bánh hột điều. Tôi đem nem, đem bánh về khoe các cháu và chị tôi làm ai cũng bỏ ra cười. Ai đời Tết mà đòi đi ăn bánh bèo và còn khoe như được tặng vàng. Đó là món quà Tết Nguyên Đán mà tôi được B.S Bạch Yến lì xì vào Mừng 4 Tết năm 2001.

Rồi năm 2008, tôi có dịp trở về Việt Nam lần thứ 2. Cùng đi với tôi có anh Vinh, người bạn cùng học chung trường QGNT, anh Phát bạn của anh Vinh đang sống ở Sài Gòn, cháu Thạch, nhà thơ họ Lê. Tôi lại bỏ bỏ khoe khoang, quảng cáo với các bạn tôi về món bánh bèo bì Mỹ Liên tuyệt cú mèo. Tôi nghĩ đó là đặc sản đặc biệt của miệt Bình Dương, của người Bình Dương. Tôi không dám khoe trái cây Bình Dương nữa vì ai cũng biết thời kỳ vàng son của nó đã khép lại. Và mùa này gần Noel, nhà vườn làm gì có trái cây để khoe. Khi xe chúng tôi chạy ngang qua chợ Búng, cháu Thạch dùng xe lại quán bánh bèo Mỹ Liên. Tôi lại được dịp thưởng thức món bánh bèo với nem chua, nem nướng. Món ăn dân giả nhưng gọi lại cho tôi biết bao kỷ niệm về vùng đất, con người mà tôi đã từng đến và đi. Nhà thơ họ Lê chắc lưỡi khen ngon, còn anh Vinh và anh Phát thì nói danh bất hư truyền. Khi ra về, anh Vinh còn mua thêm mấy chục cái nem đem về tặng vợ.

Chiều xuống nhanh, gió mang hơi nóng làm rát da người. Con đường tráng nhựa hình như bốc khói. Hơi nóng phả vào không gian sự oi bức làm chúng tôi đổ mồ hôi. Trên những con rạch tôi đi qua, cây cối hình như đã chết dần mòn. Vườn cây Búng, Bình Nhâm, Lái Thiêu một thời vang bóng cây ngọt trái lành, vườn cây sai quả đã không còn như xưa. Nhiều người nói rằng vườn cây đã bị đốn bỏ vì chết dần mòn. Cây không ra hoa và không đậu trái. Người ta bán đất, bán vườn và những doanh nhân đã lập thành xí nghiệp, kinh doanh, khách sạn buôn bán nên vườn cây ngày càng thu hẹp. Con rạch chạy dọc theo quốc lộ ngày xưa nước lênh láng, xanh ngắt bây giờ lờ đờ, xanh sậm, bốc mùi tanh ngay ngáy. Có cây hai bên bờ nhàu nát. Những mảnh vườn trái cây xanh ngắt, trũng điệp, cây trái trĩu cành với những trái sầu riêng, măng cụt, dứa da, bòn bon và những trái chôm chôm tróc ngọt lịm còn đâu. Tôi tiếc ngẩn ngơ một quá khứ đã quá vắng không ai còn thèm nhớ đến. Người ta bây giờ muốn làm giàu bằng kinh doanh buôn bán. Ai cần chi cái đất đai vườn ruộng nhà quê, nghèo nàn, lạc hậu kia. Nhà thơ họ Lê nói nhỏ vào tai tôi về những xí nghiệp dọc theo hai bên đường, những Hotel tráng lệ, những trung tâm thương mại, xí nghiệp, lò gốm, Siêu Thị...v...v... Bình Dương đổi thay nhiều quá đến nỗi tôi không dám đi đâu một mình vì sợ lạc đường. Thời gian không chờ đợi ai. Thời gian cứ im lặng, lững thững trôi đi đã mấy chục năm. Ngay cả tôi bây giờ cũng đã già rồi còn gì!

Biết bao giờ tôi trở lại Bình Dương để còn nhìn lại mảnh trăng xưa, dòng sông cũ, còn được nhìn lại từng khuôn mặt, nụ cười, tiếng nói bạn bè. Trong trái tim tôi không có khoảng cách của tình người.

Và bạn ơi! Tôi vẫn còn muốn tìm lại hương vị quê hương qua món bánh bèo bì Mỹ Liên chợ Búng. Xin chờ tôi nhé Bình Dương yêu dấu!

Viết cho những ngày cuối năm 2010

Phong Thu
(Maryland, USA)

51 TỰ TRÀO

Tuổi trời cho ta năm mươi mốt,
Đau đớn thay, năm năm bị nhốt.
Sáng sáng đẩy xe vài chục xe,
Chiều chiều ngô hột dăm trăm hột.
Thi đua lao động chẳng cần hay,
Học tập tăng gia không mấy tốt.
Thơ thần loay hoay, ngày lại ngày,
Lòng son sắt trước sau như một.

Ta sinh ra biếng lười ngu dốt,
Chỉ thích lơ mơ ngồi dựa cột.
Mặc kệ lên voi, ưa nói ngang,
Thương mình xuống chó, chẳng thừa
thốt!

Gặp thời, ừ nhỉ, chúng khôn ngoan,
Lỡ vận, đành thôi, ta đại dốt.
Say cuộc cờ, nghĩ mình pháo xe,
Hay đâu ta chỉ là con chột!

Chột đã qua sông liền thí chột,
Ba năm kiếm củi, một giờ dốt.
Thảm thương thay, nghệ sĩ mang cùm,
Ngao ngán nhẽ, cáo cây đội lốt.
Sông cạn khát khao vài trận mưa,
Núi cao chuyên mình từng cơn sốt.
Mơ ngày phục quốc, cứu quê hương,
Thù giặc Cộng, mình tâm khắc cốt.

Xà lim Trại tù Nghệ Tĩnh 6, (NT6)
Tháng 1-1981

Vũ Đức Nghiêm

Lời bạt của tác giả:

Bài thơ này viết khi lao động tại Trại Tù Nghệ Tĩnh 6.

Đang viết đến câu cuối: "Thù Giặc Cộng mình tâm khắc cốt" thì chợt thấy một tên VC đi tới gần, mình vội vàng xóa chữ "Cộng" thay bằng chữ "Mỹ". Tên VC bắt gặp mình đang viết, liền tịch thu tờ giấy, bắt đem lên Trưởng Trại.

Tên này kết tội mình không chịu lao động, lại làm thơ phản động; nó hỏi vặn mình tại sao thù giặc Mỹ, mình nói là "giặc Mỹ ném bom miền Bắc giết đồng bào tôi", thì nó cười nói là: "Anh nói vậy mà không phải vậy. Anh thích làm thơ, tôi cho anh vào cùng với anh Phạm Xuân Ninh (Hà Thượng Nhân) để làm thơ với nhau". Ngày hôm đó, tôi bị đưa vào xà lim cùng với Hà Thượng Nhân.



Nhạc sĩ **VŨ ĐỨC NGHIÊM**



Tiểu-Thu

Nhận được điện thư của bà chị dâu báo tin sức khỏe của mẹ không được tốt lắm, My Khanh bàn với chồng năm nay nàng về ăn Tết với mẹ một tháng. Nam, chồng My Khanh thì nhất định không về VN, khi mà đất nước vẫn còn dưới ách thống trị của Bắc quân!

Với số tuổi tám mươi chín, bà Tân đã như ngọn đèn sắp hết dầu. Tuy chỉ hơi bị lẩn, nhưng bà vẫn ăn ngủ bình thường, nói cười sang sảng. Thịnh thoảng lên cơn suyễn, nhờ có thuốc của người anh rể My Khanh từ Canada gửi về nên không có gì đáng ngại. Hai năm nay cặp chân yếu hẳn nên bà ngồi một chỗ. My Khanh đã gọi về bao nhiêu lần, nói mẹ phải đi lại thường xuyên thì các bắp thịt mới không bị teo. Bà nhất định không nghe vì bị té nhiều lần khiến bà sợ hãi.

Trước khi đi một tuần nàng ăn ngủ không yên. Viết giấy dán trên tủ lạnh dặn dò con gái một tuần hai lần tưới cây cối và chùng ba mươi giờ lan cho mẹ. Con gái là trời vì mẹ cứ dặn đi dặn lại thứ nào một tuần hai lần, thứ nào một tuần một lần, thứ nào phải xịt nước lên lá. Còn một số cây kiếng để trong garage... vv...và vv...khiến con bé cứ lộn tung phèo. Sau cùng My Khanh đành thờ dài, tự an ủi đến đâu hay đến đó. Cây nào may mắn thì sống. Không đủ may thì nghèo! Nam thì mỗi chiều chịu khó ghé nhà con gái ăn cơm. Nếu không anh ta dám nhịn ăn, vì tài nấu bếp chỉ hạn chế ở món trứng chiên ốp la (đôi khi khét!)! Thấy vợ lo lắng Nam chép miệng:

- Em cứ lo con bò trắng răng. Cung quên là hồi xưa anh đi hành quân liên miên, khi trong rừng, lúc trên núi. Lính tráng đánh giặc ăn toàn lương khô khó nuốt, vậy mà anh vẫn sống hùng, sống mạnh. Em đi có một tháng mà cứ lo anh chết đói. Yên chí về thăm mẹ cho vui về. Bảo

đảm lúc em trở qua, anh vẫn còn sống nhăn. (Nam đổi giọng tếu), mà không chùng vắng cô Bắc Kỳ nhỏ nhỏ (của ngày xưa ngày xưa!), không phải hằng ngày nghe cái điệp khúc “anh phải ăn cái này, anh phải uống cái kia. Ý, không được làm cái nọ, nguy hiểm cho sức khỏe lắm...” anh sẽ... trẻ ra cả chục tuổi!

My Khanh háy chồng, mắt có đuôi:

- Xí, tại người ta lo cho mình chứ bộ! Được rồi. Cho mấy người tự lực cánh sinh. Ít bữa coi có cần bà già này không. Chi sợ có lúc sẽ năn ni tui mau mau trở qua... Chùng đó biết tay tui nha!

Nam cười cầu tài:

- Đùa thôi. Anh lúc nào chẳng cần đến bàn tay ngọc của em sẵn sóc.

My Khanh cười:

-Vậy mới là người thức thời! Các ông sống vợ ra là... hồng ngay!

- Thôi, thôi, biết rồi. Khổ lắm nói mãi! Anh chịu thua!

Vợ chồng My Khanh là thế. Hơi khác khẩu nhưng yêu nhau thắm thiết. Ngày xưa Nam đã theo đuổi nàng khổ sở mới lấy được. Ở ngoại quốc trai thừa gái thiếu mà li!

*

Hai ngày trước khi lên đường, xem TV thấy bên New York và Boston chìm ngập dưới tuyết. Bao nhiêu chuyến bay bị dờ lại, My Khanh lo quá. Lần này phi cơ sẽ ngừng ở phi trường Chicago trước khi tiếp tục đi Hồng Kông và trạm cuối là Phi trường Tân Sơn Nhất. May mắn đến ngày cuối, Chicago nắng đẹp. Nhưng phải ra phi trường lúc ba giờ sáng khiến My Khanh lo lắng thức luôn không dám ngủ. Mỗi lần qua đoàn Mỹ là bực mình hết sức. Mặt mày mấy anh chàng nhân viên lạnh tanh, không thua khí hậu ngoài trời bao nhiêu. Hình như nhìn ai họ cũng thấy toàn là dân... khủng bố. Tháng vừa qua, vợ chồng My Khanh sang Mỹ thăm người bạn bị bệnh nặng, Nam bị bắt đi qua máy scanner. Chàng bất mãn, vì mỗi lần qua cái máy này, trong người bị nhiễm không nhiều thì ít chất phóng xạ!

Trước khi chia tay, My Khanh căn dặn chồng đủ thứ. Nam gặt đầu lia lia cho vợ an lòng. Ôi, đàn bà Việt Nam! Lúc nào cũng chỉ biết lo cho chồng con. Họ vui vẻ, hạnh phúc là các bà vui vẻ hạnh phúc!

Phi trường Chicago rộng mênh mông, nhưng được chỉ dẫn chu đáo. Tìm đến phòng đợi, nàng gặp vài người quen cũng về Việt Nam ăn Tết. Người đến từ Florida, kẻ đến từ Minnesota. Trẻ con chạy rần rần, người lớn thì người nằm kẻ ngồi la liệt. Nói chuyện cười hi ha thoải mái. My Khanh nhớ lần chuyến máy bay từ phi trường Charles De Gaulle bên Pháp, nàng đã gặp những gia đình Việt nam đi lao động từ Bắc Âu về Việt Nam ăn Tết. Trẻ con độ ba đến sáu bảy tuổi rượt đuổi nhau, la hét ầm ĩ. Chúng giựt những chiếc điện thoại công cộng từ trên giá xuống chơi. Sau đó bỏ treo tòng teng. Thế mà bố mẹ chúng vẫn bình thản nhìn đàn con chơi đùa như đang ở nhà mình. Những người ngoại quốc ngồi đó thì cau mày khó chịu! My Khanh không còn ngạc nhiên khi thấy nhiều người Việt Nam không còn dám nhận mình là người Việt khi người ngoại quốc có hỏi!

Đây xe hành lý ra ngoài trong cái nóng hầm hập, tuy đã là cuối tháng mười hai. My Khanh nhìn dáo dác. Những tiếng gọi mừng rỡ “Cô. Cô. Tụi con đây nè!” khiến nàng quên hết mệt nhọc, sau hai mươi tiếng đồng hồ ngồi trên ba chuyến bay. Các cháu, con người anh quá cố của My Khanh, chạy đến vây quanh cô. Nàng nhìn các cháu lòng rung rung. Khi nàng rời khỏi đất nước thì có đứa còn chưa ra đời. Thế mà giờ đây đứa nào cũng con cái đẽ huề. My Khanh lên chiếc taxis bảy chỗ ngồi cùng các cháu về nhà. Bà chị dâu ngoài bảy mươi, năm nay tóc đã bạc nhiều hơn bốn năm trước. My Khanh thương chị vô cùng. Không hiểu sao ông anh duy nhất của nàng lại ham con đến thế. Hai anh chị hợp đồng sản xuất cả thầy một chục mười hai! Nàng nhớ ngày xưa, chị lúc nào cũng đầu tắt mặt tối, không khi nào ngồi với đàn con mười hai đứa.

Có món ngon vật lạ gì đều nhường cho chồng, cho con. Thế mà vẫn bị mẹ chồng bắt ne bắt nét. My Khanh thường bênh chị dâu cãi lại mẹ.

Bà Tân mong con gái về, nên dù đã hơn mười một giờ bà vẫn còn thức để chờ. My Khanh xót xa khi thấy mẹ gầy hơn trước. Nàng ôm mẹ giọng nghẹn ngào:

- Lần này con thấy mẹ gầy hơn trước. Mẹ ăn ngủ không được sao?

Bà Tân cười móm mém:

- Mẹ già rồi ăn ngủ ngày càng ít đi con ạ. Không sao đâu, mẹ khỏe lắm. Con về chơi được bao lâu?

- Con về thăm mẹ một tháng. Đáng lẽ ở lâu hơn, nhưng cháu My Hoa sắp sinh, con phải về sớm.

Bà Tân nhìn sang chị Tiến, chị dâu My Khanh, cười sung sướng:

- Thế là tôi lại có thêm cháu cố. Phúc đức quá!

Chị Tiến hỏi con dọn phở gà cho cô ăn trước khi đi ngủ. Lần này đi hãng United Airline cho ăn tệ quá nên My Khanh ăn tô phở gà (nhất là gà đi bộ, da vàng ươm, thịt dai chứ không bở rệp như gà công nghiệp) một cách ngon lành. Cả nhà nói chuyện đến hơn một giờ đêm mới chịu đi ngủ. My Khanh ngủ một giấc ngon lành đến 7 giờ mới dậy. Lúc bước ra khỏi phòng, mùi thức ăn thơm phức khiến nàng thấy đói bụng cồn cào. Cả nhà đã thức từ lâu và đang dọn ăn sáng. Chị Tiến hỏi:

- Cô ngủ ngon không? Chắc trái giờ còn khó chịu lắm.

My Khanh suất soa:

- Chà thơm quá! Mấy hôm trước khi về tới đây mắt ngủ, nên đêm qua em ngủ ngon lắm. Chị làm món gì mà thơm thế hở chị?

Chị Tiến cười:

- Mẹ nói cô vẫn thích xôi lúa nên sáng nay chị thổi xôi lúa và bánh cuốn cho cô dùng. Cô ngồi xuống đi. Để chị làm cà phê rồi mời mẹ ra ăn sáng luôn. Năm giờ mẹ đã thức rồi.

My Khanh vội vàng nói:

- Chị để đó em tự pha được rồi. Em uống cà phê không đường. Sợ bị mắc bệnh tiểu đường thì khổ, nên giờ hạn chế chất ngọt tối đa.

Chị Tiến cười khanh khách:

- Buồn cười thật cô ạ. Người nào ở nước ngoài về cũng ăn lạt như nước ốc. Kiêng đường, kiêng muối tối đa. Chị thì chịu thôi. Kiêng quá cũng không tốt đâu. Có khi trong người thiếu chất mặn, ngọt thì bỏ xừ!

My Khanh cũng cười:

- Ông bà ta nói “có kiêng có lành” mà chị. Thôi để em vào mời mẹ ra ăn sáng.

Chưa kịp vào thì bà Tân đã lọ mọ đi ra:

- Gớm, mới sáng mà các cô nói gì rôm rả thế? My (trong nhà gọi My Khanh là My cho gọn) ăn chưa con?

My Khanh diu mẹ ngồi vào bàn:

- Con chờ mẹ ra mới ăn. Đêm qua mẹ ngủ ngon không? Con thì ngủ một giấc thẳng cẳng đến sáng. À, chị Tiến ơi, chút nữa em cần liên lạc với một người quen. Cô ấy ở ngoại ô xa xa. Em chỉ mới liên lạc vài ngày trước khi về đây. Cô ấy tên Kim Ngân.

- Bạn của cô hở?

- Không. Em chưa từng gặp qua. Có vài người bạn bên Canada và Mỹ nhờ em mang tiền về giúp cho các anh em Thương phế binh đang sống trong hoàn cảnh khó khăn. Gọi là chút quà mọn giúp cho gia đình các anh ăn Tết ấy mà. Cô Kim Ngân biết những người này. Em liên lạc để cô ấy dẫn em đi thăm và tặng quà.

Chị Tiến gật đầu, mặt thoáng ngậm ngùi:

- Thế thì tốt quá. Thịnh thoảng chị đi phố gặp những người cụt tay cụt chân lê lét ăn xin ngoài đường. Trông họ nhếch nhác, rách rưới, bệnh hoạn mà muốn rót nước mắt. Những lần đó chị đều giúp đỡ chút ít. Cô nghĩ, nhà mình lúc trước cũng đâu khá giả gì.

Bà Tân xen vào:

- Tội nghiệp họ. Con giúp họ là tích phước cho con cháu.

My Khanh cười:

- Con chỉ làm hộ cho các bạn con thôi mẹ à. Với lại “thi ân bất cầu báo” mà mẹ!

Ba người vừa ăn vừa nhắc chuyện xưa. Anh Tiến của My Khanh mất trên mười năm rồi. Hồi xưa anh cũng ở trong quân đội một thời gian, bị thương nên được giải ngũ. Về sau anh mất vì viêm gan. Chị Tiến ở vậy nuôi đàn con và mẹ chồng. Vì thế My Khanh rất quý chị.

Ăn xong nàng gọi điện thoại cho Kim Ngân. Một giọng Huế nhẹ nhàng từ đầu giây bên kia:

- Dạ, em nghe đây!

- Kim Ngân hả? Biết ai đây không? Nghe giọng Huế nhẹ như thơ hay quá là hay! Thôi nói ngay khỏi thắc mắc nhé. Chị My Khanh đây.

Có tiếng reo vui ở đầu giây bên kia:

- Ô, chị My Khanh! Chị về hồi nào?

- Chị về tối tối hôm qua. Ngày mai em rảnh không? Chị em mình sẽ gặp nhau.

Giọng Kim Ngân ngập ngừng:

- Chị Khanh ơi, hôm trước em có báo cho các chị trường hợp anh Quân đang nằm nhà thương, hôm nay anh về nhà rồi vì bác sĩ chê. Anh bị lở loét hết cả người, máu mù tùm lum chị ạ. Em vào thăm mà anh cứ chảy nước mắt! Nhưng hôm qua có người bên Mỹ gửi cho anh ấy ba trăm. Vì thế chị em mình không cần phải giúp cho anh ấy nữa. Em hỏi thật chị nhé. Các anh chị định giúp bao nhiêu tiền để em tính.

Sau khi nghe con số, Kim Ngân nói:

- Vậy chúng ta sẽ giúp cho 6 anh. Mà họ ở xa lắm, tận Biên Hòa lận. Chị có thể đi đến đó được không?

My Khanh sốt sắng:

- Được chứ em. Em cứ cho địa chỉ đi. Chị sẽ đi taxis đến đó.

Kim Ngân ngập ngừng:

- Chị ơi, nếu chị em mình đi làm từ thiện, mà chi ra 600 ngàn tiền taxis thì em thấy phí quá. Số tiền này một người có thể sống cả tháng đó chị ạ. Em nghĩ vậy nhưng còn tùy chị. À chị

có thể đi xe gắn máy không chị? Từ đây lên đó độ ba mươi cây số. Đi về vị chi là sáu mươi cây.

My Khanh giật mình, tự thấy ngượng nên vội nói:

- Nếu vậy cách tốt nhất là Kim Ngân đến nhà, rồi chị sẽ đưa tiền. Tùy em muốn cho ai cũng được nhé.

- Thế thì độ hai tiếng nữa em đến chị nhé. Em phải nhờ người trông hai đứa cháu nội rồi mới đi được. Hôm nay con dâu em đi làm chị ạ. Mà chị ơi, chị đưa tiền cho em như vậy chị không sợ sao?

- Sợ gì cơ? Sợ em giật há? Chị sẽ náu áo anh Hưng bên Mỹ.

Hai chị em cười dòn dã. Kim Ngân có người anh lớn bên Mỹ. Anh Hưng sang theo diện HO. Trong gia đình có hai người anh tử trận. Một người trận Bình Giả, một người trận Bình Long nên Kim Ngân rất thương các anh thương phê bình. Lúc nào rảnh là cô đi tìm các anh để cho tiền. Khi thấy trường hợp nào thì thâm quá thì cô liên lạc với anh trai bên Mỹ, nhờ anh vận động bạn bè xin giúp. Vợ chồng Mỹ Khanh quen Hưng qua một người bạn thân của My Khanh. Nghe nàng về, cô bạn mừng quá, gửi điện thư nhờ My Khanh cầm tiền về. Nàng liên lạc vài lần với Kim Ngân. Thế là quen.

Lúc cô cháu gái mở cửa mời khách vào, My Khanh không khỏi ngạc nhiên vì Kim Ngân đứng trước mặt nàng trẻ và xinh đẹp hơn nàng tưởng tượng. Hai chị em tay bắt mặt mừng. My Khanh không khỏi ái ngại vì Kim Ngân phải đổi vài chuyến bus mới tới đây. Nghe My Khanh nói, Ngân cười hiền lành:

- Nếu được làm hơn thế nữa em cũng làm chị ạ. Nhìn các anh thương lắm cơ. Những người ở thành phố nhận được giúp đỡ thường, nhưng các anh ở xa, có người từ mấy chục năm qua vẫn không nhận được bất cứ sự giúp đỡ nào từ nước ngoài. Hôm qua em phải lên chùa Từ Quang tìm anh Thân. Anh cụt hai chân, một tay không xử dụng được. Hằng ngày anh xin ăn

trong thành phố. Chỉ cuối tuần mới lên xin trên chùa. Chùa ở xa, anh lại cụt hai chân nên không đi bus được. Lần nào cũng đi xe ôm. Có ngày xin không đủ trả tiền xe ôm nữa đó chị. Thế là đòi!

My Khanh kêu lên:

- Sao ông xe ôm không chờ dùm mà lấy tiền?

Kim Ngân cười khò:

- Chị ơi, ông xe ôm cũng phải sống chứ. Chờ dùm lấy tiền đâu nuôi vợ con hở chị?

My Khanh thấy yêu tiếng “Chị ơi” của Kim Ngân quá. Nàng tò mò:

- Thế em có tìm ra anh Thân không?

- Có chị ạ. Em đã tìm ra và chụp hình để làm hồ sơ. Hy vọng anh được bên đó giúp đỡ. Chỉ có điều địa chỉ hơi rắc rối. Anh hiện được tá túc trong một góc sân của một gia đình. Không biết nếu xin được, tiền gửi về địa chỉ này, người ta có đưa cho anh không.

- Chắc có chứ em. Tình cảnh anh ai mà đành lòng!

- Chị ơi, mảnh lực đồng tiền lớn lắm. Ở đây giết người vì chút tiền không hiếm đâu ạ.

My Khanh nói:

- Bần cùng sinh đạo tặc phải không em. Bây giờ thế này. Chị đưa số tiền chị nói hôm qua cho em. Em cứ tự nhiên giúp ai thì giúp. Khi nào rảnh em đưa chị đi thăm vài anh ở gần đây. Chị sẽ giúp thêm em nhé.

Kim Ngân vui vẻ:

- Được chị ạ. Ngày mai nếu chị rảnh, em đưa chị đi thăm anh Vũ Tuấn. Anh ở gần nhà thương Thống Nhất. Là nhà thương Vi Dân cũ đó chị. Anh này bị thương nằm một chỗ từ tháng hai năm 75. Nửa người anh, từ thắt lưng trở xuống không còn cảm giác. Anh nằm một chỗ với chiếc ống nhựa nối bàng quang với một túi ny lông chứa nước tiểu. Đã ba mươi ba năm như thế. Tuy nhiên tinh thần anh rất vững. Anh sáng tác thơ, làm PPS... gửi lên mạng khắp thế giới. Ngày mai chị đến thăm chắc anh mừng lắm. Mấy khi có người từ ngoại quốc về thăm.

My Khanh vui vẻ:

- Vậy ngày mai chị em mình hẹn gặp nhau trước cửa bệnh viện Thống Nhất nhé. À, Kim Ngân thấy anh ấy cần gì để chị mua mang đến?

- Anh Tuấn nằm một chỗ nên cần hai loại thuốc viên làm từ nguyên liệu thiên nhiên. Viên gấc và viên táo. Theo em biết, viên táo là một dạng rong biển giúp anh đi cầu thông. Anh Tuấn nằm một chỗ nên ruột làm việc yếu lắm. Anh cần uống loại này hằng ngày.

- Chị sẽ biếu thêm cho vợ anh ấy một chai dầu gió xanh. Chị thấy bên này rất chuộng dầu gió xanh.

Giọng Kim Ngân bỗng ngập ngừng:

- Tội nghiệp chị Cúc. Tiếng là lấy chồng chứ thật ra vì thương hoàn cảnh của anh Tuấn mà chị ấy về ở chung để săn sóc cho anh ấy, chứ bại liệt như anh Tuấn, chị Cúc còn trông mong gì nữa? Em nghe nói mấy hôm nay chị ấy về quê thăm mẹ bệnh. Nhà chỉ có đứa cháu trông nom anh Tuấn. Ngày mai mười giờ chị nhé.

Kim Ngân đi rồi, My Khanh bỗng thấy băng khuâng. Vũ Tuấn! Cái tên này gọi cho nàng một trời kỷ niệm. Của thời con gái. Vũ Tuấn là mối tình đầu của My Khanh. Hai người gặp nhau trong một buổi chiều mưa. Sài Gòn mưa tháng sáu. Năm bảy tư, My Khanh đang học Văn Khoa năm thứ nhất. Hôm đó nàng cần mua cuốn sách nên ghé nhà sách Khai Trí. Hai bàn tay cùng đưa tới một lượt, cầm cùng cuốn sách. Một cách bất ngờ. Một bàn tay với những ngón thon dài trắng nuột nà và một bàn tay gân guốc phong sương. My Khanh giật mình rút tay lại, nhìn qua bên cạnh và bắt gặp một cặp mắt sáng rực đang nhìn nàng. Nụ cười lộ hàm răng trắng đều trên khuôn mặt rám nắng của chàng trai:

- Xin lỗi cô. Tôi thật vô ý!

My Khanh ngượng ngùng:

- Dạ không có chi. Hôm khác tôi mua cũng được.

- Hình như cô cần cuốn sách để học phải không? Cô lấy đi. Tôi mua chỉ để đọc thôi. Không có cuốn này thì cuốn khác.

My Khanh ngạc nhiên:

- Sao ông biết tôi mua để học?

Chàng cười ranh mãnh:

- Chiếc cặp của cô nói cho tôi biết đấy.

My Khanh đỏ hồng đôi má:

- Tôi... tôi...

Chàng nhìn sâu vào mắt người con gái xinh thật xinh. Trong tà áo dài lụa đơn sơ màu thiên thanh, mái tóc dài óng ả, nổi bật đôi mắt to mơn màng trên khuôn mặt bầu bĩnh chưa mất hết vẻ trẻ thơ. Chàng bỗng mím cười, đôi mắt nhìn nàng trở nên nồng ấm:

- Đợi tôi một tí nhé. Nhớ đừng đi trước khi tôi trở lại đấy.

Không đợi My Khanh trả lời, chàng cầm cuốn sách đi nhanh lại quầy trả tiền. Ít phút sau trở lại, đưa túi xách cho My Khanh:

- Cầm đi cô bé. Cố học cho thật giỏi nhé. Hy vọng một ngày nào đó chúng ta sẽ gặp lại. Xin chào.

Chàng quay gót và My Khanh đứng đó như trời trồng, ngẩn ngơ với cuốn sách trên tay. Không thốt được nửa lời. Trời ơi, cô bé kêu thầm, có chuyện này thật sao? Mình sẽ gặp lại chàng một ngày nào đó? My Khanh lắc đầu, chớp chớp cặp mắt để trấn tĩnh. Người đầu mà lạ quá, không giống bất cứ người con trai nào nàng quen trước đây. Rồi cô bé cũng mím cười, cặp mắt trở nên mơ màng và trái tim non bỗng đập những nhịp bất thường.

My Khanh còn đứng đó thì chàng bỗng lại hiện ra, bằng xương bằng thịt trước mắt, cười cười:

- Ông Trời không muốn tôi xa cô bé rồi.. Ngoài kia đang mưa to. Tôi lại không đem theo áo mưa. Chúng ta tiếp tục trò chuyện trong khi chờ cơn mưa dứt hạt nhé. Tôi tên Tuấn. Còn cô bé?

My Khanh cắn môi, ngập ngừng vài giây rồi quyết định:

- Tôi tên My Khanh!

Tuấn kêu lên, giọng vừa ngạc nhiên vừa thú vị và đầy ngưỡng mộ:

- My Khanh. Tên đẹp quá và thật hợp với cô bé.

My Khanh mím môi bất mãn. Dám gọi người ta là cô bé. Có lẽ đoán được tâm trạng người con gái trước mặt, Tuấn mím cười:

- Xin lỗi... My Khanh. (Ừ nhỉ, tên đẹp như thế không gọi thì... phí quá. Chàng nghĩ thầm). Tôi là lính trong binh chủng Biệt Động Quân. Tôi được nghỉ phép ít hôm nên mới có mặt nơi này. Có lẽ hôm nay là ngày may mắn của tôi, vì được làm quen với một người con gái... xinh nhất thủ đô.

My Khanh cau mày, trách móc:

- Ông nói xạo! Tôi rất tầm thường...

Tuân cười xòa:

- Không nhất thì nhì vậy nhé. Nhưng thật tình đối với tôi, cô bé là người xinh nhất.

Tuy ngoài miệng phản đối, nhưng trong thâm tâm My Khanh thấy vui vui. Cô gái nào không vui khi được khen đẹp?

Thế là nhờ cơn mưa mùa hạ mà họ quen nhau, rồi yêu nhau. Những buồn vui, giận hờn, nhớ nhung nối tiếp. Tuấn miệt mài với chiến trận và My Khanh vẫn cắp sách đến trường. Họ dự định khi nàng ra trường thì cưới nhau. Cả một tương lai ngọt ngào trước mặt. Nhưng Tháng Tư Bày Lãm đã khiến họ chia lìa vĩnh viễn. My Khanh theo gia đình xuống tàu Đại Hàn ra khơi, trong khi đó Tuấn đang kẹt ở miền Tây....

*

Hôm sau với tâm trạng bồn chồn, My Khanh đến nơi hẹn với Kim Ngân. Hai chị em đi vào con hẻm khá rộng. Kim Ngân bảo cô đến thăm Vũ Tuấn hầu như hàng tuần, để mang hồ sơ của các thương phế binh đến nhờ Tuấn chuyển bằng e-mail ra ngoại quốc. Vũ Tuấn dù nằm một chỗ nhưng với tinh thần quyết đấu, anh đã mày mò học sử dụng máy vi tính thật thành thạo và giúp các đồng đội cũ với tất cả tấm lòng và nhiệt tâm của anh. Nhìn thấy con hẻm rộng với nhà cửa khang trang. Những ngôi nhà nhiều tầng khiến My Khanh không khỏi

thắc mắc. Nếu Tuấn nghèo sao lại có thể ở trong khu nhà cao cửa rộng này. Nhưng chưa kịp hỏi thì Kim Ngân nói:

- Minh đến rồi chị. Nhà anh Tuấn bên kia.

Thì ra, chen vào giữa những căn nhà lầu đẹp đẽ còn có một căn nhà nho nhỏ, mái tôn. Kim Ngân tự động mở cửa mời My Khanh vào. Gian trước trống trơn, có một chiếc xe máy, nghe nói của cháu vợ Tuấn. Vì cô ấy đi vắng nên nhờ cháu đến trông dùm. Nhưng hình như anh ta đã đi đâu đó. Kim Ngân và My Khanh đi vào căn phòng phía sau. Kim Ngân nói to:

- Anh Tuấn ơi có khách phương xa đến thăm.

Trong ánh sáng lờ mờ hắt vào từ khuôn cửa sổ, My Khanh thấy hình dáng một người đàn ông rất gầy nằm trên chiếc giường nhỏ, nửa thân dưới đắp chiếc chăn mỏng. Thấy khách vào, ông với tay lên sợi giây phía đầu giường kéo chiếc màn cho căn buồng sáng hơn. My Khanh tiến đến bên giường, nghiêng đầu nhìn. Tim nàng nhói đau. Cũng cặp mắt ấy, tuy kém tinh anh, nhưng vẫn ánh lên nét thông minh. Vàng trán rộng, mái tóc bây giờ muối nhiều hơn tiêu. Đúng là Tuấn của nàng ngày xưa. Chỉ khác là tấm hình hài quá tiêu tụy. My Khanh không nhận được, nghẹn ngào:

- Anh Tuấn!

Người đàn ông giật mình, chăm chú nhìn, bỗng kêu lên thảng thốt:

- My Khanh! Phải My Khanh không?

Sự bất ngờ khiến chàng đưa cánh tay về phía My Khanh một cách vô thức. Như một người sắp chết đuối định với một chiếc phao. My Khanh ngồi thụp xuống, cầm bàn tay gầy gò của chàng, thôn thức:

- Sao anh ra tới nông nổi này? Sau khi sang Canada, em đã hỏi biết bao nhiêu người quen, nhưng không ai biết tin tức gì của anh cả. Em nghĩ là anh đã...

- Đã chết phải không? Tuấn cười buồn, tiếp lời My Khanh. Anh cũng tưởng mình chết biết bao nhiêu lần. Nhưng trời Phật vẫn còn thương

nên anh mới sống tới ngày hôm nay. Coi kia, đừng khóc. Sung cặp mắt đẹp bây giờ. Anh không ngờ mình còn được may mắn gặp lại em.

My Khanh lau những giọt lệ đang lăn dài trên má:

- Em cũng vậy. Khi nghe Kim Ngân nói tên anh, em đã hy vọng là anh thật.

Kim Ngân từ trong bếp bước ra với khay nước mời khách. Thấy My Khanh đang cầm tay Tuân, cặp mắt đỏ hoe, vội hỏi:

- Ủa, hai anh chị quen nhau à?

Tuân cười:

- My Khanh và anh quen nhau trước bảy năm.

Kim Ngân cười ranh mãnh:

- Thì ra là cố nhân!

My Khanh phân trần:

- Năm bảy năm chị theo gia đình rời Việt Nam bằng tàu Đại Hàn. Sau đó sang định cư Canada và mất tin tức anh Tuân từ đó đến nay. Thật bất ngờ cho chị khi gặp lại anh trong tình cảnh này! Thú thật chị vừa mừng cũng vừa đau lòng quá em ạ!

Nói xong My Khanh lại rơm rớm nước mắt. Tay nàng vẫn nắm chặt bàn tay gầy gò của Tuân. Chàng để yên và nhìn My Khanh với cặp mắt thật thiết tha:

- Anh cảm ơn trời Phật đã dun rui cho em đến với anh hôm nay. Biết bao lần anh từng mơ thấy em. Được nắm tay em một lần như hôm nay là anh mãn nguyện. Anh nghĩ là em đã có một gia đình rất hạnh phúc phải không? Anh ấy thế nào?

My Khanh gật đầu:

- Nam là một người chồng tốt. Anh ấy rất yêu em. Chúng em có hai con. Một trai một gái. Khi em sang Canada, lúc đầu vừa đi học vừa đi làm. Cày cục mãi cũng lấy được mảnh bằng kế toán. Em đi làm cho một công ty kế toán lớn và nơi đây em đã gặp Nam. Em lập gia đình suýt soát ba mươi năm rồi.

- Thế mà vẫn trẻ trung và xinh đẹp như ngày xưa. Chỉ hơi đầy người ra một tí. Nhưng càng đẹp!

- Anh không thay đổi tí nào. Vẫn miệng lưỡi ngọt như mật!

Tuân cười, nheo mắt:

- Vì thế ngày xưa mới có một cô bé tên My Khanh chịu yêu anh lính quèn phải không? (Và Tuân đổi giọng nghiêm nghị) Anh chỉ đùa cho vui thôi, em đừng hiểu lầm nhé. Thân phận anh ngày hôm nay chỉ là một kẻ tật nguyền, một người vô dụng.

My Khanh vội cướp lời:

- Không, anh đừng nói thế. Tuy không còn nguyên vẹn như xưa, nhưng dù nằm một chỗ, anh vẫn giúp được những bạn bè hoàn cảnh bi đát hơn anh kia mà. Em nghe Kim Ngân kể, có những anh vừa mất cả hai chân, vừa mù cả hai mắt, còn đeo thêm bệnh tâm thần. Anh như thế này phải kể là còn may mắn anh ạ.

Tuân kể, giọng uất nghẹn:

- Em chưa biết anh đã sống như thế nào sau ngày mất nước đầu. Những tù cải tạo như anh, có bị thương nặng cỡ nào cũng bị họ xem như đồng giẻ rách. Anh đã từng chết đi sống lại hàng trăm lần. Bị thương bầm dập từ thắt lưng trở xuống, nằm một chỗ đến nỗi lở loét cả người, máu mủ bê bết. Mà thôi, nhắc lại làm gì cho mất vui phải không em. Có ai ngờ chúng mình còn có cuộc hội ngộ ngày hôm nay.

My Khanh đau xót, nước mắt rung rung:

- Kể cho em nghe hoàn cảnh của anh sau ngày em ra đi...

Tuân mim cười, giọng đầy yêu thương:

- Vẫn mau nước mắt như xưa! Ừ, để anh kể lại em nghe khúc phim dĩ vãng đầy thương đau của anh...

... Sau ngày Quân đội miền Nam tan đàn rã nghé, Tuân đã lườn lách từ miền Tây về Sài Gòn và tìm đến nhà người yêu thì cửa đã đóng im ỉm. Hàng xóm cho biết cả gia đình đã ra đi

hôm hăm tám tháng tư. Với cõi lòng tan nát, chàng về nhà trên khu Lăng Cha Cả tá túc với mẹ. Khi ra trình diện chàng bị bắt đi học tập cải tạo như tất cả quân cán chính của chế độ Việt Nam Cộng Hoà. Trong một lần đi gỡ mìn, trái mìn nổ tung khiến thân thể chàng bị thương trầm trọng. Hai người khác bị tử vong. Trong những ngày chiến đấu với tử thần, sự đau đớn khốc liệt khiến Tuấn có ý nghĩ chẳng thà chết quách như hai người kia mà khỏe thân hơn. Nhưng rồi tất cả cũng qua đi. Giòng sông đời vẫn lạnh lùng trôi. Cuốn theo những mảnh đời bèo bọt. Không thể làm gì để thay đổi, chàng đành chấp nhận sống những tháng ngày khổ ải, chán chường. Cho qua ngày đoạn tháng. Cho hết một kiếp điều linh. Mỗi khi hồi tưởng lại chàng không khỏi rùng mình. Dưới chế độ này, thân phận người Thương phế binh của chế độ cũ như chàng không hơn một con vật. Họ sống lây lất khắp hang cùng ngõ hẻm, nhờ vào lòng từ tâm của ông đi qua bà đi lại. Chàng không hề có ý định hỏi thăm bất cứ ai để tìm lại My Khanh, khi nhìn lại cơ thể tật nguyền của mình. Tìm làm gì? Yêu là hy sinh. Là mong cho người yêu được hạnh phúc. Vì thế chàng phải vĩnh viễn biến ra khỏi cuộc đời My Khanh.

Những giọt nước mắt nóng hổi rớt xuống bàn tay gầy guộc khiến Tuấn choàng tỉnh. Chàng nhìn người thiếu phụ đang nắm bàn tay xương xẩu của mình, những giọt nước mắt vẫn tiếp tục rơi khiến chàng xót xa. Tuấn cố cười thật tươi:

- Nhưng hôm nay anh vui lắm. Được gặp lại em, dù một lần là anh mãn nguyện. Càng vui hơn khi biết em hạnh phúc với chồng con. My Khanh, chuyện chúng mình đã là dĩ vãng. Em yên tâm, anh không hề đòi hỏi em bất cứ chuyện gì. Cứ xem nhau như bạn bè thân thiết và quên đi những ngày hoa mộng xưa.

Giọng My Khanh nghẹn ngào:



- Em cảm ơn anh. Em cũng hiểu, những gì đã qua không thể quay lại. Vậy trong thời gian em còn ở đây, anh cho phép thỉnh thoảng em đến thăm anh. Về bên kia, em sẽ thường xuyên gửi E-mail. Nhưng không biết có phiền lòng chị ấy hay không?

Tuân cười, giọng bỗng reo vui:

- My Khanh đừng lo. Ngọc Diệp vì cảm cảnh mà chịu lấy anh. Em xem, anh đem lại gì cho cô ấy? Diệp rất dễ thương, có tấm lòng Bồ Tát. Suốt đời anh chỉ biết cần cô ngậm vành, tri ân cô ấy. Nếu không chê, Tết này em đến ăn một cái Tết nghèo với gia đình anh.

My Khanh nhìn Tuấn, ánh mắt đầy trách móc:

- Phải nói là em được hân hạnh đến ăn Tết với anh chị. Anh yên tâm, em sẽ đến. Đây sẽ là cái Tết hết sức ý nghĩa đối với em.

Giọng Kim Ngân từ bấp vọng lên:

- Anh chị tâm sự xong chưa? Em đã hâm xong bánh cuốn rồi nè. Chúng ta ăn trưa nhé. Để mừng cuộc hội ngộ của anh Tuấn và chị My Khanh. Không ngờ hai anh chị đã có một cuộc tình thơ mộng. Em rất ngưỡng mộ.

Tuân mắng yêu:

- Cô đáng đánh đòn lắm nhé. Không chịu báo cho anh biết trước. Chỉ nói là có người từ phương xa về thăm.

Kim Ngân cười khanh khách:

- Em muốn dành cho anh một bất ngờ. Mà bất ngờ thật phải không anh? Không cảm ơn mà còn mắng em. Thiệt tình!

Tuân và My Khanh nhìn nhau mỉm cười. Họ thấy không cần nói gì nữa. Mùa Xuân đang bước đến. Thật rộn ràng và ngọt ngào ...

Tiểu Thu
Montreal,
Mùa Xuân 2011

Keine Zeit Sorgen zu machen! Không có thì giờ để lo lắng!

Võ thị Trúc Giang - Lúa 9

Chào anh chị và các bạn,

Sáng mùa đông ngoài đường phủ đầy sương tuyết, tháng 12 cũng là tháng mà bao nhiêu đồng bào Việt tại Âu châu đang xông xao xuống đường vào Ngày Quốc Tế Nhân Quyền, lời tuyệt xưng nhưng không gì cản bước chân họ, tâm hồn họ luôn hướng về quê cha đất tổ đang oằn oại đau thương trong gông cùm cs.

Sau thời gian học cách Thiền của Thầy Thích Nhất Hạnh, rồi nay đang theo dự khóa Tai Chi Chuẩn trong Đại học, cô giáo dạy là một người Đức. Tai Chi một loại Thiền của Trung quốc. Trong các khóa Thiền này có rất nhiều người ngoại quốc ghi danh học, có lần đang Thiền mà trong đầu tôi cứ lờn vờn đến chuyện Tàu chiếm VN, tai nghe nhạc Thiền của Tàu, tôi nhớ nhớ than với cô giáo: „Rất khó tập trung hơi thở vì cái đầu em căng cứng ngắc, em đau đầu bởi những cái xảy ra quanh em,..” Cô giáo tôi nói nhẹ nhàng: „Ban tặng cho mình vài ba phút yên tĩnh mà em không làm được sao? Tập một thời gian sẽ quen,..” Quả đúng vậy, hiện nay hễ sáng sớm thức dậy đứng ngoài balkon tập thể dục tôi thấy tôi tặng cho chính tôi món quà là giây phút hiện tại thật tuyệt vời, chỉ tập trung hơi thở không nghĩ tới sau đó sẽ làm gì. Thế là ngày hôm đó tôi thật khỏe khoắn tinh táo, nhất là không thấy bực bội vô cớ về bất cứ vấn đề gì. Tất cả đối với tôi trở thành đơn giản như ngày thi sáng đêm thì tối.

Có nhiều lúc tôi bị stress trong công việc, không biết làm cái nào trước cái nào sau, thì tôi lại lấy cuốn „Quảng gánh lo đi mà vui sống” của Dale Carnegie ra đọc lại, nó như là một phương pháp hay giúp tôi nhớ lại thật đúng lúc, áp dụng phương pháp positive thinking – positives Denken này đã giúp cho rất nhiều người trên thế giới.

Như vậy tôi thấy giữa Tai Chi, phương pháp của ông Dale Carnegie và Thiền của Thầy Thích Nhất Hạnh có cái gì đó rất giống nhau. Có phải giống ở chỗ là dạy cách cho người khác sống trong giây phút hiện tại và nghĩ lạc quan yêu đời hơn không nhỉ?

Một văn hào Pháp André Maurois đã nói: „Tất cả những gì mà ta thấy nó thích hợp với mình thì ta cho đó là đúng. Còn những gì trái ý, ta thường cho đó là sai „khiến tôi nhớ tới câu của ai đó nói „3 kẻ mù sờ voi ..” Hóa ra trong kinh Phật và triết lý Tây Phương như lời Chúa dạy có gì đó thật giống nhau. Thật là điều khám phá thật thú vị.

Hiện nay người Việt hải ngoại sống khắp nơi trên thế giới trong xứ Tự do - Dân chủ, như bên Mỹ, bên Đức, bên Pháp, Úc, Hòa Lan.... họ có thể xin giấy phép nhà nước đang cư ngụ và có thể đứng biểu tình với cờ xí biểu ngữ trước Sứ quán của CSVN hay Tàu la hét đả đảo trong khi cảnh sát còn đứng bảo vệ họ. Lắm khi đoàn biểu tình còn quay sang bắt tay cảm ơn mấy vị cảnh sát đứng bảo vệ mình coi như đồng tình với mình và còn phát truyền đơn cho người qua đường trước mặt cảnh sát nữa.

Còn ở VN? Ai còn lạ gì cái xứ bị trù dập, bị Bịt Miệng nên ai dám làm chuyện đó mà ta chờ người khác làm thay ta? Không biết bao nhiêu nhà đấu tranh giành Dân Chủ tại VN bị hà hiếp bắt bớ tù đầy đầy sao?

Thầy có nghĩa là: Người dạy cho mình học cái gì đó. Tôi chưa từng học Thầy Vũ Kỳ giờ nào chỉ đọc sách của ông nên tôi quý ông và gọi ông là Thầy, một người Thầy hàm thụ. Cô giáo dạy tiếng Pháp cho chúng tôi hiện nay, cô hướng dẫn chúng tôi đi sâu vào văn chương ngôn ngữ Pháp, ngôn ngữ Pháp nào có phải do cô sáng tạo ra đâu mà nó đã có từ ngàn năm trước. Thầy Nhất Hạnh là người lấy thuyết của Bụt của Phật dạy lại cho đời, nào có phải là ý tưởng của riêng Thầy, mà giáo Pháp đạo Phật đã có từ bao ngàn năm nay. Cô người Đức dạy Tai Chi cho sinh viên nào phải Tai Chi Chuẩn là của cô đặt ra đâu, mà nó đã được truyền qua bao nhiêu đời trước.

Vậy Thầy là người lấy những kinh nghiệm của người đi trước dạy lại cho đời sau.

Người học Tai Chi Chuẩn, học Thiền hay đọc sách nghiên cứu về tâm lý càng ngày họ càng được khai sáng thêm bổ túc kiến thức cho đời họ, chứ Học và Đọc không làm con người mù quáng bao giờ.

Tình cờ trong đại học, có lần tôi ngồi nói chuyện với một cô sinh viên người Iran, ty nạn tại Đức, cô nói: „ Học sinh ở Iran trước khi bước vào lớp học phải xấp hàng chào cờ và hát bài ca đã đảo chống chiến tranh, chống Mỹ, Mỹ tới đâu là mang hư hại tới đó!“ . Nghe cô sinh viên người Iran kể mà tôi kinh ngạc không tin vào tai của mình! Vậy ta đừng cho những ai chống chiến tranh là cs, hiện nay nhân dân Mỹ cũng đang chống chiến tranh đấy, không lẽ họ cũng là cs cả sao ??

Dưới đây tôi xin trích vài đoạn hay trong „Quảng gánh lo đi mà vui sống,, hiến tặng quý anh chị, cùng các bạn nhé.

Dale Carnegie viết trong „Sorge dich nicht – lebe ! How to Stop Worrying and Living ! Quảng gánh lo đi mà vui sống !“ như vậy: „Wenn wir unsere Feinde hassen, verleihen wir ihnen Macht über uns: Macht über unseren Schlaf, über unseren Appetit, unseren Blutdruck, unsere Gesundheit und unser Glück. Unsere Feinde würden tanzen vor Freude, wenn sie ahnen, wie sie uns ängstigen und quälen und sich an uns rächen! Unser Hass verletzt sie nicht im geringsten, aber er verwandelt unsere eigenen Tage und Nächte in eine Hölle. (Lúa 9 tạm dịch: Khi ta ghét kẻ thù nào đó, tức ta giao cho hắn làm chủ linh hồn ta: hắn có mặt luôn luôn khi ta ngủ, lúc ta ăn, sự tức giận kẻ thù làm ta tăng huyết áp, hại sức khỏe ta và âm ảnh làm ta đến trở thành bất an. Kẻ thù ta càng khoái chí mừng khi hắn thấy ta sống trong phập phồng lo lắng và chực tìm cách trả thù ta! Cái tức giận của ta chẳng nhằm nhờ gì đến hắn hết, ngược lại sự tức giận nằm ngay tâm mình nó quay lại dày vò Ngày Tháng của đời ta giống như ta đang sống trong địa ngục trần gian).

Bởi thế có 7 chữ thôi, mà nó có thể thay đổi cuộc đời ta (Sieben Worten, die unser Leben verwandeln können) là: „**Unser Leben ist das Produkt unserer Gedanken,**„ (Đời ta là Sản Phẩm của những gì ta nghĩ – Quảng gánh lo đi mà vui sống – Dale Carnegie, trang 137)

Ja, wenn wir glückliche Gedanken denken, sind wir glücklich, wenn wir an Krankheit denken, werden wir voll Angst wahrscheinlich krank. Wenn wir denken, wir versagen, werden wir bestimmt versagen. Wenn wir uns in Selbstmitleid suhlen, wird jeder uns aufs Abstellgleis schieben und uns meiden. Sie sind nicht das, was Sie denken, dass Sie sind, sondern Sie sind, was Sie denken,, (Lúa 9 tạm dịch: Vàng, nếu như ta nuôi dưỡng một tâm hồn vui vẻ, sẽ khiến ta thấy hồn nhiên vui vẻ, nếu như ta luôn nghĩ

đến bệnh hoạn, sẽ làm ta có cảm tưởng bệnh thật sự, nếu như phút đầu ta nghĩ ta sẽ thất bại, sẽ khiến ta khó mà thành công. Nếu như lúc nào ta cũng tỏ ra bị quan chán nản thì người chung quanh sẽ lánh xa ta. Họ không phải những gì họ tưởng, mà những gì họ nghĩ đã tạo nên họ).

Ich bin durch alle Tiefen der Armut und der Krankheit gegangen. Wenn mich die Leute fragen, wie ich mit den Problemen fertig wurde, die wir alle haben, antworte ich immer: „Ich habe gestern durchgehalten, ich halte heute durch. Und ich erlaube mir nicht, daran zu denken, was morgen sein könnte,„. Ich habe Not und Kampf und Angst und Verzweiflung gekannt, ich musste immer hart arbeiten, oft ging es über meine Kräfte. Wenn ich jetzt mein Leben zurückblicke, sehe ich es als Schlachtfeld. Ich habe gelernt, nicht zuviel von den Menschen zu erwarten, und deshalb kann ich immer noch über einen Freund glücklich sein, der es nicht ganz ehrlich meint mit mir, oder über eine bekannte, die klatscht. Vor allem habe ich einen Sinn für Humor entwickelt, denn es gab so viele Dinge, über die ich entweder weinen oder lachen musste. Ich bedauere nicht, soviel Not kennengelernt zu haben, denn dadurch spürte ich das Leben in jedem Augenblick, den ich lebte. Und das war den Preis wert, den ich dafür bezahlen musste.

(*Lúa 9 tạm dịch: Tôi đã trải qua bao nhiêu là tận cùng của cái nghèo khó và bệnh tật. Nếu có ai hỏi tôi làm cách nào vượt qua khỏi những khó khăn ấy, tôi luôn luôn trả lời là: „Hôm qua tôi đã vượt qua được thì hôm nay tôi cũng sẽ thắng cái khó khăn đó. Tôi không cho phép tôi nghĩ tới, ngày mai sẽ ra sao. Tôi đã nhận thức được thế nào là Khốn khổ và sự Tranh đấu và Nỗi sợ hãi và Nỗi hoang mang trong đời, tôi đã phải làm việc thật vất vả, nhiều khi đến cạn hết sức mình. Bây giờ nhiều khi nhìn lại đời mình tôi thấy*

nó như một bãi chiến trường vậy. Tôi đã học rằng đừng chờ đợi nhiều nơi người khác, để tôi có thể vui khi nghĩ đến một người bạn nào đó, mặc dù anh ta chẳng thành thật với tôi mấy đâu, hay là khi nghĩ đến một người tôi quen người đó hay tán dóc cho tôi cười. Nhất là tôi đã tập cho mình có đầu óc khô hài, vì bởi trong đời đã có quá nhiều sự việc khiến cho tôi buồn phát khóc hay là cười lăn ra. Tôi không hối hận tí nào về những khốn cùng tôi đã lượm lặt được trong đời, qua đó tôi mới thấy quý từng giây phút hiện tại đang sống. Đó là cái giá mà tôi phải trả. (Dorothy Dix – Quãng gánh lo đi mà vui sống; trang 321)

Ai sống trong đời mà không trải qua bao nhiêu suy tư lo lắng về Quá khứ Hiện tại và Tương lai? Tôi luôn đi tìm con đường nào đúng nhất cho mình đi, nhưng cuộc đời là một cuộc thí nghiệm dài thăm thẳm, sao biết trước đâu Thật đâu Ảo? Cho nên tôi luôn luôn mở lòng học hỏi và tôn trọng ý của người khác, tuy nhiên tôi khuyên mọi người nên tập Thiền hay Tai Chi hay Yoga, cũng như đọc cuốn „ Quãng gánh lo đi mà vui sống „ để sống lạc quan hơn, có sức khỏe tốt hơn, nhiều nghị lực hơn để thắng mọi khó khăn trong đời, trong hoàn cảnh lưu vong, vui sống không có nghĩa là quên hiện tại giành Tự do - Dân chủ cho quê hương, nên lời khen cũng không làm ta kiêu hãnh và lời chê cũng không làm ta sồn lòng vì „ Die Zukunft ist heute – Tương lai là hôm nay „. (Dale Carnegie; trang 24) những gì ta đang làm hôm nay sẽ có một ngày mai, và ta đang xoay dần theo bánh xe của Lịch sử Việt đối diện trăm ngàn khó khăn hiện tại, càng khó ta càng cố thực tập positive Thinking như Dale Carnegie đã dạy. Đừng ngồi đó mà than van, bận rộn sẽ làm cho ta không còn thì giờ mà lo lắng hay trách móc nữa.

Chúc quý thân hữu năm mới an vui.

Võ thị Trúc Giang - Lúa 9

Germany, 08.12.08

Độc Thơ Nguyễn Trãi Đề Yên Tử Sơn, Hoa Yên Tự

PHẠM THẢO NGUYỄN

Ngày xuân chúng ta hãy theo Nguyễn Trãi lên núi thiêng Yên Tử lễ chùa Hoa Yên:

題安子山花煙寺

安山山上最高峰，
纔五更初日正紅。
宇宙眼窮滄海外，
笑談人在碧雲中。
擁門玉槩森千畝，
掛石珠流落半空。
仁廟當年遺跡在，
白毫光裏睹重瞳。

Yên sơn sơn thượng tối cao phong
Tài ngũ canh sơ nhật chính hồng
Vũ trụ nhãn cùng thương hải ngoại
Tiểu đàm nhân tại bích vân trung
Ứng môn ngọc sóc sâm thiên mẫu
Quải thạch châu lưu lạc bán không
Nhân miếu đương niên di tích tại
Bạch hào quang lý đồ trùng đồng

Chùa Hoa Yên, Núi Yên Tử

Trên đỉnh núi Yên cao tốt vôi
Canh năm vừa tới, trời hồng tươi
Mắt nhìn vũ trụ ngoài tầm biển
Người đứng giữa mây nói nói cười
Bọc cửa măng nhô nghìn mẫu trúc
Đá treo châu chảy nửa lưng trời
Nhân Tôn di miếu còn ngay đó
Trong ánh hào quang mắt Bụt ngồi

Mắt nhìn vũ trụ ngoài tầm biển

Người đứng giữa mây nói nói cười.

Không phải là vẻ kiêu hãnh tự hào, lời thơ nhẹ như không, nhưng đây nức sự thoả lòng vì công cuộc giải phóng đất nước do Lê Lợi cầm đầu, vừa đánh đuổi xong giặc Minh, kẻ xâm lược hỗn sược phương bắc, Nguyễn Trãi, người có công đầu, sắc nhận rằng:

“Giữa vũ trụ này, đây là đất của tổ tiên ta, dân ta đã oai hùng dành lại được, là nơi ta đặt chân đứng lên làm chủ, cười cười nói nói hiên ngang giữa mây trời”.

(Đó cũng chính là tấm lòng đầy xúc động của một người dân Việt thời nay, đứng tại đỉnh

Bình chú:

Khi được đọc bài thơ này của Nguyễn Trãi, câu thơ thứ tư đã thu hút tôi lạ lùng:

Tiểu đàm nhân tại bích vân trung.

(Nói cười người ở trong đám mây xanh)

Một câu thơ ung dung tự tại, thanh thoát, chữ dùng rất giản dị nhẹ nhàng, mà sao ta thấy chan hoà một tư cách cao vời vợi của người thơ. Và bài thơ dịch chỉ viết xong khi tôi tạm bằng lòng câu:

Người đứng giữa mây nói nói cười.

Nhưng thật ra để nói lên tâm tình Nguyễn Trãi, thì phải có đủ cả hai câu 3, 4:

núi thiêng Yên Tử phủ mây, vào lúc tang tảng sáng, chứng kiến tận mắt cảnh trời núi ửng hồng. Với tầm mắt vượt ngoài vịnh Hạ Long diễm lệ dưới kia, người đó nhìn ra vũ trụ, thấy mình đang đứng giữa mây núi quê hương, lo lắng cho đất nước trước hoạ xâm lăng).

Sau đó, trong khoảng trời mây núi mênh mông, rừng trúc bạt ngàn, suối, thác, uốn lượn của Yên Tử Sơn, Nguyễn Trãi tới lễ trình miếu thờ vua Trần Nhân Tôn. Ngài là chủ nhân đất nước này, người chỉ huy tối cao của quốc dân trong hai lần cuối cùng phá giặc Nguyên Mông xâm lấn vừa mới hơn một thế kỷ trước (1385, 1388), mà cũng là tổ tiên dòng họ ngoại, của mẹ ông. Khi ngừng lên chiêm bái, ông thấy tượng một vị sa môn đầu đà tu khổ hạnh, nét mặt thanh thần không vương chút bụi trần. Ông thấy cốt cách nhà vua đặc đạo của Đại Việt, người được con dân thời đó gọi rất thân thương là “vua Bụt”, hiện lên trong ánh hào quang, với đôi mắt có hai con ngươi nhìn ông như chan hoà hồn thiêng sống núi.

Hình như đối với phần lớn người Việt chúng ta ngày nay, danh xưng “Vua Bụt” như còn xa lạ. Đó chính là do âm mưu thâm độc của giặc Minh,

chi trong hơn một chục năm chiếm đóng đất nước ta: Chúng muốn xoá tận hết văn hoá dân ta, chúng đã phân chia nước ta thành quận huyện của Tàu, tất cả tài liệu về văn minh Đại Việt xưa, nhất là chữ Nôm, quốc ngữ của dân ta, đã bị chúng cố tình huỷ diệt. Cho nên hiện nay, ta gần như chỉ còn lại bốn bài phú chữ Nôm hiếm hoi của thời đó, còn cất dấu trong các chùa chiền xưa cũ, trong đó có bài Vịnh Vân Yên Tự Phú viết bởi Tam Tô Huyền Quang, còn có danh hiệu này:

... nhèn chi vua Bụt tu hành...

Nhưng nếu ta tìm kiếm rộng ra ngoài, danh xưng Bụt dành cho Phật còn có rất nhiều trong những thư tịch đời xưa, ngay trong ca dao:

Gần chùa gọi bụt bằng anh

Thấy bụt hiền lành công bụt đi chơi.

Cũng như trong Quốc Âm Thi Tập của Nguyễn Trãi, và nhiều tư liệu đời Lê khác:

.. Thân đà hết lụy thân nên nhẹ

Bụt ấy là lòng, bụt há cầu... (Mạn Thuật, bài 5)

... Dù bụt dù tiên ai kẻ hỏi

Ông này đã có thú ông này... (Mạn Thuật, bài 6)...

Phạm Thảo Nguyên

(New york)

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

LỜI CUỐI GỬI GIÓ MÂY

Đỗ Phú

Máy bay của tôi hạ cánh xuống Cleveland vào một buổi chiều bầu trời xám xịt, mới 4 giờ chiều mà Cleveland đã như gần tối, mây xám phủ ngang trời và nặng trĩu như chứa đầy nước. Đài khí tượng dự báo tuyết sẽ đổ xuống vùng Cleveland 2-3 inches và trời sẽ lạnh suốt đêm ở khoảng 20oF. Tôi gọi điện thoại cho Chính, gặp chị Chính trả lời: nhà tôi vào nhà dưỡng bệnh Western Hospice hai tháng nay rồi, tôi hỏi vợ vàng anh sao vậy?, anh bị đau bệnh gì nặng đến nỗi phải vào hospice. Chị

Chính cho hay gần đây anh bị ho nhiều khi tìm thấy bệnh thì là bệnh lao phổi, cả nhà ai cũng ngạc nhiên vì anh ấy không hút thuốc lá, rượu chè rất chừng mực, đã phải cắt một phần phổi và làm

chemo nhưng bệnh lao đã lan qua nhiều cơ phận khác. Tuy bị ho nhưng chỉ khúng khắng nhẹ, không ai ngờ lại nặng như thế. Bác sĩ nói số mệnh của anh bây giờ tính theo từng tháng, anh chắc chỉ còn sống nhiều lắm là 6 tháng nữa. Tôi bị chóiáng váng với tin buồn này. Tôi vội vào thăm Chính trong nhà dưỡng bệnh. Vừa tới cửa phòng số 205, tôi gặp chị Chính, chị cho hay mấy ngày gần đây, anh Chính ngủ nhiều chắc do ảnh hưởng của thuốc ngủ, lúc nào anh mở mắt, anh ấy còn tỉnh táo nhìn ra vợ con và tỏ ra còn trí nhớ tốt. Tôi ngồi

chạnh giường anh, nhìn anh hốc hác xanh xao, tóc thưa thớt, hoa dâm tôi không ngờ mới hai năm không gặp mà anh đã thay đổi nhiều như vậy. Một cuộc đời sắp tàn và tôi sắp mất một người bạn. Chính mở mắt ra nhìn thấy tôi, anh ráng nở một nụ cười chào đón nhưng tôi thấy nó héo hắt làm sao, Tôi nói với Chính tôi lại thăm anh đây, sau một vài câu thăm hỏi, tôi thấy anh có vẻ như muốn nhắm mắt ngủ lại, tôi chào anh, và hẹn sẽ trở lại thăm anh trước khi tôi rời Cleveland. Anh nói cảm ơn Hoàng và thêm anh rất mừng đã nói được với tôi lời cuối.

Tôi ra về lòng băng khuâng không hiểu rõ

lời cuối mà anh nói là gì, anh muốn gửi đến tôi và các bạn anh điều gì. Như một cuốn phim đang quay lại cho tôi thấy một thời đã đi qua. Vào năm 1970, anh dọn tới ở với ông chú Hồng, hàng xóm với gia đình tôi, từ



đó chúng tôi thường gặp nhau, quen nhau rồi đi tới chỗ thân tình. Anh lớn hơn tôi hai tuổi, dáng người thanh lịch, trắng trẻo, khỏe mạnh, anh thường lái xe Vespa đi làm. Thịnh thoảng tôi thấy có chiếc xe Jeep lại đón anh đi buổi sáng. Tôi nhớ có lần hỏi anh đang làm gì, anh trả lời, anh là đại úy nhưng anh làm trong một cơ quan cố vấn đặc biệt nên không phải mặc quân áo nhà binh. Tôi cảm phục anh vì thấy anh còn quá trẻ với cấp bậc đại úy, có lẽ vì dáng người nho nhã của anh. Những ngày nghỉ anh hay rủ tôi đi ăn kem Lan Hương, kem Brodard, đi coi

ciné ở rạp Lê Lợi, Sài Gòn, Đại Nam hay rạp Rex. Thỉnh thoảng anh kể cho tôi nghe về cách làm việc của anh, tôi thấy anh là một người chính chắn, cẩn thận và có óc tổ chức công việc thật chu đáo. Làm việc gì anh cũng tính toán kỹ lưỡng, và chuẩn bị cho thật đầy đủ. Anh nói nhờ có đầu óc suy tư và biết tổ chức công việc, biết lo xa tính toán, anh đã hái được nhiều thành công và tránh được nhiều thất bại. Các bạn anh đều mến anh và nhờ anh giúp đỡ. Tôi hết sức cảm phục anh. Đôi lúc tôi thấy anh có vẻ như tự hào về tài trí của mình.

Thời gian trôi mau, đến 30 tháng tư, chúng tôi mỗi người mỗi ngả. Sau một thời gian lên đênh trên biển, gia đình tôi được định cư tại Hoa Kỳ. Đến San Jose, tiểu bang California được ít lâu, tôi tình cờ gặp lại anh trong một siêu thị, lúc anh đi qua vùng tôi ở. Tôi mời anh chị đến nhà tôi ở chơi vài ngày, lúc này anh đã lập gia đình. Anh kể cho tôi nghe anh đang ở Las Vegas, ngay khi vào được Mỹ, anh đã nghĩ phải tìm đến những nơi dễ kiếm tiền, dễ làm giàu để khi có tiền anh sẽ học thêm về kinh doanh và tài chánh. Anh nghĩ Las Vegas là nơi cờ bạc và giải trí cho bọn có tiền, dân dư tiền của, là nơi hẳn phải dễ làm ăn. Anh tự hoạch định cho mình một chương trình học, anh nói anh phải học lấy bằng Master về tài chánh hay kinh tế. VN trong tương lai gần, chính thể nào cũng phải cần những người có kiến thức về tài chánh và biết làm thương mại. Anh hỏi tôi về học hành tôi luôn luôn đồng ý với anh học cần thiết cho mở mang trí tuệ và là dịp cho mình theo kịp các kiến thức đại học ở một nước tiến tiến như Hoa Kỳ. Tôi nêu nhiều hoài nghi về thời gian và tuổi tác của anh và tôi còn đủ để trở về giúp nước?. Nhất là khi chế độ cộng sản còn thì mình không nên nghĩ tới. Quan trọng đối với tôi là làm sao kiếm được một công việc

làm tốt và ổn định được cuộc sống trên đất Mỹ. Nhiều công việc đòi hỏi mình phải học thêm, học lâu dài, như một số bạn tôi được tuyển dụng làm giáo chức nhưng họ buộc phải học lại một số giờ và trong vòng hai năm phải thi được bằng hành nghề giáo chức, đó là điều mà một số người không thực hiện được.

Chừng hai năm sau, Chính gọi tôi cho hay anh chị đã dọn nhà đến Cleland, Ohio, ở đó bạn anh giới thiệu cho anh một công việc nhẹ nhàng đó là làm công việc kiểm soát các thức phẩm đã hoàn tất từ trong máy chạy ra. Anh nói anh đã lắm khi đến Las Vegas, ở đó hầu như ai cũng làm việc cho sòng bài, ngoài sòng bài ra, công việc là làm cho các nhà hàng ăn, bán đồ dùng và làm dịch vụ cho du khách. Vào làm cho các sòng bài thì sớm muộn gì bạn cũng bị lòng tham và ham muốn chơi bài lôi kéo và đồng nào kiếm được lại trả về cho nó. Chưa kể một số nhỏ, trở nên con bạc thua quá làm liều như trộm cắp để mang án tù đầy, rồi cũng đi khỏi Las Vegas.

Vào khoảng 1989-1990, Chính cho tôi hay anh đã xong Masters về tài chánh, và anh khoe anh đã tiên đoán như thần là thế nào cộng sản cũng sụp đổ, anh nói cộng sản Nga, Đông Đức, Ba Lan, Tiệp Khắc đã sụp, Tàu mới thoát được vụ Thiên An Môn nhưng sớm muộn gì cũng lụn bại bây giờ họ đang hành xử khác nào bọn mafia, du thủ du thực, cán bộ thì hủ hóa, quan liêu, tham nhũng, ăn cắp của công, gian dối đủ mọi vẻ. VN cũng vậy, họ đã phải cởi mở để sống còn, nhưng mới chỉ cởi mở kinh tế, mà chưa giám trả lại tự do cho dân chúng. Họ vội vã đi vào kinh tế thị trường, mở cửa tư sản cho dân để tránh nội loạn. Họ bị mất viện trợ 1 tỉ đô la một năm của CS Nga Xô vì CS Nga sụp đổ. Họ kêu gọi dân đã di tản gửi tiền đô la về giúp gia đình, họ đưa ra hàng loạt chương trình

mọi tiền như giúp thân nhân nghèo đói, giúp cải tổ mồ mả cha ông, xây lại mồ mả, xây dựng trường học cho trẻ em, xây dựng hay tu bổ lại chùa chiền, nhà thờ, kêu gọi mọi con dân, mà họ đã xua đuổi, về giúp nước, mà hàm ý là đưa người ngoại quốc về và đưa tiền về. Chính thao thao nói về VN, một đất nước có nhiều lợi điểm thu hút tài lực ngoại quốc vì VN đã từng nổi tiếng là một nước nhỏ nghèo nàn chịu đựng bao đau thương của hai cuộc chiến lớn là đánh Pháp và Hoa Kỳ. Hàng triệu người đã chết trong hai cuộc chiến, nó đã kích động lương tâm của toàn thể nhân loại vào thế kỷ thứ 20. Nói đến VN, hàng triệu người muốn đến xem tận mắt, nghe tận tai con người nhỏ bé bị dấy vò thảm thương. Gần triệu quân nhân các nước Âu Châu, Á Châu và Mỹ Châu đã tham dự vào các cuộc chiến này. Hình ảnh và ký ức về VN còn đó. Các nước Âu Mỹ sẵn sàng giúp đỡ VN tái thiết như họ đã từng giúp Đức và Nhật đứng dậy sau thế chiến thứ hai. Khi VN rút quân khỏi Căm Bốt và tuyên bố mở cửa thị trường dù còn giới hạn và dè dặt, họ cũng tận tâm trợ giúp, tin tưởng VN sẽ đáp ứng bung ra thật sự mau lẹ. Nhưng vì bản chất của người CS, họ luôn chủ trương cướp đoạt chính quyền bằng mọi phương tiện, như là dùng bạo lực, cai trị dân bằng đàn áp, gian trá, sẵn sàng tiêu diệt đối lập. Họ mở cửa thị trường nhưng thông theo câu theo định hướng xã hội chủ nghĩa, một lối nói thị trường tự do trong sự kiểm soát chặt chẽ của đảng, một nghịch lý chòng chéo. CSVN đã duy trì nhiều lực cản làm tăng trưởng kinh tế sút kém nhiều hơn khả năng của dân chúng. Họ duy trì một lực lượng công an, cán bộ quá lớn để bảo vệ chế độ với số lương quá thấp nên phải lơ là cho họ hà hiếp bóc lột dân. Họ duy trì một số lớn công ty quốc doanh lớn để đưa đầu tư vào đó rồi chuyển vào túi cán bộ. Vào năm 1990, số quốc doanh

vào khoảng 12.000, do đòi hỏi cải tổ của kinh tế thị trường đến 2004 xuống còn 3200 công ty lớn, một số công ty quốc doanh nhỏ do các địa phương quản trị bị dẹp bỏ. Công ty quốc doanh bị hạn chế phát triển vì quản lý suy yếu, trì trệ và vì nhu cầu của tệ nạn tham nhũng. Chính kể rằng anh đi làm dành dụm được đồng nào, vợ chồng anh đầu tư luôn đồng đó vào nhà cửa, đất đai. Nhưng vì đồng lương của anh chị không cao nên mức để dành được cho đầu tư tương lai thấp. Anh nói anh có hai vấn đề mà anh hằng ấp ủ phải thực hiện là về VN thăm lại người bạn gái cũ, gia đình cô ta đã một thời ngăn cản mối tình của anh và anh muốn đem áp dụng kiến thức của anh cho gia đình và quê hương. Anh vẫn tin rằng anh có thể làm một cái gì đó trên cả cuộc sống hằng ngày.

Ngày nay tuy đã có vợ con, anh vẫn không quên mối tình đầu. Người bạn gái của anh là Thanh Xuân, anh quen cô khi gặp nhau ở Đại Học Văn Khoa, khi vào lớp cũng như khi đi mua bài, anh thường cho cô mượn bài vở anh chép đủ hay mua cours thì anh mua luôn một phần cho cô. Do học chung và thường xuyên gặp nhau, tình cảm yêu đương nảy nở giữa hai tâm hồn trong sáng. Anh chỉ chờ khi nào kiếm được việc làm thì sẽ tính chuyện hôn nhân. Nhưng đến 1962, anh bị gọi động viên, anh ra trường với cấp bậc sĩ quan bộ binh và di chuyển ra vùng một chiến thuật đi hành quân triển miên. Bố mẹ Thanh Xuân khuyên và ngăn cản cô lấy Chính vì Xuân khá xinh đẹp lại dịu dàng nên nhiều người tới lui nhưng cô không chịu. Một thời gian dài, anh không nhận được thư từ tin tức của Thanh Xuân vì thư từ bị mẹ cô cắt đứt và gia đình lại dọn nhà. Sau anh được biết gia đình Thanh Xuân không muốn con gái lấy chồng lính sợ con gái góa chồng

sớm. Biết bao cảnh mẹ góa con cô trong thời gian từ 1965 đến 1975.

Sau một thời gian dài chúng tôi không gặp nhau vì ai cũng bận rộn công ăn việc làm trên xứ người, lo cho gia đình con cái ăn học. Ban ngày lo làm, lo học, ban đêm lo dạy dỗ con cái, lo ăn ngủ điều độ để có sức khỏe làm việc tiếp ngày hôm sau. Cuộc đời mấy người được thanh thoi không lo nghĩ. Đến năm 2000, vợ chồng tôi đi Florida thăm bạn Thái thì tình cờ gặp Chính trên bãi biển Miami. Anh nắm chặt tay tôi và hàn huyên liên hồi, hẹn tôi ngày hôm sau tại quán ăn Red Lobster để nói chuyện tiếp, Chính nói mình có nhiều chuyện tâm tình với tôi và chỉ có tôi đã biết nhiều về anh hơn ai hết.

Chính kể chuyện anh gặp Hải Anh ở Ohio, lấy nàng làm vợ, anh may mắn gặp được người vợ Việt tốt, hiểu biết nhưng anh vẫn không quên mối tình đầu với Thanh Xuân, thỉnh thoảng anh hồi tưởng đến hình ảnh cũ, những kỉ niệm đẹp đã mất nhưng không thể xóa nhòa trong óc anh. Thời gian như nhiều người nói là liều thuốc tốt giúp con người quên đi được nhiều chia ly đau khổ nhưng với anh niềm đau mất Thanh Xuân có mờ nhạt nhưng vẫn phảng phất đâu đó như một vết hằn lớn trong tim trong óc anh.

Vào những năm năm 1992, 1993, 1994 anh đã về VN đến 5 lần, để tìm cách làm ăn, tìm cho anh một thị trường. Anh nói tôi về ngay khi họ kêu gọi đầu tư tư nhân, để giữ chỗ tốt. Anh kéo theo một người bạn Mỹ thích làm ăn buôn bán để đứng tên chung trong công ty T&Y Enterprises, Inc. để tránh nhiều bất trắc có thể xảy ra trong những ngày ở VN mà anh nghe nói đến thường xuyên. Công ty của ngoại quốc hay hợp doanh với ngoại quốc ít gặp khó dễ. Nhân viên tư vấn của tòa Đại Sứ VN viết thư

giới thiệu anh gặp nhân viên của Bộ Kinh Tế và Đầu Tư, lần đầu anh và James được một nhân viên kinh tế tiếp đón rất ân cần nhưng chỉ sau 5 phút nói vài câu xã giao, anh ta nói anh chủ sự rất bận, cả anh ta cũng không thể tiếp chúng tôi lâu mà hẹn chúng tôi tuần sau trở lại.

Tôi xin hẹn đúng ngày giờ của tuần tới, để trở lại. Tuần sau vừa bước vào văn phòng, anh Sanh, nhân viên, người đã tiếp anh lần trước đã đón anh và nói, anh chủ sự quá bận không thể gặp chúng tôi được mời chúng tôi tuần lễ tới trở lại thử xem sao. Chính nói tôi muốn đi lên nhưng phải cố lấy bình tĩnh để nói chúng tôi chỉ ở VN có 10 ngày để lo giấy tờ, thủ tục lập công ty và đưa vốn về làm ăn ở trong nước, nay đã hết 7 ngày rồi, anh Sanh làm ra vẻ cảm thông nỗi khó khăn của chúng tôi, chạy đi một hồi rồi trở lại cho hay các bạn có thể về Hotel nghỉ ngơi đến chiều sẽ có nhân viên cho biết giờ hẹn. Gần 5 giờ chiều, điện thoại reo, một nhân viên bộ Kinh Tế cho hay ông chủ sự chỉ có thể gặp chúng tôi tối nay ở nơi nào chúng tôi muốn, tôi ngạc nhiên về nơi họp mặt, khi tôi hỏi ở đâu thì anh ta nói nên họp tại nhà hàng ăn nơi có thể họp thoải mái như Rex, Renaissance, Daichi.... tôi trả lời chỗ nào cũng được. Anh ta hẹn sẽ gọi lại chừng 1 giờ sau cho chúng tôi một danh sách nhà hàng ăn lịch sự để chúng tôi chọn. Khi tới nhà hàng, anh Sang giới thiệu chúng tôi với anh chủ sự về đầu tư và bốn bạn đi theo của anh. Ngồi vào bàn ăn, tôi định mở cặp lấy tập hồ sơ công ty của tôi cho anh chủ sự xem và đặt một số câu hỏi, thì anh Sang gạt đi, nói cứ từ từ nhậu đã, thế là họ kêu rượu Cognac, Perrier và món ăn. Chuyện vào lời ra họ khen chúng tôi hết lời, chào mừng chúng tôi những người con yêu của tổ quốc, những người mang nặng què hương đi mọi ngả trên thế giới, mang hãnh

diện về cho VN, rồi mọi người thao thao khoe khoang tiến bộ vượt bậc của đất nước. Tôi thì quá chán ăn uống chỉ mong có dịp nói về công việc làm ăn, kinh doanh. Khi hai chai Cognac đã cạn và các chén đĩa hải sản đã sạch, năm người đã say xỉn, thì nhà hàng đưa cho chúng tôi tờ hoá đơn để trả tiền, tôi cảm thấy chóng mặt khi nhìn tờ giấy tính tiền bữa ăn, và tai thì ù lên khi nghe anh chủ sự nói hẹn chúng tôi vào dịp khác để thảo luận về các dự án làm ăn của chúng tôi. Dự án kinh doanh, đầu tư, theo anh, thì rắc rối phải tốn nhiều thời gian nghiên cứu, tranh luận, đúc kết đến thi hành. Hôm sau, anh Sang cho chúng tôi một số tài liệu chỉ dẫn về điều kiện, dự án, vốn tối thiểu vv.. và hẹn gặp lại. Chúng tôi trở lại VN lần hai sau chừng 4 tháng, các anh thuộc bộ Kinh Tế vẫn tiếp đón chúng tôi niềm nở, nhân sự có khác nhưng cũng vẫn một cung cách cũ. Sau 1 tuần lễ công việc không thấy tiến triển tuy chúng tôi đã quen thêm một số nhân vật mới. Sau lần thứ ba trở về VN, chúng tôi nạp thảo chương hoạt động của công ty, họ giục chúng tôi thuê văn phòng, thuê nhân viên do họ giới thiệu.

Trở về Hoa Kỳ, Chính nói tôi và James lo thu xếp tiền, gọi là vốn đầu tư, tôi phải bán nhà xe, gom góp mọi thứ có thể đổi thành tiền, James thì không có gì. Số vốn thu gom lên đến gần 100.000 đô la. Chúng tôi khai số vốn đầu tư sơ khởi là 200.000 đô la. Theo Sang và chủ sự phòng đầu tư, vốn coi như tạm được. Mọi thủ tục chúng tôi đã thông suốt, làm đầy đủ, chúng tôi nghỉ việc, bán nhà, hân hoan chuẩn bị lên đường bước vào thiên đường chủ nghĩa xã hội. Chúng tôi tin tưởng mãnh liệt mình sẽ thắng lớn, sẽ mở mắt họ qua tự do tư tưởng, nhân quyền trong tự do thương mại. Tính ra đi đi về về VN 4 bận đã ngốn mất của chúng tôi gần 30.000 đô chi phí và chi tiêu. Đến lần thứ

năm, chúng tôi bị cây đờ chặn lối đi, chúng tôi mới thấy là mọi sự tưởng như xong chỉ là bọt biển. Sang cho hay đến giai đoạn chót là lúc có thể lấy giấy phép, chúng tôi sẽ phải đưa cấp trên một số phong bì, tính bằng 25% số vốn đầu tư, còn dặn kỹ tiền đờ phải là tiền mặt, giấy loại gì... còn với các cấp dưới thì phong bì nhỏ hơn có thể du di được.

Nghe đến đây chúng tôi chỉ còn cách lẳng lặng rút, không còn biết mình sẽ về đâu, trở lại Mỹ, chúng tôi bắt đầu lại bằng gì, thế nào. Vợ tôi thông cảm cho tôi vì biết tôi say sưa làm thương mại mà tôi đã bỏ trên 10 năm để chuẩn bị. Chúng tôi đã vượt thoát khỏi thiên đường mà nhiều người sau này tôi nghe nói đã bỏ của mà không chạy thoát người.

Vài năm gần đây, Chính nói VN đã cố gắng chuyển đổi nền kinh tế thị trường tiến lên công nghệ, nhưng nạn tham nhũng, bè phái hoành hành quá rộng, quá trầm trọng, nhà nước thì để mặc cho tình trạng ăn cắp hối lộ tiếp diễn, không nhìn nhận những đánh giá đúng đắn của các chuyên gia. Việc kêu gọi đầu tư sẽ không đạt được kết quả như dự trù. Chính kể cho tôi nghe về công việc làm ăn dần thân của anh, là một bước đi hụt hẫng nữa của anh mà tôi không hiểu đó có phải là lời cuối của anh không? Anh còn kể cho tôi nhiều nữa về chuyện làm ăn, chuyện đến thăm người tình cũ, tất đều là cay đắng thất bại do chế độ độc tài đảng trị mà ra. Tôi hy vọng nhớ được hết và đúng lời anh kể. Tóm lại còn độc tôn, độc đảng, toàn trị thì những nạn quan liêu, phe phái, những lạm, không thể tránh khỏi. Đất nước VN phải đi vào kỷ nguyên của dân chủ, tự do thực sự, chế độ CS phải bị hủy diệt, chứ không còn khả năng vá vúi được nữa.

ĐỒ PHÚ (Virginia)

Vì em sống mãi trong tình thơ ta

Vài nét về ẩn dụ trong thơ Du Tử Lê

[Bài nói chuyện trong đại hội “Thu DC và Kỷ Niệm” tại Ernst Community Cultural Center NOVA, Annandale Campus 10/31/10 nhân dịp nhà thơ Du Tử Lê sang thăm miền Đông]

PHẠM TRỌNG LÊ

Thơ không những làm cái đẹp bất tử, mà còn gợi lại những kỷ niệm khó phai. Xin kể hầu quý vị một câu chuyện. Có một cô gái đơn đơn đào tơ, đang kén chồng. Có ba chàng trai cùng nhắm cô.

Chàng thứ nhất ví rằng:

*Ước gì anh hóa kiến vàng,
Bò lên bò xuống má nàng ngắm chơi.*

Cô suy nghĩ lung lăm: chọn con kiến, cần kiệm, có óc tổ chức, chăm chỉ, siêng năng, có thể đem lại cho mình một cuộc đời no ấm. Còn chàng trai ví mình như con kiến cũng khéo lắm: Còn có vị trí nào hấp dẫn hơn: anh đứng trên má nàng, nhìn đôi mắt nàng, gò má cao, sống mũi dọc dừa, làn môi mọng đỏ, chiếc cằm nhọn, mái tóc dài...Mà anh cũng khá can đảm: bò trên má nàng; rùi nàng thấy ngứa, bàn tay búp măng đập mạnh vào má, “*Cái con kiến này, ở đâu mà dám leo lên tận đây đứng...?*”

Tình yêu làm người ta bạo dạn, liều lĩnh.
Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo/thất bát giang cũng lội, tam thập lục đèo cũng qua.

Trong lúc cô gái nghe và có vẻ xiêu lòng, thì anh thứ hai đọc:

*Ước anh hóa ra dơi,
Bay lên đáp xuống giữa nơi nàng nằm.*

Con dơi tượng trưng sức mạnh. Dù không nhìn thấy gì trong đêm tối mà vì nó có một hệ thống ra-đa nên biết trước mặt có bức tường nào chắn không. Nó bay vào phòng riêng của nàng, nơi nàng thấy thoải mái nhất. Nó lại biết đậu dọc đầu xuống đất để nhìn thân hình kiêu mị của nàng từ một góc cạnh đặc biệt như một nhà nhiếp ảnh nghệ thuật.

Cô chọn chàng *gymnast* này chăng?

Anh thứ ba ngâm rằng:

*Ước gì anh hóa ra tằm,
Nhả tơ dệt lụa đêm nằm... mí em*

Quý vị, nếu có dịp ở nhà quê Bắc Việt, thì thấy bên ngoài đường cái có những cánh đồng dâu chạy dọc theo đê. Một số nhà trồng dâu để nuôi tằm. Những con ngài kết hợp với nhau, rồi đẻ ra nhiều trứng. Trứng đó nở thành những con tằm nhỏ. Người trồng dâu phải rắc dâu thái nhỏ lên những cái nong, tằm ăn dâu rồi leo lên trên, người trồng dâu phải thay dâu mới (“*án như tằm ăn rỗi*”). Tằm lớn dần, người trồng dâu đem tằm ra những khung tre có rắc rơm để những con tằm bắt đầu kéo kén. Lúc đầu cái kén còn mỏng, sau dần dần dày và có màu vàng óng. Người nuôi tằm nhặt những con kén bỏ vào rổ, đem thả vào nồi nước sôi, dùng đũa dài kéo sợi, và

cuộn thành cuộn sợi lụa. Sau đó người dệt vải mới dệt lụa đó thành những tấm lụa để may áo, thứ tơ mỏng, mềm, mịn, và mượt. Thứ tưởng tượng từ lúc tầm nhả tơ thành lụa dệt áo, may áo cho người con gái, người con gái mặc chiếc áo mỏng; thế thì có phải lúc đó chàng trai—hay nói đúng hơn là con tầm—đã nhả hết tơ để dệt thành lụa. Dù chết rồi mà vẫn còn được gần người đẹp, nghe tiếng tim nàng thổn thức... Nhà thơ cũng như con tầm nhả tơ. “Vất nào làm thơ cống hiến đời/Nhưng đời nào hiểu tưởng trò chơi.” (1)

Cách đây hơn 400 năm có một thi sĩ cũng ví người đẹp trong một bài tình thi:

Em có muốn ta ví em như mùa hạ chăng?
Không, em đẹp và dịu hiền hơn nhiều. Những
con gió mạnh thảng năm làm rụng những nụ
hoa đáng yêu. Và mùa hạ thì ngắn ngủi quá.
Đôi lúc mặt trời nóng quá, rồi bị mây che đi;
và mọi vật xinh đẹp rồi cũng tàn vì rui ro hay
vì định mệnh thiên nhiên an bài. Nhưng về
thanh xuân của em không bao giờ phai nhạt.
Em cũng chẳng bao giờ mất vẻ đẹp vĩnh cửu
em có. **Mà thần chết chẳng thể khoe
khoang sẽ đưa em vào bóng tối của nó, vì
những giòong thơ bất tử của ta sẽ làm em
sống mãi. Ngày nào con người còn thở, mắt
còn trông được, ngày nào bài thơ này còn
thì ngày đó vẻ đẹp của em mà ta mô tả sẽ
mãi mãi nằm trong đó và em sẽ sống mãi.**
Đó là bài thứ 18 trong tập Sonnets 154 bài
của nhà thơ Anh William Shakespeare. Tôi
xin đọc hầu quý vị bài thơ đó và chuyển sang
văn vần:

Sonnet 18

Shall I compare thee to a summer's day?
Thou art more lovely and more temperate:
Rough winds do shake the darling buds of May,
And summer's lease hath all too short a date:
Sometime too hot the eye of heaven shines
And often is his gold complexion dimm'd;

And every fair from fair sometimes declines,
By chance or nature's changing course untrimm'd;
By thy eternal summer shall not fade,
Nor lose possession of that fair thou ow'st;
Nor shall Death brag thou wander'st in his shade,
When in eternal lines to time thou grow'st:
So long as men can breathe or eyes can see,
So long lives this and this gives life to thee.

*Muốn ta ví em như ngày hạ?
Vẻ xinh tươi óng ả khôn tây.
Gió ào rung nụ hây hây
Ngày hè ngắn ngủi không đầy vóc tay.
Cũng có buổi gặp ngày nắng gắt,
Ánh nắng vàng hắt mờ đi
Vẻ tươi nhưng cũng có thì,
Vận trời thay đổi không dè chẳng đời
Nhưng mùa hạ nơi em bất diệt,
Vẻ mỹ miều tuyệt đẹp tuyệt xinh.
Từ thân chẳng dám dụ mình
Vì em sống mãi trong tình thơ ta
Còn người còn kẻ ngâm nga,
Vần thơ trác tuyệt nét hoa ngàn đời.*
(PTL dịch)

Khoảng năm 1969, hay 1970, có người con gái được mô tả trong bài *Khúc Thụy Du* của nhà thơ Du Tử Lê do Anh Bằng phổ nhạc, hay sau này trong bài *Trên Ngọn Tình Sầu* (mà tựa đề gốc là *67 Khúc thêm cho Huyền Châu*) do Từ Công Phụng phổ nhạc—qua 40 năm, bây giờ mỗi khi nghe lại, thính giả vẫn thấy nổi da diết của một cuộc tình yêu không trọn vẹn. Như vậy, có thể qua những vần thơ, người con gái không già, sẽ sống mãi. Vì mỗi khi người đọc đọc lại vần thơ, nghe lại nhiều lần, hay—lát nữa đây-- nghe ca sĩ Ý Lan hát bài nhạc, ta cảm thấy một khao khát, nổi xúc động trong tâm trí như muốn sống lại kinh nghiệm thể xác và trí tuệ của câu thơ.



Ấn dụ:

tôi là chim Bói Cá
em là ánh trăng ngà
chỉ cách một mặt hồ
mà muôn trùng chia xa

(*Khúc Thuy Du*—Anh Bằng phổ thơ DTL)

Nhà nhạc sĩ dùng ý thơ của thi sĩ, cùng một lúc, tả hai hình ảnh: một hình ảnh động là chim Bói Cá, một hình ảnh tĩnh là ánh trăng ngà tương phản để cực tả sự xa cách tâm lý và vật lý của hai người.



Chim Bói cá : Chim sống ở gần nước, mỏ dài, lông xanh cánh cam, ngực nâu, hay nhào xuống nước để bắt cá (kingfisher).

Ánh trăng ngà: màu ngà, ngà voi; *cổ tay em trắng như ngà/ con mắt em liếc như là dao cau.*

Đoạn kể phổ từ bài thơ 5 câu dùng 7 ấn dụ.

Tôi nghe hắt hiu từ mắt em ngát tạnh

Con đế buồn tự tử giữa đêm sương?

Bầy sẻ cũ cũng qua đời lặng lẽ

Em ở đó **bờ sông** còn **ám át**

Con **sóng tình vô** mãi một **âm quên**.

(*Trên ngọn tình sầu*--Từ Công Phụng phổ thơ DTL)

Hắt hiu, trong bài thơ gốc là hiu hắt: yếu ớt mong manh, mờ nhạt, buồn man mác, vắng lặng. Như trong câu «*Ngọn đèn dầu hiu hắt giữa đêm khuya.*» Nghe hai âm /h/ phát ra nhẹ nhẹ lặp lại... ta có cảm giác gì? hắt hiu: 2 âm đầu lặp lại alliteration; lặng lẽ, điệp âm đầu.

Ngát tạnh

Ngát tả mùi thơm. Thơm ngát.

Tạnh: Như trong khóm từ Trời quang mây tạnh

Tanh: ngừng hoặc dứt hẳn

Có gọi cho ta chữ **lạnh ngắt**? Ngát tạnh, chữ thứ nhất dùng dấu cao nhất (dấu sắc), chữ thứ hai dùng dấu nặng (là dấu thấp nhất) có cho người đọc kinh nghiệm những phút sung sướng (điểm cao nhất) và nỗi chua xót (nốt thấp nhất)-- của tình yêu? Người nhạc sĩ, và người ca sĩ diễn tả bao nhiêu ý trong bài thơ? Có làm bài thơ dễ hiểu hơn không?

Mỗi từ hay nhóm chữ dùng—mà ở đây có ít nhất 7 ấn dụ--như một tầng màu của một họa sĩ siêu thực. Nhà phê bình Đỗ Quý Toàn nói: những từ ngữ «đứng một mình có một nghĩa thường dễ hiểu, khi để gần nhau cho người đọc một ý nghĩa khác, một ấn tượng khác, một cảm xúc khác.» Ông cũng hỏi «Ngát tạnh» là xúc giác hay thính giác?

Em ở đó bờ sông còn ám át

Con sóng tình vô mãi một âm quên.

Nhân vật nam muốn quên mà tình cũ còn khắc khoải chẳng. Hay nhân vật nam hỏi

nhân vật nữ có nhớ kỷ niệm hai chúng ta ngồi bên bờ sông...Mới đây thôi... cát còn ấm trong khi nổi nhưng nhớ của mỗi sậu tương tự cứ dào dạt dâng lên như những cơn sóng vỗ vào vách đá.

con đé mèn: hát sẩm không tiền/nên nghèo xác xơ. Tuổi thơ không còn nữa. Tiếng đé kêu tượng trưng gì?

Plato tả những nữ thi thần khi có những bài ca thì mê hát quên cả ăn bị đói là mà chết; khi chết hồn thành những con đé mèn. Họ đem những lời ca cho đời trước khi chết.

5 câu thơ trên gợi những hình ảnh và âm thanh mà cảm xúc của thính giác, xúc giác và khứu giác làm sống lại ký ức của hai kẻ một thời yêu nhau.

Tôi bắt đầu câu chuyện bằng ba chàng trai cùng yêu một người đẹp. Chàng nào sẽ được nàng chọn? Tôi thấy không cần biết. Chỉ biết theo lời thơ của bài tình thi, người thơ ngụ ý «vì em sống mãi trong tình thơ ta» - in my poem you are immortal. Những lời bàn về ẩn dụ (metaphors)-- tôi thấy trở nên khô khan-- nhưng lát nữa đây, nhờ giọng ca của các ca sĩ hữu danh, quý vị sẽ thấy những lời thơ phổ nhạc thấm vào lòng mình nhanh hơn--dẫu rằng, lúc bình thường, dùng lý trí để phân tích bằng lời những ẩn dụ xem ra khó hiểu cũng là một việc cần thiết cho việc tìm hiểu bài thơ.--PTL

(1) Trong bài « Tâm Trạng Thi Nhân » của Tô Giang Tử, trong Tuyển Tập Thi Phẩm.

BÀI THƠ THỨ MƯỜI

Đốt trái tim, cúi đầu chào người trong ảnh
Không gọi em là tiên, ta vẫn biết em trần tục
Để được thấy rằng em rất gần gũi
Như chính linh hồn ta

Nhớ một thời cặp sách đến trường
Áo trắng nữ sinh Đồng Khánh
Cầu Trường Tiền những chiều gió lộng
Tà áo em bay như một dáng liễu trai

Nhớ một thời guốc son qua phố
Cặp sách đen, phượng vĩ đỏ, em như tuyết
Ước gì ta được bàn tay của Trời
Vẽ lên trái tim ta, chân dung em, diễm tuyệt

Nhớ một thời, trong cặp, giấu trái me chua
Tưởng tượng thôi, em đã làm ta thèm khát bóng
Nhớ một thời trong vở, em chép thơ tình
Tưởng tượng thôi
em đã làm ta muốn trở thành thi sĩ

Nhớ một thời, nhớ một thời, nhớ một thời
Vàng son, vàng son, phai nhạt
Nhớ một thời, nhớ một thời, nhớ một thời
Thôi quên đi, hỡi em, tình này đã đủ.

Lê Mai Lĩnh
(Pennsylvania)

HÀ NỘI BUỔI ĐẦU THỜI PHÁP THUỘC

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

Sau khi thôn tính Nam kỳ Lục tỉnh (1867), Pháp tiếp tục gây áp lực quân sự lên triều đình Huế. Họ luôn nuôi mộng mở rộng thuộc địa, nhất là ở đất Bắc, cửa ngõ lên Vân Nam, một thị trường béo bở. Lợi dụng việc nhà cầm quyền Việt Nam ngăn cản đoàn tàu của Jean Dupuis chở hàng cấm và lưu thông bất hợp pháp trên sông Hồng, Pháp mang quân đến Hà Nội với danh nghĩa hòa giải tranh chấp. Chiếm được Hà Nội năm 1883, họ dùng thành phố này làm căn cứ xuất phát để tung quân chiếm trọn Bắc Kỳ. Hà Nội biến chuyển từ một đô thị cổ kính Đông phương sang một thành phố thuộc địa. Chúng ta thử xem bản phác họa giai đoạn lịch sử đó và dạo quanh Hà Nội qua một vài kiến trúc thuộc địa tiêu biểu.

THÀNH HÀ NỘI TRƯỚC NGÀY KHÓI LỬA

Vào năm 1805, đời Gia Long, tường Thành Thăng Long bị san bằng, thay thế bởi một thành mới, kích thước nhỏ hơn. Thành này xây theo kiểu Vauban, hình vuông, mỗi cạnh khoảng 1 km, bốn góc là pháo đài mũi nhọn. Mỗi cạnh còn có hai pháo đài nhô ra, khiến cho bờ tường chạy ngoằn ngoèo. Tường cao 5 m, chân tường cách chiến hào 6 đến 7 m. Hào sâu 5 m, rộng 15 đến 18 m, bờ trong xây bằng đá gạch, bờ ngoài đắp đất. Lối ra vào thành là cửa vòm uốn vòng cung. Ở mỗi mặt tây, bắc và đông có một cửa, mặt nam có hai cửa. Ngay trước mỗi cửa, chiếc cầu đá bắt qua hào nước đưa sang lũy bán nguyệt, đứng chắn bên ngoài như tấm bình phong.

Trong thành nội, giữa vùng vườn, ruộng, ao hồ, ta phân biệt ba cụm kiến trúc: Điện Kính Thiên và Cột Cờ ở chính giữa, các nhà kho của tỉnh thành ở phía tây, tư dinh và nhiệm sở của các quan lại ở phía đông. Nhà Lê xây điện Kính Thiên trên núi Nùng, nơi hoàng cung cũ của nhiều triều đại nối tiếp nhau từ đời Lý Thái Tổ. Bên trong có những hàng cột cao bằng gỗ lim, to hơn một vòng tay. Phía trước có đôi rồng đá đuổi mình nằm chầu trên chín bậc thang dẫn lên thềm điện. Vòng tường bao quanh khá nguyên vẹn, phía nam có Đuan Môn gồm năm cửa, dẫn vào sân rộng trước điện.

Cột Cờ là ngọn tháp tám mặt, xây vào đời Gia Long (1812), đứng ngạo nghễ phía nam điện Kính Thiên, bên trên một gò đất cổ. Phần chân tháp gồm ba bậc thềm hình vuông, nhỏ dần từ dưới lên trên như kim tự tháp. Bề cạnh thềm dưới cùng đo được 42 m, bề cạnh thềm cao nhất đo được 15 m. Cửa phía bắc nơi thềm thứ nhì bị mái hiên xây lấp, ba cửa còn lại khắc các chữ Hán: Nghênh Húc (Đón ánh nắng mai) ở phía đông, Hướng Minh (Quay về ánh sáng) ở phía nam, Hồi Quang (Ánh sáng phản chiếu lại) ở phía tây. Đến bậc thềm thứ ba, ta vào chiếc cửa trên khắc hai chữ « Kỳ đài », bên trong thấy hai cầu thang biệt lập nhau nhưng cùng xoắn tròn ốc đưa lên đỉnh tháp, cách mặt đất khoảng 60 mét. Không xa Cột Cờ, đền Bà Liễu Hạnh nép mình dưới tán cây đa xum xuê cành lá và hồ Voi, nơi các quân tượng dẫn voi đến tắm, sau này là Vườn hoa Canh Nông.

Khu vực phía tây thành nội, khoảng Trường Albert Sarraut sau này, là công khổ, chung quanh có hào nước, trong có hai kho lớn : Kho tiền chứa nén bạc, tiền kẽm. Kho chứa thóc để cung cấp lương bổng cho một số quan lại hoặc phân phát cho bá tánh trong thời kỳ đói kém. Các kho ấy đều do quan Bộ chính cai quản, có nhiệm sở đặt ở gần Cửa Tây. Gần đấy ta còn gặp: Tịch Điền (nơi vua quan làm lễ cúng Thần Nông và lễ cày ruộng), Võ Miếu (đền thờ các anh hùng liệt sĩ).

Khu vực phía đông thành nội là nơi tập trung dinh sở các quan tổng đốc, tuần phủ...

Năm 1831, Tỉnh Hà Nội thay thế Bắc Thành, chức tổng đốc thay cho tổng trấn. Tường thành sửa lại cho thấp hơn. Cửa Tây và Cửa Đông Nam đóng kín. Tòa thành Hà Nội không chỉ là pháo đài để phòng giữ đất Bắc, mà còn là nơi tập trung những trụ sở hành chính của một tỉnh lớn. Toàn bộ kiến trúc của thành Hà Nội là một hệ thống phòng ngự hữu hiệu nếu được trang bị những cỗ pháo hiện đại. Khi thành bị Pháp tấn công, đại bác từ bên trong bắn trả nhưng không tới tàu Pháp đậu ngoài sông, một số rơi vào khu dân cư đông đúc.

JEAN DUPUIS VÀ KHU PHỐ PHƯỜNG

Xuất hành từ Hương Cảng ngày 26-10-1872, trên hai tiểu pháo hạm, một xà-lúp và một thuyền mảnh to, 25 người Tây phương và 150 người Trung Hoa hộ tống rất nhiều súng ống, đạn dược. Đó là hàng hóa mà Dupuis phải giao cho Thống chế Mã, Tổng đốc Vân Nam, vì ông này cần mua vũ khí để dập tắt các cuộc khởi nghĩa. Dupuis bất chấp luật lệ, xâm nhập hải phận Việt Nam, đoàn tàu của ông ta len lỏi trong các sông ngòi, ngày 22-12-1872, đến thả neo dọc bên sông thành Hà Nội. Hôm sau được các thương gia Hoa kiều tiếp đón tại Hội quán trên Phố Hàng Buồm.

Sau ngày 18-01-1873, Dupuis theo Sông Hồng lên Vân Nam để giao súng đạn cho nhà cầm quyền Trung Hoa. Ngày 30-04, Dupuis về đến Hà Nội dẫn theo 150 lính Cờ Vàng, trang bị

súng Pháp, mặc quân phục màu cam có viền đen. Đây là hành động trịch thượng của Dupuis vì đã đưa quân đội ngoại quốc vào Việt Nam. Ngày 02-05, Dupuis mang cả đoàn tùy tùng này lên bờ, đồn trú trong ngôi nhà gần ngã tư Hàng Chiếu-Hàng Giấy. Còn đạn dược, hỏa pháo chất chứa trong ngôi nhà khác, khu vực giữa các Phố Hàng Chiếu và An sát Siêu, gần sông Tô Lịch. Đê phòng ngừa kho đạn này bị phá hoại, một vọng lâu được xây cao hơn hẳn các nhà chung quanh, ban đêm có hai người canh gác.

Ngày 27-05, Khâm mạng Nguyễn Tri Phương đến Hà Nội, ra yết thị: cấm dân chúng liên lạc và buôn bán với người Âu. Dupuis và đồng bọn được yêu cầu rời Hà Nội. Hấn đáp trả bằng những hành động khiêu khích như xé các tờ yết thị, hành hung hay bắt giam các quan ta.

Toàn quyền Nam Kỳ là đô đốc Dupré cử Đại úy Francis Garnier dẫn đội quân khoảng 200 người đến Hà Nội để điều tra vụ tranh chấp với lý do là bảo vệ kiều dân mình.

Bên ngoài cửa ô Thanh Hà (nay là ô Quan Chưởng) có một bến cho thuyền đò đến buôn bán. Ngày 05-11-1873, Garnier đổ bộ ở bến này, nhưng đặt biệt có lính Cờ Vàng của Dupuis chính tề đứng đón. Về sau đám quân này tiếp tay với Garnier đánh chiếm thành Hà Nội và đóng vai trò cảnh sát trong khu phố thương mại.

HÀ THÀNH THẮT THỦ LẦN THỨ NHẤT

Đến Hà Nội, Garnier đòi hỏi là đội quân do ông ta cầm đầu phải được bảo đảm an toàn, và cho rằng nơi đóng quân an toàn nhất là bên trong tòa thành. Chính quyền Việt Nam đề nghị cho ông ta và binh sĩ trú ngụ tại Công Quán (hội quán Hoa kiều) trong khu phố phường. Garnier không hài lòng, nêu ra lý lẽ: Đoàn quân trăm người và các cỗ trọng pháo chen chúc nhau trong một nhà trọ, giữa khu đường phố nhiều người qua lại, rất khó đánh trả khi bị tấn công (thời ấy quân Cờ Đen đã có mặt tại Hà Nội). Hơn nữa, không có cách gì tách riêng lính Pháp với dân chúng nên rất khó duy trì kỷ luật. Garnier đem nửa toán quân vào thành gặp nhà

cầm quyền Việt Nam để phản đối. Hai bên đi đến thỏa thuận là quân Pháp sẽ đóng trong Trường Thi, tuy rằng nơi này chỉ có tường thấp và hào cạn bao quanh. Tổng đốc Hà Nội cho ba, bốn trăm người ra tay giúp quân Pháp dọn vào những ngôi nhà thật rộng rãi, chỉ thiếu tiện nghi ở chỗ ngủ, nơi nấu ăn.

Trường Thi lập ra từ đời Lê, trên khu đất hình chữ nhật, tường gạch vây quanh, bề dài khoảng 200 m, bề rộng khoảng 100 m. Theo vị trí hiện nay, phía bắc giáp phố Tràng Thi, tây giáp phố Triệu Quốc Đạt, đông giáp phố Quang Trung, nam ở khoảng Tòa án. Bên trong Trường Thi chia làm hai phần. Phần dành cho thí sinh dựng lều chõng là khoảng đất trống, chỉ có ngôi nhà nhỏ ở chính giữa. Phần dành cho các giám khảo gồm nhiều ngôi nhà làm nơi chấm thi, có cửa thông qua phần của thí sinh. Giữa các kỳ thi, đất bỏ trống để cho dân trồng trọt hoa màu, hoặc dùng vào việc khác như phân phát gạo cho người nghèo khổ trong thời kỳ đói kém.

Đóng quân tại Trường Thi được nửa tháng, ngày 19-11-1873, Garnier ngang nhiên ban bố việc thông thương tự do trên sông Hồng, rồi gửi tới hậu thư cho Tổng đốc Hà Nội buộc phải nộp thành. Sáng sớm ngày 20-11-1873, bất thần xuất quân, chỉ để lại bảy, tám người ở lại giữ trại lính trong Trường Thi. Nhờ có đại bác từ các tàu chiến đậu ngoài sông bắn yểm trợ vào ba mặt thành phía tây, bắc và đông, các cánh quân của Garnier đánh vào phía nam. Sau vài giờ thành thất thủ. Chiều hôm ấy Garnier đóng quân trong điện Kính Thiên, dùng hằng trăm tù binh đem tất cả quân trang quân dụng từ Trường Thi vào trong thành. Không chần chừ, Garnier tức khắc đặt nền hành chính Bảo hộ. Khâm mạng Nguyễn Tri Phương bị thương nặng, ông nhin ỉn, không cho Pháp băng bó vết thương, can đảm chịu đựng đau đớn suốt một tháng, ông mất ngày 22-12-1873.

Francis Garnier chiếm giữ Hà Nội chưa bao lâu, vào ngày 21-12-1873, đang đợi hai vị sứ thần của Triều đình Huế là Trần Đình Túc và Nguyễn Trọng Hiệp đến mở đầu đàm phán hầu

ký kết hòa ước thì có tin quân Cờ Đen xuất hiện, khai hỏa phía Cửa Tây Nam. Garnier cho bắn trả đẩy lui quân Cờ Đen, rồi xuất quân đuổi theo nhưng bị phục kích giết chết trên đê Giảng Võ. Thi thể của ông ta được chôn trong thành Hà Nội, dưới gốc hai cây đa gần điện Kính Thiên, hai năm sau cải táng về nghĩa địa Pháp ở phía Nam Đồn Thủy. Cái chết của Garnier đã làm cho đoàn quân viễn chinh khựng bước trong mười năm.

NHUỢNG ĐỊA PHÁP

Tại Hà Nội, đầu năm 1874, Philastre ký với Nguyễn Văn Tường các thỏa ước để giải quyết những bế tắc ở Bắc Kỳ. Hai bên đồng ý: Pháp rút quân khỏi Hà Nội và châu thổ sông Hồng. Dupuis bị buộc phải rời Hà Nội. Chính quyền Việt Nam nhượng cho Pháp một khoảnh đất gần bờ sông để lập nơi cư trú cho viên công sứ và đoàn tùy tùng. Khu đất này phải gần nơi các thương gia Pháp có thể đến kinh doanh sau khi hòa ước chính thức được ký kết tại Sài Gòn.



Khu nhượng địa nhìn từ Sông Hồng (1883)

Pháp rút quân khỏi Hà Nội, Đô đốc Krantz bổ nhiệm Trung úy Rheinart ở lại làm công sứ, với đoàn hộ tống gồm 40 người. Việt Nam và Pháp mất thêm 18 tháng đàm phán để thỏa thuận về nơi xây nhượng địa. Đô đốc Krantz yêu cầu Rheinart lập họa đồ thành phố Hà Nội với các chỉ dẫn về nơi thích hợp nhất. Rheinart đề nghị nên chọn khu đất ở giữa phố Lò Sũ và phố Hàng Khâm, từ bờ sông đến đê ngăn lũ, tức khu vực phía đông của hồ Gươm. Đô đốc Krantz lại cử Thiệu tá Dujardin đến Hà Nội

ngày 31-10-1874, hầu thượng thuyết với hai vị đại diện triều đình là Tổng đốc Trần Đình Túc và Phó sứ Nguyễn Văn Tường về việc cấp đất mà Pháp đã lựa chọn. Đại diện chính quyền Việt Nam nêu ra nhiều cơ để bác bỏ yêu cầu của Pháp: đây là khu vực đông dân, lại còn nhiều công trường xây dựng đang hoạt động, bẽ bộn những vựa gỗ, vựa tre nữa. Nếu đuổi dân đi nơi khác để lấy đất thì phải bồi thường rất tốn kém. Hơn nữa đây là vùng đất thấp, mỗi năm nước lũ tràn đầy suốt hai tháng, không thích hợp cho người Pháp. Bù lại, triều đình ta đề nghị một nơi khác, xa về phía nam, đó là mảnh đất trong Đồn Thủy, một pháo đài bảo vệ Hà Nội lúc trước, nay bị bỏ hoang. Công sự phòng thủ này còn lại những ụ, những bờ tường thấp đã đổ nát hoang tàn, xưa kia dùng chặn đứng quân địch theo đường sông qua đây định vây hãm Hà Nội. Khi đề nghị mảnh đất bên trong Đồn Thủy (Pháp gọi là Fort du Sud), trước tiên chính quyền Việt Nam nghĩ rằng cho Pháp lập một nhượng địa càng xa trung tâm Hà Nội càng tốt, chứ không định cho họ khu đất có ưu điểm nào. Về phần Thiếu tá Dujardin, khi đến tận Đồn Thủy để quan sát, ông nhìn nhận là những phản đối của các quan ta là có căn cứ vì Đồn Thủy cao ráo hơn vùng phía đông của hồ Gươm.



Cổng đồn gác vào nhượng địa (1884)



Phố chính trong nhượng địa (1884)

Đô đốc Duperré (người thay thế Krantz) chấp nhận khu nhượng địa này, gửi Trung tá Varaigne, giám đốc công binh, ra Bắc giải quyết mọi thủ tục và lập bình đồ cho những dinh thự sắp xây. Ngày 11-01-1875, một thỏa ước được ký kết giữa Varaigne và Tổng đốc Trần Đình Túc, ấn định giới hạn khu đất dành thiết lập những dinh thự của Pháp, sau này nếu cần thiết có thể mở rộng về phía hạ lưu Sông Hồng. Vị đại diện Nam triều hài lòng vì không những Pháp chấp thuận đề nghị lại còn xác nhận chỉ mở rộng nhượng địa về hướng nam, tức là càng ra xa trung tâm Hà Nội.

Sự chọn lựa nơi lập nhượng địa ảnh hưởng đến sự phát triển về sau của Thành phố Hà Nội. Nếu nhượng địa được chọn xây ở nơi đã ấn định từ lúc đầu, tức là trên bờ phía đông của hồ Gươm, thì trục trung tâm của khu phố Tây cũng bị dời theo hướng đó và bản đồ Hà Nội có lẽ khác hẳn những gì chúng ta thấy ngày nay.

Theo dự định lúc đầu, nhượng địa là mảnh đất khoảng 2 héc-ta rưỡi. Sau nhiều lần điều đình, Pháp chiếm trọn Đồn Thủy, 18 héc-ta và thêm 1 héc-ta bên ngoài để xây nghĩa địa. Đồn Thủy là một tòa thành nhỏ, có dạng chữ nhật, dài và rộng ước chừng 600 và 300 m. Giới hạn phía bắc là con đường hẹp đi từ bờ sông lên đến cửa ô Trường Long, nay là đoạn đầu phố Tràng Tiền. Phía tây giáp đường đê vốn là bức tường

cũ phía đông Thành Thăng Long, tương ứng với Phố Lê Thánh Tông. Bên trong đê còn nhiều đầm lầy và hồ ao, nơi mấy thập niên sau mọc lên Trường Đại học, Nhà Hát Lớn. Phía đông là phần chạy dọc bờ sông, trên bờ tường của đồn cũ gồm bốn pháo đài nhô ra ngoài. Phía nam cũng là con đường đất hẹp, ở khoảng tháp nước Đồn Thủy ngày nay. Bên trong Đồn Thủy có hai đường chạy song song, trồng cây, nằm theo hướng bắc nam, đường phía đông sau này là phố Phạm Ngũ Lão.

Trong thời gian tìm đất cho nhượng địa, phái đoàn của Công sứ Rheinart trú ngụ tại bốn căn nhà kề nhau, trong khu phố phường. Hoàn cảnh của họ cũng vất vả không kém đoàn buôn của Dupuis lúc trước. Nhà gỗ chật chội, âm thấp, thiếu ánh sáng. Lên gác phải trèo thang tre. Thực ra trong Trường Thi có chỗ an toàn cho họ, nhưng Philastre muốn « tỏ thiện chí » với chính quyền Việt Nam, nên đề nghị phái đoàn Pháp đặt tòa công sứ trong khu phố phường. Tuy sống giữa nơi đông đúc nhưng họ luôn sợ hãi trước sự căm thù của dân chúng và họa đột kích của quân Cờ Đen. Rheinart xin viện quân nhưng không được toại nguyện, ông ta lo sợ, cả phái đoàn rút về Hải Phòng ngày 21-05-1874, sau khoảng bốn tháng ở Hà Nội. Suốt một năm trời tiếp theo, mọi hoạt động của Pháp chỉ tập trung tại Hải Phòng. Năm sau Lãnh sự De Kergaradec đến Hà Nội.



Đường đi bên trong cửa Đông nay là Phố Lý Nam Đế (1889)

Ngày 21-04-1875, Pháp ra nghị định bổ nhiệm một ủy ban lo việc mượn phòng ốc cần thiết làm nơi tạm trú cho De Kergaradec và đoàn tùy tùng. Ủy ban này đã tìm ra Trường Thi đang bỏ trống, khu đất có tường bao quanh mấy ngôi nhà rộng. Theo thỏa ước Việt-Pháp, đoàn lãnh sự được quyền sử dụng Trường Thi đến cuối năm 1876, và có thể gia hạn nếu việc xây dựng các công thự trong khu nhượng địa chưa hoàn tất. Trong khi các sĩ quan chỉ huy toán binh Pháp lo việc phòng thủ và sửa sang Trường Thi, Lãnh sự De Kergaradec theo đuổi việc thương thuyết về vấn đề nhượng địa.



Rue de la Concession, nay là phố Phạm Ngũ Lão nhìn về phía nam. toà nhà bên phải là Nha Địa dư (Khoảng 1905)

Điều trở trêu là Tổng đốc Trần Đình Túc và Tuần phủ Trần Hy Tăng quyết định giữ đúng lệ kỳ thi hương diễn ra tại Trường Thi vào tháng 11 năm 1876. Thấy sự lưu trú kéo dài của phái đoàn lãnh sự là một trở ngại cho việc tổ chức thi cử, các quan ta đề nghị Pháp phải giao trả Trường Thi sáu tháng trước thời hạn đã thỏa thuận. Biết rõ việc thi cử là một sự kiện rất quan trọng đối với dân tộc Việt Nam, De Kergaradec chộp thời cơ, thương thuyết để được phần lợi: Pháp sẽ trả lại Trường Thi trước kỳ hạn nếu được hưởng toàn bộ Đồn Thủy chứ không chỉ hai héc-ta rưỡi như đã ký kết trước đây. Các quan ta nhượng bộ dễ dàng, trao cho Pháp khu đất to gấp bảy lần diện tích đã quy định trước!

Quân Pháp rút khỏi Trường Thi trước kỳ hạn (15-10-1876). Tháng sau, kỳ thi hương được tổ chức bình thường, khoảng bốn, năm ngàn sĩ tử khắp nơi đổ về ứng thí. Sau thi hương, lại diễn ra thi võ, vào khoảng tháng 01-1877, gồm cử tạ, đấu gươm, bắn cung, vấn đáp về chiến thuật. Kỳ thi hương kế tiếp được tổ chức vào năm 1879, hơn bảy ngàn thí sinh đến tham dự.

Lãnh sự De Kergaradec đến nhượng địa tiếp nhận dinh sở mới vào ngày 15-10-1876 (và tiếp tục nhiệm kỳ đến cuối năm 1882). Trong suốt

« Thời kỳ lãnh sự » (1875-1882), nơi duy nhất Pháp còn đặt đại diện trong khu phố phường là Văn phòng Thuế quan Việt-Pháp, gần cửa ô Thanh Hà, nhưng họ thu chẳng được bao nhiêu vì triều đình đã mở các trạm thuế chận trên thượng nguồn. Tổ chức thương mại của Pháp cũng bị tê liệt vì các sản phẩm như gạo, tơ lụa bị chính quyền Việt Nam cấm xuất cảng.

(Còn tiếp)

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH
(Paris)

NHỚ BẮC

Trời se lạnh, gió từng cơn nhớ Bắc
Mưa phùn bay dằng dặc suốt chiều Đông
Gốc rạ thơm ngậy ngát cả hương đồng
Dòng sông nhỏ uốn mình xanh cỏ ướt
Lũy tre vàng run run trong giá buốt
Quán bên đường heo hút mái chên vênh
Bóng đĩa xưa xõa tóc cạnh sân đình
Giếng nước cũ còn in chùa ngói đỏ?
Bờ đê dài và cong như cánh nỏ,
Mũi tên thần, con đường cái quan xa
Chiếc cầu tre mấy nhịp bước ai qua?
Hồ nước cũ hạ thơm nồng sen thắm
Đường về thôn gạch nghiêng chừ đã rạn?
Vườn nhà ai cải Tết đã lên vòng?
Gái làng xinh, khăn mỏ quạ chiều Đông
Răng nhánh hạt na, môi hồng cắn chỉ?
Cô hàng xén chợ chiều hôm bước nhẹ
Con trâu già gặm cỏ dưới chân đê
Sáo mục đồng réo rắt mảnh hồn quê
Vàng mây bạc hàng nối hàng xa thẳm
Đom đóm ao bèo giắc tình chữu nặng
Hàng giậu thưa run cánh mỏng chuồn chuồn
Chiều ve sầu và tối tối ếch ương
Màu hoa gạo, một chút mùi cỏ dại

Chút phán phân trâu nòng nân thân ái
Một hồn chiều mưa bắc thổi xa xăm
Lòng băng khuâng ta vẫn ước mơ thắm
Trời se sắt nao nao tình nhớ Bắc
Và chợt thấy trong ta niềm rạo rức
Những ngày xưa chim hót bữa sương vây
Cổng làng ta chừng khép mở đâu đây
Sân trường cũ dấu chân ngày thơ ấu
Ôi nhớ Bắc, nương hồn ta bướm đậu
Ao bèo xa mây khuất nẻo quê cha
Gió hiu hiu cây rũ bóng xoan già
Ta nhớ quá tiếng chày khua giã gạo
Cả mùi thơm vừa mở nồi cám nấu
Ôi chạp chòn, gà xáo xác ban trưa
Tiếng võng nào kéo kẹt điệu nghìn xưa
Còn đọng lại trong ta tình nhớ Bắc
Thời trẻ dại, tuổi thần tiên tấu nhạc
Giai điệu nào ngậy ngát cả hồn ta?
Giọt sương phơi từng giọt nắng la đà
Trên nhánh lá lung linh từng chuỗi ngọc
Ôi nhớ quá, đầu đây mùi ẩm mốc
Khói thơm chiều mùa gặt ở đâu đây!...

Hoàng Song Liêm
(Virginia)

ĐỌC THƠ UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT

Trần Văn Lương

Khi được GS Ngô thị Vân ngỏ ý muốn tôi làm công việc phê bình và giới thiệu thơ của thi sĩ Uyên Phương Minh Nguyệt thì không biết có phải vì "Trời xui Đất khiến" không mà tôi đã mau mắn gật đầu. Nhận lời xong tôi mới thấy mình đã làm một việc hết sức táo bạo, nếu không muốn nói là liều lĩnh. Lý do là vì với khả năng và kiến thức hạn hẹp của mình trong lãnh vực thơ văn, tôi e ngại là mình sẽ không có được những nhận định đúng đắn và sẽ phụ lòng tin tưởng cũng như tâm huyết của người sáng tạo. Cuối cùng tôi đành tự an ủi rằng mình là tay mơ chẳng biết nhiều về thơ nên nếu có nói điều gì sai thì chắc tác giả cũng như độc giả sẽ lượng thứ và không nữ phiến trách. Vì sự giới hạn đó, tôi không có tham vọng làm công việc bình thơ (việc này dành cho các nhà phê bình văn học chuyên nghiệp), mà chỉ xin được làm công việc của một hướng dẫn viên đưa quý vị đi thăm lướt qua vườn thơ của Uyên Phương Minh Nguyệt, và hy vọng sau đó quý vị sẽ tự mình đi thăm lại từng gốc hoa bụi cỏ để thưởng thức một cách đầy đủ hơn hương sắc của khu vườn.

Tôi xin lần lượt đi qua ba phần chính:

- Phần nội dung, lược qua những đề tài trong thơ Uyên Phương Minh Nguyệt ,

- Phần hình thức, tìm hiểu cách dùng chữ, các thể thơ cũng như kỹ thuật trình bày cảm xúc của tác giả qua lời thơ,

- Và cuối cùng, chúng ta thấy được gì về con người của tác giả được thể hiện qua tác phẩm này .

x

Một trong những đề tài lớn của thi ca là tình yêu, và thơ của Uyên Phương Minh Nguyệt cũng không là ngoại lệ. Phần lớn của 100 bài thơ là thơ tình. Đây là đề tài chính của tập thơ. Hơn 90% các câu thơ đều đề cập đến tình yêu. Tuy nhiên, cái tình ở đây cũng rất là đa dạng, phản ảnh cái nội tâm phong phú của tác giả. Ngoài cái tình nam nữ (chiếm vào khoảng 40%), độc giả còn gặp được trong tập thơ những tình cảm khác nhau như tình thương đối với cha mẹ, anh chị em, bạn bè, thầy cô, hàng xóm..., niềm tin tôn giáo (trong trường hợp này là lòng sùng kính đối với Chúa và Đức Mẹ), tình yêu quê hương và lòng cảm thông với tâm sự của người khác.

Tình yêu nam nữ luôn luôn hiện diện trong kho tàng thi ca nhân loại. Và khi nói đến tình yêu là nói đến ly biệt: Lá sầu thoi thóp trên cành
Trăng hờn ly biệt nên đành khuất xa
(Đợi Mãi)

Ngỡ rằng mình được trùng phùng
Nào ngờ đôi ngã không cùng núi sông

...

Trách ông Nguyệt lão trên Trời
Núi chia sông tách cách vời Sầm Thương
(Lệ Sầu Chia Cách)

...

Có ly biệt là có đau khổ, nhưng nhớ :



Chi thoáng nhắc về người đã gọi bao kỷ niệm
Chi nghe tên người thôi đã cảm thấy chạnh lòng
(*Nghe Tên Người Thấy Chạnh Lòng*)

Đề Tiêu Tương sâu lặng bên chơi vơi
Và sông nước thờ than buồn trông vắng
(*Anh giờ đã ngủ*)

Tình còn mãi vẫn ươm đây trong trí
Nhớ về người với những xót xa đau
(*Giọt Nhớ*)

Có nhưng nhớ là có giận hờn trách móc:
Người đi rồi còn nhớ chẳng tình đầy vương?
Chốn xa xôi có ray rút nhớ mảnh trăng thê
(*Người Đi Rồi*)

Mặc dù nói nhiều đến tình yêu, nhưng
nhiều khi tác giả cũng thắc mắc về nó và tự đặt
nhiều câu hỏi cũng tự đưa ra nhiều câu trả lời
cho chính mình:

Tình là gì sao người thường lụy mãi ...
Tình khởi đầu với chuỗi dài trông ngóng...
Tình càng say thì hôn càng lao đảo ...
Tình xa dần khi đời không chung hướng ...
(*Tình Là Gì?*)

Để rồi cuối cùng, cái tình là gì cũng chỉ
có Trời Đất hiểu!

Tình yêu, cũng như bất kỳ loại tình cảm
nào, cũng đòi hỏi phải có một đối tượng. Và
người gắn bó với mình quan trọng nhất chính là
người đã nguyện cùng mình trăm năm chung
lối. Nguyên cả bài "Bài Thơ Tặng Chồng" đã
nói lên hết tâm lòng quý mến của Uyên Phương
Minh Nguyệt đối với người bạn đời. Và đây là
lời cảm ơn chân thành từ trái tim của người vợ:
Đời bẽ dâu nhưng tình luôn say đắm
Giải cấu duyên dệt nên nghĩa Trúc Mai
Mọi chuyện như được sắp xếp an bài
Ông Trời khéo vẽ với duyên đôi lứa

Bỗng chợt đâu hai hàng giòng lệ ứa
Cảm thương thay tình anh mãi cao vời
Nghĩa Phu Thê em nguyện khắc anh ơi !
Cảm ơn anh và cảm ơn mãi mãi.

(*Cảm On Anh*)

Các bậc sinh thành cũng chiếm một vị trí
quan trọng trong trái tim của nhà thơ. Bao giọt

lệ đã chảy ra khi nghĩ đến người cha đã bỏ mình
chốn rừng sâu trong cảnh tù đày sau ngày què
hương tang tóc, để rồi :

Trước vong linh cha chúng con thương mến
Dâng lên cha lời kinh thánh nguyện cầu
Để tỏ bày những ơn nghĩa khắc sâu
Cha vĩ đại chúng con hằng nhớ mãi.

(*Khóc Cha Bỏ Mình Nơi Rừng Sâu*)

Những vần thơ về mẹ cũng không kém
phần cảm động. Người đọc thấy ngay được lòng
thương mến và sự ngưỡng mộ của người con
đối với mẹ. Lời lẽ tuy bình dị, nhưng chứa chất
được tất cả những gì người con muốn bày tỏ với
người mẹ thân yêu:

Mẹ yêu hỡi lắng nghe con thổ thê
Mẹ là nắng sưởi ấm cõi lòng con
Là mùa Xuân tô sắc thắm ươm tròn
Con khắc khoải mong về bên gối Mẹ

Ở xa xôi nhớ Mẹ con gọi khê
Mẹ của con ôi thương quá Mẹ ơi
Tùng đêm ngày con cầu khẩn ơn Trời
Cho Mẹ mãi sống hoài lâu trăm tuổi.

(*Mẹ Là Nguồn Nước*)

Và đau đớn thay khi mẹ (trường hợp này là
mẹ chồng) đã qua đời:

Chiều nay mây lững lờ bay
Chim sâu lia tổ cò cây cũng buồn
Mạ giờ bên suối xa nguồn
Chúng con nhớ mạ lệ tuôn chảy dài .

(*Thương Nhớ Mạ*)

Chim kia lạc tổ kêu hoài
Con xa cách mẹ đời phai nhạt đời.

(*Vu Lan Nhớ Mẹ*)

Những người thân khác như ông ngoại,
chú, bác, anh chị em... vẫn được Uyên Phương
Minh Nguyệt nhắc nhở. Những sợi dây máu mủ
ràng buộc này đã được tác giả trân trọng nghĩ
đến, một điều tương đối khá hiếm trong xã hội
ngày nay (*Thơ Tặng Ông Ngoại, Mơ Mộng*
Châu Trân, Ngàn Thu Vĩnh Biệt...)

Ngoài những người thân yêu có liên hệ
huyết thống, tác giả còn trải rộng tâm lòng ra

đến nhiều đối tượng khác trong cuộc sống, mà con tim nhạy cảm của mình đã thực sự rung động khi nghĩ đến. Một trong những hình ảnh mà tác giả đặc biệt ưu ái là người mà cô thật tình quý mến -- một Giáo sư của Trường Nữ Trung Học Lê Văn Duyệt, GS Ngô thị Vân. Chúng ta có thể thấy được cái tình của cô qua những lời đề tặng, những câu thơ thật là tha thiết, và qua cách dùng chữ "Mây" để gián tiếp nhắc đến tên của cô giáo Vân:

Gần cô dù chỉ là con ảo
Tôi vẫn trông mong chẳng ngại ngần

...

Bên này tôi vẫn hoài trông đợi
Được tỏ cùng "Mây" giấc mộng vàng
(*Có Láng Giềng Của Tôi*)

hay:

Bên hiện thưở ấy dáng ai gầy
Đôi mắt trông sang thoáng bóng "Mây"
(*Thu Sang Lòng Gọi Nhớ*)

Ngoài ra, tình bạn là một điều không thể thiếu được trong cuộc đời của mỗi người, nhất là trong lúc tuổi mới lớn:

Tuổi thơ giờ đã mất
Dòng đời lắm đổi thay
Bạn bè dăm ba đứa
Lạc lõng phương Trời xa
Hãy cùng nhau thiết tha - nhé bạn.
(*Tình Bạn Thời Áo Trắng*)

Tôn giáo chiếm một vị trí khá quan trọng trong tư tưởng và lời thơ của Uyên Phương Minh Nguyệt. Chính niềm tin tôn giáo đã giúp tác giả vượt qua những đau đớn khi nhắc đến cha ruột và mẹ chồng đã khuất hay những người quen biết gặp cảnh không may:

Bỏ lại đây đời nghiệt ngã đón đau
Về nước Chúa cha tiến thẳng bước mau
(*Khóc Cha Bỏ Mình Nơi Rừng Sầu*)

hoặc:

Con quỳ đây lệ trào tuôn khoé mắt
Ngoài kia bao tiếng khóc tận mây Trời
Tâm hồn con chưa xót đến chơi voi
Thánh giá này Chúa trao ôi nặng quá !

Bước theo Chúa cùng đi con tuân dạ
Mẹ Cha con Chúa gọi cất về rồi
Buồn đơn côi con giá lạnh Chúa ơi !
Cảnh trần thế mịt mờ màu u tối
(*Nỗi Lòng Sầu Đấng Con Dâng Chúa*)

Thật vậy, những lời cảm tạ Chúa trong bài thơ sau đây khi đọc lên đã cho chúng ta những cảm xúc không khác gì khi nghe bài thánh ca "Te Deum" hay "Bài Ca Mặt Trời" của thánh Phan Xi Cô Assisi (mà những người Công giáo không ít thì nhiều đã có dịp nghe qua) :

Tạ ơn Chúa đã tạo nên vũ trụ
Và loài người cùng cây cỏ muôn hoa

...

Tạ ơn ngài cao vời bao thế hệ
Muôn ngàn đời lời ngài tỏa vang rền
(*Cảm Tạ Tình Chúa*)

Chính niềm tin tôn giáo này đã tạo cho nhà thơ một thể đứng quân bình vững vàng trong cuộc sống, được thể hiện qua ngòi bút .

Cũng như trăm vạn người khác mang thân phận xa xứ, Uyên Phương Minh Nguyệt vẫn khắc khoải nhớ về một quê hương đã ngàn trùng cách biệt . Sài Gòn xưa giờ chỉ còn là kỷ niệm: Sài Gòn hồi một thời tôi ở đó
Giờ đổi thay tôi khách lữ đi tìm
Chốn xa xưa tôi đổi mất lim dim
Cho kỷ niệm chợt về trong nỗi nhớ .
(*Sài Gòn Trong Nỗi Nhớ*)

Ngay đến cả mùa Xuân cũng chỉ là thương nhớ và hoài niệm:

Từ khi Xuân cũ phai màu
Buồn thương nỗi nhớ héo nhàu tả tơi
(*Nhớ Xuân Quê Nhà*)

Vì vận nước mà phải ra đi, nhưng trong lòng lúc nào cũng canh cánh nhớ về dòng sông, đồng ruộng, lũy tre xanh, cô lái đò, tiếng guộc... của mảnh đất quê hương đã một lần từ giã. Lòng vẫn luôn nuôi hy vọng rằng sẽ có một ngày nào đó mình có được dịp trở về thăm lại chốn xưa:

Quê hương ơi đừng nghẹn ngào sầu tủi
Tôi sẽ về thăm lại chốn quê xưa
Dạ ai hoài khắc khoải những chiều mưa

Lệ đong đầy quê hương sao thương quá.

(Quê Hương Sao Thương Quá)

Tác giả cũng đôi nhắc đến cái chết, nhưng không phải để có những khắc khoải siêu hình hay để than khóc cho sự vô thường của kiếp sống. Cái chết chỉ được nghĩ đến khi có người thân hay người quen biết ra đi, tạo nên mất mát và đau đớn. Nhưng trong nỗi đau đớn đó, tác giả đã tìm thấy được sự an ủi trong niềm tin tôn giáo, và điều này đã giúp cho nhà thơ không rơi vào cảnh tuyệt vọng sâu thẳm:

Trên Thiên đàng hưởng phúc ngập tình thương

Chúa nhân ái Mẹ từ bi nâng đỡ

(Nỗi Lòng Sầu Đấng Con Dâng Chúa)

Sự ra đi cũng chỉ là về Thiên cung để sum họp với người thân đã khuất:

Đêm ngày mạ vẫn thâm thì

Cùng ba sum họp ra đi về Trời

(Thương Nhớ Mẹ)

Nữ nào em vội về cùng

Cha già trên cõi Thiên cung của mình

(Ngàn Thu Vĩnh Biệt)

Trong đau thương có hy vọng và an ủi, trong buồn khổ có niềm tin và giải thoát. Đó là một thông điệp Uyên Phương Minh Nguyệt muốn gửi đến chúng ta qua những vần thơ nhắc đến cái chết.

x

Và bây giờ trong phần kế tiếp này, chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu cách tác giả đã diễn tả qua ngòi bút một nội dung tương đối phức tạp và những đề tài khá đa dạng như vậy.

Về thể thơ, chúng ta gặp khá nhiều loại: lục bát, song thất lục bát, tứ tuyệt trường thi 7 chữ, tứ tuyệt trường thi 5 chữ, thơ tự do từ 8 đến 11 chữ và đặc biệt là Thất Ngôn Bát Cú của Đường thi.

Tác giả đã cho thấy sự thoải mái của mình trong các thể thơ được lựa chọn. Thể lục bát có lẽ là được ưa chuộng nhất, sau đó đến thơ 7 chữ. Theo thiên ý, những bài thơ 5 chữ rất là đặc biệt và dễ thương, nhưng đáng tiếc là quá ít, chỉ vón

vẹn có ba bài: *Thu Oi Đùng Vàng Lá, Nỗi Niềm Anh Láng Giềng, Tình Bạn Thời Áo Trắng, Xót Xa Mộng Bên Lầu, Nàng Xuân Khoe Vóc Ngọc, Em*. Hy vọng trong tương lai, Uyên Phương Minh Nguyệt sẽ có nhiều bài thơ dùng thể loại này.

Mặc dù bị xem là xưa cũ, nhưng thơ Đường luật, theo ý kiến riêng của tôi, là một cái thước đo khá chính xác khả năng và trình độ kỹ thuật của một người làm thơ. Lý do là thơ Đường, nhất là Thất Ngôn Bát Cú, có nhiều quy định khá khắt khe về niêm, luật, vần và nhất là đối (trong hai cặp Thực và Luận). May mắn thay, chúng ta đã gặp những bài thơ Đường trong tuyển tập này. Xin được trích mấy cặp đối tiêu biểu:

Tấu khúc biệt ly đau sượt nhớ

Buông lời tiễn biệt xót tình ngây

(Với Mộng Buốt Đôi Tay)

Thương lũ chim non bay rẻo gọi

Nhớ làn mây trắng toả trầm ngâm

(Khúc Nguyệt Cầm)

Gió gầy vẫn thổi khung trời vắng

Trăng mảnh còn nương bóng liễu thương

(Giọt Buồn)

Có khác gì những vần thơ cổ!

Về cách diễn tả, ngoài việc trình bày trực tiếp những cảm xúc của mình, Uyên Phương Minh Nguyệt cũng như các bậc tiền bối xưa đã mượn đến vật và cảnh để nói lên tâm sự mình. Trong số đó, mùa Thu chiếm một vị thế khá quan trọng (ít ra là cũng có trên 10 bài có nhắc đến Thu). Thu với sương mù, mưa Ngâu làm buồn lòng người đang yêu nhau:

Anh bảo anh không thích đợi Thu

E cây giận lá trách sương mù

(Ươm Mơ Kết Mong Chờ)

Thu là sứ giả tình yêu:

Yêu em Thu cất bước về

Lá xào xạc rớt ê chề mưa ngâu

(Yêu Em Bốn Mùa)

Nhưng Thu cũng nhắc nhớ đến chia ly:

Mùa Thu buồn năm ấy

Tình bay xa khuất ngàn .

(Thu Ở Đứng Vàng Lá)

Chiều Thu năm ấy buồn đưa lối

Giòng nước bên sông lặng lẽ trôi

(Chiều Thu Đưa Tiễn)

Mây cũng được tác giả ưu ái nhắc đến . Mây luôn được gắn liền với mái tóc và một cách rất đặc biệt đến cô giáo thân yêu của tác giả :

Mái tóc em dài trải dáng mây

Tuôn rơi như suối đổ vai gầy

(Tóc Mây)

Thương làm sao người em nơi bến Ngự

Mượn mây trời để chải tóc mượt bay

...

Nhớ về em anh chợt yêu mây trắng

Mây bay đi có làm tóc thêm hương

Có kết se những sợi nhớ sợi thương

Đề anh mãi gọi mây sang ù tóc.

(Tàn Canh Anh Hoài Mơ Vóc Ngọc)

Mình anh ngoài hiên vắng

Hỏi "Mây " mây lặng ngơ

(Nỗi Niềm Anh Láng Giếng)

Trăng, sao, gió, hoa, lá... cũng chỉ được nhắc đến khi gọi lên niềm nhung nhớ nào đó:

Một chiều u uẩn cánh hoa rơi

Tim tím màu hoa chợt nhớ người

(Hoa Bàng lẳng Tim)

Bao năm hieu quạnh trăng sầu tủi

(Vóc Anh Trăng Vàng Thỏ Nhớ Nhung)

Nhấn gió gọi mây lòng bối rối

...

Tàn phai lá uá những mong chờ

(Theo Lối Em Về)

Vì ai sao rụng lẻ đơn

Trăng khuya thoi thóp thoi vờn núi cao

Vì ai sỏi đá thì trào

Than mờ dấu vết thở nào đắm say

(Vi Ai)

Trong khi diễn tả tâm trạng của mình, Uyên Phương Minh Nguyệt đã sử dụng nhiều hình ảnh thật là đẹp. Tuy vậy chữ dùng thật là bình dị tự nhiên và bút pháp không có gì là cầu kỳ khúc

mắc. Đó là một đặc điểm dễ tạo nên sự cảm thông cho người đọc. Chữ nghĩa dù đơn giản, nhưng khi đặt đúng chỗ (nói theo khoa Tử Vi là "đắc địa") thì lại có hiệu quả thật lớn. Xin gửi đến quý độc giả một số hình ảnh tiêu biểu:

Lá sầu thoi thóp trên cành

Trăng hồn ly biệt nên đành khuất xa

(Đợi Mãi)

Ghế sân trường vương vấn chẳng muốn rời

Tay chưa nắm tim vẫn sai nhịp đập

(Tuổi Mười Sáu)

Mây đổ vai buồn rồi sợi tơ

(Lá Cũng Tình Si)

Cuội vẫn còn thương nhớ chị Hằng.

Leo trèo lên tận chôn mây giăng

(Đánh Mất Chị Hằng)

Tiền anh hoa lá sầu u uẩn

Màu tím theo anh tím cả sông

(Sắc Tim)

Phượng đỏ ngập đường tình chẳng ngộ

Ngại ngừng một gã sợ sang hè

(Theo Lối Em Về)

Thiết tưởng những dòng thơ trích dẫn trên đã tạm đủ cho ta biết được phần nào về bút pháp và lối hành văn của tác giả. Và bây giờ, cả một vườn thơ đầy hương sắc đang nằm đó, sẵn sàng chào đón bước chân thám du của khách yêu thơ.

x

Nếu chúng ta tin được lời của Buffon: "*Le style c'est l'homme même*" (văn chính là người), thì chúng ta có thể thấy được một chút con người Uyên Phương Minh Nguyệt qua 100 bài thơ trong tuyển tập này.

Một nhận xét đầu tiên chúng ta có được là cảm xúc thật dồi dào của tác giả. Không những cô chỉ xúc động trước những sự việc xảy ra cho mình (chẳng hạn sự mất mát của các bậc sinh thành), mà cô còn cảm thấy sự đau buồn của cả những người chung quanh mình nữa (như tai nạn thảm khốc xảy ra cho những người đi hành hương Thánh Mẫu tại Missouri năm 2008,

chuyện tình của những người láng giềng hay bạn bè quen biết ...). Tuy nhiên, điểm đặc biệt là lời thơ dẫu buồn nhưng không quá bi lụy, sâu thẳm hay thô thiết. Tác giả vẫn giữ được phong thái mẫu mực, vẫn làm chủ được phần nào những cảm xúc của mình. Đó có phải là nhờ vào niềm tin tôn giáo hay là cuộc sống vững vàng, quân bình, có khuôn thước và chừng mực của tác giả? Cái phong thái chững chạc này, chúng ta đã có dịp thấy qua trong thơ của Bà Huyện Thanh Quan: ngậm ngùi nhưng không thấm thiết và cái buồn tuy man mác nhẹ nhàng nhưng thực là sâu đậm.

Cũng như hầu hết các thi sĩ khác, Uyên Phương Minh Nguyệt cũng mơ mộng vẩn vơ, cũng có những hoài niệm nuối tiếc về tuổi trẻ, về tuổi học trò áo trắng. Nhưng nhớ để mà nhớ thì có, để than vãn rên rỉ suốt suốt thì không.

Đọc thơ của Uyên Phương Minh Nguyệt, chúng ta cảm thấy tác giả rất gần gũi với mình, cũng có những xúc cảm và cái nhìn tương đối không quá khác với mình. Điểm khác biệt là Uyên Phương Minh Nguyệt đã trải được lòng mình ra trên giấy qua ngòi bút tuy bình dị nhưng rất trữ tình của cô, còn chúng ta chỉ biết đọc và cảm ơn người đã nói lên giùm nỗi lòng của mình. Qua tập thơ này, chúng ta thấy được Uyên Phương Minh Nguyệt như là một con người thật, chứ không phải là một hình bóng mờ ảo "cao siêu" cách biệt như một số người làm thơ cố gắng tạo ra cho mình. Nói tóm lại, Uyên Phương Minh Nguyệt là một con người đích thực trước khi là một thi sĩ. Và đó là điều làm cho người đọc cảm thấy quý mến và cảm thông được với tác giả một cách dễ dàng.

x

Để kết thúc phần giới thiệu tuyển tập 100 bài thơ của Uyên Phương Minh Nguyệt, tôi xin mạn phép gửi đến tác giả và quý độc giả tương lai mấy câu cảm tác sau khi dạo qua khu vườn thơ đầy màu sắc êm dịu này, nơi sự yên bình chỉ bị khuấy động một cách nhẹ nhàng bởi cái bóng

đơn độc của một cánh chim uyên lẻ loi lạc vào. Bài cảm tác này được viết theo thể ngũ ngôn tứ tuyệt của Đường thi, và xin được xem đây là một món quà nho nhỏ gửi đến Uyên Phương Minh Nguyệt để đáp lại tấm lòng tin cậy của tác giả đã đặt vào kẻ hèn này.

鴛影攪寒天，
 芳葵久寂眠。
 明燈推薄露，
 月傘蓋詩園。

Âm Hán Việt:

Uyên ảnh giao hàn thiên,
Phương quỳ cửu tịch miên .
Minh đăng thời bạc lộ,
Nguyệt tán cái thi viên .

Dịch nghĩa:

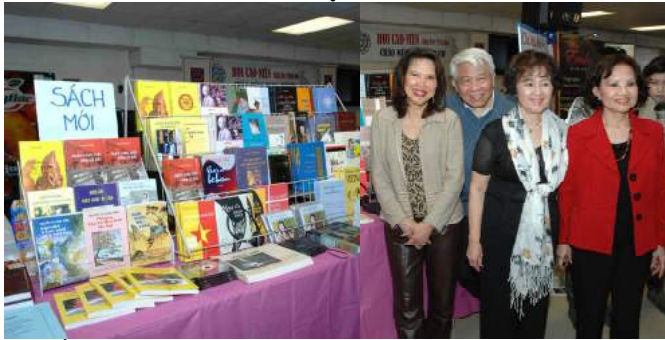
Bóng con chim uyên khuấy trời lạnh,
 Hoa quỳ thơm đã lặng lẽ ngủ từ lâu.
 Đèn sáng xô đẩy làn sương mỏng,
 Trăng như cái lọng che kín vườn thơ.

Trần Văn Lương

Tiểu Saigon, giữa mùa Thu 2010

SINH HOẠT CỎ THƠM

Bán Sách Chợ Tết Tân Mão



Nhà văn Hồng Thủy, Học giả Nguyễn Ngọc Bích, NV Trương Anh Thụy, NV Nguyễn Thị Ngọc Dung đứng trước gian hàng sách báo Cảnh Nam THXBMD và Cỏ Thơm.



Ý Nguyên, Trương Anh Thụy, Quỳnh, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Hồng Thủy, GS Đào Thị Hợi.



**Phó Chủ Nhiệm ngoại vụ Phan Anh Dũng
thăm viếng Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm, San
Jose, trong dịp cuối năm Dần vừa qua.**



NS Vũ Đức Nghiêm, Kim Vũ, Phan Anh Dũng,
Việt Bằng.



Phan Anh Dũng và Kim Vũ tại tân gia Kim Vũ.



Nhà thơ Kim Vũ, Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm
cùng phu nhân và Nhà thơ Việt Bằng

**TẬP SAN CỔ THƠM
và sách của
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
có bán tại
Washington Music
Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26
Falls Church, VA 22044
Tel. 703 538 4979**



7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày:

- Lunch: \$7.95
- Dinner: \$9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần

- Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
- Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

Trân Trọng Kính Mời

DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An, B. An Hicky, B. Phạm Tường An, Ô.B. Cung Thăng An, B. Văn Thị Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá (France), Ô. Trần Hữu Bảo, Ô. Việt Bằng (CA), B. Phạm Thị Ánh Bích, Ô.B. Hoàng Dân Bình, Ô. Vũ Đình Bình, Ô.B. Nguyễn Bông, Trần Thị Hương Cau, Ô. Canh Ba Dang, Ô.B. La Trung Chánh, B. Nguyễn Phương Châm, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Vũ Kim Châu, Ô. Trần Châu, B. Trương Minh Châu, Ô. Lâm Ngọc Chiêu, Ô.B. Ngô Chương, B. Nguyễn Hồng Cung, Ô.B. BS Nguyễn Bá Cường, B. Diana Đặng, B. Nguyễn Kim Dung, B. Nguyễn P.T.Ngocdung, , Ô. B. Phan Anh Dũng, B. Dzung Senser, Ô.B. Don Van Dang, B. Bùi Thị Đào, Ô. Nguyễn Hải Đăng, B. Mẫu Đơn Nguyễn, Ô. Vũ Vương Đoàn, Ô. Duy An Đông, Ô.B. Hoàng Cung Fa, Ô.B. B.S. Giang Hoàng, Ô.B. Lê Hậu, B. Đỗ Thị Minh Giang, Ô.B. Sóng Việt Đàm Giang, Ô. Ngô Tăng Giao, B. Tôn Nữ Mặc Giao, B. Rose Ngọc Hà Nguyễn, B. Nguyễn T. Song Hà, Ô.B. Nguyễn Đăng Hải, Ô. Lý Văn Hải, Ô.B. BS Giang Hoàng, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, B. Dương Thị Hiền, Ô. Đặng Văn Hiền, B. Đặng Thị Hiền, B. Huệ Phạm, B. Nguyễn Hoa, Ô. Lý Thy Hiều, Ô.B. Trần Bội Hoàn, Ô. Phạm Cao Hoàng, B. Tô Diễm Hồng, Ô.B. Hoàng Thế Huân, Ô.B. Huỳnh Bá Hùng, Ô. Trương Hùng, B. Võ Lại, B. Thùy Hương N.T.T, B. Quỳnh Khanh Nicholson, Ô. Lê Ngọc Kha, B. Vi Khuê, Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Lâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa, Ô. Phạm Nguyên Khôi, B. Nguyễn Đàm Chi Lan, B. Phạm Tố Lan, B. Nghiêm Phương Lan, B. Nguyễn Tuyết Lê, Ô.B. Đạt Thu Lê, Ô.B. Đàm Xuân Linh, B. Ngô Thị Liên, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. B. Nguyễn Phú Long, Ô. Phạm Đình Long, Ô.B. Dương Kim Long, B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA), Ô. Vũ Nam, Ô. Đăng Nguyên, B. Nguyễn Phương Nga, Ô. Đào Nguyên, B. Nguyễn T. Xuân Nga, Ô. Vũ Đức Nghiêm, B. Cao Mỹ Nhân, B. Trần Thị Minh Nguyệt, B. Nguyễn Tú Nhật, Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung, Ô. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi, Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Phan Văn Phú, B. Vũ Thị Phúc, B. Hoàng Hữu Phước, Ô. Trần Phi Sao, Ô. Nguyễn Sơn, B. Nghiêm Thái Phượng, Ô. Lê Quang Phùng, Ô. Trần Bích San, Ô. Trần Đức Sương, Ô. Hồ Công Tâm, Ô. Lê Văn Tấn, Ô. Lê Tam Thanh, B. Nguyễn T. Minh Tâm, B. Nguyễn Minh Tân, B. Nguyễn T. Ngọc Tân, Ô.B. Vũ An Thanh, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân (NJ), B. Nguyễn Đạp Thanh, Ông Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành, B. Phong Thu, B. Thảo Nguyên Phạm, Ô. Nguyễn Thành Thế, Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Nguyễn Tiểu Thu, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu, B. Nguyễn Hồng Thủy, B. Lương Thu Thủy, Ô. B. Lê Ngọc Thụy, Ô. Nguyễn Hữu Thử, Ô. Lê Văn Thương, Ô. Nguyễn Minh Tiên, Ô. Bùi Thanh Tiên, B. Tiffany Trang Đỗ, Ô. Nguyễn Văn Toại, B. Hoàng Minh Trân, Ô. Lê Văn Trạch, B. Ngô Khắc Trâm, Ô. Nguyễn Đình Trân, Ô. Tạ Quang Trung, Ô. B. Võ Trương, Ô. Đàm Xuân Tú, B. Đặng Ngọc Tú, Ô. Hoàng Lý Văn, B. Nguyễn Tường Vân, B. Khánh Vân Michalek, Ô. Nguyễn Xuân Vân, Ô. Nguyễn Tinh Vệ, Ô. Yên Vi, B. Yến Nguyễn, B. Hoàng Hồng Yến, Eastern Loudoun Library, ÔB. BS. Võ Đạm, Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung, B.S. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty, INC., Harvest Moon Restaurant.

**PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)**

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chỉ, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

**GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM
PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES**

Nội địa Hoa Kỳ: US \$35 [] - Gia Nã Đại (In USA & Canada): US\$40 []

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$50 []

**GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")**

1/2 trang trong: US \$30.00 []

1 trang trong: US \$60.00 []

Trang trong bìa trước: US \$100.00 []

Trang trong bìa sau: US \$100.00 []

Trang ngoài bìa sau: US \$120.00 []

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194

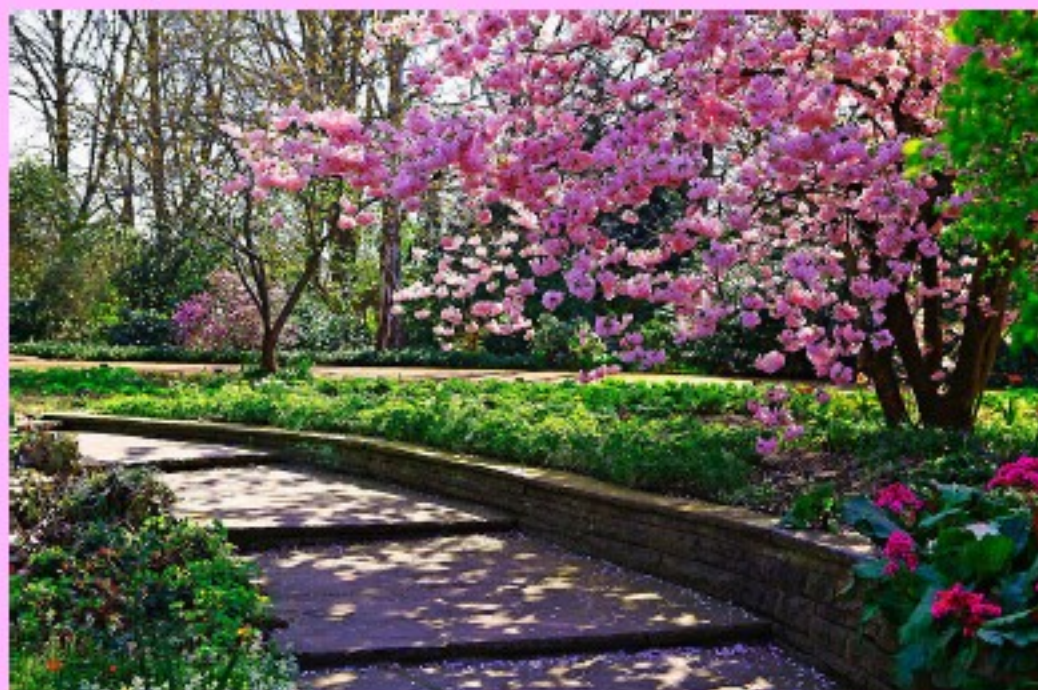
**QUÍ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÍ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO
LÀ ÂN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**



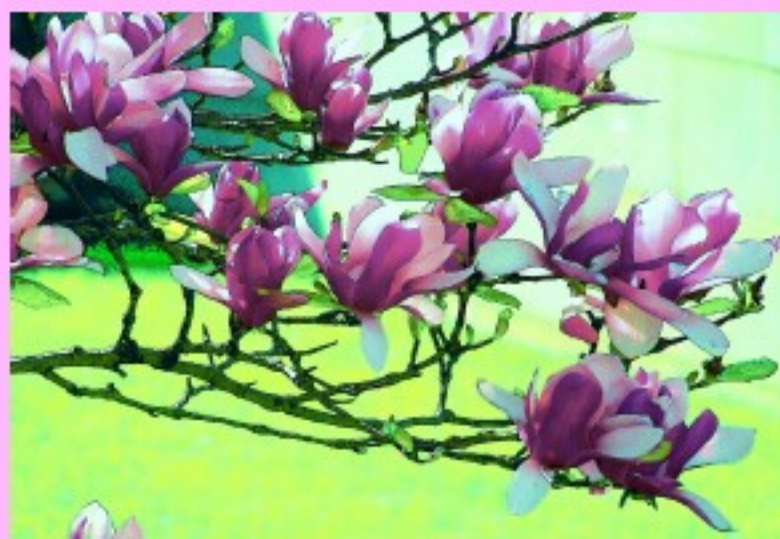
Hoa Đào Năm Ngoái: SONG HÀ



Dạo Chơi Mùa Xuân: PHAN ANH DỪNG



Hoa Xuân Bên Thềm Cũ: NGUYỄN SƠN



Mộc Lan Trong nắng Xuân: MINH CHÂU



Đón Xuân: DƯƠNG NGHIỆP BẢO